

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM THỊ THU THỦY

**KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA TRẺ 5-6 TUỔI
TỈNH TUYỀN QUANG QUA TRÒ CHƠI
ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

HÀ NỘI – 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Tất cả số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ một công trình nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Tác giả

PHẠM THỊ THU THỦY

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA TRẺ 5-6 TUỔI QUA TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ	6
1.1 Những nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCĐ ở nước ngoài	6
1.2 Những nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của trẻ 5 -6 tuổi qua trò chơi ĐVTCĐ ở Việt Nam.....	14
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA TRẺ 5-6 TUỔI QUA TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ.....	20
2.1. Một số vấn đề lý luận về kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi	20
2.2. Kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề	48
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCĐ	60
Chương 3: TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	72
3.1. Tổ chức nghiên cứu.....	72
3.2. Phương pháp nghiên cứu	79
3.3. Thang đánh giá và cách tính điểm.....	82
Chương 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA TRẺ 5-6 TUỔI TỈNH TUYÊN QUANG QUA TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ... ..	86
4.1. Thực trạng biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5 – 6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua tổ chức trò chơi ĐVTCĐ	86
4.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCĐ	106
4.3. Nghiên cứu trường hợp điển hình về kỹ năng giao tiếp qua trò chơi ĐVTCĐ đề của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang.....	118
4.4. Một số biện pháp tâm lý- giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnhTuyên Quang qua trò chơi ĐVTCĐ	129
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	149
DANH MỤC NHỮNG CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ	152
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	153
PHỤ LỤC	161

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Viết đầy đủ
1	ĐVTCĐ	Trò chơi đóng vai theo chủ đề
2	ĐLC	Độ lệch chuẩn
3	ĐTB	Điểm trung bình
4	GT	Giao tiếp
5	GV	Giáo viên
6	KN	Kỹ năng
7	KNGT	Kỹ năng giao tiếp
8	MG	Mẫu giáo
9	MN	Mầm non
10	PH	Phụ huynh
11	PHHS	Phụ huynh học sinh

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU

Bảng 2.1	Biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD	58
Bảng 3.1	Đặc điểm khách thể nghiên cứu	77
Bảng 4.1	Đánh giá chung mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD	86
Bảng 4.2	Biểu hiện kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD	91
Bảng 4.3	Biểu hiện kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD	93
Bảng 4.4	Biểu hiện kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD	95
Bảng 4.5	Mối tương quan giữa các kỹ năng thành phần trong kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD	98
Bảng 4.6	Những yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến KNGT của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD	106
Bảng 4. 7	Nhóm yếu tố ảnh khách quan hưởng đến kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD	111
Bảng: 4.8	Mối tương quan giữa các nhóm yếu tố với biểu hiện KNGT của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD	117

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ- ĐỒ THỊ

Biểu đồ 4.1	So sánh mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp theo trường của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD	100
Biểu đồ 4.2	So sánh mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp theo giới của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD	103
Biểu đồ 4.3	So sánh mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp theo dân tộc của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD	104

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Giao tiếp nói chung, kỹ năng giao tiếp nói riêng là một trong những yếu tố cần thiết của sự phát triển tâm lý con người. Việc cho trẻ đóng các vai trong mỗi chủ đề của trò chơi đóng vai theo chủ đề sẽ giúp trẻ thể nghiệm các vai trò xã hội, phát triển các kỹ năng giao tiếp, giúp trẻ nghe, nói - biểu đạt ngôn ngữ, thể hiện cảm xúc... tốt hơn. Ở trường mẫu giáo, trò chơi đóng vai theo chủ đề là một trong những hoạt động chủ đạo, giúp trẻ giao tiếp với cô giáo, bạn bè mới, tăng sự tự tin trong các hoạt động, làm giảm các biểu hiện nhút nhát. Các kỹ năng giao tiếp nếu được vận dụng tốt thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề sẽ có ảnh hưởng tích cực đến sự hình thành nhân cách của trẻ mẫu giáo và làm tiền đề cho trẻ trong những hoạt động học tập ở lứa tuổi tiếp theo. Do tầm quan trọng của các trò chơi đóng vai theo chủ đề đối với sự phát triển tâm lý, đặc biệt là phát triển các kỹ năng giao tiếp ở trẻ mẫu giáo, người giáo viên mầm non cần phải quan tâm tới việc đưa trẻ vào những hoạt động trò chơi tái tạo lại những hành động, những hành vi ứng xử, học cách biểu lộ thái độ trong các mối quan hệ xã hội với các tình huống khác nhau của đời sống. “Trong giao tiếp các cá nhân tác động lẫn nhau bằng nhân cách của mình, làm hình thành ở nhau những năng lực hoạt động, những loại thái độ, những loại quan hệ về các mặt trong đời sống xã hội. Nếu không có giao tiếp thì con người không thể thành người được.” Nghĩa là cái bản tính xã hội hay cái tính người ở mỗi con người đều bắt nguồn từ cuộc sống giao tiếp.[27]

Trẻ 5-6 tuổi là tuổi chuẩn bị vào lớp 1, cần được trang bị kiến thức và kỹ năng mềm cho việc học tập và giao tiếp ở cấp tiểu học. **Do đó**, việc nghiên cứu sâu về kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề là một hoạt động hết sức có ý nghĩa về mặt thực tiễn.

Thực tế cho thấy, trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém nhất định. Một số hạn chế của trẻ được chỉ ra như: nhút nhát, rụt rè, ngại giao tiếp; không hiểu lời nói của đối tượng giao tiếp; không biết kiềm chế cảm xúc của mình khi giao tiếp, không biết khởi xướng chủ đề giao tiếp; khó diễn đạt ý nghĩ của mình

trong giao tiếp; một số trẻ chỉ biết sử dụng tiếng “mẹ đẻ” khi giao tiếp; không thể thuyết phục được đối tượng khi giao tiếp; không biết nghe và lắng nghe đối tượng giao tiếp... [31, tr 13-23]; [16]; [29, tr 12-14]; [20]. Việc phát hiện ra những mức độ biểu hiện cơ bản của kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề và nâng cao kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5-6 tuổi là một việc làm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD trên bình diện tâm lý học. Chính vì vậy, nghiên cứu kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD, để tìm ra biện pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5-6 tuổi là một việc làm cần thiết không chỉ góp phần tăng cường hiệu quả kỹ năng giao tiếp cho trẻ mà đồng thời còn nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của các trường mầm non. Xuất phát từ các lý do nêu trên chúng tôi chọn đề tài: ***“Kỹ năng giao tiếp của trẻ 5 – 6 tuổi Tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi đóng vai theo chủ đề”***

2. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận, phân tích thực trạng mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp ở trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD và những yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng đó. Đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5-6 tuổi.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

2.2.1. Xây dựng cơ sở lý luận cơ bản về kỹ năng giao tiếp, trò chơi đóng vai theo chủ đề, kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD, từ đó xây dựng cơ sở lý luận của đề tài.

2.2.2. Khảo sát thực trạng mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp ở trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD và các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp ở trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD.

2.2.3. Đề xuất một số biện pháp tâm lý sư phạm để phát triển kỹ năng giao tiếp ở trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp ở trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Về nội dung nghiên cứu

- KNGT của trẻ được biểu hiện trong các hoạt động hàng ngày của trẻ. Trong điều kiện nghiên cứu và thời gian nghiên cứu hạn chế nên đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi Tỉnh Tuyên Quang qua phạm vi trò chơi ĐVTCD.

- Đề tài chỉ đề xuất các biện pháp tâm lý- sư phạm nhằm nâng cao KNGT cho trẻ 5-6 tuổi qua phạm vi trò chơi ĐVTCD ở trường mầm non.

3.2. 2. Về khách thể nghiên cứu

- Đề tài chọn nghiên cứu trên trẻ và giáo viên ở lớp 5-6 tuổi ở một trường trong khu vực nội thành (trường mầm non Tân Trào thành phố Tuyên Quang và một trường ở khu vực huyện vùng sâu, vùng xa (trường mầm non Hòa Phú huyện Chiêm Hóa).

3.2.3. Về thời gian nghiên cứu: Từ năm 2013 đến năm 2016

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của tâm lý học xã hội, tâm lý học nhân cách, tâm lý học phát triển và một số cách tiếp cận sau:

- *Tiếp cận hoạt động*: Xuất phát từ quan điểm chung của tâm lý học khẳng định: Tâm lý, ý thức của con người được hình thành và phát triển trong hoạt động và bằng hoạt động nhất là những hoạt động có ý thức. Do đó muốn nghiên cứu kỹ năng giao tiếp của trẻ phải nghiên cứu thông qua hoạt động của trẻ đặc biệt là hoạt động vui chơi- một dạng hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo.

- *Tiếp cận liên ngành*: Đề tài nghiên cứu biểu hiện của kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi, trong đó nghiên cứu những biểu hiện của kỹ năng giao tiếp thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề, vì vậy đòi hỏi người nghiên cứu phải đứng trên góc độ của Tâm lý học nhân cách, Tâm lý học phát triển, Tâm lý học hoạt động... để nhìn nhận vấn đề.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

4.2.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận

Phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa các vấn đề lý luận trong các tài liệu tham khảo có liên quan đến kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.

4.2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp quan sát
- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi
- Phương pháp phỏng vấn sâu
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động
- Phương pháp phân tích chân dung tâm lý điển hình

4.3. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng phần mềm (chương trình) SPSS 22.0

Trong các phương pháp trên phương pháp quan sát, phương pháp điều tra và phương pháp phân tích chân dung tâm lý điển hình là phương pháp chủ yếu.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

5.1. Về mặt lý luận

Luận án góp phần bổ sung, làm phong phú thêm một số vấn đề lý luận về KNGT ở trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD, như: Khái niệm Kỹ năng; Giao tiếp; Giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi; Trò chơi ĐVTCD của trẻ 5-6 tuổi; KNGT ở trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD.

Luận án đã xác định được các mức độ KNGT ở trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD được biểu hiện qua 3 nhóm kỹ năng: Kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi đóng vai có chủ đề; Kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi đóng vai có chủ đề; Kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp thông thường trong thực hiện trò chơi đóng vai có chủ đề;

Luận án xác định được các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến KNGT ở trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi yếu tố về phía bản thân trẻ, các yếu tố thuộc về hoạt động vui chơi, các yếu tố liên quan đến giáo viên, đến gia đình, bạn bè và bầu không khí lớp học của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD.

5.2. Về mặt thực tiễn

Luận án chỉ ra được thực trạng KNGT ở trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD ở mức độ trung bình, giữa các trường, giới tính, dân tộc cũng có sự khác biệt về KNGT

Nghiên cứu cũng cho thấy, KNGT ở trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD chịu sự tác động bởi các yếu tố khác nhau. Trong các yếu tố được nghiên cứu, yếu tố thuộc về bản thân trẻ và yếu tố hoạt động vui chơi có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến biểu hiện KNGT của trẻ trong mẫu nghiên cứu.

Luận án đã đề xuất các biện pháp giúp trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang phát triển KNGT qua trò chơi ĐVTCD.

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của luận án

6.1. Về lý luận

Kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD chưa được nghiên cứu nhiều vì vậy, kết quả nghiên cứu của luận án bổ sung thêm một số vấn đề lý luận về kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo. Đây cũng là cơ sở để bổ sung cho các tài liệu giáo dục trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non.

6.2. Về thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu cho thấy, kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD chỉ đạt ở mức độ trung bình, trẻ giao tiếp chưa tốt. Kết quả nghiên cứu này cho thấy: giáo viên, cán bộ quản lý cần hướng dẫn trẻ thực hành kỹ năng giao tiếp tốt hơn.

- Là tài liệu giảng dạy cho các trường mẫu giáo trong việc tổ chức trò chơi ĐVTCD nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5-6 tuổi.

- Có thể làm tài liệu tham khảo dành cho giáo viên, phụ huynh và phục vụ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non.

7. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu; kết luận và kiến nghị, luận án gồm 4 chương

- Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD.

- Chương 2: Cơ sở lý luận về kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD

- Chương 3: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD

- Chương 4: Kết quả nghiên cứu kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD

- Kết luận và kiến nghị
- Danh mục công trình công bố
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA TRẺ 5- 6 TUỔI QUA TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ

1.1. Những nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi ở nước ngoài

1.1.1. Nghiên cứu về kỹ năng

- Nghiên cứu kỹ năng trên cơ sở của tâm lý học hành vi mà đại diện là các tác giả: J.B. Oatson, B.F.Skinơ, E.L.Toocđai, E.Tônman, C.Hulơ... [13].

- Nghiên cứu kỹ năng trên cơ sở tâm lý học hoạt động mà đại diện là các nhà tâm lý học Liên Xô. Điềm qua lịch sử nghiên cứu kỹ năng của các nhà tâm lý học, giáo dục học Xô viết cho thấy có hai hướng chính sau:

Hướng thứ nhất: Nghiên cứu kỹ năng ở mức độ khái quát, đại cương. Đại diện cho hướng nghiên cứu này có các tác giả: A.G. Côvaliôv, V.X. Cuzin, V.A. Kruch, K.K. Platônôv, P.Ja. Galperin, A.V. Pêtrôvskiv.v... Các tác giả đã đi sâu nghiên cứu bản chất khái niệm kỹ năng, các quy luật hình thành và mối liên hệ giữa kỹ năng và kỹ xảo.

Hướng thứ hai: Nghiên cứu kỹ năng ở mức độ cụ thể trong các lĩnh vực khác nhau, chẳng hạn:

- Trong lĩnh vực lao động công nghiệp: V.V.Tsebuseva (1973), V.G.Loox (1980), G.G.Gôlubev & K.K.Platônôv (1977), E.A.Milerian (1979). Các tác giả nghiên cứu kỹ năng trong mối quan hệ giữa con người với máy móc, công cụ, phương tiện lao động.

- Trong lĩnh vực hoạt động sư phạm, hoạt động lao động có trong các tác phẩm của các tác giả: N.D. Lêvitôv (1970), X.I. Kixegôv (1976), G.X. Kaxchuc (1978), N.A. Menchinxcaia (1978)...

- Trong lĩnh vực hoạt động tổ chức hoạt động sư phạm được đề cập trong các nghiên cứu của N.V. Cudomina (1976), L.T. Tiuptia (1987)...

Mặc dù ở các hướng nghiên cứu khác nhau nhìn chung, các tác giả không có những quan điểm trái ngược nhau về khái niệm kỹ năng mà những quan điểm đó thường bổ sung cho nhau.

1.1.2. Nghiên cứu giao tiếp

Trong lịch sử nghiên cứu về giao tiếp của triết học, tâm lý học, xã hội học và

giáo dục học, chúng ta thấy có rất nhiều các nhà nghiên cứu đã khai thác nhiều khía cạnh của giao tiếp như hành vi, nhận thức, thái độ hay kỹ năng giao tiếp, tính tích cực giao tiếp... Ở mỗi giai đoạn đều có những đánh giá và nhận định hết sức có ý nghĩa làm tiền đề cho những tác giả nghiên cứu khác có thể nghiên cứu chuyên sâu hơn. Việc nghiên cứu giao tiếp được tiến hành trên cả bình diện lý luận và thực tiễn, với sự tham gia của các nhà khoa học nổi tiến thế giới từ thời cổ đại như Xôcorat, Platon, Aritxtôt,...Sau này đến các nhà tâm lý học hiện đại như Anna Freud, E.E Acquyt, A.N.Leonchiev, Đ.B.Elconhin, V.X Mukhina, L.X. Vurugôxky, B.Ph Lômv ...Nghiên cứu giao tiếp có nhiều cách tiếp cận:

- + Tiếp cận triết học.
- + Tiếp cận xã hội học.
- + Tiếp cận dưới góc độ văn hóa và dân tộc.
- + Tiếp cận tâm lý học.
- + Tiếp cận ngôn ngữ học.
- + Tiếp cận thông tin.
- + Tiếp cận xuyên văn hóa.
- + Tiếp cận trên lý thuyết giáo dục tự do.

Có thể thấy, dù tiếp cận nghiên cứu giao tiếp ở góc độ khoa học nào thì cũng chủ yếu tập trung vào hai lĩnh vực, đó là nghiên cứu về lý luận giao tiếp và nghiên cứu phát triển ứng dụng giao tiếp. Chúng tôi tìm hiểu và xin đưa ra một số hướng nghiên cứu cơ bản của các tác giả dưới đây:

- *Hướng tiếp cận giao lưu – giao tiếp có cả ở người và động vật*: Có thể kể đến các tác giả B.V.Xocolov, J. Bremont (1971) và R. Chakin [Trích theo, 9]...Trong cuốn sách văn hoá nhân cách B.V.Xocolov viết: “Giao tiếp là sự tác động lẫn nhau giữa những con người và giữa những động vật có tâm lý giống nhau”. Các tác giả có xu hướng coi giao tiếp là một hiện tượng tâm lý có chung cả ở người và động vật. Quan điểm này cho thấy, quá trình giao tiếp phản ánh phần nào mối quan hệ giữa con người với sự giao tiếp với động vật mà trong đó, tâm lý người cũng hình thành và phát triển nhờ mối quan hệ giữa con người với những động vật nuôi trong nhà. Hướng tiếp cận này có những hạn chế là không thấy được sự khác nhau cơ bản giữa con người và con vật, giữa giao tiếp của con người với con người và cái gọi là

“giao tiếp” của con vật. Họ không đánh giá đúng mức vai trò của giáo dục và văn hóa đối với sự hình thành, phát triển tâm lý, kỹ năng giao tiếp ở mỗi cá nhân.

- *Hướng tiếp cận chú trọng đến sự tác động, sự truyền và tiếp nhận thông tin giữa người với người:*

Đại diện cho hướng nghiên cứu này là nhà tâm lý học người Mỹ Osgood C.E, Nhà tâm lý học người Anh – M. Argyle, Nhà tâm lý học xã hội người Séc, Ia. Janousek [Trích theo, 9]. Một số tác giả của lĩnh vực liên ngành điều khiển học, lý thuyết thông tin và lý thuyết hệ thống với tâm lý học như N. Wiener (1948), C. Senen (1949), Moles (1971), cho rằng: Quá trình giao tiếp có thể mô tả bằng quá trình truyền tin qua bộ mã hóa thông tin...môi trường truyền thông tin, ...bộ giải mã và quá trình phản hồi. Thông tin nhận được có thể bị biến đổi do nhiễu...người dùng thông tin có thể phản hồi để nhận thông tin chính xác hơn. Hướng tiếp cận này đã đơn giản hóa quá trình giao tiếp của con người. Họ chỉ thấy được con đường truyền tin và nhận tin của quá trình giao tiếp mà không thấy được các yếu tố tâm lý cá nhân như nhu cầu, động cơ, nhận thức, văn hóa, giáo dục, các đặc trưng của xã hội...có ảnh hưởng rất lớn đến giao tiếp của con người. [Trích theo, 9].

- *Hướng tiếp cận tương tác liên nhân cách:* Các tác giả theo hướng này phủ nhận việc tồn tại giao tiếp trong thế giới động vật. Theo hướng nghiên cứu này có các tác giả tiêu biểu như: L.X.Vugotxki, X.L.Rubinstein, B.Ph.Lomov, L.V.Bueva, V.P.Dakharov xem giao tiếp là quá trình hiện thực hoá các mối quan hệ giữa người với người, trong quá trình đó diễn ra sự trao đổi thông tin sự nhận thức lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau; kết quả là tâm lý cả hai đều phát triển. Trong cuốn: “Những vấn đề giao tiếp” B.Ph.Lomov đã nhấn mạnh tính chủ thể của giao tiếp khi định nghĩa “Giao tiếp là mối quan hệ tác động qua lại giữa con người với con người với tư cách là chủ thể”. L.V.Bueva định nghĩa: “Giao tiếp là tính hiện thực quan sát trực tiếp, là sự cụ thể hoá tất cả các mối quan hệ xã hội, là sự nhân cách hoá, là hình thái nhân cách của các mối quan hệ đó”.

Các tác giả trên đã chỉ ra vai trò quan trọng của giao tiếp đối với sự hình thành nhân cách của mỗi con người, trong đó chỉ có sự giao tiếp giữa con người với con người trong xã hội mới có thể giúp con người trưởng thành về mặt nhận thức, tình cảm và các yếu tố liên quan đến sự định hình các năng lực, giá trị của mỗi chủ thể trong quá trình giao tiếp ấy. Đây là hướng tiếp cận rất hiện đại, phản ánh được môi

tương tác giao tiếp đa chiều, chỉ ra được sự tương đồng phát triển tâm lý cá nhân với văn hóa, giáo dục của xã hội.

Trong các hướng tiếp cận về giao tiếp của các tác giả trên, chúng tôi nhận thấy việc vận dụng hướng nghiên cứu tương tác liên nhân cách vào nghiên cứu kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề là hết sức phù hợp và có nhiều điểm toàn diện hơn.

1.1.3. Nghiên cứu kỹ năng giao tiếp.

- Tác giả Kak Hai Nodich [62] người Đức đã nêu rõ ngôn ngữ của trẻ có một vai trò quan trọng và quá trình phát triển ngôn ngữ ở từng giai đoạn. Trong mỗi giai đoạn, nhiệm vụ của người lớn là giúp trẻ thâm nhập vào thế giới ngôn ngữ phong phú và đa dạng, dẫn dắt trẻ từ những âm thanh “gừ, gừ” ở tuổi sơ sinh đến sử dụng, nắm vững ngôn ngữ thành thạo, điều đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển KNGT và trí tuệ của trẻ. Trẻ sơ sinh chưa có ngôn ngữ, chưa biết cách giao tiếp, các bậc phụ huynh cần phải bắt đầu công việc can thiệp như: luyện âm, luyện giọng, luyện hơi sau đó đến luyện nói. Bằng những ví dụ, cách làm cụ thể, thiết thực tác giả đã giúp các bậc phụ huynh có con ở giai đoạn lứa tuổi này có thêm những kiến thức cơ bản trong việc giáo dục và dạy dỗ giúp trẻ phát triển kỹ năng giao tiếp. Để nâng cao khả năng giao tiếp cho trẻ, tác giả Linda Maget [69] đã giới thiệu những kỹ năng giao tiếp xã hội, giúp trẻ giải quyết những trở ngại trong việc kết giao bạn bè. Muốn giúp trẻ giao tiếp phải tạo môi trường giao tiếp cho trẻ, phải cho trẻ học, chơi với bạn thì mới làm xuất hiện, nảy sinh nhu cầu giao tiếp. Tác giả đã giúp cho phụ huynh có con ở lứa tuổi mẫu giáo biết cách lựa chọn môi trường giáo dục phù hợp để trẻ phát triển kỹ năng giao tiếp. Tác giả Steven Gutstin cho rằng để giúp trẻ phát triển kỹ năng giao tiếp cần phải hình thành và phát triển mối quan hệ xã hội [104], giúp trẻ hiểu được bản thân trẻ (tên gọi, các bộ phận cơ thể), hiểu được mối quan hệ giữa trẻ và các đồ vật trong gia đình (tên gọi, đặc điểm, cách sử dụng), mối quan hệ giữa trẻ và các sự vật, hiện tượng trong thế giới xung quanh. Trong mỗi hoàn cảnh, tình huống có vấn đề trẻ biết cách giao tiếp phù hợp. Tác giả đã giúp cho GV, PH biết được một phương pháp mới trong việc phát triển KNGT cho trẻ.

A.T.Kurbawa và Ph.M.Rakhmatinlira đi sâu vào nghiên cứu các nhóm kỹ năng giao tiếp và chia kỹ năng giao tiếp thành ba nhóm kỹ năng [Trích theo 4]:

- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ là sự chủ động chào khi gặp mặt và nói lời tạm biệt khi chia tay; trẻ biết dùng ngôn ngữ để yêu cầu về đồ vật, về thông tin, về sự giúp đỡ với bạn bè trong khi chơi, để trao đổi với bạn một cách chủ động; đồng thời trẻ biết dùng ngôn ngữ để từ chối sự giúp đỡ, từ chối thông tin từ chối đồ vật khi những điều ấy không đáp ứng nhu cầu của trẻ; trẻ biết chia sẻ thông tin, cung cấp thông tin, đề nghị giúp đỡ bạn trong khi chơi... thông qua hoạt động hằng ngày giúp trẻ biết thiết lập mối quan hệ trong giao tiếp với bạn bè một cách chủ động và tự tin hơn.

- Kỹ năng diễn đạt nghĩa trong câu bao gồm trẻ biết miêu tả sự vật, hiện tượng đang ở trong tình huống hiện tại, trẻ biết diễn tả đúng những điều mình mong muốn cho bạn hiểu; trẻ biết dùng câu để diễn tả sự phủ định, sự từ chối của trẻ, sự biến mất hay sự ngừng lại của một sự vật hiện tượng; trẻ biết nói về vị trí, thuộc tính của sự vật, hiện tượng; trong câu nói của trẻ thể hiện sự sở hữu sự vật, hiện tượng, trẻ có thể đặt ra về nơi chốn, cái gì, tại sao, ai và về những câu hỏi có, không.

- Kỹ năng diễn đạt các đặc điểm văn phạm trong câu: ở kỹ năng này xem xét xem trẻ có sử dụng giới từ để nói về vị trí hay trạng thái của các sự vật hiện tượng hay không? trẻ có biết sử dụng ngôn ngữ để miêu tả về đặc điểm đơn giản của đồ vật, trẻ có biết sử dụng từ “đang” để nói về hoạt động xảy ra ở hiện tại; về các đại từ sở hữu, đại từ nhân xưng mà trẻ sử dụng, về các câu trẻ muốn nói về thời tương lai và thời quá khứ... Mặc dù, đây là một trong những mục tiêu đặt ra để xây dựng những biện pháp giúp trẻ có kỹ năng giao tiếp tốt hơn nhưng đây là mục tiêu thứ trong các mục tiêu ưu tiên ở trên.

- Nếu cách phân chia nhóm KNGT của A.T.Kurbawa và Ph.M.Rakhmatinlira chủ yếu dựa vào khả năng sử dụng ngôn ngữ thì cách phân chia của V.P Dakharop toàn diện hơn, V.P Dakharop đã dựa vào các bước tiến hành của một pha giao tiếp cho rằng kỹ năng giao tiếp gồm có kỹ năng sau [Trích theo 16]

- Kỹ năng thiết lập các mối quan hệ trong giao tiếp
- Kỹ năng cân bằng nhu cầu của chủ thể và đối tượng giao tiếp
- Kỹ năng lắng nghe và biết cách lắng nghe đối tượng giao tiếp - Kỹ năng tự chủ cảm xúc và hành vi
- Kỹ năng nhạy cảm trong giao tiếp
- Kỹ năng diễn đạt dễ hiểu, gọn gàng, mạch lạc
- Kỹ năng linh hoạt mềm dẻo trong giao tiếp

- Kỹ năng thuyết phục trong giao tiếp
- Kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp - Kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp

Tóm lại, các công trình nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp trên thế giới đã chỉ ra các khía cạnh khác nhau của kỹ năng giao tiếp trong sự phát triển giao tiếp nói chung và giao tiếp của trẻ 5 - 6 tuổi nói riêng. Các tác giả đã xác định được đặc điểm của kỹ năng giao tiếp; vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ; chỉ ra các nhóm kỹ năng giao tiếp cần có ở trẻ... Những nghiên cứu này là sự gợi mở giúp chúng tôi xây dựng hướng nghiên cứu cho đề tài của mình.

1.1.4. Nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của trẻ 5 - 6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề.

Kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả đã cho thấy nhiều nghiên cứu về đặc điểm giao tiếp của trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo: quá trình phát sinh, phát triển giao tiếp, ngôn ngữ, tính cách, tính tích cực, ...và nghiên cứu mối quan hệ qua lại giữa giao tiếp với các chức năng tâm lý khác của nhân cách ở lứa tuổi từ 0 – 6 tuổi.

Những thành quả nghiên cứu của các tác giả đi trước đi theo hướng đề tài như tính tích cực nhận thức, tính tích cực học tập, tính chủ động giao tiếp....của các nhà tâm lý học như: G.I Sukhina, A.N Lêonchev, V. Ôkôn, I.F.Khalamốp, A.V.Dapqrozet, M.I. Lixina... Tác giả A.V.Dapqrozet và M.I. Lixina đã khẳng định: “Tính chủ động trong giao tiếp của trẻ mẫu giáo phụ thuộc vào tính chủ động của người lớn... tính chủ động của trẻ không đều, trẻ nhỏ tuổi có tính chủ động thấp hơn trẻ lớn (5 – 7 tuổi) và phụ thuộc nhiều vào tính chủ động của người lớn, chờ người lớn bộc lộ quan hệ với mình”. Trẻ em 5-6 tuổi có tính chủ động giao tiếp cao hơn, ít phụ thuộc vào tính tích cực của người lớn, các em tự chủ động thiết lập mối quan hệ khi người lớn xuất hiện, xác định vị trí của mình trong các cuộc tiếp xúc và bày tỏ với người lớn những mong muốn của chúng theo nội dung của sự tác động qua lại [Trích theo 1].

Các tác giả đã rút ra kết luận:

- Tính chủ động giao tiếp của trẻ mẫu giáo là một biểu hiện, một thành phần tâm lý của tính tích cực giao tiếp.
- Tính chủ động giao tiếp của trẻ em mẫu giáo trước và sau khi tiếp xúc, xúc cảm với người xung quanh có sự thay đổi. Sau khi tiếp xúc tính chủ động của trẻ

cao hơn trước khi tiếp xúc.

Khi nghiên cứu về nhu cầu giao tiếp của trẻ Anna Freud, Klopfer, A.U. Vêđênôp... đã chia sẻ: “Nghiên cứu nhu cầu giao tiếp là vấn đề khó trong giao tiếp, nghiên cứu nó cho phép hiểu được nguồn gốc của sự phát triển tính tích cực giao tiếp của con người, cho phép trả lời được các vấn đề quan trọng nhất trong tâm lý học về nguồn gốc của sự phát triển tính tích cực giao tiếp của con người, cho phép trả lời vấn đề quan trọng nhất trong tâm lý học về nguồn gốc và nguyên nhân hoạt động cá nhân” [Trích theo 1]

Còn rất nhiều các nhà tâm lý học khác cũng nghiên cứu về giao tiếp của trẻ mầm non, vì vấn đề nghiên cứu này là một hướng nghiên cứu ứng dụng giao tiếp vào các lĩnh vực của đời sống được các tác giả quan tâm, chú trọng. Nhiều công trình nghiên cứu khẳng định: ảnh hưởng to lớn và mối quan hệ giữa các yếu tố kỹ năng giao tiếp với sự phát triển các chức năng tâm lý của trẻ.

Các nghiên cứu về trò chơi của trẻ cũng rất phong phú, các nhà tâm lý học theo hướng coi trọng sinh học như K. Groos, C. Kôll... quan niệm, chơi là do bản năng, chơi là sự giải tỏa năng lượng dư thừa và trò chơi của trẻ em giống như trò chơi của động vật... Từ đó họ phủ nhận ảnh hưởng của môi trường xã hội đến nội dung chơi của trẻ. Một số nhà Phân tâm học (Z. Phrôt, A. Atller... lại coi chơi là những giấc mơ, mộng ảo... và cho rằng, chơi chính là phương tiện để “trả thù” những người xung quanh luôn căm ghét trẻ.) Các quan điểm trên quá đề cao cơ sở sinh học của trò chơi. Có thể nói, sự phát triển thể chất (cơ sở sinh học) chính là tiền đề, nguồn gốc đầu tiên của hoạt động chơi của trẻ. Tuy nhiên, chơi có nguồn gốc từ lao động, cho nên cần cho trẻ tham gia vào các lao động, các hoạt động phản ánh cuộc sống xung quanh thì trẻ mới có thể hình thành và phát triển tâm lý, ý thức cũng như phát triển được các kỹ năng giao tiếp. Do đó, phải có cái nhìn khách quan hơn về hoạt động chơi của trẻ. Nếu coi nhẹ tính xã hội, hoặc quá đề cao tính xã hội của chơi mà phủ nhận hoàn toàn cơ sở sinh học thì không thấy được vai trò của các chức năng sinh lý, nhất là sinh lý thần kinh trong việc tham gia vào điều hòa các kỹ năng giao tiếp ở mỗi cá thể. [Trích theo 43]

Các nhà tâm lý học và giáo dục Macxít L.V.Vurgôtxki, A.N.Lêônchiep, A.P.Uxôva, Ph.I.Rucôpxkaia, Đ.V.Menzerxkaia, Đ.V.Menzerxkaia... cho rằng, chơi là sản phẩm sáng tạo của cá nhân dưới ảnh hưởng trực tiếp của môi trường xung

quanh. Thông qua chơi trẻ lĩnh hội được kinh nghiệm lịch sử - xã hội và chơi chỉ trở thành phương tiện giáo dục khi có sự hướng dẫn sư phạm đúng đắn. Đứa trẻ cần phải có môi trường xã hội và trẻ sống trong đó. Khi hoạt động bản thân trẻ giao tiếp với môi trường xung quanh sẽ tạo ra hứng thú giao tiếp và điều đó có ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển của hoạt động chơi của trẻ mẫu giáo trong tương lai.

Theo Đ.B. Encônin, lịch sử phát triển trò chơi gắn liền trong môi quan hệ với sự phát triển của xã hội loài người và sự thay đổi vị trí của đứa trẻ trong hệ thống các mối quan hệ xã hội. Đ.B. Enconin cho rằng vào thời kỳ này xã hội loài người mới hình thành, trò chơi của trẻ mẫu giáo chưa xuất hiện. Tiếp theo thời kỳ sau đó, công cụ lao động phức tạp dần, có sự phân công lao động theo lứa tuổi và vị trí của đứa trẻ trong xã hội cũng có sự thay đổi theo, (khi đứa trẻ không thể tham gia lao động trực tiếp cùng người lớn cũng không thể tham gia trực tiếp vào các mối quan hệ xã hội của họ như trước) hoạt động chơi và các đồ chơi cũng xuất hiện, đồ chơi giống như công cụ lao động, nhưng trẻ không thể tập luyện như công cụ lao động mà chỉ có thể miêu tả được các hành động của lao động mà thôi. Trò chơi đóng vai theo chủ đề xuất hiện, khi trẻ chơi các trò chơi này chúng được thỏa mãn nguyện vọng của chính mình là vươn tới cuộc sống xã hội của người lớn, được hành động và đối xử như người lớn thực sự. . [58]

Theo N.K. Crupxkaia thì trẻ có nhu cầu chơi vì trẻ mong muốn được hiểu biết về cuộc sống xung quanh, hơn nữa trẻ mẫu giáo thích bắt trước người lớn và thích hoạt động tích cực với bạn bè cùng tuổi. Chơi giúp trẻ thỏa mãn hai nhu cầu trên. Còn G. V Plekhanốp cho rằng, lao động có trước trò chơi và chơi chính là một hiện tượng xã hội, là phương tiện chuẩn bị cho đứa trẻ làm quen với lao động của người lớn. [75]

A.X. Macarenco đã viết, trò chơi có một ý nghĩa rất quan trọng với trẻ. Ý nghĩa này chẳng khác gì ý nghĩa của sự hoạt động, sự làm việc và sự phục vụ đối với người lớn. Đứa trẻ thể hiện như thế nào qua trò chơi thì sau này trong phần lớn trường hợp nó cũng thể hiện như thế trong công việc. Ông còn nhấn mạnh ý nghĩa đặc biệt của trò chơi. Ông nhìn nhận trò chơi ở nhiều khía cạnh khác nhau và trước tiên là trong việc chuẩn bị cho đứa trẻ bước vào cuộc sống, vào hoạt động lao động. "Trò chơi có ý nghĩa lớn trong cuộc sống của đứa trẻ, tương tự như hoạt động, công việc có ý nghĩa quan trọng đối với người lớn. Đứa trẻ qua trò chơi như thế nào nó sẽ

như thế trong công việc sau này khi lớn lên. Cho nên giáo dục một con người hoạt động tương lai trước hết phải đi từ trò chơi" [75].

Trong giai đoạn hiện nay, các tác giả nghiên cứu về trò chơi của trẻ mẫu giáo đều đi đến thống nhất, trò chơi là một hoạt động đặc thù quan trọng của lứa trẻ, một dạng hoạt động phù hợp hơn cả đối với trẻ, nó đảm nhận chức năng xã hội rộng lớn. Qua trò chơi, bộc lộ rõ khả năng tư duy, tưởng tượng, tình cảm, tính tích cực, nhu cầu giao tiếp đang được phát triển ở lứa trẻ. Hoạt động chơi chính là sự thực hành các kỹ năng xã hội của lứa trẻ, là cuộc sống thực của lứa trẻ trong xã hội đồng lứa. Vì vậy, vấn đề nghiên cứu, sử dụng trò chơi với mục đích giáo dục trẻ phát triển toàn diện là vấn đề cần thiết trong mọi giai đoạn lịch sử phát triển của sự nghiệp giáo dục mầm non. [Trích theo 43]

N.K.Krupxcaia khẳng định, "Hàng loạt những phẩm chất giá trị có thể giáo dục bằng trò chơi" (N.K.Krupxcaia) [75].

Dưới góc độ triết học duy vật, muốn có hoạt động (hoạt động chơi của trẻ) trước hết phải hình thành nhu cầu chơi ở trẻ nhưng cần phải có sự tổ chức hướng dẫn của người lớn (cô giáo, bố mẹ...) giúp trẻ làm quen với phương thức hành động của loài người với đồ vật và làm quen với phương thức giao tiếp của họ.

Như vậy, công trình nghiên cứu nước ngoài chủ yếu tập trung vào những vấn đề lý luận chung về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, nghiên cứu những vấn đề trò chơi của trẻ và có những thành công nhất định. Chúng ta không phủ nhận thành quả nghiên cứu về giao tiếp của trẻ 5 – 6 tuổi mà các nhà khoa học đã đem lại. Nhưng vẫn chưa hẳn có một công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về kỹ năng giao tiếp của trẻ em mầm non, nhất là các công trình nghiên cứu sự hình thành, phát triển kỹ năng giao tiếp ở trẻ 5-6 tuổi thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề.

1.2. Những nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp và kỹ năng giao tiếp của trẻ 5 -6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề ở Việt Nam

1.2.1 . Nghiên cứu về kỹ năng

Tại Việt Nam trong tâm lý học đề tài nghiên cứu về kỹ năng khá nhiều. Đặc biệt trong những năm gần đây các tác giả bắt đầu đi sâu nghiên cứu về KNGT trong một số lĩnh vực, nghề nghiệp cụ thể.

Tác giả Nguyễn Quang Uẩn đã quan niệm Tri thức - Kỹ năng - Kỹ xảo là điều kiện cần thiết để hình thành năng lực trong một lĩnh vực nào đó.[56]

Tác giả Ngô Công Hoàn [17], Hoàng Anh [2] đặc biệt đi sâu nghiên cứu cấu trúc của 3 nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm đó là nhóm kỹ năng định hướng giao tiếp, nhóm kỹ năng định vị, nhóm kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp. Theo các tác giả các kỹ năng này có mối quan hệ chặt chẽ và chi phối lẫn nhau [16]

Tác giả Trần Trọng Thuỷ trong đã làm rõ khái niệm kỹ năng và điều kiện để hình thành kỹ năng trong hoạt động lao động. Trong bài viết : “Tình người, giao tiếp và văn hoá giao tiếp”; 1998 tác giả đã phân tích mối quan hệ giữa tình người, văn hoá và giao tiếp, theo tác giả: “Văn hoá giao tiếp có liên quan mật thiết với kỹ năng giao tiếp, có một số kỹ năng giao tiếp đặc trưng của con người như kỹ năng chỉnh sửa các ấn tượng ban đầu của mình về người khác khi mới quen với họ, kỹ năng bước vào giao tiếp với người khác một cách không có định kiến. Những kỹ năng này không có sẵn, mà phải thông qua học tập và rèn luyện” [52]

1.2.2 . Nghiên cứu về giao tiếp

Ở Việt Nam có hai thuật ngữ thường dùng để chỉ khái niệm giao tiếp đó là giao lưu và giao tiếp. Tuy vậy, xin được nhấn mạnh rằng về mặt câu chữ thì có sự khác biệt nhưng nội hàm của chúng thì hoàn toàn thống nhất. Phần lớn các nhà Tâm lý học Việt Nam đều đồng tình với cách tiếp cận khái niệm giao tiếp theo hướng: *xem giao tiếp là quá trình hiện thực hoá các mối quan hệ giữa người với người, trong quá trình đó diễn ra sự trao đổi thông tin sự nhận thức lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau; kết quả là tâm lý cả hai đều phát triển.* Vì thế các tác giả theo hướng này phủ nhận việc tồn tại giao tiếp trong thế giới động vật

Tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng: “Giao lưu là hoạt động xác lập và vận hành các quan hệ người-người để hiện thực hoá các quan hệ xã hội giữa con người với nhau” [13].

Tác giả Nguyễn Quang Uẩn nhấn mạnh: “Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa người và người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại lẫn nhau hay nói cách khác đi giao tiếp là quá trình xác lập và vận hành mối quan hệ người - người, hiện thực hoá các mối quan hệ xã hội giữa chủ thể này với chủ thể khác” [56].

Còn tác giả Lê Khanh khẳng định: “Giao tiếp là quá trình thiết lập và thực thi các mối quan hệ người-người, hiện thực hoá các mối quan hệ xã hội giữa chủ thể này và chủ thể khác, trong đó con người thông báo cho nhau những thông tin trao

đổi cho nhau những hiểu biết, xúc cảm qua đó họ hiểu nhau đồng cảm và chia sẻ với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình phát triển tâm lý mỗi người” [23].

Tác giả Trần Thị Minh Đức định nghĩa “Giao tiếp là sự tiếp xúc trao đổi thông tin giữa người với người thông qua ngôn ngữ, cử chỉ, tư thế, trang phục” [12]...

Với cách hiểu giao tiếp theo hướng tiếp trên, các tác giả đều thống nhất cho rằng, giao tiếp có những đặc điểm chủ yếu như: Giao tiếp mang tính chủ thể: Giao tiếp bao giờ cũng được thực hiện bởi các cá nhân cụ thể. Mỗi người vừa là chủ thể vừa là đối tượng của quá trình giao tiếp; Giao tiếp mang tính nhận thức và tính tự nhận thức: thông qua giao tiếp con người tăng cường vốn kiến thức của bản thân và học hỏi kinh nghiệm của người khác. Đồng thời từ đó cá nhân nhận thức về mình một cách sâu sắc hơn thông qua sự phản hồi của người khác; Giao tiếp mang tính truyền cảm: trong quá trình giao tiếp có sự lan truyền về tâm trạng cảm xúc; Giao tiếp mang bản chất xã hội: Giao tiếp là một hiện tượng xã hội, giao tiếp chỉ xảy ra trong xã hội loài người, một hiện tượng đặc thù của con người, là hoạt động vận hành, xác lập mối quan hệ người - người để hiện thực hoá các quan hệ xã hội. Suy cho đến cùng động cơ giao tiếp, mục đích giao tiếp, công cụ giao tiếp đều do xã hội quy định; công cụ quan trọng nhất để giao tiếp của con người là ngôn ngữ mang bản chất xã hội. Chính xã hội loài người đã làm nảy sinh và quy định giao tiếp của con người với con người, không có giao tiếp nào ngoài xã hội loài người; Giao tiếp mang tính lịch sử: Giao tiếp mang tính lịch sử phát triển của xã hội loài người. Giao tiếp có nội dung cụ thể, diễn ra trong một khoảng thời gian và không gian, hoàn cảnh nhất định. Phương tiện giao tiếp chịu sự chi phối của sự phát triển xã hội và mang tính chủ thể. [55]

Như vậy, giao tiếp là công cụ đặc lực cho hoạt động, là yếu tố cơ bản để thiết lập quan hệ giữa chủ thể và đối tượng, giữa người với người, tạo ra cơ sở cho sự tồn tại của con người, để hiểu biết lẫn nhau, hợp tác với nhau nhằm hướng tới mục đích lao động, học tập, vui chơi giải trí.

1.1.3. Nghiên cứu kỹ năng giao tiếp

Ở nước ta cũng có nhiều tác giả cũng đi sâu nghiên cứu kỹ năng giao tiếp. Nghiên cứu kỹ năng giao tiếp trong hoạt động sư phạm có các tác giả như Nguyễn Hoàng Anh, Nguyễn Như An, Nguyễn Bảo Ngọc, Hoàng Anh.

Tác giả Hoàng Anh đã phân chia kỹ năng giao tiếp thành 3 nhóm kỹ năng cơ bản sau:

- Nhóm kỹ năng định hướng (bao gồm: nhận biết sự thay đổi trạng thái tâm lý qua nét mặt; phán đoán được trạng thái tâm lý qua lời nói; lường trước được ý định của đối phương; chuyển hóa nhanh từ tri giác bên ngoài đến xác định tính độc đáo của nhân cách; dự đoán nhanh thái độ của đối phương đối với mình).

- Nhóm khả năng điều khiển bản thân (biết chủ động đề xuất giao tiếp theo mục đích của mình; biết tự kiềm chế; biết thay đổi nét mặt khi cần thiết; biết thay đổi giọng nói khi cần thiết; biết kết thúc cuộc giao tiếp hợp lý).

- Nhóm kỹ năng điều khiển đối phương (biết hướng đối phương theo ý mình để đạt được mục đích giao tiếp; biết kích thích hứng thú, tính sáng tạo của họ và biết làm giảm căng thẳng trong giao tiếp) [3].

Theo tác giả Nguyễn Văn Đồng thì kỹ năng giao tiếp có 3 nhóm sau: [9].

- *Nhóm kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ gồm:*

- + Kỹ năng lắng nghe.
- + Kỹ năng diễn đạt.
- + Kỹ năng phân tích tình huống.
- + Kỹ năng tổ chức thông tin.
- + Kỹ năng trình bày văn bản.

- *Nhóm kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ gồm:*

- + Kỹ năng mặc.
- + Kỹ năng kiểm soát tư thế, cử chỉ.
- + Kỹ năng kiểm soát biểu hiện nét mặt và cái nhìn.
- + Kỹ năng kiểm soát lĩnh vực phi ngôn ngữ của lời nói.

- *Nhóm kỹ năng giao tiếp liên nhân cách bao gồm:*

- + Sự nhạy cảm trong giao tiếp.
- + Kỹ năng tạo dựng quan hệ.
- + Kỹ năng cân bằng nhu cầu của chủ thể và đối tượng.
- + Kỹ năng ứng xử linh hoạt và mềm dẻo.
- + Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi.
- + Kỹ năng chủ động điều khiển quá trình giao tiếp.
- + Kỹ năng điều chỉnh, điều khiển đối tượng giao tiếp.

+ Kỹ năng kiểm chế, kiểm tra đối tượng giao tiếp.[9]

1.1.4. Những nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của trẻ 5 - 6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề

Bàn về kỹ năng giao tiếp của trẻ, tác giả Nguyễn Văn Lũy và Trần Thị Tuyết Hoa viết: “Kỹ năng giao tiếp là mức độ phối hợp hợp lý nhất các thao tác, cử chỉ, điệu bộ, hành vi (kể cả hành vi ngôn ngữ) đảm bảo đạt kết quả trong quá trình giao tiếp của con người. Kỹ năng giao tiếp vừa có tính ổn định, vừa có tính mềm dẻo, linh hoạt, sáng tạo, vừa có tính mục đích. Bản chất của kỹ năng giao tiếp là sự phối hợp phức tạp giữa chuẩn mực hành vi xã hội và cá nhân với sự vận động của cơ thể (cơ mặt, ánh mắt, nụ cười, môi, tác động tay, chân, đầu, cổ, vai, tư thế vận động...) và ngôn ngữ. Sự phối hợp đó có tính hài hoà, hợp lý có nghĩa là nó mang một nội dung thông tin nhất định, phù hợp với mục đích giao tiếp và mang lại hiệu quả trong quá trình giao tiếp.” [26]

Tác giả Hoàng Anh khẳng định tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp đối với việc nâng cao hiệu quả giờ lên lớp, kích thích tích cực lĩnh hội tri thức và khơi gợi lòng khao khát hiểu biết ở học sinh. Kỹ năng giao tiếp là một trong những điều kiện đảm bảo cho sự thành công của sinh viên trong thực tập sư phạm, đồng thời góp phần hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách của người thầy giáo trong tương lai [4].

Các đề tài nghiên cứu trên đều khai thác KNGT ở các cạnh khác nhau. Chủ thể của các kỹ năng lại khá đa dạng ở nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực trong cuộc sống. Sự khác biệt đó sẽ quy định sự hình thành và phát triển KNGT mang tính đặc trưng của hoạt động mà chủ thể giao tiếp đã, đang và sẽ tham gia vào.

Đã có rất nhiều tác giả nghiên cứu về trò chơi, sử dụng chúng vào việc hình thành và phát triển nhân cách, giáo dục đạo đức, giáo dục lòng nhân ái, giáo dục tính cực nhận thức, giáo dục tính tích cực giao tiếp, giáo dục tính hợp tác, giáo dục thể chất cho trẻ em nói chung và trẻ mẫu giáo nói riêng.

Tác giả Lê Thị Bùng trong tài liệu “Trò chơi ĐVTCD và việc hình thành nhân cách cho trẻ mẫu giáo” đã đi sâu vào phân tích vai trò của trò chơi ĐVTCD đối với việc hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ mẫu giáo.

Tác giả Nguyễn Văn Lũy, Trần Thị Tuyết Hoa chỉ ra rằng, ảnh hưởng của trò chơi tới sự phát triển nhân cách của đứa trẻ thể hiện ở chỗ, thông qua trò chơi,

trẻ tìm hiểu hành vi và những mối quan hệ qua lại của người lớn mà đứa trẻ coi là mẫu mực đối với hành vi của nó. Qua trò chơi, đứa trẻ cũng rèn luyện được những kĩ xảo giao tiếp cơ bản, những phẩm chất cần thiết để tiếp xúc với các bạn cùng tuổi. Để gây hứng thú cho bạn chơi, đứa trẻ phải biết phục tùng các quy tắc chứa đựng trong vai chơi mà nó đã nhận cho mình [26].

Có thể điểm qua một số tác giả như Lê Minh Thuận (1989) với *Trò chơi phân vai theo chủ đề và việc hình thành nhân cách trẻ em mẫu giáo*. Nguyễn Thạc – Nguyễn Xuân Thúc (1995): “*Nhóm giao tiếp bè bạn của trẻ em mẫu giáo 5-6 tuổi*”. Lê Xuân Hồng [7](1996), *Đặc điểm giao tiếp của trẻ mẫu giáo trong nhóm chơi không cùng độ tuổi*. Đinh Văn Vang (2002), *Kỹ năng dạy học bằng trò chơi của giáo viên mẫu giáo*.

Tiểu kết chương 1

Tóm lại, các công trình nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo thông qua trò chơi ĐVTCĐ đã được triển khai ở Việt Nam nhưng chưa nhiều và chưa toàn diện. Những công trình này chủ yếu nghiên cứu lý luận, tìm hiểu thực trạng biểu hiện kỹ năng giao tiếp ở trẻ mầm non, từ đó đề xuất một số biện pháp và khung chương trình rèn luyện kỹ năng giao tiếp như một nội dung của kỹ năng sống. Các nghiên cứu này đã có những khai phá nhất định trong một lĩnh vực mới mẻ, tuy nhiên cho đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu về biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA TRẺ 5- 6 TUỔI QUA TRÒ CHƠI ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ

2.1. Một số vấn đề lý luận về kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề

2.1.1. Kỹ năng

2.1.1.1. Khái niệm kỹ năng

Trong khoa học tâm lý có nhiều quan niệm khác nhau về kỹ năng, A.V. Krutrexki cho rằng: "*Kỹ năng là các phương thức thực hiện hoạt động - những cái mà con người đã nắm vững*". Theo ông, chỉ cần nắm vững phương thức hành động là con người đã có kỹ năng, không cần đến kết quả của hành động [65, tr 78]. Trong cuốn "Tâm lý học cá nhân" A.G. Côvaliôv nhấn mạnh: "*Kỹ năng là sự phù hợp của hành động với mục đích và điều kiện hành động*". Ông cũng không đề cập đến kết quả của hành động vì theo ông, kết quả của hành động phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó quan trọng hơn cả là năng lực của con người chứ không đơn giản là cứ nắm vững cách thức hành động thì đem lại kết quả tương ứng [57, tr.11]. Khi bàn về kỹ năng, tác giả Trần Trọng Thủy cũng cho rằng, *kỹ năng là mặt kỹ thuật của hành động*, con người nắm vững cách thức hành động, tức là nắm vững kỹ thuật hành động là có kỹ năng [52, tr.65]. Còn các tác giả Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành cho rằng, *kỹ năng là khả năng vận dụng kiến thức (khái niệm, cách thức, phương pháp...) để giải quyết một nhiệm vụ mới* [18, tr. 109]. Ở đây, các tác giả cũng không đề cập đến kết quả của hành động... Khác với các tác giả trên, hai nhà TLH nổi tiếng của Xô-viết là K.K. Platonôv và G.G. Gôlubev khi bàn đến kỹ năng đã rất chú ý tới mặt kết quả của hành động. Mặt khác, các ông coi, "*kỹ năng là khả năng của con người thực hiện một hoạt động bất kỳ nào đó hay các hành động trên cơ sở của kinh nghiệm cũ*" [78, tr.77 tr.101 tr.162]. Như vậy, K.K. Platonôv và G.G. Gôlubev đã nhấn mạnh, kỹ năng là năng lực của người thực hiện công việc có kết quả với một chất lượng cần thiết trong những điều kiện khác nhau và trong khoảng thời gian tương ứng. Bất kỳ một kỹ năng nào cũng bao hàm trong đó cả biểu tượng, khái niệm, vốn tri thức, kỹ xảo tập trung và phân phối, di chuyển chú ý, kỹ xảo tri giác, quan sát, tư duy sáng tạo, tự kiểm tra, điều chỉnh quá trình hoạt động cũng như

kỹ xảo hành động. Theo hai ông, trong quá trình hình thành kỹ năng, các biểu tượng, khái niệm đã có sẽ được mở rộng ra, được làm sâu sắc hơn, được hoàn thiện và được "dày hơn lên" bằng những nhân tố mới. Kỹ năng không mâu thuẫn với vốn tri thức, kỹ xảo mà kỹ năng được hình thành trên cơ sở của chúng. K.K. Platônôv khẳng định: "*Cơ sở tâm lý của kỹ năng là sự thông hiểu mối liên hệ giữa mục đích hành động, các điều kiện và phương thức hành động*" [80, tr. 77 tr. 101].

A.V. Pêtrovski nhận định: "*Kỹ năng là sự vận dụng những tri thức, kỹ xảo đã có để lựa chọn và thực hiện những phương thức hành động tương ứng với mục đích đặt ra*" [79, tr. 175].

Trong "Quản lý nguồn nhân lực" - 1995, Paul Hersey, Ken Blanc Hard cho rằng: "*Kỹ năng là khả năng sử dụng tri thức, các phương pháp, kỹ thuật và thiết bị cần thiết cho việc thực hiện các nhiệm vụ nhất định có được từ kinh nghiệm, giáo dục và đào tạo*" [77, tr. 15].

Trong "Từ điển Tâm lý học" do Vũ Dũng chủ biên, kỹ năng được định nghĩa: "*Là năng lực vận dụng có kết quả tri thức về phương thức hành động đã được chủ thể lĩnh hội để thực hiện những nhiệm vụ tương ứng*" [8, tr. 132].

Trong "Từ điển Tiếng Việt" của NXB Khoa học xã hội, 1994: "*Kỹ năng là khả năng ứng dụng tri thức khoa học vào thực tiễn*" [39, tr. 456].

Như vậy, về kỹ năng có rất nhiều tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu và đã đưa ra những quan điểm khác nhau. Tổng kết lại, cho thấy có hai quan niệm về kỹ năng như sau:

- Quan niệm thứ nhất: Kỹ năng được xem xét nghiêng về mặt kỹ thuật của thao tác hay hành động hoạt động. Đó là quan niệm của các tác giả: V.X. Rudich, V.A. Krutexki, A.G. Côvaliôv, Trần Trọng Thủy, v.v...

- Quan niệm thứ hai: Kỹ năng được xem xét nghiêng về mặt năng lực của con người. Theo quan niệm này, kỹ năng vừa có tính ổn định, vừa có tính mềm dẻo, tính linh hoạt, sáng tạo và vừa có tính mục đích. Đại diện cho quan niệm này có các tác giả: X.I. Kixegôv, K.K. Platônôv, G.G. Golubev, Paul Hersey, Nguyễn Quang Uẩn, Ngô Công Hoàn, Nguyễn Ánh Tuyết, Trần Quốc Thành, ...

Về thực chất, hai quan niệm trên không phủ định nhau. Sự khác nhau chỉ ở chỗ bàn đến kỹ năng ở phạm vi rộng hay hẹp, và do đó mở rộng hay thu hẹp thành

phần cấu trúc của kỹ năng cũng như những đặc tính của chúng. Theo chúng tôi thì, ở con người, khi bàn bần tới kỹ năng của một hoạt động nào đó, đặc biệt là hoạt động nghề nghiệp lúc bắt đầu hình thành, thì cần xem xét kỹ năng ở mặt kỹ thuật của các thao tác, của hành động hay hoạt động. Còn khi ở con người, kỹ năng đã hình thành ổn định, con người biết sử dụng nó một cách sáng tạo trong các hoàn cảnh khác nhau, khi đó, kỹ năng được xem xét như một năng lực, một vốn quý của con người. Ở phạm vi này, các nhà TLH đều cho rằng, cần phân biệt rõ hai khái niệm: kỹ năng và kỹ xảo. Kỹ năng và kỹ xảo đều là khả năng của con người được hình thành trên cơ sở của tri thức và quá trình chủ thể tiến hành hành động và thông qua rèn luyện. Mặt khác, kỹ năng, kỹ xảo đều là thuộc tính kỹ thuật (cách thức, phương thức) của hành động, là những thành phần không thiếu được của hành động.

Tuy giữa kỹ xảo và kỹ năng có những điểm chung: loại hành động này kia đều có được do luyện tập nhiều lần và tạo nên mặt kỹ năng của mỗi một hành động. Nhưng kỹ năng khác với kỹ xảo một cách căn bản.

	Kỹ xảo	Kỹ năng bậc cao
1. Độ sáng tạo, linh hoạt	Thấp, máy móc, khuôn mẫu	Cao
2. Sự tham gia của ý thức	Được giải phóng khỏi ý thức	ý thức tham gia tích cực
3. Thời gian xuất hiện	Có trước	Có sau
4. Cơ sở hình thành	- Các tri thức và kỹ năng nguyên sinh - Tập luyện có ý thức dẫn đến tự động hóa	- Các tri thức và kỹ xảo - Rèn luyện trong quá trình hoạt động có ý thức
5. Điều kiện hình thành	Trong điều kiện, yêu cầu nhất định, không thay đổi	Từng bước phức tạp dần trong các điều kiện khác nhau

Mặc dù về bản chất, kỹ năng và kỹ xảo không giống nhau, nhưng các nhà nghiên cứu cũng thống nhất rằng, giữa kỹ năng và kỹ xảo có mối liên hệ qua lại mật thiết và phức tạp. Để hiểu được mối quan hệ này, cần phải đi từ việc phân biệt hai loại kỹ năng: Kỹ năng nguyên sinh và kỹ năng thứ sinh.

Kỹ năng nguyên sinh: là những kỹ năng được hình thành lần đầu qua các hành động đơn giản. Đó là những kỹ năng ban đầu và là cơ sở để hình thành kỹ xảo: "Kỹ xảo là kỹ năng được củng cố và tự động hóa" [79, tr. 212; 219].

Kỹ năng thứ sinh (X.I. Kixegov) hay kỹ năng bậc cao (E.A. Melirian) là những kỹ năng được hình thành trên cơ sở của tri thức và kỹ xảo "Kỹ năng là cách thức hành động dựa trên tổ hợp những tri thức và kỹ xảo" [79, tr. 212; 219]. Các nhà TLH khẳng định rằng kỹ năng bậc cao chính xác hơn nhiều so với kỹ xảo, có quan hệ với nhiều mặt khác nhau trong đời sống tâm lý của con người. [68]

Về mối liên hệ giữa kỹ năng và kỹ xảo, K.K. Platonôv cũng khẳng định "Không có tri thức và kỹ xảo thì không có kỹ năng, ngược lại, kỹ năng được hình thành sẽ tạo điều kiện cho việc củng cố, hình thành sẽ tạo điều kiện cho việc củng cố, hình thành các kỹ xảo hành động" [78, tr. 77].

Như vậy, khi phân tích mối quan hệ giữa kỹ năng và kỹ xảo, một lần nữa, các tác giả đã xem xét kỹ năng, kỹ xảo là thuộc tính kỹ thuật của hành động. Nghĩa là xem xét kỹ năng nghiêng về mặt kỹ thuật của hành động. Cụ thể là khái niệm kỹ năng của N.Đ. Lêvitôv: Kỹ năng là sự thực hiện có kết quả một động tác nào đó hay một hoạt động phức tạp hơn bằng cách lựa chọn và áp dụng những cách thức đúng đắn, có tính đến những điều kiện nhất định. Theo N.Đ. Lêvitôv, người có kỹ năng hành động là người phải nắm được và vận dụng đúng đắn các cách thức hành động nhằm thực hiện hành động có kết quả. Ông cho rằng, để hình thành kỹ năng, con người không chỉ nắm lý thuyết về hành động mà phải biết vận dụng vào thực tế [68, tr. 3].

Phân tích những quan niệm về kỹ năng của các tác giả như đã trình bày ở trên, trong lĩnh vực nghiên cứu của luận án, kỹ năng được hiểu: *Kỹ năng là sự vận dụng các tri thức, kinh nghiệm của chủ thể vào thực hiện có hiệu quả hoạt động nào đó.*

Khái niệm trên là khái niệm công cụ cho việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn về kỹ giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi thông qua trò chơi ĐVTCD bởi nội hàm khái niệm đảm bảo những dấu hiệu cơ bản của kỹ năng phục vụ cho mục đích nghiên cứu của đề tài.

2.1.1.2. Sự hình thành kỹ năng

Theo P.Ia.Galperin và các đồng sự của ông thì cơ chế hình thành tri thức và kỹ năng cho học sinh chính là cơ chế hình thành hành động trí óc qua từng giai đoạn

với hai phần (định hướng và thực hiện) không ngang bằng nhau. Các giai đoạn cụ thể đó là: [27]

Giai đoạn 1: Thiết lập cơ sở định hướng hành động. Đó là hệ thống định hướng và chỉ dẫn ở dạng có sẵn hay tự tạo. Nó chưa phải là hành động mà mới chỉ là biểu hiện về hành động, về phương pháp thực hiện hành động. Nó có chức năng; nhận thức đối tượng, vạch kế hoạch, kiểm tra và điều chỉnh hành động theo kế hoạch.

Giai đoạn 2: Hành động với đồ vật hay vật chất hóa. Đây là nguồn gốc của hành động trí óc hoàn chỉnh nên nội dung của giai đoạn này là chủ thể “dung tay” để triển khai hành động, khái quát, luyện tập và rút gọn.

Giai đoạn 3: hành động ngôn ngữ bên ngoài (hình thức nói to hoặc viết). Ở giai đoạn này chủ thể phải tự nói ra bằng lời của mình tất cả các thao tác mà mình đã thực hiện tương ứng với cơ sở định hướng của hành động.

Giai đoạn 4: Hành động với lời nói thầm. Đây là quá trình cấu tạo lại ngôn ngữ và tạo ra biểu tượng của hình ảnh âm thanh. Nội dung chủ yếu của giai đoạn này chủ yếu là phải triển khai hành động, luyện tập, khái quát và rút gọn. Trong các quá trình đó từng bước các thành phần của hành động được tái hiện ra trong đầu.

Giai đoạn 5: Hành động trong trí óc. Ở bước này ngôn ngữ được rút gọn tới mức chỉ còn lại những đoạn nhĩ và không ổn định, vừa đủ để nhận thức ra toàn bộ logic của hành động vật chất ban đầu khi cần thiết.

Tóm lại: hành động chuyển từ ngoài vào trong là qua từng giai đoạn. Ở mỗi giai đoạn cấu trúc của hành động được tổ chức lại ngày một khái quát và rụt gọn hơn nhưng vẫn giữ được nội dung vật chất ban đầu của hành động. Hay nói cách khác là, sau khi chủ thể tiến hành hành động qua đầy đủ các giai đoạn nói trên thì "tri thức" (hay sự hiểu biết) về các đồ vật sẽ được nảy sinh trong quá trình hành động vật chất với các đồ vật đó, còn bản thân các hành động này khi được hình thành thì chúng sẽ trở thành các kỹ năng.

Theo K.K. Platônôv thì 5 giai đoạn hình thành kỹ năng được diễn ra như sau:

- Giai đoạn 1: Giai đoạn có kỹ năng sơ đẳng, ở giai đoạn này, con người ý thức được mục đích hành động và tìm kiếm cách thức hành động dựa trên vốn hiểu biết và kỹ xảo đời thường, hành động được thực hiện bằng cách "thử" và "sai".

- Giai đoạn 2: Giai đoạn biết cách làm nhưng không đầy đủ: ở giai đoạn này, con người có hiểu biết về cách thức thực hiện hành động, sử dụng các kỹ xảo đã có nhưng không phải là kỹ xảo chuyên biệt dành cho hoạt động này.

- Giai đoạn 3: Giai đoạn có những kỹ năng chung nhưng mang tính chất riêng lẻ. Ở giai đoạn này, con người có hàng loạt những kỹ năng phát triển cao nhưng còn mang tính chất riêng lẻ, các kỹ năng này cần thiết cho các dạng hoạt động khác nhau. Ví dụ như: kỹ năng kế hoạch hóa hoạt động, kỹ năng tổ chức hoạt động, v.v...

- Giai đoạn 4: Giai đoạn có kỹ năng phát triển cao. Ở giai đoạn này, con người biết sử dụng sáng tạo vốn hiểu biết và kỹ xảo đã có ý thức được không chỉ mục đích hành động mà cả động cơ lựa chọn cách thức đạt mục đích.

- Giai đoạn 5: Giai đoạn có tay nghề. Ở giai đoạn này, con người biết sử dụng một cách sáng tạo đầy triển vọng các kỹ năng khác nhau [Trích theo 45]

Trong khi nghiên cứu về các giai đoạn hình thành kỹ năng K.K. Platônôv cho rằng 5 giai đoạn như đã nêu trên cũng là 5 giai đoạn hình thành chúng.

Tác giả Trần Quốc Thành đã đưa ra ba giai đoạn hình thành kỹ năng, đó là:

- Giai đoạn nhận thức đầy đủ về mục đích, cách thức, điều kiện hành động.
- Giai đoạn quan sát mẫu và làm thử theo mẫu.
- Giai đoạn luyện tập để tiến hành các hành động theo đúng yêu cầu, điều kiện hành động nhằm đạt mục đích đã đặt ra [46].

Như trên cho thấy, về các giai đoạn hình thành kỹ năng, ý kiến của các tác giả có khác nhau. Tuy nhiên, thực chất những ý kiến đó không mâu thuẫn nhau. Sự khác nhau chỉ ở chỗ, các tác giả xuất phát từ các góc độ khác nhau để phân chia các giai đoạn hình thành kỹ năng. Nếu như X.I. Kixegov và các đồng sự đứng ở góc độ nhà sư phạm (chủ thể) hình thành các kỹ năng, kỹ xảo cho trẻ (khách thể) thì K.K. Platônôv và G.G. Gôlubev đứng ở góc độ: con người - chủ thể của các kỹ năng được hình thành.

L luận án dựa trên quan điểm của K.K. Platônôv và G.G. Gôlubev về các giai đoạn hình thành kỹ năng để nghiên cứu, xác định tiêu chí đánh giá kỹ năng giao tiếp cũng như nghiên cứu mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 qua

trò chơi ĐVTCĐ, dựa trên quan điểm hình thành kỹ năng của X.I.Kixegov để nghiên cứu mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ.

2.1.2. Giao tiếp của trẻ 5 – 6 tuổi

2.1.2.1. Giao tiếp

a) Khái niệm giao tiếp

Trong quá trình nghiên cứu, có nhiều định nghĩa khác nhau về giao tiếp [4], [9], [10], [28], [96] Tùy theo góc độ xem xét, vấn đề giao tiếp được phân tích, trên các lĩnh vực xã hội học, kinh tế học, tâm lý học. Và hoạt động giao tiếp không chỉ được phân chia thành nhiều cấp độ khác nhau mà nó còn được phân thành nhiều lĩnh vực: nơi công cộng, ở cơ quan, trong nhà trường, trong gia đình... Khi bàn về vấn đề giao tiếp, các nhà tâm lý học đã đưa ra những định nghĩa khác nhau. Mỗi định nghĩa đều đứng trên những quan điểm riêng, phản ánh những góc độ khác nhau của giao tiếp. Khi bàn về giao tiếp Platon (428-374 TCN), Socrate (460-348TCN), coi đối thoại là sự giao lưu trí tuệ của những người biết suy nghĩ [4], [9]. C.Mác và Ph.Ăngghen hiểu giao tiếp như là *"một quá trình thống nhất, hợp tác, tác động qua lại giữa người với người"* [Trích theo 9]. Như vậy, khái niệm giao tiếp được khai thác dưới góc độ là một quá trình hợp tác giữa con người với con người. Tuy nhiên, trong cuộc sống không phải có hợp tác là có giao tiếp, đôi khi giao tiếp không có sự hợp tác mà lại là xung đột. Nhà tâm lý học người Anh M.Acgain, đã khẳng định *"giao tiếp là quá trình hai mặt của sự thông báo, thành lập sự tiếp xúc, trao đổi thông tin"*. [33]. Lúc này, khái niệm giao tiếp được khai thác với chức năng trao đổi, tiếp nhận thông tin giữa con người với con người trong xã hội. Trong nghiên cứu về giao tiếp, các nhà Tâm lý học Pháp P.Oathavut, G.Bivans, D.Giactson, đã coi giao tiếp là một tổ hợp hành vi hay nói cách khác, giao tiếp là một quá trình xã hội thường xuyên diễn ra giữa con người với nhau, quá trình này tích hợp nhiều loại hành vi, hành vi ngôn ngữ, hành vi phi ngôn ngữ [14].

Các nhà tâm lý học Liên Xô (cũ) đã có những định nghĩa khác nhau về giao tiếp. Đại diện cho các nhà tâm lý học Liên Xô là A.A. Leongchiev. Theo A.A. Leongchiev [31], giao tiếp là các biểu hiện ở mối quan hệ giữa người với người; sự tiếp xúc về tâm lý; có sự trao đổi thông tin, tình cảm và điều chỉnh lẫn nhau. Ông định nghĩa: *"giao tiếp là một hệ thống những quá trình có mục đích và động cơ bảo*

đảm sự tương tác giữa người này với người khác, trong hoạt động tập thể thực hiện các quan hệ xã hội và nhân cách, các quan hệ tâm lý và sử dụng phương tiện đặc thù...". Theo định nghĩa trên, khái niệm giao tiếp được khai thác dưới góc độ là một quá trình có mục đích, động cơ, nội dung và có phương tiện. Ở Việt Nam, vấn đề giao tiếp [5], [15], [29, tr 33-37]. đã nhận được sự quan tâm rất nhiều của các nhà Tâm lý học và Giáo dục học, nó được khai thác dưới nhiều góc độ khác nhau như giao tiếp thông thường ở các lứa tuổi, giao tiếp công vụ.

Tác giả Ngô Công Hoàn cho rằng: *"Giao tiếp là quá trình tiếp xúc giữa con người với con người nhằm mục đích trao đổi tư tưởng, tình cảm, vốn sống, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp"*[17]. Khái niệm giao tiếp ở đây đã được khai thác trong mối quan hệ giữa con người với con người với những mục đích khác nhau. Nhấn mạnh khía cạnh tâm lý của giao tiếp, tác giả Trần Trọng Thủy quan niệm: *"giao tiếp của con người là một quá trình có chủ định hay không có chủ định, có ý thức hay không có ý thức mà trong đó, các cảm xúc và tư tưởng được biểu đạt trong các thông điệp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ"* [51]. Khái niệm giao tiếp của tác giả được khai thác là một quá trình có chủ định hoặc không chủ định, thực hiện bằng lời hoặc không bằng lời, có thể kiểm soát được và có thể không kiểm soát được bằng ý thức con người. Tiếp cận dưới góc độ mối quan hệ liên nhân cách của con người, tác giả Nguyễn Quang Uẩn viết: *"giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa người và người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại lẫn nhau. Hay nói cách khác đi, giao tiếp xác lập và vận hành các quan hệ người - người, hiện thực hóa các quan hệ xã hội giữa chủ thể này với chủ thể khác"*. [55]. Ở đây, tác giả đã xem giao tiếp như điều kiện của sự tồn tại và phát triển của con người. Thông qua giao tiếp, các mối quan hệ liên nhân cách của con người được phát triển.

Phạm trù giao tiếp đã được nhấn mạnh là sự vận hành mối quan hệ người – người, hiện thực hóa các mối quan hệ xã hội giữa chủ thể này với chủ thể khác. Trong thực tế, các nhà nghiên cứu đã nhìn nhận về giao tiếp và có những định nghĩa khác nhau về giao tiếp. Mỗi tác giả khai thác khái niệm giao tiếp dưới góc độ khác nhau. Tuy nhiên thông qua những định nghĩa, các tác giả đều đã nêu ra những dấu hiệu cơ bản của giao tiếp. Những dấu hiệu cơ bản đó là:

- Giao tiếp là một hiện tượng đặc thù của con người, chỉ có ở con người, chỉ được diễn ra trong xã hội loài người.

- Giao tiếp dựa trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người.

- Giao tiếp thể hiện thông qua sự trao đổi thông tin, sự hiểu biết, rung cảm và ảnh hưởng lẫn nhau.

- Giao tiếp chứa đựng những nội dung của xã hội, được thực hiện trong một hoàn cảnh xã hội cụ thể và chịu sự quy định của các yếu tố văn hóa, xã hội. Giao tiếp là nhu cầu tất yếu, đặc trưng của xã hội loài người, giao tiếp được tiến hành bằng nhiều hình thức có ngôn ngữ hay phi ngôn ngữ, khả năng giao tiếp của con người phụ thuộc vào kỹ năng giao tiếp và vốn tri thức, vốn kinh nghiệm sống của họ. Từ những dấu hiệu chung của giao tiếp, chúng tôi coi khái niệm sau đây về giao tiếp làm khái niệm công cụ trong nghiên cứu: Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa người với người nhằm trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm...tạo nên các quan hệ xã hội và mang bản chất xã hội lịch sử.

Trong nghiên cứu đề tài này chúng tôi hiểu: *Giao tiếp là quá trình tiếp xúc tâm lý giữa con người với con người nhằm mục đích truyền đạt, tiếp nhận, trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm và hành động giữa các chủ thể, qua việc hiểu ngôn ngữ và diễn đạt ngôn ngữ bằng lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ. Thông qua giao tiếp nhân cách được hình thành và phát triển.*

Từ khái niệm về giao tiếp trên, chúng tôi quan niệm: *Giao tiếp của trẻ mẫu giáo là quá trình tiếp xúc tâm lý của trẻ với những người khác nhằm mục đích truyền đạt, tiếp nhận, trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm và hành động của trẻ với các chủ thể qua việc hiểu ngôn ngữ và diễn đạt ngôn ngữ bằng lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ. Thông qua giao tiếp nhân cách của trẻ được hình thành và phát triển.*

b) Vai trò của giao tiếp

Giao tiếp là điều kiện tồn tại của cá nhân và xã hội, giao tiếp là điều kiện tồn tại của con người. Nếu không có giao tiếp với người khác thì con người không thể phát triển, cảm thấy cô đơn và có khi trở thành bệnh hoạn. Nếu không có giao tiếp thì không có sự tồn tại xã hội, vì xã hội luôn là một cộng đồng người có sự ràng buộc, liên kết với nhau. Người ta không thể nghiên cứu con người với tính cách là đơn vị độc lập, không phụ thuộc vào môi trường xã hội xung quanh vì: “Bản chất

con người không phải là trừu tượng vốn có của một cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà của tất cả những mối quan hệ xã hội” [72]

Qua giao tiếp chúng ta có thể xác định được các mức độ nhu cầu, tư tưởng, tình cảm, vốn sống, kinh nghiệm... của đối tượng giao tiếp, nhờ đó mà chủ thể giao tiếp đáp ứng kịp thời, phù hợp với mục đích và nhiệm vụ giao tiếp. Từ đó tạo thành các hình thức giao tiếp giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với nhóm, giữa nhóm với nhóm hoặc giữa nhóm với cộng đồng. Ví dụ, khi một đứa trẻ sinh ra được chó sói nuôi, thì người đó sẽ không có ngôn ngữ, tiếng nói của loài người, không đi thẳng mà đi bằng 4 chân, ăn thịt sống, sẽ sợ người, sống ở trong hang và có những hành động, cách cư xử giống như tập tính của chó sói.

Giao tiếp là nhu cầu sớm nhất của con người từ khi tồn tại đến khi mất đi, từ khi con người mới sinh ra đã có nhu cầu giao tiếp, nhằm thỏa mãn những nhu cầu của bản thân. Ở đâu có sự tồn tại của con người thì ở đó có sự giao tiếp giữa con người với con người, giao tiếp là cơ chế bên trong của sự tồn tại và phát triển con người. Để tham gia vào các quan hệ xã hội, giao tiếp với người khác thì con người phải có một cái tên, và phải có phương tiện để giao tiếp. Lớn lên con người phải có nghề nghiệp, mà nghề nghiệp do xã hội sinh ra và quy định. Việc đào tạo, chuẩn bị tri thức cho nghề nghiệp phải tuân theo một quy định cụ thể, khoa học... không học tập tiếp xúc với mọi người thì sẽ không có nghề nghiệp theo đúng nghĩa của nó, hơn nữa muốn hành nghề phải có nghệ thuật giao tiếp với mọi người thì mới thành đạt trong cuộc sống. Trong quá trình lao động con người không thể tránh được các mối quan hệ với nhau. Đó là một phương tiện quan trọng để giao tiếp và một đặc trưng quan trọng của con người là tiếng nói và ngôn ngữ. Giao tiếp giúp con người truyền đạt kinh nghiệm, thuyết phục, kích thích đối tượng giao tiếp hoạt động, giải quyết các vấn đề trong học tập, sản xuất kinh doanh, thỏa mãn những nhu cầu hứng thú, cảm xúc tạo ra. Qua giao tiếp giúp con người hiểu biết lẫn nhau, liên hệ với nhau và làm việc cùng nhau. Ví dụ, từ khi một đứa trẻ vừa mới sinh ra đã có nhu cầu giao tiếp với ba mẹ và mọi người để được thỏa mãn nhu cầu an toàn, bảo vệ, chăm sóc và được vui chơi,...

Thông qua giao tiếp con người gia nhập vào các mối quan hệ xã hội, lĩnh hội nền văn hóa xã hội, đạo đức, chuẩn mực xã hội. Trong quá trình giao tiếp thì cá nhân điều chỉnh, điều khiển hành vi của mình cho phù hợp với các chuẩn mực xã hội, quan hệ xã hội, phát huy những mặt tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực. Cùng với hoạt động giao tiếp con người tiếp thu nền văn hóa, xã hội, lịch sử biến những kinh nghiệm đó thành vốn sống. Kinh nghiệm của bản thân hình thành và phát triển trong đời sống tâm lý. Đồng thời góp phần vào sự phát triển của xã hội. Nhiều nhà tâm lý học đã khẳng định, nếu không có sự giao tiếp giữa con người thì một đứa trẻ không thể phát triển tâm lý, nhân cách và ý thức tốt được. Nếu con người trong xã hội mà không giao tiếp với nhau thì sẽ không có một xã hội tiến bộ, con người tiến bộ. Nếu cá nhân không giao tiếp với xã hội thì cá nhân đó sẽ không biết phải làm những gì để cho phù hợp với chuẩn mực xã hội, cá nhân đó sẽ rơi vào tình trạng cô đơn, cô lập về tinh thần và đời sống sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Trong khi giao tiếp với mọi người thì họ truyền đạt cho nhau những tư tưởng, tình cảm, thấu hiểu và có điều kiện tiếp thu được những tinh hoa văn hóa nhân loại, biết cách ứng xử như thế nào là phù hợp với chuẩn mực xã hội. Ví dụ, khi gặp người lớn tuổi hơn mình thì phải chào hỏi, phải xưng hô cho đúng mực, phải biết tôn trọng tất cả mọi người, dù họ là ai đi chăng nữa, phải luôn luôn thể hiện mình là người có văn hóa, đạo đức.

Thông qua giao tiếp con người hình thành năng lực tự ý thức, trong quá trình giao tiếp, con người nhận thức đánh giá bản thân mình trên cơ sở nhận thức đánh giá người khác. Theo cách này họ có xu hướng tìm kiếm ở người khác để xem ý kiến của mình có đúng không, thừa nhận không. Trên cơ sở đó họ có sự tự điều chỉnh, điều khiển hành vi của mình theo hướng tăng cường hoặc giảm bớt sự thích ứng lẫn nhau. Tự ý thức là điều kiện trở thành chủ thể hành động độc lập, chủ thể xã hội. Thông qua giao tiếp thì cá nhân tự điều chỉnh, điều khiển hành vi theo mục đích tự giác. Thông qua giao tiếp thì cá nhân có khả năng tự giáo dục và tự hoàn thiện mình. Cá nhân tự nhận thức về bản thân mình từ bên ngoài đến nội tâm, tâm hồn, những diễn biến tâm lý, giá trị tinh thần của bản thân, vị thế và các quan hệ xã hội. Khi một cá nhân đã tự ý thức được thì khi ra xã hội họ thường nhìn nhận và so sánh mình với người khác xem họ hơn người khác ở điểm nào và yếu hơn ở điểm

nào, để nỗ lực và phấn đấu, phát huy những mặt tích cực và hạn chế những mặt yếu kém. Nếu không giao tiếp cá nhân đó sẽ không biết những gì mình làm có được xã hội chấp nhận không, có đúng với những gì mà xã hội đang cần duy trì và phát huy hay không. Nếu con người khi sinh ra mà bị bỏ rơi, mà được động vật nuôi thì những cử chỉ và hành động của bản thân con người đó sẽ giống như cử chỉ và hành động của con vật mà đã nuôi bản thân con người đó. Ví dụ, khi tham gia vào các hoạt động xã hội thì cá nhân nhận thức mình nên làm những gì và không nên làm những việc gì như: nên giúp đỡ những người gặp hoàn cảnh khó khăn, tham gia vào các hoạt động tình nguyện, không được tham gia các tệ nạn xã hội, chỉ được phép tuyên truyền mọi người về tác hại của chúng đối với bản thân, gia đình và xã hội; Hoặc khi tham dự một đám tang thì mọi người ý thức được rằng phải ăn mặc lịch sự, không nên cười đùa. Bên cạnh đó phải tỏ lòng thương tiếc đối với người đã khuất và gia đình họ.

Có thể khẳng định rằng, giao tiếp đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển tâm lý, nhân cách cá nhân. Vì vậy, con người nói chung, trẻ em nói riêng, rất cần phải rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, bởi lẽ sự phát triển của một cá nhân phụ thuộc vào sự phát triển của các cá nhân khác mà nó giao tiếp trực tiếp và gián tiếp [49]

2.1.2.2. Đặc điểm giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi

a. Đặc điểm tâm lý của trẻ 5-6 tuổi

** Tính không chủ định trong hoạt động tâm lý*

Một trong những nét tâm lý đặc trưng của trẻ mẫu giáo là tính không chủ định trong hoạt động tâm lý, tức là các hiện tượng tâm lý xảy ra không có sự tham gia của ý thức, trẻ không đặt ra nhiệm vụ hay kế hoạch từ trước để tiến hành hoạt động nói chung. Các quá trình tâm lý của trẻ mẫu giáo đều mang tính không chủ định. Trẻ thích thì chú ý, thích thì nhớ, không thích thì thôi. Toàn bộ hoạt động và phương pháp dạy trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo này đều phải chú ý đến yếu tố không chủ định này. Hoạt động vui chơi cũng mang tính không bắt buộc, tức là trẻ thích thì tham gia, không thích thì không chơi. Mọi sự ép buộc qua trò chơi đều dẫn đến sự phản tác dụng của trò chơi. Nếu trong hoạt động vui chơi trẻ không hòa hợp với bạn mà trẻ từ bỏ cuộc chơi, thì cô giáo cũng không thể ép trẻ chơi.

** Tính hình tượng trong hoạt động tâm lí.*

Cùng với sự phát triển và sự hoàn thiện dần của hoạt động vui chơi cũng như các hoạt động (hoạt động tạo hình, kể chuyện, đọc thơ...) vốn biểu tượng của trẻ ngày càng phong phú hơn rất nhiều và chức năng kí hiệu tượng trưng được phát triển. Tư duy trực quan hình tượng, trí nhớ hình tượng phát triển mạnh ở giai đoạn này. Sự phát triển mạnh của tính hình tượng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ cảm thụ những hình tượng nghệ thuật trong các tác phẩm văn học và các hiện tượng ngôn ngữ.

Tính hình tượng trong hoạt động tâm lí đã giúp trẻ có thể chơi được tốt và sáng tạo qua trò chơi, khi sắm vai mà mình đảm nhận và hoạt động của vai. Nếu hành động của vai qua trò chơi ĐVTCD. Điều đó khiến hoạt động của trẻ trong vai đã đảm nhận không quá lệ thuộc vào đồ vật và do đó trẻ sẽ gặp khó khăn hơn trong quá trình tham gia chơi cùng các bạn. Có thể nói, tính hình tượng phát triển tốt sẽ giúp trẻ tham gia chơi cùng các bạn, giúp trẻ thực hiện những kỹ năng chơi dễ dàng hơn.

** Tính đồng cảm và dễ xúc cảm.*

Ở lứa tuổi mầm non thì tính xúc cảm tình cảm nổi trội trong tất cả các mặt hoạt động tâm lí. So với trẻ em ở lứa tuổi nhà trẻ thì trẻ mẫu giáo rất muốn được yêu thương, khen ngợi và lo sợ trước những thái độ thờ ơ lạnh nhạt của những người xung quanh. Nó thực sự vui khi được người lớn và bạn bè yêu mến khen ngợi, và cũng thực sự buồn bã khi bị tẩy chay. Trẻ không những chỉ có nhu cầu được yêu thương mà còn có nhu cầu yêu thương người khác nữa. Trẻ luôn cố gắng động viên an ủi, chia sẻ những tình cảm của mình với những người xung quanh. Đây chính là giai đoạn rất tốt để phát triển khả năng đồng cảm ở trẻ.

Tình cảm của trẻ đặc biệt là tính đồng cảm và dễ xúc cảm phát triển là thời điểm thuận lợi để giáo dục lòng nhân ái cho trẻ. Các loại tình cảm bậc cao như tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức và tình cảm thẩm mỹ cũng phát triển mạnh ở giai đoạn này. Hoạt động vui chơi, đặc biệt là trò chơi đóng vai theo chủ đề sẽ tạo điều kiện cho trẻ những trạng thái tình cảm khác nhau, bởi vì tình cảm với con người chỉ nảy sinh trong quan hệ người người.

** “Duy kỉ” – một nét tâm lí còn biểu hiện ở lứa tuổi mẫu giáo.*

“Duy kỉ” là đặc điểm tâm lí đặc trưng cho trẻ ở độ tuổi nhỏ hơn, tuy nhiên nó vẫn còn ảnh hưởng tới các hoạt động của trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo và vẫn để lại dấu ấn tâm lí trong các hoạt động của mình. “Duy kỉ” tức là đứa trẻ chưa phân biệt được đâu là tính khách quan của sự vật hiện tượng, đâu là tính chủ quan của bản thân mình, hay nói cách khác chưa phân biệt yếu tố chủ thể và khách thể của hoạt động. Trẻ chưa nhận rõ đâu là ý muốn nhu cầu chủ quan, đâu là những quy tắc luật lệ xã hội mà trẻ phải tuân theo. Điều này dễ dẫn đến sự hình thành tính ích kỉ (trẻ chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Tuy nhiên “duy kỉ” sẽ giảm dần theo năm tháng, nếu có sự giáo dục thì “duy kỉ” sẽ ít có nguy cơ biến thành sự ích kỉ.

“Duy kỉ” ảnh hưởng nhiều đến quan hệ của trẻ trong hoạt động vui chơi. Nhiều trẻ luôn tranh chấp đồ chơi của bạn, bắt các bạn phải thỏa mãn những nhu cầu của mình, mặc dù đôi khi những đòi hỏi ấy rất vô lí. Để “duy kỉ” không trở thành nguyên nhân chính của xung đột, phải phát triển khả năng tự ý thức của trẻ.

b) Đặc điểm giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi

Nhờ sự phát triển nhanh về mặt ngôn ngữ mà trẻ 5 – 6 tuổi đã có thể giao tiếp khá tự tin trong cuộc sống. Điều đó biểu hiện ở những đặc điểm sau:

- Với vốn từ giao động từ 3500 đến 4500 từ, trẻ đã có thể dùng từ phù hợp với nội dung, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp, đặc biệt là trẻ đã có khả năng nhận biết được những sắc thái biểu cảm của lời nói (vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi,...).

Trẻ đã có thể diễn đạt được những xúc cảm, nhu cầu, ý nghĩ và hiểu biết của mình qua lời nói, biết sử dụng lời nói để chỉ dẫn những vấn đề đơn giản cho người khác hiểu và ngược lại có thể hiểu những chỉ dẫn về những vấn đề đơn giản qua lời nói, hoặc cử chỉ hành động.

- Ở những trẻ được chú ý rèn luyện về mặt giao tiếp đã có thể sử dụng khá hiệu quả phương tiện giao tiếp phi ngôn từ (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt, giọng nói,...). Hơn nữa, nếu được chú ý giáo dục, trẻ đã có thể thực hiện được những quy tắc giao tiếp thông thường như gặp người lớn, gặp thầy cô thì chào hỏi lễ phép, người lớn đưa cho thứ gì thì phải xin bằng hai tay,...

Mặc dù có thể trẻ chưa hiểu được sâu sắc ý nghĩa của những hành vi giao tiếp, song trẻ hoàn toàn có thể thực hiện được chuẩn về mặt hành vi trong quá trình giao tiếp nếu môi trường giao tiếp quanh trẻ chỉ chứa đựng những nét đẹp của văn

hoá giao tiếp và trẻ nhận được sự quan tâm giáo dục thoả đáng của gia đình, nhà trường và toàn xã hội.

Nếu được giáo dục đúng hướng, giao tiếp của trẻ 5 – 6 tuổi còn có một số đặc điểm sau:

- Trẻ 5 – 6 tuổi dễ dàng thiết lập những mối quan hệ giao tiếp với những người xung quanh không phân biệt tuổi tác, địa vị xã hội, kinh tế. Có thể nói trẻ thiết lập quan hệ giao tiếp rất hồn nhiên, vô tư không để ý đến xuất thân của đối tượng giao tiếp. Tuy nhiên, trẻ đã bước đầu biết để ý đến sở thích, thói quen, tính cách của đối tượng giao tiếp nên trong những trường hợp đối tượng giao tiếp có biểu hiện ảnh hưởng tới sự an toàn của trẻ (như dọa nạt, trêu chọc,...) thì trẻ sẽ không thích giao tiếp với đối tượng đó.

Trong những tình huống nhất định (tình huống mà trẻ thích giao tiếp) trẻ dễ dàng thay đổi ý kiến, thái độ của mình để nhận được sự đồng tình của đối tượng giao tiếp - biểu hiện của tính thiện chí trong giao tiếp.

Trong quá trình giao tiếp, trẻ 5 – 6 tuổi đã biết cảm thông với người, sẵn sàng giúp đỡ người khác, biết nhường nhịn bạn chơi - đối tượng giao tiếp.

Đặc biệt là xúc cảm, tình cảm của trẻ thường được biểu hiện một cách chân thật trong quá trình giao tiếp.

Tính tích cực giao tiếp của trẻ cũng được phát triển

Trong lứa tuổi mẫu giáo có sự thay đổi mạnh trong nội dung và hình thức của tính tích cực giao tiếp với người khác và trong thái độ đối với chính bản thân.

Các quan hệ mới với người lớn nảy sinh trên cơ sở của khả năng ngày càng tăng của trẻ quy định sự thay đổi của tính tích cực giao tiếp. Vai trò của người lớn trong đời sống của trẻ được thay đổi và do đó quan hệ của cô với trẻ được xây dựng lại.

Nhu cầu quan hệ với người lớn, đặc biệt với những người có quan hệ gần gũi với các em được hình thành và phát triển rất sớm ở trẻ ngay từ lúc trẻ tuổi còn rất nhỏ trẻ đã luôn muốn được giao tiếp với mẹ. Mẹ, cô giáo trước hết là người thoả mãn những nhu cầu thiết yếu nhất. Mặc dù ở trẻ mẫu giáo vẫn có mối quan hệ ấy (ở những nhóm nhỏ), nhưng quan hệ này ngày càng nhỏ dần so với hứng thú nhất định của trẻ với người lớn. Giờ đây trẻ có thể tự làm được nhiều cái và không cần thường xuyên có người lớn bảo trợ, nhưng trẻ luôn muốn được người lớn quan tâm, chú ý.

Động cơ chủ yếu kích thích trẻ giao tiếp với người lớn là nội dung của sự giao tiếp ấy. Trẻ sớm phát hiện ra người lớn biết nhiều, làm được nhiều thứ và có thể chỉ bảo dạy dỗ mọi thứ. Các em cũng biết phân biệt ai đúng ai sai. Người lớn cấm đoán và cho phép, cầu kính và dịu dàng, yêu cầu và khen ngợi. Sự bắt chước các hành vi này diễn ra ở mức độ cao hơn trẻ ở tuổi nhà trẻ, và đã mang tính chất có chủ định. Sự bắt chước người lớn, hành động của họ và sau đó bắt chước mối quan hệ qua lại giữa người lớn và những người khác, biểu hiện rõ rệt trong các trò chơi đóng vai của trẻ mẫu giáo (F.I.Fratkina, D.B.Encônin, R.I.Jukôpxkaxi, D.V.Metgeritxkaia, R.M.Rimuarơ, I.G.Xa môrukôva, A.V.Tserokóp). [Trích theo 73]

Các công trình nghiên cứu chỉ ra rằng trò chơi của trẻ phản ánh hoạt động lao động, cách sống và mối quan hệ qua lại của người lớn.

Nhu cầu quan hệ với bạn càng phát triển, không chỉ quan hệ với người lớn thay đổi mà cả mối quan hệ qua lại giữa trẻ mẫu giáo và bạn cùng tuổi cùng tuổi cũng thay đổi. Trẻ muốn chơi với các bạn khác, trẻ ở cuối tuổi mẫu giáo nói chung không thể chơi một mình: nó muốn kể một điều gì đó cho bạn nghe, cùng các em thực hiện một số việc gì đó đã được giao. Niềm vui được cùng làm cùng chơi với bạn làm nảy sinh mối quan hệ giữa các em, tình bạn và mầm mống của tình bạn (A.V.Bulatôva, V.A.Xukhômliński, A.I.Arjanôva, E.I.Kuntsiuxkaia M.I.Timôsenkô v.v.). Các em quan tâm lẫn nhau, không có nhau thì buồn, gắng giúp bạn, chú ý tới các em bé hơn. Kinh nghiệm sống do mỗi em thu thập được tạo điều kiện hình thành các nhóm nhỏ.). [Trích theo 70]

Nếu cô giáo sử dụng một cách hệ thống những khả năng ấy thì có thể đạt được những kết quả đáng kể trong việc hình thành các mối quan hệ giữa các em với nhau.

Tổ chức cho các em cùng hoạt động, chia thành từng nhóm 2-3 em phù hợp với trình độ và đặc điểm riêng của các em, xác định nhiệm vụ của các nhóm nhỏ ấy, và sau đó đánh giá kết quả công việc, cô giáo sẽ tạo ra được ở trẻ nhu cầu xem xét hành động của từng em như là của một người bạn, như một thành viên của toàn nhóm. Ví dụ khi nhận báo cáo về đợt trực ba ngày, cô giáo đánh giá tốt tinh thần trách nhiệm của các bạn trực đối với nhau và lưu ý trẻ về vấn đề đó: “Nga thấy Lan Anh chưa dọn bàn ăn xong, mặc dù đã làm hết ở các bàn của mình rồi, em không đi chơi mà đến giúp đỡ Lan Anh: chính vì việc chung của hai người chưa xong, mà cả

hai cùng có trách nhiệm. Những người bạn thực sự lúc nào cũng làm như vậy trong mọi việc”.

Tính tích cực giao tiếp của trẻ cũng như hoạt động nhận thức của trẻ mẫu giáo đã bước đầu có tính chất chủ định, có định hướng. Nhờ vào các qui tắc cô giáo điều chỉnh hành vi của trẻ. V.A.Gorbatsêva đã chỉ ra một cách đáng tin rằng việc đưa vào cuộc sống của trẻ một chương trình những yêu cầu có tính toán cẩn thận, những yêu cầu qui định hành vi của trẻ (lúc ngồi ở bàn ăn vào chỗ ngủ hay trong phòng học), trong một mức đáng kể quyết định hành động của trẻ trong những điều kiện cụ thể trong đời sống của chúng. Nhưng điều quan trọng là các quy tắc ấy trở thành cơ sở để trẻ đánh giá hành động và phẩm chất của trẻ, hành động và phẩm chất của các trẻ khác, cũng như các mối quan hệ qua lại của bản thân trong lớp.). [Trích theo 70]

Nếu trẻ 2-3 tuổi tuân theo những yêu cầu duy nhất “cần” và “không được” hành động trong hoàn cảnh cụ thể, thì một đặc điểm nổi bật trong hành vi trẻ 5-6 tuổi là chuyển sang tiếp thu một cách khái quát các qui tắc: mang tính chất chuẩn mực khái quát của hành vi

Trẻ 5 – 6 tuổi gặp nhiều yêu cầu mới đối với các em, các em không tiếp thu được ngay. Một số em tích cực hơn thì thử xem xét các yêu cầu đó của cô giáo kiểm tra và phân định xem qui tắc nào là bắt buộc. Khi thấy một em nào đó phá qui tắc, các em tích cực này mách cô giáo. Mách như vậy thì người mách không bị hành vi phá qui tắc ấy ảnh hưởng tới. Đó là một đặc điểm của những người mách. Như khi mách “Hải lấy tay ăn mì” hay “Huy không xếp dọn đồ chơi” còn “Hưng nói tục” trẻ muốn xem cô giáo phản ứng thế nào đối với những hiện tượng phá qui tắc đó. Khi người lớn qua sự đánh giá của mình khen em nào mách vì em đó đã biết kỹ các qui tắc ấy, qua đó qui tắc được ủng hộ: “Đồ chơi nhất định phải xếp vào ngăn kéo. Thanh cừ lắm, và đã nhìn thấy và nhắc bạn Khuê cất các mẫu gỗ hình khối đó”.

Nếu trong nhóm trẻ mẫu giáo lớn cô giáo làm cho trẻ tiếp thu được qui tắc lịch thiệp, thì lời mách của trẻ nói lên em nào đó phá qui tắc đối xử với bạn: “Hoa lấy của Mi cái bút chì xanh, mà Mi cũng cần để vẽ máy bay”; “thế tại sao Bình lại không đưa cho Đạt chiếc máy bay, mà bạn Đạt nói một cách lịch sự, bạn Đạt nói “làm ơn cho mượn”, thế mà bạn Bình không đưa”.

Minh Anh là người trực nhật tốt nhất. Bạn dọn cơm nhanh nhẹn, xếp bát đĩa đầu ra đây, đĩa đặt bên phải, và nếu bạn nào không có ghế, thì bạn ấy nhường ghế của mình cho bạn và còn mình đi lấy ghế khác.

Như vậy là qui tắc hành vi do người lớn đề ra và việc kiểm tra điều đặn, kỷ lưỡng xem tất cả các em hàng ngày thực hiện như thế nào khiến cho qui tắc hành vi ấy thành cái điều khiển hành vi của trẻ.

Công trình nghiên cứu của V.A.Gorbatsêva cũng cho hay là việc thường xuyên củng cố bằng lời khen khi trẻ có thực hiện hay chê lúc trẻ không thực hiện một qui tắc nào đó (mà các em đã biết) khiến cho trẻ mẫu giáo biết đánh giá tương ứng. Thoạt đầu thái độ đó biểu hiện trong thái độ đối với các bạn, sau đó đối với bản thân.

2.1.3. Trò chơi đóng vai theo chủ đề của trẻ 5 – 6 tuổi

2.1.3.1. Khái niệm

Trò chơi của trẻ 5 – 6 tuổi rất đa dạng, phong phú về nội dung, tính chất cũng như cách tổ chức. Trò chơi đóng vai có chủ đề là trò chơi đặc trưng của trẻ lứa tuổi này. Tùy theo cách nhìn nhận trò chơi theo nguồn gốc, theo cấu trúc hay theo ý nghĩa của từ khi phiên âm từ tiếng nước ngoài mà loại trò chơi này có tên gọi khác nhau. Chẳng hạn như: "Trò chơi phân vai theo chủ đề (cách gọi này được nhiều tác giả Việt Nam sử dụng); "Trò chơi biểu trưng" (cách gọi của G. Piaget); "Trò chơi có cốt truyện" (cách gọi của S. Smilanski) v.v... Đề tài luận án sử dụng tên gọi "Trò chơi đóng vai theo chủ đề" bởi nội hàm cơ bản của bản thân loại trò chơi này khác biệt với các loại trò chơi khác, đó là: có một chủ đề chơi nhất định (mảng hiện thực của cuộc sống xã hội) và khi chơi trẻ phải đóng vai (giả làm người lớn) để phản ánh mảng hiện thực đó.

Trong các tài liệu trong nước và nước ngoài, chưa có một định nghĩa nào mang tính khái quát về trò chơi ĐVTCD. Điều này nói lên tính chất phức tạp của loại trò chơi này. Để hiểu khái niệm trò chơi ĐVTCD, trước hết cần xem xét những đặc điểm cơ bản sau đây:

- Trò chơi ĐVTCD bao giờ cũng có một chủ đề nhất định: trong khi chơi, trẻ phản ánh cuộc sống xung quanh rất đa dạng với các mảng hiện thực vô cùng phong phú. Các mảng hiện thực được phản ánh qua trò chơi được gọi là chủ đề của trò

chơi. Ví dụ chủ đề về sinh hoạt gia đình, về trường học, bệnh viện, về giao thông, về chiến tranh v.v... Phạm vi tiếp xúc của trẻ càng rộng, kinh nghiệm của trẻ càng nhiều thì chủ đề chơi của trẻ càng phong phú [71, tr 5-6].

- Chính vì trò chơi ĐVTCD mô phỏng hoạt động của người lớn xung quanh, mô phỏng mối quan hệ giữa người với người, cho nên, khi tham gia vào trò chơi này cần phải có nhiều trẻ, cùng chơi, cùng hợp tác. (Bác sĩ không thể không có bệnh nhân; người bán hàng không thể thiếu những người đi mua hàng; cô giáo không thể không có học sinh v.v...). Điều này cho thấy tính hợp tác là một đặc điểm rất rõ nét của loại trò chơi này.

- Để chơi được trò chơi này trẻ cần phải đóng vai. Có nghĩa là trẻ phải giả làm người lớn, uhm mình vào vị trí của một người nào đó với các chức năng xã hội mà người đó đảm nhận và bắt chước hành động của họ [97 tr 1,3]; [67, tr 58, 59].

- Trò chơi ĐVTCD mang tính ký hiệu tượng trưng, tính khái quát, mô phỏng. Mặc dù, trò chơi ĐVTCD phản ánh những hiện tượng có thực trong cuộc sống xung quanh trẻ, nhưng hành động của trẻ chỉ có tính chất mô phỏng lại một cách khái quát, tượng trưng (hành động giả vờ). Mặt khác, trong khi chơi, trẻ sử dụng những đồ vật, đồ chơi thay thế. Những vật thay thế này mang tính ký hiệu tượng trưng và được trẻ sử dụng không theo đúng chức năng của chúng. Ví dụ: ghế làm ô tô; que làm xa-lanh; khăn làm giường v.v... Hoặc trẻ dùng hành động của mình để thực hiện chức năng của một vật. Ví dụ: lấy ngón tay chọc vào cánh tay của bạn - hành động tiêm cho bệnh nhân; đưa tay lên tai - hành động nghe điện thoại v.v... Chính đặc tính này của trò chơi ĐVTCD làm nảy sinh hoàn cảnh tượng trưng. Đây là đặc điểm đặc trưng của trò chơi ĐVTCD. Khi chơi, trẻ đắm mình trong hoàn cảnh chơi, kết thúc trò chơi cũng là lúc trẻ ra khỏi hoàn cảnh này. Đặc điểm này của trò chơi ĐVTCD có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong sự phát triển nhận thức của trẻ. Nhờ đó mà trẻ bước sang một loại hình nhận thức mới, đặc trưng của con người. Đó là sự nhận thức thế giới xung quanh thông qua một hệ thống ký hiệu [41, tr 18]; [13, tr 74-75].

- Trò chơi ĐVTCD thể hiện rõ tính tự lập cao [95]. Trên cơ sở kinh nghiệm đã có của mình, trẻ tự nghĩ ra chủ đề chơi, nội dung chơi, tự thỏa thuận với nhau vai

chơi, tự điều hành, kiểm tra diễn biến quá trình chơi. Ở đây, người lớn chỉ giữ vai trò là người tổ chức, hướng dẫn, là "thang đỡ" [95, tr 19] giúp trẻ trong quá trình chơi để thỏa mãn nhu cầu được làm người lớn của mình.

Dựa trên cơ sở những đặc điểm của trò chơi ĐVTCD đã nêu trên, theo chúng tôi:

Trò chơi đóng vai theo chủ đề là dạng trò chơi sáng tạo, đặc trưng của tuổi mẫu giáo. Trẻ thực hiện các vai của người lớn theo một chủ đề nhất định và thực hiện hành động theo chức năng xã hội mà họ đảm nhận.

Đây là khái niệm công cụ thứ tư mà luận án dựa vào làm cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu.

2.1.3.2. Tổ chức trò chơi đóng vai theo chủ đề của trẻ 5 – 6 tuổi

a) Cấu trúc trò chơi đóng vai theo chủ đề

Khi nghiên cứu trò chơi ĐVTCD, các nhà tâm lý học, giáo dục học đều thống nhất cấu trúc của trò chơi ĐVTCD bao gồm các thành tố sau: *Chủ đề chơi; nội dung chơi; vai chơi; hành động chơi; luật chơi; đồ chơi, trang thiết bị chơi; tình huống tưởng tượng (hoàn cảnh chơi hay hoàn cảnh tưởng tượng); mối quan hệ của trẻ trong khi chơi.*

Các thành tố này có liên hệ mật thiết với nhau và bổ sung cho nhau trong đó vai chơi và hoàn cảnh tưởng tượng là hai thành tố đặc biệt quan trọng.

- *Chủ đề chơi*: Đó là "mảng hiện thực được phản ánh vào các trò chơi trẻ em" [Trích theo 43]. Theo V.X. Mukhina phạm vi hiện thực mà trẻ được tiếp xúc càng rộng bao nhiêu thì các chủ đề của trò chơi càng nhiều hình nhiều vẻ bấy nhiêu. Trong khi chơi, mọi hành động của trẻ đều xoay quanh chủ đề.

- *Nội dung chơi*: Là những hành động, hành vi ứng xử, các mối quan hệ xã hội mà đứa trẻ nhận thức được và phản ánh vào trò chơi. Với trẻ 5 tuổi nội dung cơ bản của trò chơi là sự phục tùng những quy tắc rút ra từ vai mà mình nhận. Các nhà nghiên cứu cũng khẳng định rằng, nhận thức, kinh nghiệm của trẻ càng rộng thì nội dung chơi của trẻ càng phong phú.

- *Vai chơi*: Là thành phần quan trọng, không thể thiếu được trong cấu trúc của trò chơi ĐVTCD, là yếu tố trung tâm, thống nhất các yếu tố còn lại trong cấu trúc của loại trò chơi này. Vai chơi xác định cách thức, đặc điểm hành động của đứa

trẻ qua trò chơi. Kết quả của trò chơi là sự thực hiện vai chơi mà đứa trẻ nhận cho mình. Thực nghiệm của Đ.B. Encônhin cho thấy: trò chơi ĐVTCD chỉ có thể có trong sự có mặt của vai chơi và thời điểm xuất hiện trò chơi là thời điểm mà trẻ nhận cho mình vai chơi nào đó và thực hiện chúng [Trích theo 44].

- *Hành động chơi*: Là hành động của vai chơi mà trẻ thực hiện trong quá trình chơi. Hành động chơi xuất phát từ những hành động của người lớn trong thực tế mà trẻ biết. Qua trò chơi ĐVTCD, vai chơi không tồn tại nếu như đứa trẻ không thực hiện hành động chơi tương ứng với vai mà trẻ nhận. Mà ngược lại, hành động chơi và thao tác chơi của trẻ phụ thuộc vào vai chơi mà trẻ đóng và đồ chơi, đồ dùng mà trẻ sử dụng qua trò chơi

Các thí nghiệm của T. A. Marcova (1951), R.I. Giucovcaia (1963) đã chứng minh mối liên hệ khăng khít giữa vai chơi và hành động chơi. Đó là mối liên hệ "chức năng và thống nhất đối ngược" [73, tr 5-6]. Hành động chơi phụ thuộc vào vai chơi và điều kiện thực tế (đồ chơi, đồ dùng, vật thay thế) khi trẻ chơi. Hành động chơi mang tính chất mô phỏng, khái quát, ước lệ. Nó không hoàn toàn giống với hành động của người lớn, bởi hành động chơi của trẻ không nhằm tạo ra sản phẩm. Chính đặc tính này của hành động chơi cho phép trẻ tiến hành trò chơi trong điều kiện rất khác nhau, làm cho trò chơi ĐVTCD của trẻ đa dạng, phong phú, hấp dẫn, sáng tạo và luôn luôn tạo ra những bất ngờ thú vị. Các nhà TLH khẳng định; hành động chơi càng khái quát, rút gọn thì qua trò chơi ý nghĩa, nhiệm vụ và hệ thống các mối quan hệ trong hoạt động của người được tái tạo lại, được phản ánh càng sâu. Ngược lại, các hành động chơi càng cụ thể, đầy đủ, chi tiết thì nội dung hoạt động được tái tạo càng cụ thể [73, tr 5-6].

- *Luật chơi*: Là quy tắc, quy định luật lệ của hành động chơi buộc trẻ phải tuân theo trong quá trình chơi. Qua trò chơi ĐVTCD, luật chơi không được xác định trước mà ẩn trong các vai chơi, nó gắn trực tiếp với vai mà trẻ nhận. Luật chơi được xác định bởi những chuẩn mực, những quy tắc xã hội được quy định cho các vai. Mặt khác, luật chơi được nảy sinh từ những mối quan hệ được xác lập giữa những trẻ tham gia vào các trò chơi.

- *Đồ chơi*: Qua trò chơi ĐVTCD, đồ chơi có vị trí quan trọng, nó giúp trẻ thực hiện các hành động chơi cũng như thao tác chơi. Chính đồ chơi gọi cho trẻ những

ý tưởng chơi sáng tạo, làm cho trẻ say mê, hứng thú chơi. Đồ chơi trẻ em rất đa dạng phong phú. Trong "Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non" (1994) tác giả Nguyễn Ánh Tuyết và các cộng sự đã phân đồ chơi thành hai loại như sau:

+ Loại thứ nhất: Là những đồ chơi do người lớn làm ra cho trẻ em chơi (đồ chơi công nghiệp), loại đồ chơi này mô phỏng lại con người (búp bê các loại mô phỏng trẻ hoặc người lớn), các con vật, cây cối, đồ dùng, dụng cụ lao động, v.v... Loại đồ chơi này trong khi chơi trẻ thường sử dụng theo đúng nghĩa của nó.

+ Loại thứ hai: Là những vật thay thế. Đây là loại đồ chơi quan trọng qua trò chơi ĐVTCD. Khi chơi, để thực hiện hành động của vai chơi, nếu không có những đồ chơi, đồ vật tương ứng, trẻ dùng những vật thay thế. Ví dụ: ghế thay thế cho toa tàu (ô tô), gối thay cho em bé, que thay cho xa-lanh, lá cây thay cho bát, sỏi cát, giấy vụn xé nhỏ thay cho cơm, thức ăn, v.v... Loại đồ chơi này có thể là đồ chơi công nghiệp (nhưng được dùng theo nghĩa khác), có thể là vật thật, cũng có thể là những vật có sẵn trong thiên nhiên (lá cây, sỏi, cát...). Điều quan trọng ở đây là những vật đó được trẻ sử dụng thay thế cho những vật tương ứng qua trò chơi.

Thực ra, qua trò chơi ĐVTCD còn có một loại đồ chơi nữa, đó là những vật thật của người lớn được trẻ sử dụng trong khi chơi. Ví dụ: quần áo cũ, giày, dép, túi sách... Thực tế cho thấy, trẻ rất thích sử dụng những đồ dùng của người lớn khi chơi. Nó tạo cho trẻ cảm giác thích thú, "ra dáng người lớn" hơn. Về đồ chơi của trẻ, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, đồ chơi càng linh hoạt bao nhiêu càng tốt cho sự phát triển nội dung trò chơi bấy nhiêu.

- *Hoàn cảnh chơi* (hoàn cảnh tưởng tượng): Đó là hoàn cảnh không có thực, do trẻ hình dung (tưởng tượng) và đặt mình trong hoàn cảnh đó khi chơi. Kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả A.N. Leonchev, Đ.B. Encônhin, N.Ia Mikhailencô, L.X. Xlavina, Nguyễn Ánh Tuyết và các cộng sự đã chỉ ra rằng, chính việc thao tác chơi không trùng khớp với hành động chơi sinh ra hoàn cảnh tưởng tượng, chứ không phải hoàn cảnh tưởng tượng quy định hành động chơi [71], [73, tr 4], [46, tr 188]. Thực ra, không chỉ thao tác chơi không trùng khớp với hành động chơi sinh ra hoàn cảnh tưởng tượng mà cả tính chất khái quát của hành động chơi cũng quy định hoàn cảnh tưởng tượng. Ví dụ qua trò chơi "Cửa hàng ăn", trẻ sử dụng những đồ chơi mô phỏng vật thật như bếp, xoong, chảo, bát, đĩa... để nấu ăn (thậm chí trẻ còn dùng

bằng vật thật -> bát, đĩa...), rõ ràng những thao tác với những đồ vật này là những thao tác tương ứng với những thao tác với những đồ vật (xoong, chảo, bát, đĩa... thật). Tuy nhiên, ở đây, trong quá trình chơi, trẻ không hành động đúng như hành động của người lớn khi nấu nướng mà chúng hành động một cách rút gọn, khái quát. Chính vì thế mà sinh ra hoàn cảnh tưởng tượng. Thực nghiệm của các nhà nghiên cứu về trò chơi trò chơi ĐVTCD đã chứng minh rằng, hoàn cảnh tưởng tượng chỉ nảy sinh trong quá trình chơi, khi không chơi, trẻ không tưởng tượng ra hoàn cảnh chơi nữa [71, tr 51]

- *Mối quan hệ của trẻ trong khi chơi*: Theo V.X. Mukhina, trong trò chơi ĐVTCD có hai loại quan hệ qua lại: quan hệ thực và quan hệ chơi [73, tr13].

+ Quan hệ thực: Đó là mối quan hệ qua lại giữa các trẻ cùng tham gia vào trò chơi - một hoạt động chung: trẻ cùng thỏa thuận về chủ đề chơi, nội dung chơi và việc phân vai chơi hay thỏa thuận, dàn xếp những vấn đề nảy sinh trong quá trình chơi. Như vậy, qua trò chơi, xuất hiện những hình thức giao tiếp nhất định ở trẻ. Để thiết lập và duy trì mối quan hệ thực qua trò chơi cũng như duy trì trò chơi nói chung, đứa trẻ phải có những đặc điểm tâm lý nhất định như: óc sáng tạo, tính cởi mở, dễ gần, biết lắng nghe, chia sẻ với bạn, biết điều chỉnh ý thích của mình, biết nhường nhịn bạn, có khả năng biết phối hợp hành động của mình với hành động của bạn cùng chơi, v.v...

Khi phân tích quá trình diễn biến của một trò chơi ĐVTCD cho thấy, mối quan hệ thực diễn ra chủ yếu khi bắt đầu trò chơi, trong khi trẻ thỏa thuận chơi. Ngoài ra, mối quan hệ này còn được bộc lộ trong quá trình chơi. Khi mà có trẻ tham gia chơi đóng không đúng vai của mình, khi có những ý khác nhau hoặc trong quá trình chơi xuất hiện những ý tưởng mới trẻ thấy cần phải thỏa thuận với nhau để chơi tiếp và thực hiện ý tưởng đó.

+ Quan hệ chơi: Đó là những mối quan hệ được thiết lập theo chủ đề và vai chơi. Nó phản ánh xã hội người lớn theo cách của trẻ. Mối quan hệ xã hội. Theo tác giả Nguyễn Ánh Tuyết và cộng sự, mối quan hệ này tạo nên "ý" của trò chơi. Theo bà, chính việc thực hiện các vai chơi và thiết lập mối quan hệ giữa các vai chơi theo đúng nguyên tắc xã hội quy định cho các vai đó đã tạo cho trò chơi ĐVTCD mang màu sắc đặc trưng: phản ánh theo cách của trẻ xã hội người lớn. Mối quan hệ chơi

được bắt đầu khi trẻ nhận cho mình vai chơi, hành động theo vai chơi và duy trì cho đến khi kết thúc trò chơi.

Qua trò chơi ĐVTCD, mỗi quan hệ thực và mỗi quan hệ chơi tuy khác nhau nhưng gắn bó chặt chẽ với nhau. Mỗi quan hệ chơi trở nên phong phú, đa dạng và sâu sắc tùy thuộc vào nội dung của trò chơi, vào kinh nghiệm hiểu biết của trẻ về mảng xã hội mà trẻ phản ánh qua trò chơi và phụ thuộc vào khả năng chơi của các trẻ trong nhóm chơi. Nếu mọi trẻ trong nhóm chơi biết chơi đều nhau, hành động chơi thống nhất, trẻ chơi "ăn ý" với nhau thì mỗi quan hệ chơi tốt và khi đó quan hệ thực hầu như không bộc lộ, Sự không hòa hợp xảy ra trong quá trình chơi, trẻ như đắm mình vào trò chơi. Ngược lại, nếu trong nhóm chơi các trẻ không đều nhau, có trẻ chơi tốt, trẻ chơi không tốt..., mỗi quan hệ chơi sẽ bị hạn chế, lúc đó quan hệ thực bộc lộ thường xuyên hơn, xung đột xảy ra, trò chơi rất dễ dẫn đến tan rã. Vì vậy, để tổ chức trò chơi ĐVTCD cho trẻ có hiệu quả, giáo viên cần quan tâm đến cả hai mối quan hệ này. Theo V.X. Mukhina, Đ.V. Mengierixkaia, Nguyễn Ánh Tuyết, T.A. Marcôva... thì chính hai mối quan hệ qua trò chơi tạo nên nhóm xã hội đầu tiên ở trẻ. Điều quan trọng là người giáo viên phải biết cách tác động phù hợp vào "nhóm xã hội" đó sao cho phát triển đúng hướng và có tác dụng về mặt giáo dục. Việc tác động nhằm phát triển tốt mỗi quan hệ thực cũng như quan hệ chơi không giống nhau. Nếu như muốn phát triển mỗi quan hệ thực, giáo viên cần sử dụng những biện pháp giáo dục ý thức chơi cho trẻ, hướng cho trẻ biết chọn bạn chơi hợp ý, để phát triển mỗi quan hệ chơi, người giáo viên rất cần phải sử dụng những phương pháp, biện pháp nhằm cung cấp, mở rộng những biểu tượng về cuộc sống xã hội, phát triển trí tưởng tượng, óc sáng tạo và ngôn ngữ cho trẻ.

b) Phân vai, thực hiện vai chơi của trẻ 5-6 tuổi

Cuối tuổi mẫu giáo nhỏ (4-5 tuổi), đầu lứa tuổi mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi) bắt đầu xuất hiện loại trò chơi tập thể. Theo kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Xuân Thức thì trẻ 5 tuổi chơi cùng nhau chiếm 78,9%, trong khi đó trẻ chơi một mình chiếm 9,7% và chơi cạnh nhau chiếm 11,4% [48, tr 12].

Sự xuất hiện trò chơi tập thể tạo khả năng phát triển thay đổi nhanh chóng cả chủ đề, nội dung cũng như cấu trúc của trò chơi ĐVTCD. Từ những chủ đề về cuộc sống đời thường ở dạng đơn giản, sơ khai, đặc trưng cho trẻ 3-4 tuổi (mẫu giáo bé)

đến những chủ đề phản ánh lao động sản xuất những sự kiện, hiện tượng xã hội khác nhau tiêu biểu cho tuổi trẻ 5-6 tuổi.

Nội dung của trò chơi cũng được phát triển. Qua trò chơi của trẻ 5 tuổi, cùng với những hành động, các mối quan hệ, những hành vi xã hội cũng được phản ánh ví dụ: "Bác sĩ không chỉ khám bệnh (nghe, cặp, nhiệt độ...) mà còn quan tâm, trò chuyện, an ủi, động viên "bệnh nhân" "Mẹ" không chỉ cho con "ăn" tắm, mặc quần áo cho "con" mà còn dạy con "học", đọc sách, kể chuyện cho "con" nghe, đưa "con" đến "Bác sĩ" chăm sóc con "ốm" đi về quê thăm "ông, bà" v.v...

Sự phát triển chủ đề, nội dung chơi theo các nhà tâm lý học, giáo dục học, có liên quan đến nguồn gốc kiến thức của trẻ. Ở trẻ 5 tuổi, đa số trò chơi được xác định bởi những ấn tượng nhận được từ sách chuyện kể của người lớn hoặc qua phim ảnh, truyền hình v.v... Qua trò chơi trẻ 5 tuổi không chỉ phản ánh những sự kiện trẻ trực tiếp tham gia mà cả những gì chúng quan sát được trong tham quan, dạo chơi và trong sinh hoạt hàng ngày. Sự mở rộng chủ đề chơi và sâu sắc nội dung chơi dẫn đến sự thay đổi hình thức và cấu trúc của trò chơi. Trẻ mẫu giáo lớn, bao giờ cũng xác định chủ đề chơi trước sau đó mới đến vai chơi. Trong cấu trúc của trò chơi ở trẻ mẫu giáo lớn có thấy bước chuẩn bị - bước thỏa thuận chơi. Lúc đầu trẻ chỉ thỏa thuận về chủ đề chơi: "Chúng mình sẽ chơi trò gì?", thỉnh thoảng, trẻ phân chia vai chơi. Dần dần, trong quá trình thỏa thuận, trẻ bắt đầu bàn luận hướng phát triển nội dung chơi: "Đầu tiên chúng mình sẽ cho con ăn, đi dạo, sau đó sẽ về chuẩn bị đón khách" (trò chơi "gia đình"). Theo các nhà tâm lý học, đó là việc kế hoạch hóa đơn giản, nó tạo điều kiện mở rộng đầy đủ nội dung chơi, phát triển mối quan hệ thực và mối quan hệ chơi, làm cho trò chơi diễn ra hấp dẫn hơn, phong phú hơn, trẻ chơi hứng thú hơn [79]

Nhu cầu thỏa thuận, trước khi chơi xuất hiện trong mối liên hệ với sự phát triển trò chơi. Ở trẻ nhỏ, nhu cầu này chưa có. Sự giàu có về ấn tượng, về kiến thức của trẻ 5 tuổi, sự đa dạng, phong phú những sự kiện được phản ánh qua trò chơi đòi hỏi cần phải có sự thỏa thuận trước. Ở trẻ bắt đầu có kỹ năng lập kế hoạch chơi. Trẻ lứa tuổi này có khả năng xác định sẽ chơi trò chơi gì? Chơi như thế nào? Và biết phân vai chơi, thỏa thuận với nhau về kế hoạch chơi trong các trò chơi tập thể.

Trẻ 5 tuổi đòi hỏi chất lượng thực hiện kế hoạch chơi đã được thỏa thuận: Trẻ biết bàn luận về việc phân vai chơi xuất phát từ hứng thú của các trẻ tham gia chơi cũng như xuất phát từ sự cần thiết trong nội dung chơi. Biểu hiện: trẻ thích chọn những vai chơi chính, thực hiện nhiều hành động, nhưng trẻ cũng không thờ ơ với những vai phụ, cần thiết cho hoạt động chung. Trẻ sẵn sàng đóng những vai mà trẻ không thích nhưng cần thiết cho trò chơi. Sự thỏa thuận chơi đòi hỏi phải có khả năng tổ chức, hiểu biết về khả năng, ý thích, nguyện vọng của nhau, nhường nhịn bạn. Cho nên, theo nhiều nhà quan sát, những trẻ thường chơi với nhau bắt đầu biết thỏa thuận sớm hơn.

Trong nhiều trường hợp, trẻ 5 tuổi, trong bước thỏa thuận còn chuẩn bị môi trường chơi: lựa chọn đồ chơi, làm những cái còn thiếu, xây dựng công trình cần thiết (vườn thú, công viên, bến xe, tàu...). Tất cả những kỹ năng này được hình thành dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Sự phát triển của trò chơi dẫn đến sự thay đổi đòi hỏi đối với đồ chơi. Đối với trẻ lứa tuổi này, đồ chơi có thể hoàn toàn khái quát và chỉ mang một số đặc điểm rõ nét xác định ý nghĩa của nó và có thể hành động được. Càng lớn, trẻ càng đòi hỏi sự phù hợp tương ứng của đồ chơi với ý tưởng chơi. Trẻ mẫu giáo lớn thích chơi với những đồ chơi phức tạp, gần với vật thật hơn. Trẻ đặc biệt thích sử dụng những đồ dùng của người lớn (quần, áo, giày dép, túi, làn, điện thoại, v.v...) qua trò chơi của mình. So với trẻ 3, 4 tuổi, trẻ 5 tuổi sử dụng vật thay thế linh hoạt hơn và có ý thức hơn. Trẻ chọn vật thay thế cũng xuất phát từ ý tưởng chơi. Ví dụ: Khi chơi trò chơi "Xây dựng bệnh viện", trẻ - "Kỹ sư trưởng" cần một điện thoại để liên lạc, trẻ lấy 2 mẫu gỗ làm điện thoại và hành động với vật thay thế đó phù hợp với ý của trò chơi.

Về vai chơi và hành động chơi: Một trong những cơ sở để đưa trẻ đóng vai một người lớn nào đó là việc tách ra những dấu hiệu tiêu biểu trong hoạt động mà người đó thực hiện. Trẻ 5 tuổi nhận ra mối quan hệ qua lại với những người khác: "cô giáo" quan tâm đến "trẻ", khen "trẻ" hoặc phạt "trẻ", v.v... Đối với trẻ 5 tuổi, ý của trò chơi nằm trong những mối quan hệ phổ biến mà vai của người đó được trẻ đóng. Trẻ lứa tuổi này có ý thức về việc lựa chọn vai chơi. Mối quan hệ giữa trẻ và vai chơi là mối quan hệ trực tiếp. Kết quả nghiên cứu của các nhà tâm lý học, giáo dục học khẳng định rằng, việc lựa chọn cho mình một vai chơi ở trẻ 5 tuổi dựa trên ý

thức về mối quan hệ giữa trẻ với người lớn mà vai của người đó được trẻ đóng: "Cháu thích đóng vai bác sĩ vì bác sĩ quan tâm, khám bệnh cho mọi người", "cháu thích đóng vai người bán hàng vì mẹ cháu cũng bán hàng". Qua trò chơi ĐVTCD của trẻ 5-6 tuổi, những vai chơi được vạch ra rõ ràng ngay từ bước thỏa thuận chơi, trẻ gọi tên mình bằng tên vai chơi. Vai chơi xác định và dẫn dắt hành vi của trẻ trong suốt quá trình trò chơi diễn ra. Như vậy, logic và tính chất của các hành động chơi được xác định bằng vai mà trẻ nhận cho mình. Do sự phản ánh ngày càng rộng rãi và sâu sắc hơn những mối quan hệ xã hội vào trò chơi cho nên trong các trò chơi của trẻ mẫu giáo lớn thường có số lượng vai đông hơn.

Hành động chơi của trẻ 5-6 tuổi trở nên phong phú hơn và được phát triển theo một trình tự rõ ràng, tuân theo logic của cuộc sống. Việc phá vỡ logic các hành động của vai chơi thường không được trẻ chấp nhận. Trẻ ở lứa tuổi này rất chú ý đến chất lượng đóng vai. Khi thực hiện các quy tắc, hành vi xã hội được phản ánh trong các vai chơi, trẻ thường so sánh với những điều xảy ra trong thực tế. Trong quá trình chơi, trẻ thường tranh luận cái gì giống, cái gì không giống thật ("Bác sĩ không tiêm cho bệnh nhân, phải khám bệnh chứ!", "Kỹ sư trưởng phải gọi điện thoại đi các nơi", v.v... Chính vì thế, ở lứa tuổi này trong quá trình chơi thường xảy ra xung đột. Theo kết quả nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Xuân Thức, Đinh Thị Kim Thoa [47] thì trong các nguyên nhân chính dẫn đến xung đột của trẻ mẫu giáo lớn trong hoạt động vui chơi (do tranh chấp đồ chơi, do không thống nhất về nội dung và cách chơi, không thống nhất về phân vai chơi, về các thành viên tham gia chơi, về lựa chọn chủ đề chơi, do phá đám, quấy rối bạn chơi, do các lý do khác) thì hai nguyên nhân không thống nhất về nội dung chơi và cách chơi (chơi gì? chơi như thế nào?) có vị trí quan trọng. Điều đó càng chứng tỏ trẻ mẫu giáo lớn rất quan tâm đến chất lượng vai đóng, nội dung của trò chơi. Cũng theo tác giả này thì xung đột xảy ra do không thống nhất về nội dung chơi và cách chơi là loại xung đột tích cực đối với việc phát triển nhân cách của trẻ. Việc tranh luận về nội dung chơi, cách chơi với bạn tạo điều kiện mở rộng, củng cố thêm vốn hiểu biết của trẻ, rèn cho trẻ những kỹ năng ứng xử xã hội: Như là biết bảo vệ quan điểm của mình, biết chấp nhận hay không chấp nhận ý kiến của bạn, v.v... Trong quá trình tổ chức hướng dẫn hoạt động chơi cho trẻ giáo viên sử dụng những biện pháp thích hợp để giải quyết

thì trò chơi sẽ được tiếp tục diễn ra hứng thú hơn, nội dung sẽ phong phú hơn. So với trẻ nhỏ, hành động chơi của trẻ 5-6 tuổi mang tính khái quát cao hơn, trẻ sử dụng nhiều đến ngôn ngữ để biểu hiện hành động của mình. Quan sát trò chơi "Bán hàng": từ "mua hàng" đưa tay vào túi (bên cạnh sườn) rồi đưa tay ra phía "người bán hàng" nói: "Tôi trả tiền bác này", "người bán hàng" cũng đưa tay ra "nhận tiền" - tất cả các hành động đó đều là hành động "giả vờ" (không có tiền hoặc là tiền "giả vờ" chẳng nữa).

Trên cơ sở các nhóm chơi đã được hình thành ở lứa tuổi mẫu giáo nhỏ, các nhóm chơi của trẻ mẫu giáo lớn ổn định hơn, bền vững hơn, số lượng trẻ đông hơn. Theo kết quả nghiên cứu của K.Ia. Danhina, thời gian trung bình duy trì một trò chơi của trẻ mẫu giáo lớn là 36,5 phút (trong khi đó ở trẻ mẫu giáo nhỏ là: 16,4 phút) [Trích theo 44]. Dần dần ở trẻ xuất hiện các trò chơi tập thể theo một chủ đề chung. Những trò chơi dạng này có thể kéo dài vài giờ. Việc phát triển các trò chơi tập thể làm cho mối quan hệ thực và mối quan hệ chơi qua trò chơi đa dạng hơn, được mở rộng hơn. Trẻ dễ dàng hòa nhập qua trò chơi hơn, so với các lứa tuổi trước. Theo kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Xuân Thúc, 74,9% trẻ mẫu giáo lớn (được nghiên cứu) hòa nhập vào nhóm bạn chơi ở mức trung bình trở lên. Trẻ chủ động, tích cực hơn trong các trò chơi tập thể. Tuy nhiên, ở lứa tuổi mẫu giáo lớn không phải lúc nào mối quan hệ của trẻ trong khi chơi cũng xảy ra xung đột. So với trẻ nhỏ, trong khi chơi, xung đột thường xuyên xảy ra hơn ở trẻ mẫu giáo lớn. Có thể giải thích điều này:

Trong khi chơi trò chơi ĐVTCD, trẻ mẫu 5-6 tuổi đã biết thiết lập những quan hệ rộng rãi và phong phú với các bạn cùng chơi. việc chơi trong nhóm bạn bè là một nhu cầu cấp thiết của trẻ. Trong nội dung của các trò chơi ĐVTCD phản ánh cuộc sống của người lớn với các mối quan hệ đa dạng giữa con người với con người, bắt buộc phải có sự phối hợp với nhau giữa các thành viên chơi. Mặt khác, theo các nhà tâm lý học, trẻ mẫu giáo lớn, nhu cầu giao tiếp với bạn bè đang ở thời kỳ phát triển rất mạnh. Trẻ cảm thấy rất khổ sở khi không có bạn chơi. Trẻ tìm đến nhau qua trò chơi, thiết lập mối quan hệ thực và quan hệ chơi. Từ đó những "xã hội trẻ em" được hình thành. Đây thực sự là xã hội trẻ em" bởi vì: nó không phải là một xã hội ổn định, xã hội này hợp rồi lại tan, tan rồi lại hợp rất linh hoạt, thực và chơi,

chơi và thực đan xen nhau, hòa quyện vào nhau, tạo thành nét tâm lý đặc trưng của lứa tuổi này. Chính những mối quan hệ xã hội đầu tiên trong nhóm bạn bè có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành nhân cách của đứa trẻ.

Trong mỗi quan hệ của trẻ mẫu giáo lớn, trong quá trình chơi, dễ dàng nhận thấy sự phân hóa rõ rệt vị trí các thành viên trong mỗi nhóm chơi. Mỗi trẻ có một vị trí nhất định và thường xuất hiện một hoặc hai trẻ đóng vai trò "thủ lĩnh". Những trẻ này thường năng động, nảy sinh nhiều sáng kiến trong quá trình chơi cũng như có khả năng tổ chức: tham gia tích cực vào việc phân vai chơi, thỏa thuận nội dung chơi, chuẩn bị, sắp xếp môi trường chơi, điều khiển, "chỉ đạo", quán xuyến nhóm chơi của mình. Theo các nhà nghiên cứu về trò chơi của trẻ mẫu giáo lớn, trong chừng mực nhất định, tính chất của mối quan hệ trong nhóm chơi phụ thuộc vào các trẻ này. Nếu "thủ lĩnh" là những đứa trẻ có uy tín, biết nhiều, biết thỏa thuận với các bạn, biết tính đến nguyện vọng, ý thích của các bạn thì nhóm chơi phát triển tốt, trẻ quan tâm đến nhau, chơi được lâu hơn, nội dung chơi phong phú hơn, hấp dẫn hơn. Ngược lại, nếu "thủ lĩnh" là những đứa trẻ thích ra lệnh, áp đặt, thô lỗ... thì bầu không khí trong nhóm chơi sẽ không thuận lợi, dễ xảy ra xung đột. Những đặc điểm trình bày ở trên cho thấy, trò chơi ĐVCCĐ ở trẻ 5-6 tuổi đã được hoàn thiện và trở thành một hoạt động độc lập, sáng tạo, thông qua đó, các quá trình tâm lý và những phẩm chất nhân cách, kỹ năng giao tiếp, cũng như các dạng hoạt động khác của trẻ được hình thành và phát triển.

2.2. Kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề

2.2.1. Khái niệm

2.2.1.1. Kỹ năng giao tiếp

Các nhà khoa học đã có những quan niệm khác nhau với cách nhìn và khai thác khác nhau về kỹ năng giao tiếp. Nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp, tác giả Hoàng Anh quan niệm kỹ năng giao tiếp là năng lực của con người biểu hiện trong quá trình giao tiếp. Đó là các khả năng sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ... là hệ thống các thao tác cử chỉ, điệu bộ hành vi được chủ thể giao tiếp phối hợp hài hòa. [2] Dưới góc độ nhìn nhận khả năng tri giác những biểu hiện bên ngoài và những diễn biến bên trong của hiện tượng... tác giả Ngô Công Hoàn, đã coi kỹ năng giao tiếp "là khả năng tri giác hiểu được những biểu hiện bên ngoài

cũng như những diễn biến bên trong của các hiện tượng, trạng thái, phẩm chất tâm lý của đối tượng giao tiếp" [16] Trong thực tế, kỹ năng giao tiếp của con người không chỉ phụ thuộc vào phương tiện giao tiếp mà nó phụ thuộc khá nhiều vào vốn sống, vốn kinh nghiệm của cá nhân, phụ thuộc vào những nét văn hóa đặc trưng vùng miền mà người đó sinh sống, có khi còn chịu ảnh hưởng của sự giáo dục, quản lý của gia đình.

Như vậy, ta thấy rằng: kỹ năng giao tiếp của mỗi người bao hàm cả khả năng chủ thể vận dụng vốn tri thức, vốn kinh nghiệm của bản thân, cả khả năng điều khiển đối tượng giao tiếp. Tác giả Nguyễn Bá Minh coi *"kỹ năng giao tiếp là nhóm kỹ năng bao gồm các hành động liên quan đến việc hình thành mối quan hệ hợp tác giữa chủ thể và đối tượng giao tiếp, giữa đối tượng giao tiếp với nhau"*. [28] Ở đây, kỹ năng giao tiếp được hiểu là nhóm kỹ năng hỗ trợ cho người giao tiếp nhằm thực hiện có hiệu quả hoạt động giao tiếp trong xã hội. Trong xã hội và trong hoạt động giao tiếp của con người, kỹ năng giao tiếp chính là khả năng sử dụng ngôn ngữ và khả năng biểu cảm của con người, với sự phối hợp hài hòa giữa lời nói và cử chỉ của chủ thể và đối tượng giao tiếp. Từ những quan niệm khác nhau về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, chúng tôi hiểu giao tiếp là một hiện tượng tâm lý rất phức tạp về nhiều mặt và nhiều cấp độ khác nhau, là sự tiếp xúc tâm lý giữa người với người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại với nhau. Để giao tiếp có hiệu quả đòi hỏi mỗi người phải có kỹ năng giao tiếp. Đó là toàn bộ thao tác, cử chỉ... trong hoạt động giao tiếp.

Tác giả luận án chọn khái niệm về kỹ năng giao tiếp sau làm khái niệm công cụ trong nghiên cứu:

Kỹ năng giao tiếp là sự vận dụng các tri thức, kinh nghiệm cũng như việc sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, nhằm giúp chủ thể giao tiếp thực hiện có hiệu quả việc trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm với đối tượng giao tiếp.

Nói một cách khác, kỹ năng giao tiếp là toàn bộ những thao tác, cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ được phối hợp hài hòa, hợp lý của cá nhân với cá nhân hay cá nhân

với một nhóm xã hội nhằm điều khiển, điều chỉnh đối tượng giao tiếp để thực hiện mục đích giao tiếp.

Bản chất của kỹ năng giao tiếp là sự phối hợp phức tạp giữa chuẩn mực hành vi xã hội của cá nhân với sự vận động của cơ thể (cơ mặt: ánh mắt, nụ cười, môi..., động tác tay, chân, đầu vai, cổ, tư thế vận động) và ngôn ngữ. Sự phối hợp có tính hài hòa, hợp lí có nghĩa là nó mang một nội dung thông tin nhất định, phù hợp với mục đích giao tiếp và mang lại hiệu quả trong quá trình giao tiếp.

Kỹ năng giao tiếp được tiến hành bằng các con đường:

- Rèn luyện qua tiếp xúc với mọi người xung quanh
- Tích lũy những kinh nghiệm qua tham gia các mối quan hệ xã hội
- Tiếp thu những thói quan ứng xử được xây dựng trong gia đình

2.2.1.2. *Kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề*

Như đã phân tích ở trên, khi tham gia vào trò chơi ĐVTCD, trẻ phải *biết chơi cùng nhau*, phải biết hợp tác với nhau trong quan hệ thực (trẻ - trẻ) và quan hệ chơi (vai - vai) trong một "xã hội trẻ em" [43, tr 205]. Plêkhanôv cho rằng, trò chơi là một hoạt động phản ánh, thông qua trò chơi, trẻ lĩnh hội những kỹ năng lao động đơn giản, thói quen và các nguyên tắc ứng xử của người lớn trong xã hội. Ông cho rằng, trò chơi ĐVTCD mang bản chất xã hội, nó xuất hiện để đáp ứng với xã hội mà trẻ đang sống, để thỏa mãn nhu cầu giao tiếp của trẻ, để trẻ được trở thành thành viên tích cực của xã hội đó [Trích theo 63].

M.Ia. Baxôv nhận định "Đặc điểm quá trình chơi dựa trên những đặc điểm của mối quan hệ qua lại giữa cá nhân và môi trường. Trên cơ sở đó, trò chơi xuất hiện". Baxôv đưa ra nhận xét: "Cái mà thúc đẩy hành vi chơi của trẻ là nhu cầu được học hỏi và giao lưu của trẻ" (1931), theo ông trong các trò chơi: Trò chơi giả vờ, trò chơi xây dựng, trò chơi bắt chước, trò chơi đóng kịch, trò chơi vận động, trò chơi trí tuệ... đưa trẻ tiếp nhận cho mình là những vai của người lớn qua đó nhu cầu giao lưu của trẻ được thỏa mãn. Tư tưởng này của ông cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị về mặt lý luận cũng như thực tiễn. [Trích theo 44].

Theo Piaget, có ba loại trò chơi chính lần lượt xuất hiện trong quá trình phát triển của trẻ. Đó là: trò chơi hành động chức năng, trò chơi tượng trưng (bao gồm trò chơi mô phỏng và trò chơi xây dựng) và sau cùng là trò chơi ĐVTCD. Đến nay

cách phân loại này vẫn còn có ý nghĩa đối với việc tổ chức chơi cho trẻ ở các độ tuổi khác nhau. Trong đó trò chơi ĐVTCD có ý nghĩa lớn đối với trẻ mẫu giáo. Qua trò chơi này trẻ được thỏa mãn nhu cầu giao lưu với các bạn cùng nhóm chơi.

G.V.Plêkhanôv (1856 – 1918) đã chú ý đến trò chơi trẻ em. Khi phân tích trò chơi trẻ em của nhiều dân tộc khác nhau (chủ yếu ở thời đại nguyên thủy) ông đã nhận xét rằng, trong lịch sử loài người, trò chơi và nghệ thuật xuất hiện sau lao động và trên cơ sở của lao động. Trò chơi phản ánh đời sống của con người, khi chơi trẻ bắt chước lao động của người lớn: em trai thì bắt chước đàn ông, còn em gái thì bắt chước phụ nữ. Các em lĩnh hội một cách thực tế những kỹ năng lao động và cả thói quen, giao tiếp, ứng xử của họ. Từ nhận xét đó, G.V.Plêkhanôp xem trò chơi là sợi dây nối liền các thế hệ với nhau và để truyền đạt kinh nghiệm, thành quả văn hoá từ thế hệ này sang thế hệ khác. [Trích theo 44].

Nhà tâm lý học Nga kiệt xuất L.X.Vurgôtxki (1896 – 196), người đặt nền tảng lý luận đầu tiên cho việc nghiên cứu hoạt động vui chơi của trẻ em qua các tác phẩm “Mô phỏng và sự sáng tạo của trẻ nhỏ” (1930), “Vai trò của hoạt động vui chơi trong sự phát triển” (1933)... với tư tưởng chủ đạo cho rằng trò chơi tạo ra “vùng cận phát triển gần nhất”. Trên cơ sở đó các nhà tâm lý học Xô-viết (trước đây) như A.N.Lêônchiep (với “Cơ sở tâm lý học của trò chơi”, Đ. B. Encônin (với “Tâm lý học trò chơi”), F.I. Fratkina (cộng sự của Encônin)... đã nghiên cứu lịch sử phát triển trò chơi trong mối quan hệ với chính sự phát triển của xã hội loài người, bổ sung và phát triển đầy đủ hơn tư tưởng của Vurgôtxki về hoạt động vui chơi của trẻ. [27].

Như vậy, trò chơi của trẻ em là một hiện tượng mang đậm bản chất xã hội, tất nhiên bên cạnh còn có những yếu tố sinh vật. Trong lịch sử các dân tộc, dân tộc nào cũng có một kho tàng trò chơi trẻ em được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và phát triển cùng với sự phát triển của xã hội. Trong khi chơi, một mặt trẻ được giải trí, mặt khác trẻ tìm hiểu thêm về thế giới xung quanh, làm quen với những phương thức hoạt động của loài người mà hoàn thiện những khả năng của mình. Lĩnh hội những kỹ năng cần thiết cho bản thân trong đó có kỹ năng giao tiếp. Về vấn đề này A.X.Macarencô nhà giáo dục Nga nổi tiếng đã từng viết : Chơi có ý nghĩa rất quan trọng trong cuộc sống của đứa trẻ chẳng khác gì công việc, sự phục vụ của người lớn. Đứa trẻ thể hiện ra như thế nào qua trò chơi thì sau này trong phần lớn trường hợp nó cũng thể hiện ra như thế trong công việc. Vì vậy một nhà

hoạt động tương lai trước hết phải được giáo dục qua trò chơi. Vậy toàn bộ lịch sử của mỗi con người riêng biệt là một nhà hoạt động có thể quan niệm như một quá trình hoạt động chơi, một sự chuyển dịch dần từ sự tham gia vào các trò chơi sang sự thực hiện các công việc. Cũng vì vậy mà chúng ta có quyền gọi chơi là trường học của cuộc sống [74].

M. Parten đã xem xét sự phát triển và phân loại trò chơi trẻ em trên bình diện các mối quan hệ xã hội. Theo bà trò chơi của trẻ em phải trải qua 5 giai đoạn cũng là 5 kiểu quan hệ xã hội (social categories of play), đó là không chơi, xem người khác chơi, chơi một mình, chơi cạnh người khác và cùng nhau chơi chung một trò chơi. Nghiên cứu của Parten không chỉ bổ sung thêm một cách phân loại trò chơi trẻ em mà còn làm nổi bật mối quan hệ giao tiếp của trẻ trong khi chơi. Kết quả nghiên cứu của bà đã được vận dụng rộng rãi vào thực tiễn giáo dục trẻ em ở nhiều nước trên thế giới. [Trích theo 44].

Từ những nghiên cứu trên cho thấy, khi tham gia trò chơi ĐVTCD trẻ được tham gia vào các mối quan hệ xã hội. Thông qua đó các kỹ năng xã hội được hình thành và phát triển như: biết thống nhất trong hoạt động chung, biết chia sẻ, biểu lộ tình cảm với người khác, biết nhường nhịn, biết vì mọi người, cũng như biết bảo vệ ý kiến của mình v.v... Nếu như ở hoạt động với đồ vật, trẻ chủ yếu là hành động, thực hiện các thao tác với đồ vật thì ở trò chơi ĐVTCD, hành động của trẻ chủ yếu thể hiện mối quan hệ xã hội giữa các vai chơi: "bác sĩ" quan tâm chăm sóc, hỏi han "bệnh nhân", "mẹ" lo lắng khi "con" bị ốm; các "con", "các cháu" chu đáo, lễ phép với "ông bà" v.v... Theo các nhà tâm lý học thì đó chính là động cơ có tính chất xã hội rất đặc trưng của loại trò chơi này. Như vậy, thông qua vai chơi, thực hiện các hành động của vai, trẻ tham gia vào các mối quan hệ của người lớn rất tự nhiên, thoải mái, tự nguyện và có tổ chức. Từ đó, các chuẩn mực đạo đức dần dần được "truyền" vào trẻ một cách rất nhẹ nhàng, các kỹ năng giao tiếp dần được bộc lộ, trẻ bắt đầu ý thức được bản thân mình - cái cốt lõi trong nhân cách mỗi người.

Từ những vấn đề lý luận trên chúng tôi xây dựng khái niệm: *Kỹ năng giao tiếp của trẻ 5- 6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề là sự vận dụng các tri thức, kinh nghiệm của trẻ để thực hiện có hiệu quả quá trình tiếp xúc tâm lý trong việc thực hiện trò chơi đóng vai theo chủ đề và được thể hiện qua kỹ năng hiểu lời nói,*

kỹ năng sử dụng lời nói và kỹ năng thực hiện một số qui tắc thông thường qua trò chơi. Làm khái niệm công cụ cho đề tài luận án.

2.2.2. Biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề

Căn cứ thông tư số 23/2010/TT- BGDDT ngày 23/7/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi thì Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi gồm 4 lĩnh vực, 28 chuẩn, 120 chỉ số [6]. Bộ chuẩn này được áp dụng đối với các trường mầm non, trường mẫu giáo và lớp mẫu giáo độc lập trong hệ thống giáo dục quốc dân

Bộ chuẩn nhằm hỗ trợ thực hiện chương trình giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục, chuẩn bị tâm thế cho trẻ em năm tuổi vào lớp 1. Đồng thời, bộ chuẩn cũng là căn cứ để xây dựng chương trình, tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn các bậc cha mẹ và cộng đồng trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em năm tuổi nhằm nâng cao nhận thức về sự phát triển của trẻ em. Trên cơ sở đó, tạo sự thống nhất trong chăm sóc, giáo dục trẻ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Trong nội dung 28 chuẩn, 120 chỉ số của Bộ chuẩn, có chuẩn ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ. Đó là chuẩn 14, chuẩn 15 và chuẩn 16, cụ thể như sau:

Căn cứ vào các vấn đề lý luận như đã phân tích ở trên; căn cứ vào hoạt động vui chơi với trò chơi ĐVTCD; căn cứ vào sự phát triển tâm lý của trẻ 5-6 tuổi; căn cứ vào sự khảo sát sơ bộ về giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD; căn cứ vào chuẩn yêu cầu giao tiếp của trẻ theo thông tư 23 ban hành quy định về bộ chuẩn phát triển của trẻ em năm tuổi, của bộ giáo dục và đào tạo, theo chúng tôi kỹ năng giao tiếp cơ bản của trẻ 5-6 tuổi được *biểu hiện qua 3 nhóm kỹ năng đó là: Kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi đóng vai có chủ đề; Kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi đóng vai có chủ đề; Kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp thông thường trong thực hiện trò chơi đóng vai có chủ đề;*

2.2.2.1. Kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp qua trò chơi đóng vai theo chủ đề

Nhóm kỹ năng này được biểu hiện ở khả năng dựa vào sự biểu cảm, ngữ điệu, thanh điệu của ngôn ngữ, cử chỉ, tác động, thời điểm và không gian giao tiếp của đối tượng và mối quan hệ giữa chủ thể với đối tượng giao tiếp.

Nhóm kỹ năng này bao gồm: Kỹ năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi khi chơi trò chơi ĐVTCD/ Kỹ năng

nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến những hành động đơn giản khi chơi trò chơi ĐVTCD/ Kỹ năng hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi khi chơi trò chơi ĐVTCD/ Kỹ năng nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ khi chơi trò chơi ĐVTCD

Ở tuổi 5-6, trẻ đã bắt đầu tiếp xúc với các bạn cùng tuổi của mình một cách mạnh dạn hơn nên trẻ tích cực tìm lý do để cùng hoạt động và thiết lập các quan hệ. Thời gian giao tiếp trong khi tham gia trò chơi ĐVTCD của trẻ ngắn hay dài phụ thuộc vào việc trẻ có kỹ năng hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi ở mức độ nào. Để trẻ em có thể bắt đầu trò chơi “trong cửa hàng”, “đến thư viện” hoặc “đến đường sắt”, cần phải để cho đứa trẻ biết một cái gì đó về việc: những người bán hàng làm việc như thế nào và người mua làm cái gì, mọi người làm cái gì trong nhà ga, người nào và làm như thế nào ở đó. Vì thế những quan sát thường xuyên của trẻ đối với cuộc sống và lao động của người lớn xảy ra trước trò chơi rất quan trọng. Khi cô giáo dắt trẻ em đi tham quan và giới thiệu với chúng công việc của người thợ cắt may ở hiệu may, hay hoạt động của những người công nhân đường sắt, sự phục vụ của những người thủy thủ trên tàu biển..., trẻ đã được quan sát công việc của họ và có ấn tượng nhất định về cuộc sống lao động của người lớn, tuy nhiên ấn tượng này còn rất chung chung và chưa rõ ràng, cần phải làm cho trẻ được trải nghiệm để sáng tỏ chúng, lúc này trò chơi chính là phương tiện phân tích các ấn tượng đã thu được. Trong các hành động của mình trẻ em dựng lại các hiện tượng nguyên vẹn của cuộc sống xã hội mà chúng nó nhìn thấy được. Các câu hỏi, những lời nhận xét và những hành động của cô giáo giúp cho đứa trẻ phân chia thành từng phần riêng lẻ các ấn tượng phức tạp. Trong khi tham gia vào trò chơi, cô giáo vạch ra cho trẻ những khía cạnh của sự kiện được phản ánh, những sự kiện mà đứa trẻ đã bỏ qua hoặc tiếp thu một cách không đúng đắn. “Có thể mua vé xe ở chỗ nào trong nhà ga này?”, hoặc “Chị ơi, xin vui lòng chỉ giúp bác sĩ chữa mắt ở nơi nào trong phòng khám bệnh này?”. Sự sửa chữa và chính xác hóa như vậy trong khi tranh cãi với nhau và trong khi làm chính xác hóa thêm những lời nói và hành động của nhân vật được bắt chước sẽ đưa bản thân đứa trẻ vào trò chơi: “Cậu lại đi thẳng tới gặp bác sĩ ư?” “Bắt đầu cần phải ghi tên ở cửa sổ con, và sau đó ngồi xếp hàng”, “Phải trả bao nhiêu tiền khi mua hàng?”... Trong khi nghe các câu trả lời các câu hỏi của mình, trẻ em hiểu được những hiện tượng phức tạp của đời sống. Khi đã đóng một vai này hoặc một vai khác, đứa trẻ phục tùng một cách tự nguyện các

nguyên tắc mà nó điều chỉnh hoạt động của các nhân vật ấy trong cuộc sống. Nếu Huy đóng vai người lái tàu trên tàu biển, mà thuyền trưởng Lâm không cho phép Huy cùng với các bạn thủy thủ còn lại lên bờ trong thời gian tàu đỗ ở bến cảng, thì Huy cần phải phục tùng những yêu cầu đó, những yêu cầu đối với Huy cũng như đối với các thủy thủ là những yêu cầu bắt buộc.

Trong các trò chơi như vậy, trẻ sẽ nghe và hiểu được các chỉ dẫn liên quan đến chủ đề chơi đó, hiểu nghĩa các từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản trong khi mô tả trò chơi mình đang đóng vai (như "đứng lái tàu mà gió lùa mát quá"). Trẻ nhận ra các sắc thái biểu cảm của lời nói (như thủy thủ không đồng ý cho lên bờ..), trẻ nghe và hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ trong trò chơi dạy học, trò chơi gia đình (Ví dụ như khi đóng vai mẹ ru con ngủ hát ru "ầu ơ, chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng....", hay khi đóng vai cô giáo kể chuyện cho các bạn nghe..).

2.2.2.2. Kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp qua trò chơi đóng vai theo chủ đề

Trong giao tiếp, con người sử dụng nhiều phương tiện để truyền tải và tiếp nhận thông tin, trong đó có phương tiện chủ yếu là ngôn ngữ.

Nhóm kỹ năng này bao gồm: Kỹ năng dùng từ phù hợp với nội dung, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp khi chơi trò chơi ĐVTCD/ Kỹ năng sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân khi giao tiếp trong trò chơi ĐVTCD /Kỹ năng sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong quá trình giao tiếp khi chơi trò chơi ĐVTCD/ Kỹ năng khởi xướng chủ đề giao tiếp khi chơi trò chơi ĐVTCD;

Đối với nhiều đứa trẻ, việc biểu lộ bằng lời nói là một kỹ năng mới và chưa được thử lần nào bên ngoài gia đình, trẻ cần có các cơ hội để nói được thông thạo. Trò chơi ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ, qua trò chơi ĐVTCD, trẻ học được ngôn ngữ giao tiếp, học cách phối hợp hành động của mình với hành động của những đứa trẻ khác, học hiểu lẫn nhau và giúp đỡ lẫn nhau. Do kinh nghiệm của mỗi đứa trẻ còn hạn chế, trẻ chưa nắm được hành động của người lớn với một phạm vi rộng nên xuất hiện sự trao đổi kinh nghiệm qua trò chơi, những quan hệ qua lại hiện thực của trẻ em xuất hiện qua trò chơi khi chúng thỏa thuận với nhau, hoặc cũng có thể diễn ra dưới dạng ẩn trong tiến trình của bản thân trò chơi. Cùng với sự phát triển kỹ năng xây dựng ý đồ chủ đề triển khai, kỹ năng lập kế hoạch hoạt động phối hợp chung, đứa trẻ cần phải tìm vị trí của mình trong

số các bạn cùng chơi thiết lập mối liên hệ với các bạn, hiểu nguyện vọng của các bạn và làm cho những nguyện vọng và những khả năng của mình phù hợp với nguyện vọng của các bạn. Ở đây, mỗi đứa trẻ học cách cư xử phù hợp với tình huống chung của trò chơi và thành phần trẻ em trong nhóm này. Tình huống trò chơi đòi hỏi mỗi đứa trẻ tham gia trò chơi phải có một trình độ kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nhất định. Ở học sinh mẫu giáo 5-6 tuổi trò chơi là một loạt những hành động mà trong đó đứa trẻ dựng lại toàn bộ cảnh tượng trong đời sống của những người lớn tuổi rất quen biết với nó. Em bé gái hành động như người mẹ, ở trẻ mẫu giáo lớn trò chơi đó còn được chi tiết hóa hơn nữa, và ngay trong thời gian ấy trò chơi bao gồm ngay một nhiều những hành động của các nhân vật khác nhau. Trẻ em làm lại rất nhiều các chi tiết hành vi của người lớn, lời nói và thái độ của họ. Các em gái – bà nội trợ đi vào cửa hàng, nói với nhau về việc sẽ chuẩn bị bữa ăn trưa.” Chồng tôi rất thích mỳ gạo” – “bà nội trợ với mặt nghiêm nghị” – “ còn con gái chỉ cho ăn có mì tôm thôi” - “còn nhà tôi chỉ ăn có cá” – “ông lão nói đã ngán thịt rồi”- cô gái thứ hai trả lời vừa lắc nhẹ đầu một cách buồn phiền.

Nếu đứa trẻ không thể diễn đạt mạch lạc nguyện vọng của mình đối với tiến trình của trò chơi, nếu đứa trẻ không hiểu được sự chỉ dẫn của các bạn cùng chơi, nó sẽ trở thành gánh nặng của bạn cùng tuổi. Sự cần thiết phải giải thích với các bạn cùng tuổi kích thích sự phát triển ngôn ngữ tích cực, mạch lạc và kỹ năng sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, trao đổi, chỉ dẫn cho các bạn trong cùng nhóm chơi, khi ấy trẻ sẽ dần có kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi.

2.2.2.3 Kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp thông thường qua trò chơi đóng vai theo chủ đề

Đó là: Kỹ năng điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp/ Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn từ (cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...)/ Kỹ năng làm chủ bản thân khi giao tiếp (làm chủ cảm xúc, hành động - không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện,...)/ Kỹ năng hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.

Việc nghiên cứu hình thức đầu tiên của trò chơi và sự phát triển của trẻ nhỏ (R.la. Lêxtman – Abramovich, F.I.Fradkina, M.Iu.kitxchiacôpxcaia) [Trích theo 66] đã vạch ra rằng trò chơi xuất hiện trên cơ sở của sự bắt chước ngay những hành động có tính chất thao tác phức tạp đối với đồ vật. Ở cuối năm thứ nhất và suốt năm thứ hai của cuộc đời, trong những lúc thức tỉnh đứa trẻ đã thực hiện nhiều hành

động có tính chất thao tác phức tạp một cách đặc biệt. Trong khi họa lại những hành động của người lớn với đồ vật bằng những động tác của mình, đứa trẻ ru ngủ búp bê, cho búp bê ăn bằng thìa nhỏ, lau sạch đồ bát đĩa, cấp nhiệt độ cho con gấu. Khi kèm theo những hàng động như vậy có các từ riêng, tương tự như “bai bai”, “ăn”, “đau à”, là sự bắt chước các lời nói của người lớn trong các hoàn cảnh tương tự, đứa trẻ nắm được các hoạt động chơi mới đối với đồ vật.

Trong cửa hàng bà nội trợ đi đi lại lại từ bộ phận này sang bộ phận khác, hỏi sữa tươi giá bao nhiêu tiền, gửi lạp xưởng, trả tiền tất cả các hàng mua được và ngay lập tức tính tiền thừa, khi đến đó bỗng nhớ rằng “con trai bây giờ đã ở trường về, và tôi không kịp chuẩn bị bữa cơm” rồi chạy về nhà. Như vậy, đứa trẻ đã phản ánh cuộc sống của người lớn vào trò chơi. Và càng có khả năng để thực hiện một số qui tắc thông thường trong giao tiếp khi tham gia chơi, thì cuộc chơi càng thú vị hơn. Khi chơi trò chơi ĐVTCD trẻ nhận ra rằng làm bác sĩ thích thú hơn là làm người bệnh, làm nghệ sĩ tốt hơn làm người xem, và làm lái xe thì hấp dẫn hơn làm hành khách... Ngay trong khi tham gia trò chơi, trẻ thể hiện rất rõ những đặc điểm cá nhân của mình, chẳng hạn như trẻ có thể tức giận hét lên: “Tớ thích làm chú lái tàu! Tớ cơ”. Một số trẻ khác có thể bình tĩnh chấp nhận nguyện vọng này, nhưng cũng có thể có những trẻ khác không đồng ý với lời tuyên bố đó. Trong những trường hợp này sẽ xuất hiện xung đột. Đứa trẻ không thỏa mãn với sự phân công các vai và có thể dứt khoát tuyên bố không tham gia trò chơi: “Tớ không chơi với cậu nữa!”, hoặc có thể tranh giành vai chơi này. Nếu trẻ không biết thương lượng với nhau, trò chơi sẽ tan rã. Hứng thú với trò chơi, nguyện vọng tham gia trò chơi khiến cho trẻ em phải nhường nhịn lẫn nhau. Những biểu hiện này cho thấy, trẻ đã biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống chơi.

Trò chơi được tồn tại bởi những hành động phức tạp, chứ không phải là những động tác riêng lẻ (ví dụ như trong lao động, viết, vẽ). Ngôn ngữ tham gia vào những hành động này: những đứa trẻ lớn đặt tên chủ đề trò chơi, đề tài của trò chơi, các nhân vật hành động, nêu những vấn đề đặc biệt cho mỗi một nhân vật, nói lên những phán đoán và sự đánh giá có tính chất phê phán hành vi của những nhân vật khác. Khi lặp lại cuộc sống phong phú và đầy hấp dẫn của những người lớn tuổi trong hành động và lời nói của mình đã hưởng ứng cuộc sống đó một cách cảm động. “Nữ hộ lý” lo ngại về sức khỏe “của người bệnh” với điệu bộ thần thờ, nét mặt đăm chiêu, mắt nhìn xa xăm..., “phi công” hạ “máy bay”, xuống “sân bay” một

cách dùng cảm, còn “nghệ sĩ” khi đó hồi hộp trước cánh cửa ra vào “trên sân khấu” với bộ quần áo đẹp. Tức là trẻ đã có kỹ năng làm chủ cảm xúc bản thân và kỹ năng sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ trong giao tiếp khi tham gia trò chơi ĐVTCD

Bảng 2.1. Biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD

TT	Các mặt biểu hiện của kỹ năng giao tiếp	Các mặt biểu hiện cụ thể
1	Kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi	Kỹ năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi;
		Kỹ năng nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến những hành động đơn giản;
		Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi;
		Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho các trò chơi có liên quan đến nội dung này;
2	Kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi	Kỹ năng dùng từ phù hợp với nội dung, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp;
		Kỹ năng sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân khi giao tiếp
		Kỹ năng sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong quá trình giao tiếp;
		Kỹ năng khởi xướng chủ đề giao tiếp
3	Kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp thông thường qua trò chơi	Kỹ năng điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;
		Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn từ (cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...)
		Kỹ năng làm chủ bản thân khi giao tiếp (làm chủ cảm xúc, hành động - không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện,...)
		Kỹ năng hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;

2.2.3 Tiêu chí đánh giá

Dựa vào những phân tích ở trên, có thể đánh giá kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề đó qua các biểu hiện sau:

- *Kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi ĐVTCD*

+ Kỹ năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi trong thực hiện trò chơi ĐVTCD

+ Kỹ năng nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến những hành động đơn giản trong thực hiện trò chơi ĐVTCD;

+ Kỹ năng hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi trong thực hiện trò chơi ĐVTCD;

+ Kỹ năng nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ trong thực hiện trò chơi ĐVTCD;

- *Kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi ĐVTCD*

+ Kỹ năng dùng từ phù hợp với nội dung, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp trong thực hiện trò chơi ĐVTCD;

+ Kỹ năng sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân khi giao tiếp trong thực hiện trò chơi ĐVTCD;

+ Kỹ năng sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong quá trình giao tiếp- Kỹ năng khởi xướng chủ đề giao tiếp trong thực hiện trò chơi ĐVTCD;

- *Kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp thông thường qua trò chơi ĐVTCD*

+ Kỹ năng điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp trong thực hiện trò chơi ĐVTCD;

+ Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn từ (cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...) trong thực hiện trò chơi ĐVTCD;

+ Kỹ năng làm chủ bản thân khi giao tiếp (làm chủ cảm xúc, hành động - không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện,...) trong thực hiện trò chơi ĐVTCD;

+ Kỹ năng hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói trong thực hiện trò chơi ĐVTCD;

- Biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ được đánh giá qua 5 mức: từ "không làm được/chưa làm được, chưa làm được /đến "làm rất tốt". Điểm quy ước để định

lượng là từ 1 điểm ("không làm được/chưa làm được/chưa được làm"), đến 5 điểm ("làm rất tốt"). Điểm trung bình thấp nhất là 1 và cao nhất là 5. Điểm càng cao thì biểu hiện mức độ kỹ năng giao tiếp của trẻ càng cao. Tương đương với 5 mức độ:

Mức tốt:	$X > ĐTB + 2 ĐLC$
Mức khá:	$ĐTB + ĐLC < khá \leq ĐTB + 2 ĐLC$
Mức trung bình:	$ĐTB - ĐLC < TB \leq ĐTB + ĐLC$
Mức yếu:	$ĐTB - 2 ĐLC < Yếu \leq ĐTB - ĐLC$
Mức kém:	$Kém \leq ĐTB - 2 ĐLC$

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề

2.3.1. Các yếu tố chủ quan

2.3.1.1. Hành động ý chí của trẻ

Các nghiên cứu của Invanốp - X môlenxki A.G, Kraxnôgorxki N.I, Karimôva R.S đã chỉ ra rằng, từ một tuổi trở đi và đặc biệt khi lên ba trẻ em đã bắt đầu làm chủ được ngôn ngữ của bản thân. Dưới ảnh hưởng của ngôn ngữ các hành động tự ý trở thành hành động ý chí. [60], [64], [63]

Những nhiệm vụ đầu tiên của người lớn giao cho trẻ một tuổi rưỡi yêu cầu em phải thực hiện những động tác theo mệnh lệnh bằng lời: “Đưa búp bê đây”, “Đặt chú gấu xuống”, “Đem kính cho bà đi”, “Chào bà đi”, “Xin nào!”....

Việc luyện phản ứng bền vững có hiệu lực trước hai tín hiệu bằng lời với từ “phải” (yêu cầu phải làm, mặc dù có trái với ý muốn của chính em bé) và với từ “không được” (cấm làm, nghĩa là yêu cầu phải ngừng sự phấn hứng đang lên, phải kìm hãm lại), có ý nghĩa quyết định đối với việc hình thành các hành động ý chí. Trong quá trình giao tiếp tích cực của trẻ em với người lớn những tín hiệu chủ yếu đó được bổ sung thêm bằng từ “có thể” (có ý nghĩa cho phép làm). Đến cuối lứa tuổi mẫu giáo trẻ em ngày càng hay gặp hơn các tín hiệu có ý nghĩa như yêu cầu thực hiện hoặc ngừng một hành động nào đó và trẻ tích cực thực hiện yêu cầu đó. Những tín hiệu đó dần dần có ý nghĩa khái quát. Ở trẻ em lứa tuổi mẫu giáo lớn các tín hiệu đó trở thành cơ sở để tự điều khiển bản thân. Trẻ em hành động, biết tuân theo một số quy tắc nhất định, (mặc dù em không muốn uống thuốc đắng, nhưng

nghe tín hiệu “phải” và em đã uống thuốc, nên nhưng tình cảm tiêu cực xuống). Đó là những biểu hiện ban đầu của ý chí ở trẻ em.

Việc củng cố tín hiệu bằng lời nói không phải chỉ là phản xạ đối với lời nói của người lớn mà còn là chính hành động mà em đã làm và kết quả của hành động đó. Nếu sau khi người lớn nói “không được” làm cho em bé ngừng việc đang làm: kêu thét, chạy nhảy nghịch ngợm, - thì từ “không được” là tín hiệu có tác dụng. Mặc dù ý chí của trẻ được bộc lộ và phát triển chưa cao, nhưng nhờ biết tuân theo những yêu cầu nhất định mà ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp của trẻ được phát triển.

2.3.1.2. Tính tự lập của trẻ

Tính tự lập của trẻ không giống với hành vi tự phát của chúng. Đằng sau tính tự lập của trẻ thuộc bất cứ lứa tuổi nào, bao giờ cũng có vai trò điều khiển và những yêu cầu của người lớn. Tuy nhiên trẻ càng phát triển lên thì tác động của người lớn càng ít lộ liễu hơn. Trong khi trẻ phải buộc mình thường xuyên phải tuân theo những yêu cầu của người lớn, dần dần nó tự định hướng theo những yêu cầu này, coi như những chuẩn mực hành vi nhất định. Chỉ khi nào dựa trên cơ sở những thói quen tương ứng (những định hình đã hình thành đáp ứng với yêu cầu của người lớn) thì chúng ta mới có thể giáo dục cho trẻ tính tự lập thật sự.

Mức độ tự lập của trẻ được nâng cao dần cùng với sự phát triển của chúng, sự tăng thêm các khả năng của trẻ để thực hiện những hành động chân tay và trí óc càng ngày càng phức tạp hơn. Vì thế cái mà ta thường đánh giá là biểu hiện của tính tự lập ở trẻ 2-3 tuổi, như kỹ năng ăn uống gọn gàng, tự mặc quần áo không cần người lớn giúp chưa đủ để nói tới đặc điểm này ở trẻ lớn tuổi hơn. Tính tự lập của trẻ là kết quả của sự tuân theo “những yêu cầu” của người lớn và cũng là sản phẩm của “sáng kiến” riêng của trẻ. Và trẻ lĩnh hội các qui tắc xử sự càng sâu sắc, càng tốt bao nhiêu, hiểu biết nó càng thấu đáo bao nhiêu thì khả năng vận dụng chúng một cách sáng tạo và tự lập vào những hoàn cảnh sống mới và đa dạng càng rộng rãi bấy nhiêu. sự phát triển của tính tự lập liên quan mật thiết với kỹ năng giao tiếp của trẻ.

2.3.1.3. Ngôn ngữ của trẻ

Ngôn ngữ được xem là công cụ chính trong việc giao tiếp. Từ khi sinh ra cho đến khi bập bẹ những tiếng nói đầu tiên thì trẻ giao tiếp bằng tiếng khóc, và cử chỉ,

ánh mắt... Trẻ bắt đầu nói và ngôn ngữ sẽ được phát triển rất nhanh từ khi trẻ trên 12 tháng. Đến khi trẻ được 5 tuổi thì ngôn ngữ đã hoàn thiện, trẻ có đủ vốn từ (khoảng 3500 đến 4500 từ) để sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. Việc giúp trẻ phát triển khả năng ngôn ngữ thông qua việc trò chuyện với trẻ, cho trẻ chơi những trò chơi phát triển ngôn ngữ, đọc sách hay kể chuyện cho trẻ nghe, khuyến khích trẻ kể chuyện, hỏi rõ ràng những điều trẻ muốn nói là những hoạt động cần thiết giúp trẻ đạt được sự giao tiếp tốt nhất. Tuy nhiên, không phải cứ nói nhiều, nói hoài với trẻ là tốt, mà nhiều khi một bà mẹ nói chuyện quá nhiều với con, nói những câu dài và trả lời luôn cho con khiến trẻ chỉ biết gật gù, lại là một trong những nguyên nhân gây ra sự thụ động hay chậm nói cho trẻ.

Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp quan trọng nhất, trong giai đoạn ngôn ngữ chưa phát triển, thì hình ảnh lại có một vai trò to lớn trong việc giúp cho trẻ giao tiếp với những người xung quanh và xây dựng ngôn ngữ ngày một hoàn thiện hơn. Tuy nhiên, không phải hình ảnh nào cũng hữu ích mà không ít những hình ảnh sẽ tạo ra những hiệu ứng không tốt cho trẻ. Chính vì thế, những hành động mang tính làm gương của bố mẹ hay làm mẫu cho trẻ bắt chước theo là rất cần thiết đối với sự hình thành nhân cách nói chung, phát triển kỹ năng giao tiếp nói riêng. Bên cạnh đó, việc cho trẻ xem những hình ảnh của trẻ trong các sinh hoạt hằng ngày và hình ảnh diễn tả cảm xúc (Hình bé khóc, cười, giận, hờn, lo lắng ...) sẽ giúp trẻ nhận ra được những cảm xúc để có thể biết cách diễn tả, từ đó đi đến việc làm chủ cảm xúc của mình trong giao tiếp.

Chúng ta hãy cho trẻ xem các ảnh chụp và phụ đề dùm cho bé: Đây, hình con đang uống sữa này, sữa ngon quá " - À! con đang khóc à, ui hai má dính lem nước mắt nước mũi, buồn cười quá thôi !", "con có vẻ lo lắng quá, con lo cái gì vậy ?" Chúng ta không nhất thiết buộc trẻ phải trả lời, mà chỉ cần trẻ hiểu được câu nói của mình là đủ.

Việc cho trẻ ra ngoài chơi nơi công viên, nhà sách, siêu thị cũng là một biện pháp hiệu quả giúp trẻ phát triển trí nhớ hình ảnh để làm cho vốn từ ngữ của mình ngày một phong phú hơn. Bố mẹ cần khéo léo ứng xử với những hành vi kém thích nghi của trẻ như: Không biết kìm chế, tự tiện lấy những món hàng bày bán, đòi hỏi

bố mẹ phải mua cho mình những món ưa thích nếu không thì sẽ ăn vạ... Đây cũng là một yếu tố quan trọng đối với việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ nhỏ.

2.3.1.4. Tính cách của trẻ

Ngay khi vừa chào đời, trẻ đã thể hiện ra những nét tính cách riêng của mình. Điều đó được thể hiện thông qua cách bé phản ứng lại với những gì đang diễn ra xung quanh. Và khi bước sang 1 tuổi, những đặc điểm đó được định hình ngày càng rõ nét hơn. Càng về sau các nét tính cách của trẻ càng bộc lộ rõ nét.

- Nghiên cứu của Mullie Almy đã chỉ ra 5 yếu tố quan trọng hình thành nên tính cách của trẻ trong suốt những năm đầu đời [83]. (Tần suất vận động, cộc cằn, cáu kỉnh, tính kiên định, dễ hoảng sợ, kỹ năng xã hội).

Có thể thấy ngay từ những tháng đầu đời trẻ đã có nhu cầu tiếp nhận những ấn tượng từ thế giới xung quanh. Nếu được khuyến khích và hướng dẫn nhu cầu này sẽ được phát triển. Dần dần nhu cầu ‘chơi với bạn’ sẽ được phát triển và được thỏa mãn khi trẻ được giao tiếp với những người khác. Cũng trong quá trình đó kỹ năng giao tiếp của trẻ được phát triển.

2.3.1.5. Khí chất của trẻ

Trong sự phát triển và hình thành nhân cách của đứa trẻ không những đặc điểm lứa tuổi mà đặc điểm cá tính – loại hình thần kinh có một ý nghĩa to lớn. Điều này thể hiện rõ ràng nhất trong khí chất của trẻ nhỏ.

Trong tâm lý học loại hình thần kinh được coi là cơ sở sinh lý của khí chất, nghĩa là như đặc tính cơ động của cá nhân. Những hiểu biết mới nhất, trước tiên là những nghiên cứu tiến hành dưới sự lãnh đạo của B.M. Chépplop, V.O. Nhebuli – xuna, V.X.Merlin, và cả L.I.Umanxkii, A.V.Penxkaia chỉ rõ rằng sự phân loại con người theo đặc điểm hệ thống thần kinh cần thiết phải làm chính xác hơn.

Như V.X.Merlin cho rằng trong việc nghiên cứu đặc tính khí chất của con người thì phải chú ý đến cường độ, mức độ và tính linh hoạt của hai quá trình thần kinh tính hưng phấn và ức chế.

Trong sự nghiên cứu hoạt động thần kinh của trẻ, dấu hiệu của tính động thái xem như là thuộc tính của hệ thần kinh phải gây nhiều hứng thú cho các nhà nghiên cứu – sinh lý học, giáo dục học và tâm lý học.

Để hiểu biết các quy luật phát triển tâm lý của đứa trẻ thì việc hiểu biết về các giới hạn có thể và những điều kiện cải tạo kiểu hoạt động thần kinh cao cấp trong quá trình giáo dục có ý nghĩa to lớn.

Sự hiểu biết về hệ thần kinh cấp cao có một ý nghĩa to lớn đối với việc giáo dục trẻ khi tổ chức cuộc sống và tổ chức các hoạt động của trẻ, thì điều quan trọng cần phải nhớ là ở những đứa trẻ nhỏ có hệ thống thần kinh ít thích ứng với những tập luyện hơn, thì sẽ biểu hiện đặc điểm hoạt động thần kinh rõ ràng hơn. Hiện tượng này được N.I.Kaxatkin chỉ rõ. Ông đã xác nhận rằng sau hai mươi lăm năm nghiên cứu tạo thành phản xạ có điều kiện đầu tiên ở những đứa trẻ sơ sinh (mới sinh một tháng) ông không thấy hai đứa trẻ nào giống nhau hoàn toàn về thuộc tính của hệ thống thần kinh. Đặc điểm hoạt động thần kinh của đứa trẻ thể hiện rất sớm. Ngay ở trong những ngày và tuần lễ đầu của cuộc đời mình, những đứa trẻ sơ sinh cùng tuổi khác nhau rất rõ về đặc điểm phản xạ của hoạt động thích ứng của mình, thí dụ những đứa rất chóng ngủ thì cũng rất chóng thức v...v...

2.3.1.6. Sức khỏe của trẻ

Các yếu tố về chiều cao và cân nặng, đại não, tim, phổi, sức đề kháng, hệ tiêu hóa, sự phát triển về vận động... Có ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển tâm lý của trẻ. Bên cạnh đó sức khỏe mặt tinh thần cũng rất quan trọng, nếu hai vấn đề này ở trẻ em không được quan tâm đúng mức gây những ảnh hưởng xấu về sự phát triển tâm lý, nhân cách của trẻ.

Những đứa trẻ bị tổn thương ở tai, họng... đều bị ảnh hưởng đến vấn đề nghe và phát âm. Nếu trẻ bị khiếm khuyết trong cả bình diện nghe hiểu và trong cả bình diện diễn đạt, thì có học hàng ngàn từ vựng, nhưng trẻ vẫn gặp khó khăn trong nói chuyện, trong giao tiếp, ít khởi xướng cuộc giao tiếp, họa chăng trẻ chỉ nói khi trẻ cần cái gì đó. Bởi vậy, dù là trẻ lên 5 tuổi, lên 7 tuổi thì ngôn ngữ luôn bị khống chế ở mức hạn hẹp. [87]

Các cuộc khảo sát về dinh dưỡng đã chỉ ra rằng, những đứa trẻ có thể trạng quá ốm hoặc quá mập đều bị hạn chế về khả năng phát triển tâm lý, trí tuệ. Theo đó những đứa trẻ suy dinh dưỡng có khả năng phát triển tâm lý, trí tuệ kém, có thể ù lì, trí nhớ kém hoặc chậm tiếp thu hơn những đứa trẻ khác. Tuy nhiên, những đứa trẻ có cân nặng quá mức cũng không hề tốt cho sự phát triển trí tuệ. Những đứa trẻ có

cân nặng vượt quá 20% so với tiêu chuẩn cho phép về dinh dưỡng thì trình độ thị giác, thính giác và năng lực nhận thức, hành vi của trẻ đều thấp. Giải thích về vấn đề này, các chuyên gia cho rằng đó là do khi trẻ béo, mỡ sẽ chuyển vào trong não và làm cản trở sự sinh trưởng và phát triển của tế bào não, khiến cho quá trình phát triển cả về trí tuệ, ngôn ngữ, tâm lý của trẻ đều gặp khó khăn [24].

Khi sinh ra đứa trẻ có những đặc điểm di truyền từ cha mẹ, tổ tiên của mình và có những đặc điểm bẩm sinh hình thành trong quá trình phát triển của bào thai. Đó là điều kiện sinh học của sự phát triển tâm lí.

Điều kiện sinh học là cơ sở vật chất, cơ sở di truyền mà trẻ nhận được từ cha mẹ mình. Các tính chất di truyền của cơ thể là cấu tạo giải phẫu sinh lí và những đặc điểm của cơ thể, đặc biệt là các đặc điểm hệ thần kinh là các mầm mống của con người như mầm mống tiếng nói, đi trên hai chân, tư duy và khả năng tiếp nhận kinh nghiệm và hành vi đặc biệt của con người.

Trẻ 4-6 tuổi trong quá trình chạy, chơi cảm thấy vô cùng thích thú, cho nên suốt ngày chạy nhảy, không lúc nào ngồi yên. Trẻ ở giai đoạn này có đặc điểm nổi bật là hoạt bát, hiếu động, chính là do sự phát triển của cơ thể quyết định.

2.3.2. Những yếu tố khách quan

Đó là những yếu tố bên ngoài trẻ, tác động vào quá trình giao tiếp của trẻ bằng nhiều con đường khác nhau.

2.3.2.1. Giáo viên mẫu giáo. (Cách ứng xử, mối quan hệ giữa GV và trẻ, đánh giá của giáo viên đối với trẻ)

a, Cách ứng xử của giáo viên với trẻ:

Đó là cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nụ cười, ngôn ngữ..., thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, nhiệt tình của giáo viên với trẻ. Một số nghiên cứu cho thấy, lời yêu cầu lịch sự của Cô gọi ra những xúc cảm tích cực từ đó ảnh hưởng đến ý định tuân thủ của trẻ (Qin Zhang, 2011). Ngoài ra, nếu được tham gia vào các lớp học với bầu không khí lớp học và mối quan hệ giữa giáo viên và trẻ tích cực thì động cơ học của học sinh được tăng cường (Meyer và Turner 2006) [93, pp 377-390]. Kỹ năng giao tiếp của trẻ có liên quan đến sự ứng xử tích cực của giáo viên cùng với việc sử dụng các hoạt động vui chơi phù hợp với trẻ (Pekrun et al 2002; Sutton và Wheatley 2003) [98, pp15, 327-358]. Trong một nghiên cứu trên học sinh mẫu giáo ở Brunei

cho thấy, sự quan tâm, hỗ trợ, gần gũi của giáo viên có mối tương quan với sự thân thiện, cởi mở của học sinh trong quá trình tiếp xúc (Den Brok, Fisher & Scott, 2005) [86]

+ Sự hiểu biết tâm lý trẻ của GV là vô cùng quan trọng trong việc chăm sóc giáo dục trẻ. Hiểu trẻ, biết trẻ ở tuổi nào cần gì, phát triển tâm lý ra sao là bước đầu tiên giúp cho GV xây dựng mối quan hệ gần gũi với trẻ, giúp GV có cái nhìn đúng đắn đối với các biểu hiện của trẻ. Hãy luôn tôn trọng trẻ, đáp ứng nhu cầu cho trẻ được chơi với bạn bè cùng trang lứa để mở rộng phạm vi giao tiếp, khơi dậy các khả năng tiềm ẩn ở trẻ.

Ngược lại, các nghiên cứu cũng cho thấy, cách ứng xử tiêu cực của giáo viên cũng có xu hướng gợi lên cách ứng xử tương tự của trẻ (Thomas và Montgomery 1998), có thể ảnh hưởng đến khả năng tập trung vào các nhiệm vụ lớp học của trẻ [100]

b, Mối quan hệ giữa giáo viên và trẻ.

Mối quan hệ giữa giáo viên và trẻ, có liên quan đến quá trình giao lưu tiếp xúc của một đứa trẻ với môi trường lớp học. Trong các trường mẫu giáo, giáo viên là người có uy tín mạnh mẽ nhất đối với trẻ và là nguồn gốc của sự tập trung nhất của xúc cảm (Goleman 2014) [101]

Quá trình hình thành và phát triển KNGT cho trẻ MG 5-6 tuổi thông qua trò chơi ĐVTCD được thực hiện theo cơ chế từ bên ngoài vào bên trong, giai đoạn đầu có thể mang tính áp đặt sau chuyển dần thành tự nguyện, tự giác. Vì vậy, đòi hỏi giáo viên phải có tính kiên trì, nghiêm ngặt trong quá trình luyện tập đồng thời vận dụng những phương pháp và kỹ thuật phù hợp với trẻ để gây hứng thú, khuyến khích trẻ tham gia, phát huy tính tích cực, chủ động của trẻ để phát triển KNGT cho trẻ[78]. Chính vì thế, giáo viên không nên ép buộc trẻ chơi. Không nên vì mục đích rèn kỹ năng giao tiếp cho trẻ mà thường xuyên bắt trẻ chơi một trò chơi. Cũng có những lúc, vừa chơi chưa được bao lâu nhưng vì một lý do nào đó mà trẻ đột nhiên không muốn chơi nữa, lúc này nhà giáo dục cũng không nên bắt ép, chỉ cần trẻ thể hiện ra là không muốn chơi nữa, thì nên dừng lại ngay, để tránh làm cho trẻ cụt hứng với trò chơi. Nếu nhà giáo dục tỏ ra quá tích cực qua trò chơi, dễ khiến trẻ phát hiện ra dụng ý sư phạm. Cố gắng dùng đồ chơi thật. Đối với một trường mầm non, một lớp mẫu giáo với số lượng trẻ đông và những chủ đề chơi phong phú thì

đây là một công việc khó. Tuy nhiên trong khả năng có thể thì nhà giáo dục cần cố gắng sử dụng đồ chơi thật, thậm chí là tiền thật. Làm được như vậy thì trẻ sẽ hứng thú hơn và sẽ để lại ấn tượng sâu đậm hơn. Dùng vật thật có thể giúp trẻ chơi một cách say mê hơn, chơi xong chú ý rửa tay là được.

+ Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi của giáo viên cũng ảnh hưởng rất lớn đến kỹ năng giao tiếp của trẻ. Nếu cô cố gắng thay đổi cách chơi, cố gắng để cho mỗi lần chơi khác nhau để trò chơi luôn giữ được sự mới mẻ như là có thể đổi vai chơi – vai diễn cho trẻ, liên kết các nhóm chơi với nhau... Khi trẻ được đóng các vai khác nhau, hình thành nên các tổ hợp kỹ năng khác nhau. Các đối tượng khác nhau có các sự việc và nhu cầu khác nhau, như thế sẽ có rất nhiều câu chuyện xảy ra. Ngoài việc thay đổi vai chơi cần đổi mới các chủ đề chơi để trẻ được tham gia vào những mối quan hệ xã hội khác nhau, được rèn nhiều kỹ năng hơn. [41]

Nhà trường mầm non là môi trường thuận lợi để phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ. Giáo viên có mối quan hệ gần gũi, ấm áp tạo ra một cơ sở vững chắc để phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ thông qua trò chơi ĐVTCD (Hargreaves, 2000) [91]

c, Đánh giá của giáo viên đối với trẻ.

Giáo viên không công bằng, có định kiến, chưa đồng cảm với những khó khăn trẻ gặp phải, thờ ơ với trẻ... có tác động lớn đến quá trình giao tiếp của trẻ. Ở độ tuổi này khả năng tự đánh giá của trẻ đang bắt đầu hình thành, nếu người lớn thường xuyên chê trẻ là kém cỏi, yếu đuối, vô dụng..., thì đứa trẻ sẽ tự nhiên tin vào điều đó. Sự khiển trách học sinh của giáo viên có thể tác động tiêu cực đến bầu không khí lớp học và điều này khiến cho trẻ rụt rè khi tiếp xúc và biểu lộ tình cảm từ đó dẫn đến sự kém tự tin trong giao tiếp của trẻ.

Vì vậy, giáo viên tránh để trẻ cảm thấy ngại ngùng. Trong quá trình chơi, có thể trẻ chưa hiểu rõ các mối quan hệ trong khi chơi do vậy có thể có hành vi hoặc ngôn từ không phù hợp thì nhà giáo dục không được tỏ ra ngạc nhiên hay thắc mắc vì làm như vậy có thể sẽ khiến trẻ luống cuống hoặc ngại ngùng, sẽ làm giảm hứng thú chơi. Trẻ sẽ không chơi tự nhiên, không hào hứng và sẽ rất khó hình thành kỹ năng. Người lớn không được lấy kinh nghiệm sống của mình để can thiệp vào tư duy của trẻ, mặc dù hoạt động vui chơi của trẻ mô phỏng các mối quan hệ của

người lớn nhưng trẻ có quyền sáng tạo và sống bằng thế giới riêng – “thế giới trẻ thơ” của mình. Ví dụ trẻ có thể “bán” một mớ rau 5 đồng, xong có thể bán một cân thịt chỉ với giá 2 đồng. Điều quan trọng là để cho trẻ được trải nghiệm những kỹ năng (như mua hàng thì phải trả tiền, trả tiền cho người lớn thì phải đưa bằng hai tay và biết nói lời cảm ơn khi được mua hàng, được giúp đỡ,...).

Không để các kỹ năng giao tiếp làm khó trẻ. Một điều mà các nhà giáo dục cần chú ý là, mặc dù nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ, song đây là trò chơi chứ không phải là “một giờ học” kỹ năng giao tiếp của người lớn. Nhà giáo dục có thể qua trò chơi ĐVTCD để phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ, nhưng không nên vội vàng. Trong quá trình chơi phải đặt niềm vui của trẻ lên hàng đầu, việc rèn kỹ năng ở vị trí thứ hai. Độ khó của các kỹ năng giao tiếp có thể nâng cao dần dần, nhưng không nên để các kỹ năng giao tiếp mà trẻ chưa hình thành được làm ảnh hưởng đến niềm vui trong quá trình chơi của trẻ. Nếu trong quá trình chơi mà người lớn liên tục uốn nắn các kỹ năng giao tiếp của trẻ thì trẻ sẽ nản chí và mất hứng thú chơi.

2.3.2.2. *Giáo dục gia đình*

a, Cách ứng xử và phong cách giáo dục của gia đình.

Gia đình là nơi hình thành và phát triển những kỹ năng giao tiếp đầu tiên cho trẻ. Các thành viên trong gia đình là những người hiểu trẻ nhất vì là người luôn chăm sóc và gần gũi trẻ. Hơn ai hết, họ là những người mong đợi sự phát triển của con mình nhất, đặc biệt là những sự phát triển về mặt giao tiếp và ngôn ngữ, là cơ sở có thể giúp họ hiểu và tương tác với con mình. Chính họ sẽ là người kiên trì theo đuổi, phấn đấu đến cùng cho sự phát triển và tương lai của trẻ. Như vậy, gia đình là môi trường đầu tiên của trẻ, có vai trò quan trọng và có ý nghĩa rất lớn trong quá trình hình thành, phát triển giao tiếp nói riêng và nhân cách của trẻ nói chung.

Không phải tất cả trẻ em đều có sự chăm sóc và giáo dục an toàn với cha mẹ, có một số trẻ sống trong môi trường gia đình không thuận lợi và một số trẻ đã bị tổn thương với các trải nghiệm. Một số trẻ được cha mẹ chăm sóc, chiều chuộng, trong khi một số những trẻ khác phải sống với những lo âu, trầm cảm hoặc thiếu vắng tình cảm của cha mẹ. Một số trẻ không được cha mẹ hướng dẫn kiểm soát những biểu hiện tiêu cực khi giao tiếp như tức giận, cáu gắt, hờn lâu. Còn những trẻ khác được sống trong các gia đình mà văn hóa có ý nghĩa đặc trưng riêng có thể không phù

hợp với văn hóa nhà trường... Các bậc phụ huynh với phong cách nuôi dạy con cái tích cực sẽ tạo ra một tâm trạng tích cực trong gia đình, tạo điều kiện cho sự phát triển của tư duy linh hoạt và giải quyết vấn đề, đặc biệt trong giai đoạn 5-6 tuổi và ảnh hưởng của nó rất mạnh mẽ trong thời gian này. (Eisenberg, Zhou, Spinrad, Valiente, Fabes, và Liew 2005) [89]

Do vậy nâng cao ý thức trách nhiệm của cha mẹ trẻ trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ (qua các buổi họp phụ huynh; qua gặp riêng và tư vấn, chia sẻ) là cần thiết. Các bậc cha mẹ cần được tư vấn về kiến thức, kỹ năng tổ chức TCĐVTCD ở gia đình nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ. [42]

b, Điều kiện kinh tế của gia đình

Trẻ sống trong điều kiện nghèo khó có thể thiếu thốn các đồ dùng, đồ chơi... gây khó khăn cho trẻ khi tham gia vào hoạt động vui chơi, không thuận lợi khi thực hiện các nhiệm vụ học tập, gây ra ở trẻ sự tự ti, đôi lúc trẻ bực bội, khó chịu, tức giận, buồn. Nếu bỏ mặc trẻ, không hướng dẫn tích cực sáng tạo cho trẻ thì những điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình giao tiếp của trẻ dẫn đến trẻ không tự tin và chủ động khi giao tiếp.

2.3.2.3. Môi trường ở trường mẫu giáo (bạn bè, bầu không khí lớp học)

Tập thể trẻ mẫu giáo và bầu không khí lớp học cũng có vai trò lớn trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ. Đối với trẻ mẫu giáo, nhóm nhỏ cùng vui chơi, học tập với nhau có ảnh hưởng rất quan trọng. Bầu không khí lớp học được phân biệt bởi các trạng thái tình cảm nói chung, trong đó xác định các hành động diễn ra trong môi trường đó. (Meyer và Turner 2006) [93]

Tình bạn là yếu tố vô cùng quan trọng đối với lòng tự trọng và là thước đo để trẻ có thể tự đánh giá bản thân mình. Thông qua tình bạn, trẻ có thể so sánh mình với các bạn, chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn thường nhật với các bạn cùng trang lứa, nhờ đó hình thành nên sự đồng cảm và thấu hiểu lẫn nhau. Trong mối quan hệ bạn bè, trẻ khao khát muốn trở thành đối tượng chú ý và đánh giá của bạn cùng tuổi. [92]

Trẻ có khuynh hướng khẳng định những phẩm chất tốt của mình và có nhu cầu được bạn thừa nhận và tôn trọng. Vì vậy, trẻ sẽ luôn cố gắng hết mình để khẳng định bản thân. Tuy nhiên, nếu trẻ thường xuyên bị thua kém bạn và các bạn trong lớp không tôn trọng trẻ thì trẻ sẽ có cảm giác bị bỏ rơi, nảy sinh tính không

cởi mở, tính thụ động, tính thù hằn. Chính vì thế khi xây dựng vòng tay bạn bè cho trẻ thì phải chọn lựa những trẻ có thái độ tốt, thông cảm, mong muốn giúp đỡ bạn yếu hơn... để làm những người hỗ trợ đồng đẳng. [7]

Đặc điểm của trẻ 5-6 tuổi trong các hoạt động hằng ngày là chơi cùng nhau. Giáo viên là cầu nối tổ chức các hoạt động để trẻ tham gia cùng các bạn. Chính vì vậy, bạn có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển nhân cách của trẻ nói chung và KNGT nói riêng. Bạn là động cơ, là động lực thúc đẩy trẻ xuất hiện nhu cầu giao tiếp và cũng chính trong khi giao tiếp, tương tác với các bạn trẻ được hình thành, phát triển, củng cố, sửa chữa KNGT của trẻ. [48] Hiểu được những điều này, giáo viên sẽ lên kế hoạch và tổ chức những hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ nhằm cải thiện tình trạng giao tiếp một cách khoa học và có hiệu quả dưới nhiều hình thức khác nhau. Thông qua việc tổ chức các hoạt động trong trường và những tác động đến mối quan hệ tương tác của trẻ mà giáo viên có thể kiểm soát, nâng cao được những hành vi, những kỹ năng giao tiếp ở trẻ MG 5-6 tuổi.

2.3.2.4. Yếu tố thuộc về yêu cầu của hoạt động vui chơi

- Đặc điểm của hoạt động vui chơi mà trung tâm của nó là trò chơi ĐVTCD: Đó là nội dung chơi, tính chất chơi, mối quan hệ của trẻ khi vui chơi...

- Yêu cầu về điều kiện vật chất cần thiết để tổ chức hoạt động chơi: Sắp xếp, tổ chức cơ sở, điều kiện vật chất lớp học bao gồm: kích cỡ lớp học, sử dụng không gian, trang trí các bức tường, ánh sáng, sử dụng nền nhà, các tủ chứa đồ dùng học tập. Nề nếp lớp học gồm nề nếp các môn học và nề nếp tổ chức các hoạt động. Sử dụng thời gian bao gồm thời gian học tập và thời gian chuyển giao giữa các hoạt động. Theo các chuyên gia nghiên cứu giáo dục trẻ mầm non thì điều kiện vật chất có những ảnh hưởng tích cực đối với trẻ lứa tuổi mầm non trên những phương diện như: giúp trẻ xóa bỏ mặc cảm, tự ti trong giao tiếp; vốn từ triển nhanh hơn; giao tiếp của trẻ phát triển nhanh hơn, phát triển tính độc lập sáng tạo ở trẻ nhanh hơn....[82], [40], [96]

Biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo này sinh và phát triển dưới ảnh hưởng qua lại của tổ hợp những yếu tố chủ quan và những yếu tố khách quan nhất định. Trong phạm vi luận án sẽ nghiên cứu các yếu tố về phía bản thân trẻ, các yếu tố thuộc về hoạt động vui chơi, các yếu tố liên quan đến giáo viên, đến gia đình, bạn

bè và bầu không khí lớp học của trẻ có ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi trong hoạt động chơi.

Tiểu kết chương 2

Từ những kết quả nghiên cứu đó có thể rút ra những kết luận như sau:

Kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề là sự vận dụng các tri thức, kinh nghiệm của trẻ để thực hiện có hiệu quả quá trình tiếp xúc tâm lý trong việc thực hiện trò chơi đóng vai theo chủ đề (và được thể hiện qua ba nhóm kỹ năng như: kỹ năng hiểu lời nói, kỹ năng sử dụng lời nói và kỹ năng thực hiện một số qui tắc thông thường qua trò chơi).

Những biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD được thể hiện qua các kỹ năng thành phần: Kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp qua thực hiện trò chơi; Kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp qua thực hiện trò chơi; Kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp qua trò chơi.

Kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi có liên quan với những yếu tố chủ quan của trẻ như tính cách, ngôn ngữ, hoạt động ý chí...của trẻ và các yếu tố khách quan khác thuộc về giáo viên, hoạt động chơi, bạn bè, gia đình ... Lứa tuổi học sinh mẫu giáo đang ở giai đoạn đặt nền móng cho sự hình thành nhân cách, tâm lý, ý thức và đặc biệt là giao lưu, giao tiếp. Vì vậy, rất cần có những nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.

CHƯƠNG 3

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Tổ chức nghiên cứu

Luận án được tiến hành nghiên cứu từ tháng 4/2013 đến tháng 4/2016, việc tổ chức nghiên cứu được chia làm 3 giai đoạn chủ yếu:

- Nghiên cứu lý luận và chuẩn bị phương pháp, công cụ nghiên cứu.
- Nghiên cứu thực tiễn.
- Nghiên cứu đề xuất một số biện pháp tâm lý- giáo dục nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi.

3.1.1. Khách thể và địa bàn nghiên cứu

3.1.1.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu gồm 288 trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi; 38 giáo viên và 8 cán bộ quản lý của hai trường được nghiên cứu

3.1.1.2. Vài nét về địa bàn nghiên cứu

Trường Mầm non Hoà Phú đóng tại trung tâm xã Hòa Phú, là một trường công lập thuộc Phòng GD&ĐT huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Trường được thành lập ngày 30 tháng 11 năm 1986, ban đầu chỉ có một điểm tại trung tâm xã là lớp ghép có khoảng trên 30 cháu. Trải qua quá trình phát triển hiện nay trường có 5 điểm trường. Khoảng cách từ điểm chính đến 04 điểm phụ khoảng 0,7 km - 6 km, trường được xây dựng gồm 26 phòng, trong đó phòng học là 23 phòng còn lại là các phòng chức năng, phòng làm việc... Cơ sở vật chất, các điều kiện để phục vụ các cháu ở một số lớp còn gặp khá nhiều khó khăn. Bàn ghế còn thiếu, không đồng bộ, đồ dùng trang thiết bị cho cô và trẻ còn thiếu rất nhiều. Một lớp còn phải mượn nhà văn hóa và một phòng học tại trung tâm xuống cấp nhiều, đồ dùng, đồ chơi còn thiếu lớp đặc biệt là ở nhà trẻ và các lớp mẫu giáo 3 – 4 tuổi. Trường thu nhận trẻ từ 12 tháng đến 5 tuổi, địa bàn tuyển sinh chủ yếu là trẻ ở địa phương và khu vực lân cận. Tổng số Cán bộ, giáo viên, nhân viên là 30 người. Trong đó ban giám hiệu: 3; giáo viên: 23; công nhân viên: 4. Giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn là 53%, chưa chuẩn là 17%, Tổng số nhóm- lớp: 23. Nhà trẻ: 07 lớp; Mẫu giáo: 16 lớp. Tổng số 398 cháu. Nhà trẻ: 30 cháu; Mẫu giáo: 368. Đội

ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên còn thiếu theo Điều lệ trường Mầm non, song các cán bộ giáo viên có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Với cơ sở vật chất còn khá thiếu thốn song đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhiệt tình năng nổ nên nhiều năm liền Trường Mầm non Hòa Phú vẫn đạt Tập thể lao động tiên tiến trong một số năm.

Trường Mầm non Tân Trào đóng tại số nhà 344 đường 17/8, tổ 02 phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình thành lập và phát triển: Nhà trường được thành lập tháng 12 năm 1987, quy mô ban đầu có 6 nhóm, lớp với 200 cháu. Trải qua quá trình phát triển hiện nay nhà trường có 13 nhóm, lớp với 545 cháu; Tổng số 45 cán bộ giáo viên, nhân viên, trong đó có 40 giáo viên trực tiếp giảng dạy; 100% giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn là 52,5%.

100% trẻ được học theo chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, giúp trẻ phát triển một cách toàn diện, tạo tiền đề tốt chuẩn bị cho trẻ vào học lớp 1.

- Nhà trường có một chi bộ Đảng gồm 20 đảng viên dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy Phường Phan Thiết.

Có tổ chức Công đoàn cơ sở với 45 công đoàn viên trực thuộc công đoàn Giáo dục và Đào tạo thành phố; chi đoàn thanh niên có 15 đoàn viên trực thuộc Đoàn phường Phan Thiết.

Trong những năm qua dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Tuyên Quang, cấp ủy chi bộ, ban giám hiệu nhà trường đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ không ngừng được nâng lên, kết quả năm sau cao hơn năm trước được phụ huynh và nhân dân tín nhiệm.

3.1.2. Giai đoạn nghiên cứu

3.1.2.1. Giai đoạn nghiên cứu lý luận

Giai đoạn nghiên cứu lý luận được thực hiện trong suốt quá trình giải quyết những vấn đề của luận án, nhưng tập trung tiến hành nghiên cứu từ tháng 4/ 2013 đến tháng 8/ 2014.

*** Mục đích nghiên cứu lý luận**

Mục đích của giai đoạn đầu tiên nhằm xây dựng cơ sở lý luận và phương pháp luận cho toàn bộ quá trình nghiên cứu.

*** Nội dung nghiên cứu lý luận**

- Tổng quan những nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.
- Hệ thống hoá một số vấn đề lý luận cơ bản về kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo, các yếu tố tác động tới mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.
- Từ khung lý luận, xác lập quan điểm chỉ đạo nghiên cứu thực trạng biểu hiện mức độ kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.

*** Phương pháp nghiên cứu lý luận**

Phương pháp chủ yếu được sử dụng để nghiên cứu lý luận là phân tích, tổng hợp hóa những tài liệu, văn bảncó liên quan đến kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.

3.1.2.2. Giai đoạn nghiên cứu thực tiễn

Khảo sát thực trạng mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi. Giai đoạn này được tiến hành vào khoảng thời gian từ 1/2014 đến 8/2015

*** Mục đích của nghiên cứu thực tiễn.**

Khảo sát thực trạng mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua: Kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi; Kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi; Kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp thông thường qua trò chơi. Tìm hiểu ảnh hưởng của một số yếu tố chủ quan và khách quan đến mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi thông qua trò chơi ĐVTCD

*** Nội dung nghiên cứu thực tiễn**

- + Xây dựng công cụ nghiên cứu: Bảng hỏi, dàn ý phỏng vấn sâu, quan sát, phân tích chân dung tâm lý điển hình

- + Điều tra thử và phân tích độ tin cậy của thang đo.
- + Điều tra thực trạng mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi, các yếu tố tác động đến biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.
- + Phân tích kết quả điều tra thực trạng mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.
- + Đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.

** Phương pháp nghiên cứu thực tiễn*

Phương pháp được sử dụng để nghiên cứu thực tiễn là phương pháp quan sát, điều tra viết, phỏng vấn sâu, chuyên gia, nghiên cứu sản phẩm hoạt động, nghiên cứu trường hợp điển hình và thống kê toán học.

** Quy trình nghiên cứu thực tiễn.*

Quy trình nghiên cứu thực tiễn gồm các bước: 1/Nghiên cứu tư liệu- xây dựng khung lý thuyết; 2/thiết kế bảng hỏi và phiếu phỏng vấn sâu; 3/điều tra thử; 4/điều tra chính thức; 5/xử lý số liệu; 6/Phân tích số liệu, hoàn thành luận án.

1. Nghiên cứu tư liệu- xây dựng khung lý thuyết

2. Thiết kế công cụ nghiên cứu

- Thăm dò tìm hiểu các biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.
- + *Mục đích:* Nghiên cứu tìm ra các mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.
- + *Nội dung nghiên cứu:* Khai thác thông tin để tìm hiểu mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.
- + Tiến hành:
 - Thiết kế bảng hỏi và phiếu phỏng vấn sâu tìm hiểu mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.
 - + *Mục đích:* Hình thành nội dung khảo sát bảng hỏi và phỏng vấn sâu các mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.
 - + *Khách thể nghiên cứu:* 100 khách thể gồm: Trẻ 5-6 tuổi, giáo viên và cán bộ quản lý trường mầm non.

+ *Nội dung nghiên cứu*: Khai thác thông tin từ các nguồn khác nhau làm cơ sở để thiết kế bảng hỏi và phiếu phỏng vấn sâu nhằm tìm hiểu thực trạng biểu hiện mức độ kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.

+ *Tiến hành thiết kế bảng hỏi và phiếu phỏng vấn sâu*: Tổng hợp các kết quả nghiên cứu tài liệu, kết quả thăm dò, quan sát và phỏng vấn sâu các GV, CBQL về mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi; xây dựng nội dung bảng và hỏi và phỏng vấn sâu để tiến hành khảo sát. Sau khi xây dựng bảng hỏi và phỏng vấn sâu, chúng tôi tiếp tục xin ý kiến chuyên gia để hoàn thiện bảng hỏi và phiếu phỏng vấn sâu.

3. Điều tra thử:

- Mục đích: Xác định độ tin cậy của bảng hỏi, tiến hành chỉnh sửa những câu hỏi không đạt yêu cầu.

- *Khách thể nghiên cứu*: 100 khách thể gồm: Trẻ 5-6 tuổi, giáo viên trường Mầm non Tân Trào.

- *Nội dung nghiên cứu*: Khảo sát thử bằng bảng hỏi và tính độ tin cậy, độ giá trị của công cụ điều tra.

- *Xử lý số liệu*: Số liệu thu được sau điều tra thử được xử lý bằng chương trình SPSS dùng trong môi trường Window phiên bản 22.0

* **Bảng hỏi số 1**: Dành cho giáo viên (dạy lớp mẫu giáo 5-6 tuổi)

Kết quả phân tích độ tin cậy của cả thang đo với hệ số Alpha = 0,753. Kết quả của phương pháp phân tích ma trận tương quan các chỉ số cho biết, trong ma trận này có một số đáng kể các tương quan $> 0,03$, hệ số phép thử KMO = 0,721 phép thử Bartlett ở mức độ ý nghĩa ($p=0,000$), do vậy thích hợp cho việc chiết xuất yếu tố. Kết quả tính toán hệ số chứa của từng yếu tố (loading factor) cho thấy tất cả 10 chỉ báo của thang đo đều có hệ số chứa $> 0,03$ trên yếu tố 1 và như vậy tất cả 10 chỉ báo đều được coi là phù hợp với cấu trúc của phép đo (xem phụ lục 5). Do đó có thể khẳng định đây là phép đo có độ tin cậy và hiệu lực tốt, những số liệu mà nó cung cấp rất đáng tin cậy. Kết quả này cho phép chúng tôi sử dụng bảng hỏi vào điều tra chính thức

* **Bảng hỏi số 2**: Dành cho giáo viên (dạy lớp 5-6 tuổi)

Kết quả phân tích độ tin cậy của cả thang đo với hệ số Alpha = 0,747. Kết quả của phương pháp phân tích ma trận tương quan các chỉ số cho biết, trong ma trận này

có một số đáng kể các tương quan $> 0,03$, hệ số phép thử KMO = 0,723 phép thử Bartlett ở mức độ ý nghĩa ($p=0,000$), do vậy thích hợp cho việc chiết xuất yếu tố. Kết quả tính toán hệ số chứa của từng yếu tố (loading factor) cho thấy tất cả 10 chỉ báo của thang đo đều có hệ số chứa $>0,03$ trên yếu tố 1 và như vậy tất cả 10 chỉ báo đều được coi là phù hợp với cấu trúc của phép đo (xem phụ lục 5). Do đó có thể khẳng định đây là phép đo có độ tin cậy và hiệu lực tốt, những số liệu mà nó cung cấp rất đáng tin cậy. Kết quả này cho phép chúng tôi sử dụng bảng hỏi vào điều tra chính thức

4. Điều tra chính thức:

- *Mục đích:* Khảo sát thực trạng biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi thông qua trò chơi ĐVTCD được thể hiện qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ (nét mặt, cử chỉ, điệu bộ); Tìm hiểu yếu tố ảnh hưởng đến biểu hiện KNGT của trẻ 5-6 tuổi; tìm hiểu biện pháp phát triển KNGT của trẻ 5-6 tuổi.

- *Khách thể điều tra:*

Khách thể nghiên cứu gồm 288 trẻ 5-6 tuổi, 38 giáo viên và 8 cán bộ quản lý của hai trường được nghiên cứu (xem bảng 1, phụ lục 6). Cụ thể là:

Bảng 3.1: Đặc điểm khách thể nghiên cứu (N=288)

	HS	Số lượng	%
Trường	MN Tân Trào	144	50,0
	MN Hòa Phú	144	50,0
Giới tính	Nam	150	52,1
	Nữ	138	47,9
Dân tộc	Kinh	120	41,7
	Dân tộc khác	168	58,3

+ 46 giáo viên và cán bộ quản lý (trong đó có 38 giáo viên và 8 cán bộ quản lý), ở 2 trường mẫu giáo thuộc huyện Chiêm Hóa và Thành phố Tuyên Quang.

- *Cách tiến hành:*

+ Mỗi khách thể trả lời độc lập một phiếu điều tra về biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo. Trước khi trả lời, các khách thể được hướng dẫn để hiểu về mục đích và yêu cầu trả lời ở các nội dung của phiếu; các điều tra viên được tập huấn kỹ về bảng hỏi trước khi điều tra. Các điều tra viên cũng được lưu ý tránh đưa ra những câu hỏi gợi ý hoặc những câu hỏi có thể gây ra phản ứng tiêu cực ở khách thể.

5. Xử lý số liệu:

- *Mục đích*: Xử lý số liệu thu được từ phiếu điều tra, phân tích các kết quả xử lý để nhận biết toàn bộ thực trạng biểu hiện kỹ năng giao tiếp qua trò chơi ĐVTCD của trẻ 5-6 tuổi.

- *Nội dung*: Thực trạng biểu hiện kỹ năng giao tiếp qua trò chơi ĐVTCD của trẻ 5-6 tuổi.

- *Tiến hành*: Nhập và xử lý số liệu trên phần mềm SPSS 22.0

3.1.2.3. Giai đoạn nghiên cứu đề xuất một số biện pháp tâm lý- sư phạm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp qua trò chơi ĐVTCD cho trẻ 5-6 tuổi

Giai đoạn này được tiến hành vào khoảng thời gian từ 9/2014 đến 3/2015

1. *Mục đích*: Từ những kết quả thu được qua nghiên cứu lí luận và thực tiễn về biểu hiện kỹ năng giao tiếp qua trò chơi ĐVTCD của trẻ 5-6 tuổi, đề xuất một số biện pháp tâm lý- giáo dục nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5-6 tuổi.

2. *Phương pháp*: Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp chuyên gia.

3. *Cách thức thực hiện*: Trong luận án này “biện pháp tâm lý- sư phạm” được hiểu là những con đường, cách thức, thủ thuật tác động có định hướng từ phía xã hội (hiểu theo nghĩa rộng nhất) đến cá nhân/trẻ, dựa trên cơ sở qui luật phát triển tâm lí lứa tuổi, nhằm hình thành, phát triển ở cá nhân/trẻ những KNGT phù hợp với yêu cầu, chuẩn mực chung của xã hội. Việc đề xuất các biện pháp tâm lý- giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp qua trò chơi ĐVTCD của trẻ mẫu giáo được tiến hành dựa trên *cơ sở lí thuyết* về đặc điểm phát triển tâm lí ở lứa tuổi này và những *kết quả nghiên cứu thực tiễn* trên trẻ mà đề tài đã thu thập được qua nghiên cứu này cũng như hồi cứu nhiều công trình đã có, đặc biệt là kết quả về các *nguyên nhân* của biểu hiện KNGT qua trò chơi ĐVTCD của trẻ mẫu giáo.

- *Cơ sở lý luận*: Xuất phát từ đặc điểm tâm lý, giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi; xuất phát từ vị trí của GV mầm non trong nhà trường và các quan hệ với trẻ 5-6 tuổi. Xuất phát từ vai trò của gia đình trong việc rèn luyện KNGT cho trẻ 5-6 tuổi.

- *Cơ sở thực tiễn*:

+ Tổng hợp các ý kiến đề xuất của GV (Câu 1,2,3,4,5- Phiếu trưng cầu ý kiến GV) và thang đánh giá biểu hiện KNGT của trẻ

+ Tổng hợp kết quả, phỏng vấn sâu về những nguyên nhân ảnh hưởng đến KNGT của trẻ 5-6 tuổi.

+ Phân tích mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng với mức độ biểu hiện KNGT của trẻ để xác định yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến KNGT của trẻ 5-6 tuổi.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết các nội dung nghiên cứu đề ra, đề tài đã sử dụng đồng bộ một tổ hợp các phương pháp nghiên cứu khác nhau. Sự bổ sung lẫn nhau của các phương pháp nghiên cứu sẽ làm tăng độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

3.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu:

- *Mục đích:* Được sử dụng để phân tích, tổng hợp, khái quát các quan điểm, công trình nghiên cứu đã có về lí luận và thực tiễn ở trong nước và nước ngoài, làm cơ sở xây dựng khung lí thuyết của đề tài, định hướng cho triển khai nghiên cứu thực tiễn.

- *Cách thức tiến hành:* trên cơ sở phân tích, tổng hợp, khái quát các nghiên cứu trước đây về vấn đề giao tiếp, kỹ năng giao tiếp trong HĐVC của trẻ 5-6 tuổi chúng tôi xây dựng khái niệm công cụ của đề tài như: Khái niệm giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giao tiếp qua trò chơi ĐVTCD; những biểu hiện kỹ năng giao tiếp qua trò chơi ĐVTCD của trẻ 5-6 tuổi, các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp qua trò chơi ĐVTCD của trẻ 5-6 tuổi.

3.2.2. Phương pháp chuyên gia

- *Mục đích:* Được sử dụng trong đề tài này như là một trong những phương pháp chủ yếu nhằm thu thập các ý kiến của những người có kinh nghiệm, có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực giáo dục trẻ em về các nội dung nghiên cứu của đề tài.

- *Cách thức tiến hành:* Hình thức thực hiện chủ yếu dưới dạng các cuộc hội thảo khoa học mang tính chuyên gia ở quy mô khác nhau. Xin ý kiến một số chuyên gia tâm lý và các giảng viên có kinh nghiệm giáo dục trẻ em mẫu giáo về bộ phiếu điều tra, mẫu biên bản quan sát và phỏng vấn sâu về những biểu hiện, yếu tố ảnh hưởng và biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ.

3.2.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Căn cứ vào mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, chúng tôi xây dựng bảng hỏi để khảo sát biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD

- *Mục đích:* Đánh giá thực trạng biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD và yếu tố tác động đến kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD

- *Nội dung và cấu trúc bảng hỏi:*

* **Bảng hỏi** Dành cho GV mầm non gồm mở đầu và 2 phần gồm (xem phụ lục1).

Mở đầu: Giới thiệu sơ bộ về mục đích của bảng hỏi

Phụ lục 1: Giáo viên đánh giá mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp qua trò chơi ĐVTCD của từng trẻ.

Phụ lục 2: Gồm các câu hỏi từ 1 đến 3, tìm hiểu.

- Các hoạt động và kỹ năng giao tiếp

- Những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp đối với trẻ 5-6 tuổi.

- Biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp đối với trẻ 5-6 tuổi.

- *Cách thức tiến hành:* Các khách thể tham gia điều tra được trả lời độc lập theo nhận định của cá nhân về biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi.

3.2.4. Phương pháp phỏng vấn sâu

- *Mục đích:* Mục đích của phương pháp này là thu thập những thông tin bổ sung hoặc khai thác sâu hơn, để làm rõ hơn về một số nội dung, đã được phát hiện qua các phương pháp khác.

- *Nội dung phỏng vấn:* Nội dung phỏng vấn được chuẩn bị rõ ràng theo các vấn đề mà nhà nghiên cứu quan tâm, bao gồm: Thông tin về học sinh (tích cách, khí chất, thái độ...), hoàn cảnh gia đình, quan hệ của học sinh với bạn bè, thầy cô; Biểu hiện, nguyên nhân và biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD.

- *Nguyên tắc phỏng vấn:* Trong phỏng vấn sâu chúng tôi đưa ra những câu hỏi mở, GV và CBQL, có thể trả lời trực tiếp hoặc gián tiếp theo ý kiến chủ quan. Buổi phỏng vấn được tiến hành như buổi nói chuyện, trao đổi về cuộc sống, học tập, sinh hoạt của trẻ ở nhà trường và gia đình.

- *Thời gian phỏng vấn*: Đối với trẻ 5-6 tuổi, khi tiến hành phỏng vấn sâu, chúng tôi thực hiện không quá 10 phút, vì nếu phỏng vấn dài sẽ gây cho các em mệt mỏi, chán nản và thiếu tập trung. Đối với GV, mỗi lần phỏng vấn khoảng 35-40 phút.

3.2.5. Phương pháp quan sát:

- *Mục đích*: Thu thập dữ liệu định tính một cách khách quan về thực trạng biểu hiện mức độ KNGT của trẻ 5-6 tuổi thông qua trò chơi ĐVTCD.

Và yếu tố ảnh hưởng đến biểu hiện mức độ KNGT của trẻ 5-6 qua hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ (tức nét mặt, của chỉ điệu bộ). Dừng để quan sát một số buổi chơi của trẻ đặc biệt là 3 trẻ điển hình.

- *Nguyên tắc quan sát*: Đảm bảo tính tự nhiên khi quan sát, không làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, cô và tiến trình dạy học.

- *Kỹ thuật quan sát*: chúng tôi thực hiện theo kỹ thuật “quan sát mẫu”, xác định cụ thể thời gian và số lượng mẫu trong một lần quan sát. Để có những số liệu chứng thực, chúng tôi chia 15 học sinh trong một lớp thành 3 nhóm nhỏ để quan sát một cách khách quan và tự nhiên. Chia thời gian 35 phút thành 6 chu kỳ, mỗi chu kỳ khoảng 5 phút, chúng tôi quan sát nhóm 1, sau đó có một phút để di chuyển sang chu kỳ mới và tiếp tục quan sát nhóm 2, lần lượt đến nhóm 3 và sau đó lại chuyển về nhóm 1. Mỗi nhóm được quan sát trong 2 chu kỳ, tương đương với khoảng thời gian là 10 phút trong một tiết học.

Kết quả quan sát được ghi lại qua băng hình và ghi lại bằng biên bản quan sát những hình ảnh, ngôn ngữ của Cô và trẻ trong hoạt động vui chơi.

- *Nội dung và cấu trúc mẫu bảng quan sát*: Căn cứ vào mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, chúng tôi xây dựng mẫu bảng quan sát biểu hiện mức độ kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi thông qua trò chơi ĐVTCD.(xem phụ lục 9)

- Thông tin về: thời gian, bài học, GV dạy

- Hoạt động của giáo viên: Phương pháp, hình thức, nội dung tổ chức hoạt động cho trẻ, nét mặt, ngôn ngữ, hành vi, cử chỉ, thái độ, cách ứng xử của Cô.

- Mức độ KNGT của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD biểu hiện ở hành vi ngôn ngữ và hành vi phi ngôn ngữ (tức nét mặt, của chỉ điệu bộ).

3.2.6. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động

Nghiên cứu các buổi chơi, các góc học tập của trẻ, các chủ đề trẻ tham gia chơi..., nhằm thu thập các số liệu phản ánh kết quả chơi và biểu hiện mức độ kỹ năng giao tiếp của trẻ.

3.2.7. Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình

- *Mục đích*: Vừa khai thác thông tin định tính cho nghiên cứu thực trạng, vừa minh họa cho kết quả tác động thực nghiệm kết quả nghiên cứu.

- *Nội dung nghiên cứu*: Phân tích đặc điểm cá nhân của 3 trẻ 5-6 tuổi, độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp của bố và mẹ, khu vực, địa bàn sinh sống, hoàn cảnh kinh tế... phân tích biểu hiện, nguyên nhân và yếu tố ảnh hưởng đến những mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp ở trẻ.

3.2.8. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

- Sử dụng chương trình SPSS dùng trong môi trường Window phiên bản 22.0 để xử lý số liệu thu được và phân tích thông kê nhằm đánh giá về định lượng và định tính, đảm bảo độ tin cậy của các kết quả thu được.

- Các thông số và phép toán thống kê được sử dụng trong nghiên cứu này là phân tích thống kê mô tả và phân tích thống kê suy luận.

- Các chỉ số sau được sử dụng trong phân tích thống kê mô tả: Tần suất, điểm trung bình cộng (*mean), độ lệch chuẩn (Std. Deviation); phần trăm ...

- Phần phân tích thống kê suy luận sử dụng các phép thống kê: so sánh giá trị trung bình (Compare means) và phân tích hồi quy.

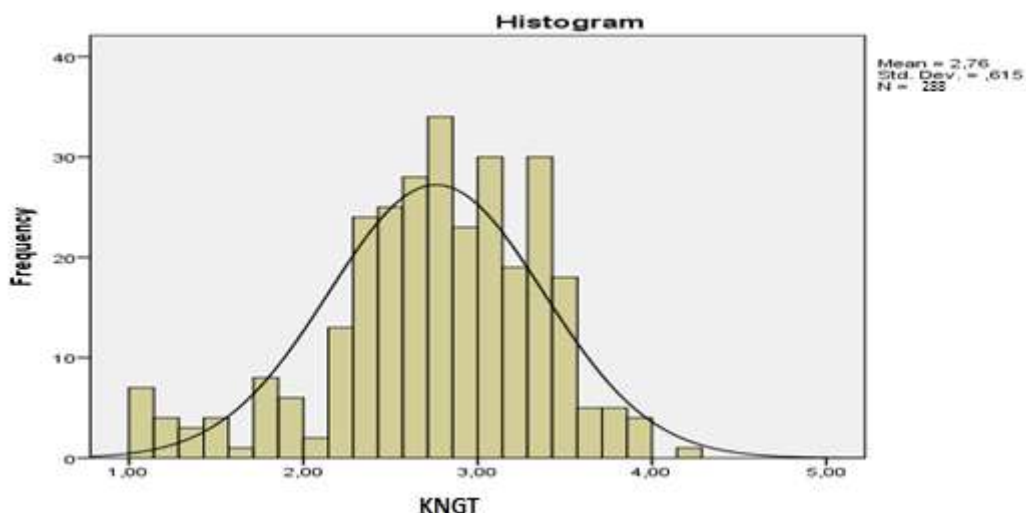
3.3. Thang đánh giá và cách tính điểm

3.3.1. Thang đánh giá:

Thang đo về kỹ năng được thiết kế theo 5 mức độ để đánh giá biểu hiện, mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD. Giáo viên được yêu cầu đánh giá mức độ đạt được đối với từng biểu hiện (kỹ năng cụ thể) của mỗi kỹ năng thành phần theo 5 mức từ “Không làm được” đến “Làm rất tốt”. Điểm quy ước để định lượng là từ 1 điểm (“Không làm được”/“Không làm bao giờ”) đến 5 điểm (“Làm rất tốt”). Quan điểm nghiên cứu năng lực thực hiện đã được thể hiện khi thiết kế thang đo này. Sau khi xây dựng, thang đo được đánh giá độ tin cậy và độ hiệu lực, sau đó đã được làm thử trên mẫu gồm 100 khách thể gồm: Trẻ 5-6 tuổi,

giáo viên và cán bộ quản lý trường Mầm non Tân Trào (về hình thức diễn đạt đối với một số item, về kỹ năng trẻ phải thực hiện để phù hợp với đối tượng nghiên cứu, đồng thời đảm bảo độ tin cậy và độ hiệu lực của thang đo. Hệ số Cronbach'alpha đều đạt trên 0,9. (Xem thêm ở phần Phụ lục).

3.3.2. Cách tính điểm:



Đồ thị 2.1. Phân bố điểm số về KNGT của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD

+ *Tính điểm trung bình cộng của từng mặt biểu hiện kỹ năng giao tiếp cơ bản của trẻ 5-6 tuổi qua 3 nhóm kỹ năng đó là: Kỹ năng nghe hiểu lời nói trong giao tiếp/Kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp/ Kỹ năng thực hiện một số qui tắc thông thường trong giao tiếp*

2.3.3. Cách đánh giá và phân loại

* **Đánh giá kỹ năng giao tiếp** cơ bản của trẻ 5-6 tuổi thể hiện trong hoạt động vui chơi của trẻ mà trung tâm là trò chơi ĐVTCD và được biểu hiện qua khả năng thực hiện các kỹ năng cụ thể trong các kỹ năng thành phần.

Định tính: Chúng tôi đánh giá mức độ biểu hiện kỹ năng gồm 5 mức: từ "không làm được/chưa làm được/chưa được làm"/đến "làm rất tốt". Điểm quy ước để định lượng là từ 1 điểm ("không làm được/chưa làm được/chưa được làm"), đến 5 điểm ("làm rất tốt").

Dựa vào tiêu chuẩn để đánh giá kỹ năng: Tính đúng đắn, tính thành thạo, tính linh hoạt và hiệu quả chúng tôi xác định ra 5 mức:

Mức 1: Chưa làm được

Mức 2: Làm được nhưng còn lúng túng mắc lỗi.

Mức 3: Làm được tương đối thành thạo.

Mức 4: Làm được thành thạo.

Mức 5: Làm được thành thạo trong các vai trò khác nhau (linh hoạt).

Định lượng: Việc phân loại các mức *biểu hiện kỹ năng giao tiếp cơ bản của trẻ 5-6 tuổi* được xác định căn cứ vào điểm trung bình cộng và độ lệch chuẩn. Cụ thể là :

Mức tốt:	$X > "ĐTB + 2 ĐLC"$:	$4,33 \leq$	Mức tốt:	$(4,33 - 5,0)$
Mức khá:	$"ĐTB + 2 ĐLC"$:	$3,35 \leq$	Mức khá < 4,33:	$(3,35 - 4,33)$
Mức trung bình:	$ĐTB \pm 1ĐLC$:	$1,99 \leq$	Mức trung bình < 3,55:	$(1,99 - 3,55)$
Mức yếu:	$"ĐTB - 2 ĐLC"$:	$1,21 \leq$	Mức yếu < 1,99	$(1,21 - 1,99)$
Mức kém:	$X < "ĐTB - 2 ĐLC"$:	$< 1,21$		$(1,0 - 1,21)$

* **Đánh giá mức độ ảnh hưởng** của các yếu tố đến *biểu hiện kỹ năng giao tiếp cơ bản của trẻ 5-6 tuổi*

+ Để đánh giá định lượng về mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố, luận án sử dụng cách tính cho điểm mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố theo quy ước:

- Không ảnh hưởng	:	1 điểm
- Rất ít ảnh hưởng	:	2 điểm
- Ít ảnh hưởng	:	3 điểm
- Ảnh hưởng khá nhiều	:	4 điểm
- Ảnh hưởng nhiều	:	5 điểm

+ Tính tổng điểm của mỗi yếu tố ảnh hưởng theo tần số lựa chọn. Tính điểm trung bình cộng của mỗi nhóm yếu tố ảnh hưởng.

+ Xếp thứ bậc yếu tố ảnh hưởng theo tổng điểm và xếp thứ bậc nhóm yếu tố ảnh hưởng theo điểm trung bình cộng.

Tiểu kết chương 3

- Kỹ năng giao tiếp là vấn đề phức tạp, rộng nên nội dung nghiên cứu của luận án tập trung vào 2 khía cạnh đó là mức độ biểu hiện của biểu hiện kỹ năng giao tiếp cơ bản của trẻ 5-6 tuổi và các yếu tố tác động đến kỹ năng giao tiếp cơ bản của trẻ 5-6 tuổi. Nghiên cứu kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo gồm 288 trẻ 5-6 tuổi; 38 giáo viên và 8 cán bộ quản lý của hai trường được nghiên cứu

- Phân tích, tổng hợp các quan điểm lý thuyết của các tác giả trong và ngoài nước về kỹ năng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi và đã xác

định quan điểm chủ đạo trong nghiên cứu kỹ năng giao tiếp đó là dựa vào lý thuyết hoạt động để xây dựng các khái niệm công cụ và công cụ đo kỹ năng giao tiếp của trẻ.

- Quá trình nghiên cứu thực tiễn được tiến hành theo một qui trình thống nhất, chặt chẽ. Nghiên cứu đã kết hợp nhiều phương pháp khác nhau. Đặc biệt phương pháp điều tra là phương pháp chính sử dụng nghiên cứu trên khách thể là trẻ, cô giáo. Việc phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau sẽ có sự bổ trợ để thông tin thu được mang tính chính xác và tin cậy.

- Các số liệu thu thập được xử lý bằng nhiều kỹ thuật đa dạng (phân tích đánh giá định tính và định lượng) đưa ra những kết quả và kết luận đạt độ tin cậy và có giá trị về mặt khoa học.

CHƯƠNG 4

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN VỀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA

TRẺ 5-6 TUỔI TỈNH TUYỀN QUANG QUA TRÒ CHƠI

ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ

4.1. Thực trạng biểu hiện kỹ năng giao tiếp của 5-6 tuổi tỉnh Tuyền Quang qua trò chơi đóng vai theo chủ đề

4.1.1. Đánh giá chung mức độ kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyền Quang qua trò chơi đóng vai theo chủ đề

Tổng hợp ý kiến của khách thể điều tra về biểu hiện KNGT của trẻ 5-6 tuổi được nghiên cứu có thể có cái nhìn tổng quát về mức độ biểu hiện KNGT của trẻ 5-6 tuổi được nghiên cứu.

Kết quả được trình bày ở bảng 4.1.

Bảng 4.1. Đánh giá chung mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyền Quang qua trò chơi ĐVTCD

TT	Các nhóm kỹ năng giao tiếp	ĐTB	ĐLC	TB
1	Kỹ năng hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi	3,15	0,77	1
2	Kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi	2,38	0,79	3
3	Kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp thông thường trong thực hiện trò chơi	2,79	0,78	2
ĐTB chung		2,77	0,78	

Ghi chú: Biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ được đánh giá qua 5 mức:

Mức tốt:	$X > "ĐTB + 2 ĐLC" : 4,33 \leq$	Mức tốt:	(4,33- 5,0)
Mức khá:	$"ĐTB + 2 ĐLC": 3,35 \leq$	Mức khá < 4,33:	(3,35 - 4,33)
Mức trung bình:	$ĐTB \pm 1ĐLC: 1,99 \leq$	Mức trung bình < 3,55:	(1,99 - 3,55)
Mức yếu:	$"ĐTB - 2 ĐLC": 1,21 \leq$	Mức yếu < 1,99	(1,21 - 1,99)
Mức kém:	$X < "ĐTB - 2 ĐLC" : < 1,21$		(1,0 - 1,21)

Số liệu ở bảng trên cho thấy kết quả đánh giá chung biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5 – 6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD của mẫu nghiên cứu qua quan sát, chỉ đạt ở mức độ **“trung bình”** $\bar{X}=2,77$, các mặt chủ yếu của kỹ năng giao tiếp ở trẻ cũng đều nằm ở mức độ "trung bình" (từ 2,38đ đến 3,15đ). Tuy vậy giữa ba nhóm kỹ năng thành phần có sự khác nhau chút ít: Mức cao nhất thuộc về nhóm “kỹ năng hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi” $\bar{X}= 3,15$; nhóm “kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi” có mức thấp nhất $\bar{X}= 2,38$. Có sự phân hóa khá rõ ở phần lớn các kết quả đánh giá kỹ năng giao tiếp của trẻ thông qua trò chơi ĐVTCD (độ lệch chuẩn giao động từ 0,77đ đến 0,78đ).

Thực tế này được lý giải như sau:

Trong các hoạt động của trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non, nhất là trong hoạt động vui chơi trẻ sẽ có nhiều cơ hội giao tiếp với nhau. Ở trẻ 5-6 tuổi việc chơi nhóm với bạn là một nhu cầu bức bách. Trẻ ở lứa tuổi này không phải chỉ thiếu bánh kẹo hay đồ chơi, mà nếu thiếu bạn bè để cùng chơi với nhau thường làm đứa trẻ buồn bã. Không phải ai cũng thay thế bạn bè của trẻ. Nếu người lớn không thấy được nhu cầu đó của trẻ để tạo điều kiện cho chúng chơi với nhau thì đó là một sai lầm lớn trong giáo dục, vì ở lứa tuổi mẫu giáo – đặc biệt là mẫu giáo 5-6 tuổi – nhu cầu giao tiếp với bạn bè đang ở thời kỳ phát cảm, tức là đang phát triển rất mạnh. Từ đó những “xã hội trẻ em” thực sự hình thành.

Thực tế, ở lứa tuổi mầm non chỉ đơn giản là giao tiếp tốt, biết vui chơi với bạn, biết xin lỗi hoặc cảm ơn đúng lúc, dễ thích nghi với môi trường khác nhau. Tuy nhiên vốn từ của trẻ còn ít, nhiều trẻ theo nếp sống gia đình còn nói trống không, nói chưa đủ câu, cũng có lúc trẻ nói sai cho lên trẻ chưa mạnh dạn. Đôi lúc người lớn và GV lại mắng phạt trẻ, tạo cho trẻ cảm giác thiếu tự tin, xấu hổ trước đám đông. Hoặc đôi khi trong quá trình tổ chức cho trẻ chơi trò chơi ĐVTCD, GV lại đặt quá nhiều kỳ vọng ở trẻ, do đó cũng tạo áp lực cho trẻ, khiến trẻ cảm thấy căng thẳng, lúng túng, dễ tự ti khi tham gia cuộc chơi, điều này cũng rất ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ năng giao tiếp ở trẻ.

Dự giờ lớp học cho thấy, nguyên nhân của những hạn chế trong việc thực hiện những kỹ năng giao tiếp ở trẻ nảy sinh từ chính bản thân trẻ, nhưng ở một số

trường hợp lại được xác định có liên quan đến Cô giáo. Ở tình huống trong biên bản quan sát giờ học được mô tả dưới đây đã chứng minh nhận định đó.

Khi quan sát buổi chơi do GV tổ chức ở lớp mẫu giáo lớn thì GV sử dụng chủ yếu là câu cầu khiến khi giao tiếp với trẻ. Ví dụ như các câu: "- Tất cả sẽ về nhóm chơi của mình!"; "Bác kĩ sư trưởng điều hành công việc đi!"; "Bác sĩ đến trường khám bệnh cho các cháu đi!" v.v... Làm trẻ khó hiểu và khó thực hiện yêu cầu trong khi chơi. Qua góc chơi xây dựng và góc chơi bán hàng chủ đề " Nước và hiện tượng thiên nhiên". Cô giáo gợi ý cho trẻ xây dựng công viên nước, và các kĩ sư sẽ xây những gì trong công viên nước? Tuy nhiên một số trẻ không tập trung, thờ ơ, mãi nhìn đi chỗ khác, một số trẻ khác lại không thảo luận trong nhóm và không phân công nhiệm vụ cho nhau nên tham gia chơi một cách lộn xộn. Cô thì hỏi dồn dập: Xây xong công viên rồi các kĩ sư có đói bụng không? Các kĩ sư hãy đến cửa hàng ăn uống ăn cơm đi, các bác sẽ gọi món như thế nào?, Trước khi ăn các bác phải làm những gì?..(Biên bản quan sát số 3)

Chúng ta đã nhận thấy rằng, tính nhạy cảm đối với âm thanh của trẻ nhỏ được phát triển rất nhanh chóng. Tuy nhiên sự phân biệt từ và âm tiết không chỉ liên quan với tính nhạy cảm đối với âm thanh mà còn đòi hỏi sự phát triển đặc biệt của thính giác ngôn ngữ hay âm vị. Để toàn bộ những âm thanh nào đó phát ra được tiếp thu với tư cách là từ thì nó cần có ý nghĩa tín hiệu đối với trẻ. Những công trình nghiên cứu của các nhà sinh lý học và tâm lý học (A.G.Ivanop) – Xmolenxki, V.K.Fadeep, I.B. Pozanan – nkaia, N.Kh.Sòvátskin, G.L.Rôjengart-Púpko, N.I.Kraxnôgovroxki, M.M.Kônsova, A.P.Luria, F.I Fratkina, Z.I. Barbasôva) đã chứng minh rằng việc trẻ phân biệt từ như là một tín hiệu đặc biệt là một quá trình tương đối lâu dài.[Trích theo 70]

Các trò chơi cho trẻ cơ hội vừa học hỏi vừa tìm hiểu, sáng tạo, ứng biến và tưởng tượng. Khi trẻ chơi với bạn đồng lứa, chúng lập ra các nhóm xã hội, thử nghiệm các ý tưởng, khơi gợi những suy nghĩ của nhau và tạo dựng những suy nghĩ mới. Các trò chơi tạo một môi trường nâng đỡ, là nơi trẻ nêu thắc mắc, giải quyết các vấn đề và suy nghĩ, phán xét. Vui chơi giúp trẻ mở rộng tư duy, tăng lòng ham thích hiểu biết và học hỏi. Bằng những cách này, vui chơi có khả năng khuyến khích

khuyến khích tích cực nhận thức giao tiếp... Trẻ thơ đắm mình trong các trò chơi cho thấy vui chơi giúp các em vui sống một cách đơn giản.

Các giáo viên ở trường mầm non đảm nhận nhiều vai trò trong các trò chơi với trẻ, và sử dụng nhiều chiến lược hỗ trợ sự học hỏi. Họ tham gia trò chuyện chia sẻ với các em để mở rộng óc tư duy cho trẻ. Họ cân bằng giữa sự học hỏi do trẻ định hướng và phát kiến với sự học hỏi được nhà giáo dục hỗ trợ. Họ tạo môi trường học tập khuyến khích trẻ tìm hiểu, giải quyết vấn đề, sáng tạo và xây dựng. Các nhà giáo tương tác với trẻ để xây dựng tình cảm gắn bó. Họ dùng những hoạt động thường lệ hàng ngày và trải nghiệm vui chơi với trẻ. Các giáo viên làm việc với trẻ để khuyến khích và làm gương cho trẻ một cách tích cực, họ tích cực hỗ trợ để trẻ được hội nhập cùng chơi, giúp các em nhận biết khi chơi không công bằng và cho các em thấy những cách thức gây dựng một cộng đồng học hỏi quan tâm cho nhau, công bằng, và không phân biệt đối xử. Và thông qua đó phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ.[96]

Sự phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ được thực hiện trong mối quan hệ đa dạng và tích cực của nó với đối tượng và với thế giới xã hội. Tính tích cực về mặt sinh học đầu tiên của trẻ nhỏ được biến đổi dần trong các loại hoạt động khác nhau của trẻ dưới sự hướng dẫn của người lớn. Và kết quả của hoạt động, nghĩa là sự biến chuyển trong sự phát triển của trẻ phụ thuộc vào chỗ dựa trẻ dựa vào vì cái gì, nghĩ về cái gì, tiếp thu cái gì, làm cái gì, phụ thuộc vào chỗ người lớn đã tổ chức hoạt động này như thế nào. Tuy nhiên mỗi loại hình hoạt động đều có những đặc điểm của nó. Tính tích cực của đứa trẻ được sử dụng một cách khác nhau trong hoạt động thể thao và vui chơi, trong lao động và sinh hoạt. Cần phải biết bản chất của mọi loại hoạt động, để các nhà giáo dục có thể sử dụng khả năng giáo dục và giáo dưỡng của hoạt động này hoặc khác với hiệu quả cao nhất.[84]

* Đánh giá KNGT của cá nhân trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD cho thấy mức độ biểu hiện KNGT của trẻ được nghiên cứu rất khác nhau. 73,96% trẻ có KNGT ở mức độ "trung bình", chỉ có 1,04% trẻ ở mức "tốt" (hiểu biết tốt, có khả năng làm tốt, thực hiện tốt, làm nhiều, làm thành thạo...), 13,19% số trẻ có KNGT ở mức khá, và 5,90% số trẻ ở mức "yếu", 5,90% số trẻ ở mức "kém".

Phần lớn trẻ 5 – 6 tuổi có biểu hiện KNGT ở mức "trung bình". Thực tế này có thể được lý giải như sau:

Trong đa số gia đình, trẻ hầu như được bảo vệ và chăm sóc theo nguyên tắc là phụ thuộc và nuông chiều. Các bậc cha mẹ thường cho trẻ ăn những món mà họ cho rằng rất bổ dưỡng cho trẻ, cho trẻ mặc những y phục mà theo họ là thích hợp, và buộc trẻ phải có những hành vi ứng xử mà họ nghĩ rằng đó là sự vâng lời. Tất cả những điều đó sẽ là tốt đẹp nếu nó ở một chừng mực nào đó, nếu vẫn có những lĩnh vực và không gian cho phép trẻ có cơ hội để bộc lộ những sở thích cá nhân, những hành vi tự chủ. Nhưng nó sẽ dễ dàng dẫn đến vì sẽ dẫn đến những khó khăn không hòa hợp trong việc giao tiếp, tạo cho trẻ những nhận thức và hành vi không phù hợp khi trẻ bắt đầu tiếp xúc, hình thành các khả năng giao tiếp với xã hội bên ngoài. Ngược lại là khi được nuông chiều, trẻ được chấp nhận mọi yêu cầu vô điều kiện với suy nghĩ đơn giản là trẻ nhỏ chưa biết gì, chiều nó một chút cũng không sao, thì sẽ tạo nên ở trẻ những hành vi và nhận thức sai lệch.

Vì vậy ngay từ nhỏ trẻ cũng cần phải biết những hạn chế về không gian và thời gian, trong nhà có những chỗ không thể chơi đùa, và dĩ nhiên là phải có chỗ được chơi tự do. Trong việc ăn uống, vui chơi cũng có những mốc thời gian, sẽ có những khoảng thời gian nhất định cho việc ăn uống chơi đùa và học tập. Trẻ cũng cần có một cái lịch hoạt động cho các công việc của mình từ sáng đến chiều để có được sự ổn định và hình thành tư duy logic - biết cái gì xảy ra trước, cái gì sẽ đến để có được những chuẩn bị và đáp ứng thích hợp.

Đối với người lớn, trẻ cần được tập nói những lời nói lễ phép và tự nhiên, không quá màu mè và hình thức nhưng cũng không được phép cộc lốc và xuống sã. Trẻ sẽ học được một cách hiệu quả thông qua cách giao tiếp và ứng xử của bố mẹ với người khác. Chúng ta sẽ không thể cấm trẻ nói năng thô lỗ nếu chính bố mẹ thích "xả rác bằng miệng" và cũng không thể buộc trẻ lễ phép khi bố mẹ không có những hành vi lịch sự tối thiểu.

Ngoài bố mẹ, trẻ có thể bắt chước các hành vi và ngôn ngữ không thích hợp ở họ hàng, những người giúp việc hay thậm chí cả những người hàng xóm nếu gia đình sống trong một khu phố lao động, trẻ em thường xuyên tiếp xúc với nhiều hạng người khác nhau. Vì thế, chúng ta cũng cần lưu ý đến những nguồn có khả năng gây "ô nhiễm" cho lời nói và hành động của trẻ, mà nhiều khi rất nặng nề nếu như không được ngăn ngừa và phát hiện sớm.[10]

4.1.2. Biểu hiện của các kỹ năng giao tiếp thành phần của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD

4.1.2.1. Kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD.

Bảng 4.2. Biểu hiện kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD.

Các kỹ năng cụ thể	Mức độ		TB
	ĐTB	ĐLC	
Kỹ năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi	2,90	0,78	4
Kỹ năng nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến những hành động đơn giản;	3,40	0,79	1
Kỹ năng hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi qua thực hiện trò chơi ĐVCCĐ;	3,35	0,75	2
Kỹ năng nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ qua thực hiện trò chơi ĐVCCĐ;	2,95	0,76	3
ĐTBC	3,15	0,77	

Bảng 4.2 cho thấy: Biểu hiện kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp qua trò chơi ĐVTCD của trẻ 5 – 6 tuổi tỉnh Tuyên Quang chỉ ở mức trung bình. Tuy vậy có sự chênh lệch đáng kể ở hai kỹ năng thành phần. Kỹ năng nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến những hành động đơn giản có $\bar{X}=3,40$ được đánh giá gần sát mức khá, Kỹ năng hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi qua thực hiện trò chơi ĐVCCĐ $\bar{X}=3,35$, nhưng “Kỹ năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi” và Kỹ năng

nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ qua thực hiện trò chơi ĐVCCĐ, lại ở mức trung bình với $\bar{X}= 2,95$ và $\bar{X}= 2,90$.

Thực tế cho thấy, con người là một sinh vật xã hội - ngay từ khi sinh ra, con người đã có nhu cầu liên lạc, giao tiếp và ứng xử với môi trường và những người xung quanh. Sự phát triển của *“kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp là yếu tố cần thiết trong thực hiện trò chơi”* giúp trẻ phát triển và tồn tại. Vì thế kỹ năng này được xem là một trong những kiến thức nền tảng của con người. Ngay từ khi bé chào đời, thì giao tiếp đã là một kỹ năng quan trọng giúp bé tồn tại và phát triển, bé giao tiếp qua ánh mắt, qua các cử động của tay chân và đặc biệt là qua tiếng khóc... Một người mẹ có sự quan tâm và gần gũi con chắc chắn sẽ hiểu khi nào bé khóc vì đói, khi nào bé khóc vì đau, vì sợ và cả vì nhõng nhẽo nữa

Khi biết nói thì bé bắt đầu sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp, đồng thời với khả năng bộc lộ cảm xúc thông qua giao tiếp phi ngôn ngữ qua ánh mắt với những nét mặt và các dấu hiệu của cơ thể, nếu được đáp ứng đầy đủ sẽ giúp cho bé hình thành sự tự tin vào bản thân cũng như xây dựng những mối tương giao với mọi người xung quanh.

Để phát triển kỹ năng *“kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi”* cho trẻ cần phải thường xuyên: *“đàm thoại với trẻ (tổ chức trẻ đàm thoại với nhau trong quá trình chơi); làm mẫu và hỏi trẻ; tạo tình huống; huy động vốn hiểu biết của trẻ; kết hợp giữa nói và làm mẫu; đàm thoại với trẻ (tổ chức trẻ đàm thoại với nhau); đề ra yêu cầu và hướng dẫn trẻ thực hiện yêu cầu”* (Cô P.T.N trường MN Tân Trào).

Có thể nói, *“kỹ năng nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến những hành động đơn giản”* và *“Kỹ năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi”* được xem là một năng lực tối thiểu, cần thiết cho trẻ mở rộng quan hệ từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội. Đây là một kỹ năng phức tạp bao gồm nhiều yếu tố khác nhau, vì thế ngoài năng lực nội tại của trẻ, phụ huynh và giáo viên cũng cần quan tâm giúp trẻ phát triển về kỹ năng giao tiếp bằng cách kích thích nhiều giác quan, mà chủ yếu là nghe - nhìn và đụng chạm. [13].

4.1.2.2. *Kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD*

Bảng 4.3. Biểu hiện kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD

Các kỹ năng cụ thể	Mức độ		TB
	ĐTB	ĐLC	
Kỹ năng dùng từ phù hợp với nội dung, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp	2,71	0,79	1
Kỹ năng sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân khi giao tiếp	1,89	0,78	4
Kỹ năng sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong quá trình giao tiếp	2,17	0,77	3
Kỹ năng khởi xướng chủ đề giao tiếp	2,49	0,80	2
ĐTB	2,38	0,79	

Kết quả ở bảng 4.3 cho thấy “kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi” ở mức “trung bình” $\bar{X}=2,38$, và có sự chênh lệch ở các kỹ năng như: Kỹ năng dùng từ phù hợp với nội dung, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp; Kỹ năng sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân khi giao tiếp; Kỹ năng sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong quá trình giao tiếp; Kỹ năng khởi xướng chủ đề giao tiếp, đều được đánh giá ở mức trung bình ($\bar{X}= 2,71; 2,17$, và $2,49$). Kết quả cho thấy, hầu hết trẻ đều được đánh giá các biểu hiện này đều ở mức trung bình, không có nội dung nào được đánh giá ở mức khá. Riêng " Kỹ năng sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân khi giao tiếp" nằm ở mức "yếu" (bảng 4.2). Trong quá trình giáo dục khi tổ chức hướng dẫn trẻ học, chơi...giáo viên cần chú ý lắng nghe, khuyến khích trẻ sử dụng lời nói, trình bày ý nghĩ, tình cảm của mình tốt hơn. Những nghiên cứu về trẻ em đã chứng minh: [67], [76], [88], [70] Trẻ sử dụng thành thạo tiếng mẹ đẻ theo các hướng: Nắm vững ngữ âm và ngữ điệu khi sử dụng tiếng mẹ đẻ: Trẻ biết đọc diễn cảm, biết dùng điệu bộ bổ sung cho ngôn ngữ nói/Vốn từ và cơ cấu ngữ pháp phát triển.

Các tính chất ngôn ngữ thường gặp ở trẻ 5 - 6 tuổi là: Ngôn ngữ giải thích, (trẻ có nhu cầu nhận sự giải thích và cũng thích giải thích cho các bạn); Ngôn ngữ tình huống (hoàn cảnh) do giao tiếp với người xung quanh bằng những thông tin mà trẻ trực tiếp tri giác được trong khung cảnh; Tính mạch lạc rõ ràng: do vốn từ của trẻ chiếm 50% là danh từ, nên câu nói của trẻ thường ngắn gọn, rõ ràng; Tính địa phương trong ngôn ngữ nền văn hoá của địa phương, cộng đồng thể hiện rõ trong ngôn ngữ của trẻ (nói ngọng, nói mất dấu ...); Tính cá nhân đã bộc lộ rõ qua các sắc thái khác nhau của trẻ, đặc biệt ở chức năng ngôn ngữ biểu cảm.

Tuy nhiên, việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp và các tính chất của ngôn ngữ ở trẻ phụ thuộc phần lớn vào việc hướng dẫn và sự gương mẫu về lời nói của người lớn. Tất cả những nhiệm vụ khó khăn này trẻ giải quyết không cùng một lúc và không đạt kết quả như nhau, *trẻ vừa xếp những từ đó trong câu ngữ pháp nhất định, biết cách thể hiện ý nghĩ của mình trong câu nói làm cho người khác hiểu được*. Sự tiếp thu ngôn ngữ thường diễn ra bằng hai con đường. Trong việc giao tiếp tự nhiên hằng ngày giữa trẻ với người lớn xung quanh và trong quá trình dạy học mà các nhà giáo dục và các bậc cha mẹ tổ chức đặc biệt. Sự phát triển lời nói của trẻ ở mỗi một giai đoạn trong cuộc sống phụ thuộc vào nội dung, tính chất và phương pháp dạy học đặc biệt và tự nhiên đó. Đặc biệt là bằng việc tổ chức cho trẻ tham gia trò chơi ĐVTCD.

Khi chơi đóng vai theo chủ đề trẻ phải tham gia vào cuộc nói chuyện với bạn để phân vai, trao đổi với nhau trong khi chơi, trẻ bắt chước các nhân vật mà trẻ đóng vai, làm cho ngôn ngữ đối thoại của trẻ thêm phong phú và đa dạng . Tuy nhiên ở mỗi trẻ giao tiếp bằng ngôn ngữ không đồng đều. Một số trẻ ngoan ngoãn và nhanh trí thì có nhiều kỹ năng giao tiếp tốt, với sự hướng dẫn động viên của cô giáo trẻ luôn biết phát huy kỹ năng tốt đó. Ngược lại, một số trẻ nhận thức còn chậm lại hay nghịch ngợm nên kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ mạch lạc của trẻ đó đạt kết quả thấp.

Khi quan sát buổi chơi do giáo viên tổ chức ở lớp mẫu giáo lớn, thì đa số trẻ còn khó khăn trong việc dùng từ phù hợp với nội dung chơi- “mẹ ơi con giúp mẹ rửa cái gạo nhé!” (Trò chơi gia đình); khó khăn khi nói để trao đổi và chỉ dẫn cho bạn trong nhóm chơi, khó khăn sử dụng câu từ phù hợp để phân vai chơi, nhập vai lộn xộn- (Trò chơi Bác sĩ); Người bán hàng không biết sử dụng lời nói để cảm ơn khách hàng khi mua hàng (Hồ sơ quan sát số 2)

Nghiên cứu chuyên đề ngôn ngữ nói ở trẻ từ 3 đến 6 tuổi (V.I.Iadesko) đã chỉ ra rằng cùng một lúc với sự tích lũy từ vựng, các loại sai lầm mới trong ngôn ngữ của trẻ để thể hiện ra. Khi biểu đạt bằng lời một cách dễ dàng, trẻ bắt đầu cấu tạo một câu một cách có chủ định. Nó thường bỏ sót chủ ngữ hoặc vị ngữ trong câu, thay thế đại từ nhân xưng bằng tên của nó trong ngôi thứ ba, cái đó làm sai lệch nội dung truyền đạt: “Ông già kéo củ cải nhưng không thể lôi lên được”. Hoặc giả là “Chạy qua cánh đồng” (ai?) dừng lại trước cửa và gõ”. Trẻ rất thường bỏ sót những thành phần phụ của câu. Chẳng hạn trong 23 trẻ 5 tuổi sau khi nghe kể chuyện (củ cải), thì chỉ có một em nói rằng ông già kéo củ cải ra khỏi mặt đất, nói chung 22 trẻ còn lại không nói lên được điều đó [64, tr 61-62]

Khi kể chuyện trẻ thường bỏ qua nhiều từ chưa quen biết hoặc chủ định thay thế những từ ấy bằng những từ quen thuộc hơn, dựa vào “Cảm giác quen thuộc”. Sự lĩnh hội ngữ pháp và biết những câu phức tạp phụ thuộc trực tiếp vào sự rèn luyện ngôn ngữ của trẻ, vào sự chú ý của nhà giáo dục và các bậc cha mẹ, đối với ngôn ngữ. Trẻ càng kể nhiều những điều mắt thấy tai nghe trong các cuộc đi chơi, tham quan và đặc biệt là tham gia vào trò chơi ĐVTCD bao nhiêu thì ngôn ngữ mạch lạc của trẻ càng phát triển bấy nhiêu.

4.1.2.3. Kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD

Bảng 4.4. Biểu hiện kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD

Các kỹ năng cụ thể	Mức độ	
	ĐTB	ĐLC
Kỹ năng điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp	3,42	0,79

Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn từ (cử chỉ, nét mặt, ánh mắt...)	2,25	0,77
Kỹ năng làm chủ bản thân khi giao tiếp (làm chủ cảm xúc, hành động - không nói leo, không gắt lời người khác khi trò chuyện.	3,15	0,76
Kỹ năng hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.	2,32	0,78
ĐTB	2,79	0,78

Ghi chú: Thang mức độ KNGT của trẻ MG 5-6 tuổi xem tại trang 89

Số liệu ở bảng trên cho thấy: Biểu hiện " kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp qua trò chơi ", cũng chỉ ở mức trung bình với $\bar{X}= 2,79$. Các nội dung như: "Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn từ (cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..." ($\bar{X}=2,25$), "Kỹ năng hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói", ($\bar{X}=2,32$), "Kỹ năng làm chủ bản thân khi giao tiếp (làm chủ cảm xúc, hành động - không nói leo, không gắt lời người khác khi trò chuyện,.."($\bar{X}=3,15$). Đáng lưu ý là có một kỹ năng được đánh giá xấp xỉ ở mức khá, đó là "Kỹ năng điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp" ($\bar{X}=3,42$).

Trong gia đình và ở vườn trẻ, nhờ sự giáo dục của các thầy giáo, trẻ học nói một cách có diễn cảm. Để làm được điều đó, trẻ cần biết cách chọn từ “hay” và phát âm những từ đó bằng các giọng khác nhau. Việc giải quyết nhiệm vụ này cũng đòi hỏi sự tinh nhạy của trẻ đối với ngôn ngữ của người lớn. Khi truyền đạt bằng các ngữ điệu, các âm tiết, trọng âm, chỗ ngắt đoạn hoặc bằng một giọng nói mạnh hay yếu đối với những điều mà trẻ kể ra, nhà giáo dục muốn gọi cho trẻ những rung cảm thích hợp, kích thích xúc cảm giống nhau. Tạo ra một tâm trạng nhất định. Tuy nhiên nếu nhà giáo dục chỉ cố gắng làm cho trẻ sao chép chính xác những ngữ điệu đó để rồi tự mình đọc bài thơ khác thì họ chỉ sẽ giáo dục cho trẻ sự bắt chước mù quáng và thiếu suy nghĩ. Nếu các nhà giáo dục này cố gắng làm cho trẻ hiểu được tác phẩm, xây dựng trước các thính giả nhỏ tuổi một bức tranh đúng đắn và tuyệt đẹp về một khu rừng huyền ảo, về một con sông lấp lánh, tươi vui, về một con người đầy cảm xúc sung sướng khi được trở về nơi thành phố quê hương, nhà giáo

dục sẽ gây cho trẻ những tình cảm phù hợp, những tình cảm này sẽ làm cho ngôn ngữ của trẻ diễn cảm được tự nhiên, ngữ điệu mới nhiều màu nhiều vẻ.

Thực tế ở một số trường mầm non cho thấy, chương trình giáo dục ở nhà trẻ vẫn còn nhiều lúng túng, nhất là lứa tuổi mẫu giáo, có tình trạng giáo viên xem nhẹ việc tạo cơ hội cho trẻ hoạt động giao tiếp để phát triển ngôn ngữ. Các bài dạy dù được cô giáo đầu tư đầy đủ nhưng biện pháp và cách giáo dục để trẻ được tham gia vào các hoạt động ngôn ngữ là rất ít. Khi chưa hiểu được tầm quan trọng của việc phát triển ngôn ngữ ở trẻ nhỏ thì giáo viên vẫn chưa chú ý đến việc thay đổi nội dung và cách thức trò chuyện để tạo tình huống cho trẻ thể hiện những tình cảm và yêu cầu của mình bằng các âm, các từ. Một số giáo viên vẫn có thói quen nói nhanh và nhiều khi giao tiếp với trẻ đặc biệt thiếu quan tâm chỉnh sửa lỗi phát âm, từ và diễn đạt câu cho trẻ. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến kỹ năng giao tiếp của trẻ chưa cao.

Quan sát dự giờ chúng tôi thấy, ở một số trẻ khó khăn trong việc sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn từ.

Trẻ chưa có kỹ năng dùng ngôn ngữ không lời, ánh mắt, cử chỉ, hành động như ở TCĐVTCD “Bác sĩ” với góc chơi “phòng khám đa khoa”, “bác sĩ” không có sự thể thể hiện sự lo lắng với bệnh nhân qua ánh mắt như nheo mắt lại một chút. Hay trong TCĐVTCD “Gia đình” trẻ cũng chưa có kỹ năng thể hiện sự ân cần qua ánh mắt trầu mến của mẹ yêu con hoặc chưa có kỹ năng thể thể hiện qua những động tác vuốt ve, âu yếm... và chưa có kỹ năng trao đổi gián tiếp thông qua người thứ ba. (Biên bản quan sát số 49)

Để có biện pháp giáo dục phù hợp, nguyên tắc đầu tiên là phải nắm vững được đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi để đưa ra biện pháp giáo dục phù hợp. Do đó chúng ta nên rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của trẻ ở mọi nơi mọi lúc. Đối với trẻ cá biệt cần có sự quan tâm ân cần và luôn tạo ra niềm tin, sự hứng thú cho trẻ. Thông qua câu đố, thơ ca, hò vè đặc biệt là thông qua trò chơi ĐVTCD... để giúp trẻ có kỹ năng sử dụng một số qui tắc thông thường trong giao tiếp, qua đó phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ. Đây là con đường đơn giản và có hiệu ứng cao nhất.

Trở thành phương tiện giao tiếp, ngôn ngữ còn dùng làm phương tiện tác động qua lại giữa người này với người kia (tiếp thu, ra lệnh, thuyết phục). Trong

giao tiếp, con người thể hiện cả thái độ của mình đối với một điều gì đó, đối với người mình nói, đối với điều mình nói.

Cử chỉ - điệu bộ cũng là phương tiện thể hiện thái độ của con người đối với nội dung lời nói của người đối thoại hay là đối với chính bản thân mình. Những phương tiện truyền cảm đó được người đối thoại “tính đến” một cách đúng đắn. Tất nhiên, so với ngôn ngữ, việc sử dụng cử chỉ và điệu bộ trong giao tiếp của trẻ trong mẫu nghiên cứu lại rất hạn chế.

4.1.3. Mối tương quan giữa các kỹ năng thành phần trong kỹ năng giao tiếp của trẻ của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang

Bảng 4.5. Mối tương quan giữa các kỹ năng thành phần trong kỹ năng giao tiếp của trẻ của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD

		KỸ NĂNG NGHE HIỂU LỜI NÓI GIAO TIẾP QUA TC	KỸ NĂNG SỬ DỤNG LỜI NÓI GIAO TIẾP QUA TC	KỸ NĂNG THỰC HIỆN MỘT SỐ QUI TẮC GIAO TIẾP THÔNG THƯỜNG QUA TC	KNGT
KỸ NĂNG NGHE HIỂU LỜI NÓI GIAO TIẾP QUA TC	Hệ số tương quan	1	,685**	,605**	,707**
	Mức ý nghĩa		,000	,000	,000
KỸ NĂNG SỬ DỤNG LỜI NÓI GIAO TIẾP QUA TC	Hệ số tương quan		1	,720**	,819**
	Mức ý nghĩa			,000	,000
KỸ NĂNG THỰC HIỆN MỘT SỐ QUI TẮC GIAO TIẾP THÔNG THƯỜNG QUA TC	Hệ số tương quan			1	,617**
	Mức ý nghĩa				,000
KNGT	HS tương quan				1
	Mức ý nghĩa				

**** Tương quan có độ tin cậy từ 0,01 trở lên.**

Xem xét tương quan giữa các kỹ năng thành phần trong KNGT của trẻ chúng ta thấy: Cả 3 nhóm kỹ năng thành phần thành phần: Kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi, kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi, kỹ

năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp qua trò chơi có mối tương quan thuận và chặt với KNGT của trẻ với $r=0,707; 0,617; 0,819$ và $p=0,000$.

Kết quả hồi quy cho thấy, các kỹ năng thành phần như: “kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi”, “kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi”, “kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp qua trò chơi” đều có ảnh hưởng đến KNGT cả trẻ mẫu giáo. Trong đó “kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi” có tác động mạnh nhất với 32% độ biến thiên của KNGT ở trẻ, tiếp đến là “kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi” với 25%, cuối cùng là “kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp qua trò chơi” với 16%, của KNGT của trẻ.

Những biến thiên của mức dự báo khi thay đổi các biến độc lập trong phép hồi qui này cho phép chúng tôi khẳng định rằng: *Các kỹ năng thành phần như “kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi”, “kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi”, “kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp qua trò chơi”, tốt thì kỹ năng giao tiếp của trẻ cũng sẽ tốt.*

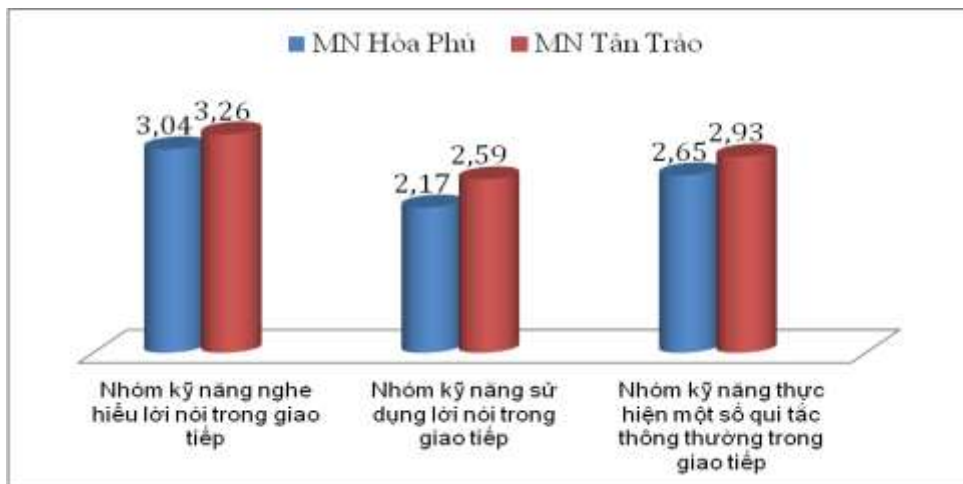
Để có thể đưa ra một bức tranh tổng thể và nhận xét một cách khái quát hơn về kỹ năng giao tiếp của trẻ, chúng tôi tiến hành so sánh các biểu hiện của kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD theo trường, theo giới và theo dân tộc.

4.1.4. So sánh các mặt biểu hiện của kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang theo khách thể nghiên cứu

4.1.4.1. So sánh theo trường

Tổng hợp kết quả quan sát trên học sinh, ý kiến của giáo viên và phụ huynh học sinh cho thấy, có sự khác biệt về biểu hiện kỹ năng giao tiếp qua trò chơi ĐVTCD ở học sinh trường MN Hòa Phú và trường MN Tân Trào. (Bảng 1 phụ lục 17) cho thấy trẻ ở trường mầm non Hòa Phú có biểu hiện kỹ năng giao tiếp khi tham gia trò chơi ĐVTCD thấp hơn học sinh ở trường mầm non Tân Trào ($\bar{X}=2,62$ so với 2,92). Cụ thể ở tất cả các nội dung, học sinh trường MN Hòa Phú có biểu hiện KNGT (Kỹ năng nghe và hiểu lời nói trong giao tiếp, kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp, kỹ năng thực hiện một số qui tắc thông thường trong giao tiếp) ở

mức độ thấp hơn một chút so với học sinh trường mầm non Tân Trào. Biểu đồ 4.1 (có $\bar{X}=3,04$ so với 3,26, $\bar{X}=2,17$ so với 2,59, $\bar{X}=2,65$ so với 2,93). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p<0,05$ (biểu đồ 4.1, bảng 4.6 và bảng 1 PL 17).



Biểu đồ 4.1. So sánh mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang theo trường

Trường Mầm non Tân Trào, đóng tại số nhà 344 đường 17/8, tổ 02 phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Tổng số 45 cán bộ giáo viên, nhân viên, trong đó có 40 giáo viên trực tiếp giảng dạy; 100% giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn là 52,5%. 100% trẻ được học theo chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trường có khuôn viên rộng rãi, thoáng mát cho bé vui chơi vận động, lớp học đầy đủ các trang thiết bị, học cụ tiên tiến và an toàn cho trẻ, chế độ dinh dưỡng phong phú có thực đơn phù hợp với lứa tuổi, đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho bé, nguồn thực phẩm an toàn, có chứng nhận, chương trình học hài hòa giữa các yếu tố đảm bảo cho bé phát triển thể chất, trí tuệ, tình cảm xã hội với một đội ngũ quản lý và giáo viên có trình độ chuyên môn, nhiệt tình và yêu bé. Những yếu tố này cũng là điều kiện tốt giúp cho các em phát triển kỹ năng giao tiếp của mình.

Trường Mầm non Hoà Phú, đóng tại trung tâm xã Hòa Phú, là một trường công lập thuộc Phòng GD&ĐT huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Trường được thành lập ngày 30 tháng 11 năm 1986, ban đầu chỉ có một điểm tại trung tâm xã là lớp ghép có khoảng trên 30 cháu. Tổng số Cán bộ, giáo viên, nhân viên là 30 người. Trong đó ban giám hiệu: 3; giáo viên: 23; công nhân viên: 4. Giáo viên có trình độ

chuyên môn đạt chuẩn là 53 %, chưa chuẩn là 17%, Tổng số nhóm- lớp: 23. Nhà trẻ: 07 lớp; Mẫu giáo: 16 lớp. Tổng số 398 cháu. Nhà trẻ: 30 cháu; Mẫu giáo: 368. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên còn thiếu theo Điều lệ trường Mầm non Trải qua quá trình phát triển hiện nay trường có 5 điểm trường. Khoảng cách từ điểm chính đến 04 điểm phụ khoảng 0,7km - 6 km, cơ sở vật chất, các điều kiện để phục vụ các cháu ở một số lớp còn gặp khá nhiều khó khăn. Bàn ghế còn thiếu, không đồng bộ, đồ dùng trang thiết bị cho cô và trẻ còn thiếu rất nhiều. Một lớp còn phải mượn nhà văn hóa và một phòng học tại trung tâm xuống cấp nhiều, đồ dùng, đồ chơi còn thiếu ở các lớp đặc biệt là ở nhà trẻ và các lớp mẫu giáo 5 – 6 tuổi. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ.

Kết quả nghiên cứu từng biểu hiện kỹ năng cụ thể cho thấy: Trẻ ở trường MN Tân Trào có biểu hiện của từng kỹ năng cụ thể cao hơn trẻ ở trường MN Hòa Phú. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Qua trao đổi, phỏng vấn, GV cho biết so với HS ở huyện vùng sâu vùng xa, HS ở địa bàn thành phố có những điều kiện thuận lợi, sự quan tâm, chăm sóc của gia đình cũng được lưu ý hơn.

Điều đáng nói là các nhà trẻ và trường MN có các lớp MG đủ 3 độ tuổi đều tập trung chủ yếu ở khu vực thành phố, thị xã, thị trấn. *“Các vùng nông thôn, miền núi, hầu như chỉ có các lớp MG 5 tuổi và cũng còn khoảng cách khá xa giữa các lớp MG 5 tuổi ở thành phố. Do chưa có điều kiện tổ chức bán trú, khoảng cách từ nhà đến trường MN ở các huyện miền núi không phải nơi nào cũng gần nên thời gian trẻ ở trên đường có khi nhiều hơn ở trên lớp học”* (Cô N.N.H trường MN Hòa Phú – Chiêm Hóa). Trẻ em ở trường Hòa Phú huyện Chiêm Hóa ... lại có thói quen đến trường vẫn giao tiếp với nhau bằng tiếng mẹ đẻ, mặt khác chỉ tập trung vào việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp nên cơ hội làm quen và phát triển tiếng Việt ở MG không nhiều. Đó cũng chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến KNGT của các em ở trường Hòa Phú thấp hơn ở trường mầm non Tân Trào.

Ngoài ra, trẻ ở trường mầm non Tân Trào, sống ở thành phố có điều kiện được giao lưu, gặp gỡ, vui chơi với bạn bè, tiếp xúc với nhiều môi trường xã hội khác nhau thông qua phim, ảnh, truyện, truyền hình, internet, đi thăm quan,... phạm vi giao tiếp của các em rộng hơn nên vốn từ xúc cảm phát triển và có khả năng hiểu

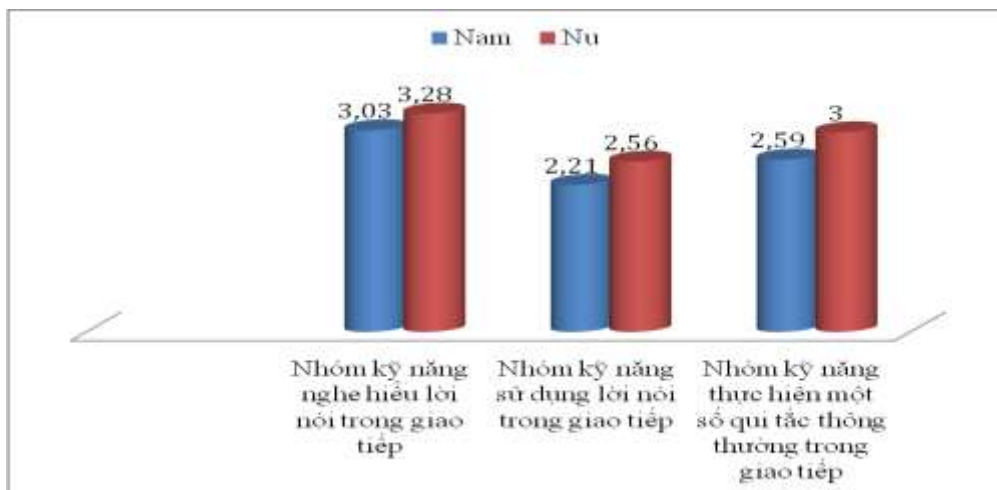
và biểu lộ xúc cảm của bản thân trong các tình huống khác nhau. Các em khá nhạy cảm trước thái độ, xúc cảm của người khác (GV, bạn bè...) đối với mình.

Ngược lại, trẻ ở trường mầm non Hòa Phú sống ở huyện vùng sâu, vùng xa, các em sống trong môi trường thiên nhiên và cộng đồng xã hội thân thiện nên dường như tuổi thơ của các em trôi qua tương đối ít áp lực và bình yên. Phần lớn các em xuất thân từ gia đình kinh tế khó khăn, ít có điều kiện đi chơi, thăm quan, giao lưu tiếp xúc với nhiều người ở những môi trường xã hội mới lạ. Các em ít nhạy cảm với sự vật, hiện tượng xung quanh so với HS trường mầm non Tân Trào ở thành phố. Theo ý kiến của GV, PHHS ở trường mầm non Hòa Phú ít khi quan tâm đến việc học của con, phó mặc việc học tập của con cái cho nhà trường và chỉ biết "nhờ cậy" tất cả vào GV. Các em không được quan tâm chăm sóc giáo dục thường xuyên về vật chất lẫn tinh thần, nên thường tỏ ra thụ động, thiếu tự tin, sợ sệt, e ngại, rụt rè,.. có biểu hiện "run khi đứng phát biểu trước lớp", hoặc "sợ và tránh né sự tiếp xúc với GV", "thu mình, ngồi nép vào một chỗ, co rúm người lại, hai tay khoanh trước ngực, ôm chặt người..." khi bị GV phạt, mắng thường xuyên hơn so với học sinh thành phố.

Khi trẻ chơi góc gia đình: bố mẹ đưa con tới trường(góc học tập) và lúc này trẻ sẽ thực hiện vai chơi của mình chào cô, chào bố mẹ. Trẻ thực hiện vai chơi nhưng không tự nhiên, ngập ngừng, chào lí nhí, cô nhắc nhở ngồi im, cúi đầu ngại ngùng (Hồ sơ quan sát số 5).

3.1.4.2. So sánh theo giới tính

Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt về biểu hiện KNGT của học sinh mẫu giáo qua trò chơi ĐVTCD của học sinh hai trường theo giới tính. Nhìn chung các biểu hiện kỹ năng giao tiếp qua trò chơi ĐVTCD của học sinh nữ ở mức độ cao hơn học sinh nam ($\bar{X}=2,61$ so với 2,95). Ở tất cả các kỹ năng giao tiếp thành phần mức độ biểu hiện ở học sinh nam đều thấp hơn ở học sinh nữ. Đặc biệt ở nhóm KN sử dụng lời nói khi giao tiếp ($\bar{X}=2,21$ so với 2,56). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p<0,00$. (biểu đồ 4.2, Bảng 2 phụ lục trang 18).



Biểu đồ 4.2. So sánh mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang theo giới

Qua dự giờ lớp học, quan sát quá trình chơi của trẻ chúng tôi thấy, trẻ gái thường chủ động giao tiếp: nói nhiều, hay thắc mắc..., hơn trẻ trai. Trẻ trai thì hay ngại ngùng, tránh né sự tiếp xúc với Cô và với các bạn, hay quát to và nói cục cằn.

Quan sát trẻ tham gia trò chơi của hàng ăn uống. Các bạn nữ nhanh nhẩu giao tiếp với khách hàng : Bác mua rau đi ạ, rau sạch đấy ạ...mời khách ăn thử món ăn, xếp bàn ăn, mời chào khách. Còn các bạn Nam thì e dè, ít nói, nói cộc lốc, ngắn gọn: không mua, không ăn..., ăn gì mà ăn... (Hồ sơ quan sát số 4)

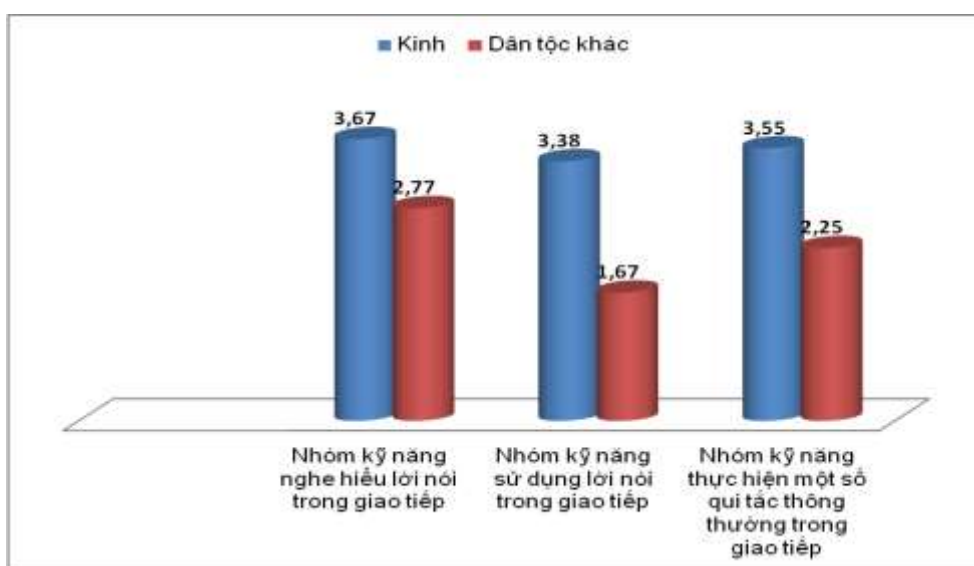
Hiện trạng này được lý giải bởi đặc điểm phát triển tâm lý giữa trẻ nam và trẻ nữ có khác nhau. Cùng một độ tuổi, song các trẻ nữ thường trưởng thành sớm hơn, “khôn” hơn các em nam. Xét dưới góc độ giới tính, ở độ tuổi này, trẻ nam thường hiếu động, nghịch ngợm, khó kiềm chế xúc cảm. Điều này ảnh hưởng đến sự phát triển KNGT ở trẻ.

Một số nghiên cứu [84], [85], [94], [85] cũng chỉ ra rằng, khi bạn nói chuyện cùng trẻ, các cô bé sẽ dễ dàng và nhanh chóng trở nên gần bó hơn so với các cậu bé. Các cô bé thường thích thiết lập và duy trì giao tiếp bằng mắt và bị cuốn hút bởi những khuôn mặt riêng lẻ, đặc biệt là mặt của nữ giới. Các bé gái cũng giỏi hơn trong việc đọc các biểu hiện cảm xúc. Ví dụ, nếu thấy một khuôn mặt đáng sợ thì các bé sẽ nhìn vào mặt mẹ hoặc cảm thấy đau khổ, nhưng bé sẽ cảm thấy dễ chịu và thư thái khi nhìn thấy một khuôn mặt vui vẻ. Các bé trai mất nhiều thời gian hơn để nhận ra sự khác biệt này. Đây chính là kết quả phân tích tổng hợp 26 nghiên cứu về khả năng nhận biết biểu hiện gương mặt ở trẻ. [90]

Theo kết quả một nghiên cứu về trẻ em ở độ tuổi mẫu giáo, các bé gái bắt đầu sử dụng các cử chỉ như chỉ trỏ hay vẫy tay tạm biệt sớm hơn các bé trai. Các bé gái hiểu những gì các em đang nói trước các bé trai và cũng bắt đầu nói sớm hơn, thường ở độ tuổi khoảng 12 tháng trong khi các bé trai là ở độ tuổi 13 - 14 tháng, và sẽ tiếp tục nói nhiều hơn trong suốt giai đoạn chập chững biết đi. Ở độ tuổi 16 tháng, các bé gái có thể nói được khoảng 100 từ trong khi con số này ở các bé trai chỉ khoảng 30 từ. Tuy nhiên, khoảng cách này chỉ được giữ trong giai đoạn các bé 5-6 tuổi và sẽ được thu hẹp dần và đến khoảng 7 tuổi thì cả bé trai và bé gái đều có thể nói được khoảng 500 từ. [95]. Những nghiên cứu này đã chứng tỏ có sự khác biệt trong giao tiếp của trẻ mẫu giáo xét ở góc độ giới tính.

4.1.4.3. So sánh theo dân tộc

Yếu tố dân tộc, vùng miền có ảnh hưởng lớn đến KNGT của trẻ. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Trẻ em dân tộc Kinh có mức độ biểu hiện KNGT cao hơn trẻ em các dân tộc khác (Tày, Dao, Nùng...). Sự khác nhau này được thể hiện ở tất cả các nhóm KNGT như : nhóm kỹ năng nghe hiểu lời nói trong giao tiếp ($\bar{X}=3,67$ so với 2,77), nhóm kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp ($\bar{X}= 3,38$ so với 1,67), kỹ năng sử dụng một số qui tắc thông thường trong giao tiếp ($\bar{X}=3,55$ so với 2,25), Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p<0,00$. (biểu đồ 4.3 và bảng 3- phụ lục trang 19).



Biểu đồ 4.3. So sánh mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang theo dân tộc

Kết quả so sánh ở yếu tố dân tộc, cho thấy ở tất cả các KNGT của trẻ em nhóm các dân tộc trong mẫu nghiên cứu có biểu hiện mức độ KNGT qua trò chơi ĐVTCD đều ở mức dưới trung bình, yếu nhất là nhóm kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp. Điều này có thể được lý giải như sau: Trẻ dân tộc thiểu số quen với môi trường giao tiếp bằng tiếng "mẹ đẻ". Trong mọi sinh hoạt của đời sống, các em nghe và nói bằng ngôn ngữ riêng của dân tộc mình. Điều kiện ở vùng sâu, vùng xa, đường sá đi lại khó khăn, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nên trẻ ít có cơ hội giao tiếp bằng tiếng Kinh. Mặc dù ở bậc mầm non đã trải qua chương trình "làm quen" với tiếng Việt, thế nhưng đối với số đông học sinh dân tộc thiểu số thì tiếng Việt là rào cản lớn. Cô N. T. D - Hiệu trưởng Trường MN Tân Trào tâm sự: *"giáo viên nói tiếng Kinh học sinh không hiểu. Học sinh nói lại bằng tiếng dân tộc thiểu số giáo viên "ngơ ngời". Chuyện này thường xuyên xảy ra ở vùng cao. "Dạy học cho học sinh người dân tộc thiểu số, nhất là học sinh MG và lớp 1 rất vất vả. Các em không thạo việc nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Việt nên khó mà học tốt các môn khác", Cô D nói.*

Rào cản tiếng Việt đối với học sinh dân tộc thiểu số khi tiếp cận chương trình giáo dục mang tính quốc gia là vấn đề khiến cho những người làm công tác giáo dục ở vùng cao trăn trở. Nhiều học sinh dân tộc thiểu số, ngay từ bậc MN đã không được "xây" nền móng kiến thức vững chắc bởi rào cản lớn nhất là tiếng Việt.

Qua góc chơi xây dựng và góc chơi bán hàng chủ đề “ Nước và hiện tượng thiên nhiên”. ở trường MN Hòa Phú, Cô giáo gợi ý cho trẻ xây dựng công viên nước, và các kỹ sư sẽ xây những gì trong công viên nước? Trẻ ngơ ngác, không hiểu Cô nói gì, trẻ quay sang nói với nhau bằng tiếng “mẹ đẻ”, quan sát thấy trẻ khó khăn khi thực hiện vai chơi. (Hồ sơ quan sát số 5)

Khác với học sinh người Kinh, trước khi đến trường MN, đa số học sinh người dân tộc thiểu số chưa biết sử dụng tiếng Việt. Bởi trong sinh hoạt gia đình, cộng đồng, người dân ở đây, cũng như các em chỉ sử dụng tiếng mẹ đẻ nên khi bước ra thế giới bên ngoài, vào môi trường giáo dục nhà trường, tiếng Việt lúc bấy giờ là ngôn ngữ thứ hai của các em. Việc giao tiếp thông thường với thầy cô giáo đã khó khăn, và cũng có khi là không thể, việc nghe Cô hướng dẫn tham gia hoạt động vui chơi với trò chơi ĐVTĐ bằng tiếng Việt lại càng khó khăn hơn đối với các em. Đến trường, đến lớp là các em bước đến một môi trường sinh hoạt hoàn toàn xa lạ,

tâm lý rụt rè, e sợ luôn thường trực trong các em, đây chính là rào cản của sự phát triển KNGT của các em.

Tóm lại, kết quả thu được từ đánh giá của GV về KNGT của trẻ 5-6 tuổi thông qua trò chơi ĐVTCD trong mẫu nghiên cứu cho thấy:

- Biểu hiện KNGT của trẻ còn chưa cao, chỉ ở mức "trung bình" và "dưới trung bình".

- Có sự tương quan thuận, tương đối chặt giữa các biểu hiện KNGT của trẻ trong mẫu nghiên cứu.

- Có sự khác biệt về mức độ biểu hiện KNGT giữa các nhóm trẻ. Trẻ em nữ, có biểu hiện KNGT cao hơn trẻ em nam, trẻ em dân tộc Kinh có biểu hiện KNGT cao hơn trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ ở trường MN Tân trào- Thành Phố Tuyên Quang có biểu hiện KNGT cao hơn trẻ em trường MN Hòa Phú- Chiêm Hóa.

4.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi đóng vai theo chủ đề

Như trên đã phân tích, kết quả nghiên cứu biểu hiện, mức độ kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi chịu sự chi phối của nhiều yếu tố khác nhau. Chúng tôi nhóm các yếu tố thành các nhóm yếu tố chủ quan và khách quan.

4.2.1 Những yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến KNGT qua trò chơi ĐVTCD của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang.

Bảng 4.6: Những yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến KNGT qua trò chơi ĐVTCD của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang

Các yếu tố	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1. Hành động ý chí của trẻ	3,91	0,58	3
2. Tính tự lập của trẻ	3,93	0,58	2
3. Ngôn ngữ của trẻ	3,96	0,67	1
4. Sức khỏe của trẻ	3,83	0,76	6
5. Nhu cầu chơi của trẻ	3,91	0,35	3
6. Khí chất của trẻ	3,87	0,47	5
$\bar{X}$	3,90	0,56	

(Điểm càng cao ảnh hưởng càng nhiều)

Số liệu ở bảng 4.6 cho thấy: Nhóm yếu tố chủ quan có ảnh hưởng nhiều đến mức độ biểu hiện KNGT của trẻ ($\bar{X}= 3,90$).

Sau đây là mức độ ảnh hưởng cụ thể của từng nhóm:

* *Ngôn ngữ của trẻ*

Là yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất đến KNGT của trẻ qua trò chơi ĐVTCD ($\bar{X}= 3,96$). Ngôn ngữ được sử dụng như một phương tiện của tư duy, của giao tiếp, hay còn được hiểu ngôn ngữ là “cái vỏ” của tư duy, là phương tiện của giao tiếp, là phương thức biểu đạt muốn cho người khác hiểu được những suy nghĩ, nhu cầu, mong muốn của bản thân thông qua lời nói. Chính vì vậy, trong 5 năm đầu đời của trẻ thì việc *phát triển ngôn ngữ* đặc biệt được quan tâm.

Chúng ta đã biết *ngôn ngữ* nảy sinh từ nhu cầu giao tiếp, từ hoạt động giao tiếp của con người. Điều đó có nghĩa là việc trẻ cần giao lưu, trao đổi với mọi người xung quanh trong những năm đầu đời là vô cùng quan trọng. Nếu trẻ không được thường xuyên nói chuyện, không thường xuyên giao lưu với người khác thì trẻ sẽ không có nhiều vốn từ ngữ, cũng như không biết cách biểu đạt những mong muốn của bản thân mình bằng lời nói, mà chỉ bằng hành động. Ví dụ: Trẻ muốn lấy quả cam nhưng trẻ chưa bao giờ được dạy những từ đó, chưa bao giờ được nghe những từ đó thì trẻ không thể phát âm ra được, lúc này trẻ chỉ có thể thỏa mãn mong muốn của mình qua hành động như chỉ tay, cầm tay người khác lấy đồ cho mình. Chính vì vậy đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc chậm *phát triển ngôn ngữ* và cũng là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong giao tiếp ở trẻ.

Nếu việc trẻ thường xuyên dùng hành động để hướng người khác thỏa mãn mong muốn của bản thân mà không chịu thể hiện suy nghĩ, mong muốn bằng lời nói thì phụ huynh cần phải lưu ý và dành thời gian dạy con, hướng dẫn con ngay lúc đó, con muốn lấy đồ vật gì, muốn làm gì thì phải nói ra. Người ta thường nói “Câm đi liền với điếc” nếu con không có những phản ứng khi bị gọi bắt chợt, hoặc không có phản ứng khi bị quát to thì đây có thể cũng là nguyên nhân dẫn đến khả năng chậm nói của trẻ. Vì khi trẻ không nghe thấy, không hiểu người khác đang nói gì trẻ không thể làm theo, nói theo được...

* *Tính tự lập của trẻ*

Tính tự lập cũng là yếu tố có ảnh hưởng thứ hai sau ngôn ngữ ($\bar{X}= 3,93$). Thực tế cho thấy, nếu trẻ có mức độ khả năng tự lập tốt: bao gồm những trẻ hiểu và tự giác thực hiện các công việc của hoạt động vui chơi và hoạt động tự phục vụ. Những trẻ này không cần có sự giúp đỡ của một ai ngoài chính mình. Trẻ có khả năng tự tổ chức và tự thực hiện quá trình chơi, cũng như trẻ thực hiện các hành động tự phục vụ, có khả năng giải quyết các tình huống nảy sinh trong suốt quá trình hoạt động, và cố gắng thực hiện hoạt động từ đầu tới cuối. Những trẻ này thường nhanh nhẹn, hoạt bát và rất hứng thú khi thực hiện hoạt động vui chơi, hoạt động tự phục vụ. Ngược lại, trẻ có mức độ khả năng tự lập chưa tốt: thể hiện trẻ chưa thực sự cố gắng thực hiện hành động chơi, trẻ không tự giác, không chủ động thực hiện các công việc của hoạt động vui chơi cũng như hoạt động tự phục vụ.. Trong quá trình thực hiện hành động chơi và quá trình lao động tự phục vụ, trẻ còn cần sự giúp đỡ và gợi ý của giáo viên, bạn bè, trẻ còn trông chờ, ỷ lại vào giáo viên và bạn bè. Giáo viên phải nhắc nhở, giúp đỡ trẻ thường xuyên. Khả năng tiến hành hoạt động của trẻ còn chậm chạp, chưa biết cách xử lý tình huống nảy sinh cũng như điều chỉnh hành vi khi không phù hợp. Điều này ảnh hưởng rất nhiều đến quá trình chơi trò chơi ĐVTCD và ảnh hưởng đến sự phát triển KNGT của trẻ.

** Hành động ý chí của trẻ ($\bar{X}= 3,91$).*

Ở lứa tuổi MG, điều dễ nhận thấy trong tính cách của các em là tính xung động trong hành vi, tức là khuynh hướng hành động ngay lập tức dưới tác động của các kích thích bên trong và bên ngoài mà không kịp suy nghĩ, cân nhắc. Điều này được quy định, trước hết, do quá trình hưng phấn còn mạnh hơn ức chế- cơ sở của sự tự kìm chế, nên trẻ dễ hành động. Sau nữa, tuổi của các em là tuổi sẵn sàng và hứng thú tiếp nhận các kiến thức, kỹ năng, kĩ xảo mới. Đó cũng là điều kiện tạo nên sự nhạy cảm và dễ gây ấn tượng ở trẻ. Vì vậy, tất cả những gì tác động đến trẻ đều có thể khơi gợi ở các em một phản ứng nhanh chóng. Đặc điểm này khiến cho hành vi giao tiếp của các em dễ mang tính tự phát.

Giao tiếp được hình thành như một ngôi nhà – có vững chắc hay không trước tiên phải xây từ chính nền móng của những đứa trẻ có cơ thể khỏe mạnh, có bộ não, có hệ thần kinh phát triển bình thường. Chính vì vậy để phát triển được kỹ năng giao

tiếp cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi thông qua trò chơi ĐVTCD thì trước hết trẻ phải có khả năng tập trung chú ý vào người, vật hoặc hoạt động bao gồm: Nhìn; Lắng nghe; Suy nghĩ và bắt chước. Chơi là cách trẻ tìm hiểu môi trường xung quanh chúng. Chơi có luật lệ với người, vật, hành động hoặc với trẻ khác. Chơi bao gồm việc tưởng tượng, nhắc lại nhiều lần...

** Nhu cầu chơi của trẻ ($\bar{X}=3,91$)*

Trẻ nhỏ không những có những khả năng đặc biệt mà còn có những nhu cầu rất cụ thể, trong đó có nhu cầu được vui chơi, Bởi lẽ, hoạt động vui chơi là hoạt động đặc trưng của trẻ em lứa tuổi mầm non, nó có mặt trong các hoạt động của trẻ như: Hoạt động học tập, hoạt động lao động, trong giao tiếp và trong sinh hoạt hàng ngày. Chơi chính là cuộc sống của trẻ. thông qua vui chơi trẻ được thể hiện cảm xúc, được cảm thông và giao tiếp với những người xung quanh, được tự mình khám phá, trải nghiệm, học hỏi, được đóng vai các nhân vật trong các câu chuyện hay mô phỏng lại đời sống sinh hoạt hàng ngày.

Nhu cầu chơi của trẻ gắn liền với nhu cầu vận động. Mọi đứa trẻ khỏe mạnh, phát triển bình thường đều có nhu cầu chơi. Trong trò chơi ĐVTCD trẻ còn được thể hiện sự hiểu biết xã hội của mình, được hành động như người lớn. Nhu cầu vui chơi của trẻ em rất quan trọng, trẻ em chơi mà học, học mà chơi, chính vì thế các em cần được vui chơi để thỏa mãn nhu cầu chơi của mình.

** Khí chất của trẻ ($\bar{X}=3,87$)*

Khi nghiên cứu hành vi của trẻ nhóm lớn trong điều kiện tự nhiên của nhà trẻ V.A.Gorbatsêva đã xác định được hàng loạt các chỉ số đặc trưng một số đặc điểm khí chất của chúng. Mặc dù trong những nghiên cứu này V.A.Gorbatsêva chưa dung một loại dụng cụ chính xác nào tìm ra (qua những hành vi của trẻ) những biểu hiện có thể coi đó như là những chỉ số của những thuộc tính cơ bản của khí chất: cường độ, sự cân bằng và tính linh hoạt của các quá trình thần kinh. Những dấu hiệu này thể hiện rõ ràng trong khi đứa trẻ tiếp thu nhanh chóng những qui định sinh hoạt, đặc biệt trong khi thực hiện các thủ tục chặt chẽ. Những trẻ em khác nhau thì vi phạm kỷ luật khác nhau, và chúng khác nhau cả trong trò chơi cũng như trong quan hệ với người lớn.

Một trong những trò chơi được coi như phương tiện chẩn đoán những đặc điểm hoạt động hoạt động khí chất của các trẻ em khác nhau là trò đi tìm cái nắp bút máy, mà tác giả giấu vào tay, hay giấu khéo vào trong túi trước một cậu bé nào đó. Và khi vào trò chơi như vậy, thì khám phá ra những đặc điểm của những nét của loại hình khí chất của trẻ.

Tổng hợp những quan sát của mình theo những trẻ em có loại hình khí chất khác nhau, V.A.Gorbatsêva nhận định rằng, những đặc điểm này tất nhiên không quyết định toàn bộ hành vi của trẻ, nhưng nó đem lại một số riêng biệt trong hành vi hàng ngày của mỗi đứa trẻ, tạo nên nhân cách độc đáo của trẻ.

Mức độ thích nghi của các trẻ không giống nhau, theo Chung Vĩnh Cao, còn tùy thuộc vào khí chất của mỗi người. Với trẻ có khí chất hoạt bát, sự thay đổi sẽ dễ dàng hơn nhưng với trẻ có khí chất ưu tư, các em ít cởi mở, thụ động, chỉ thích cuộc sống với những thói quen hàng ngày nên đòi hỏi quá trình chuẩn bị tâm thế trước khi đến trường lâu công hơn. “Nếu có thể, gia đình nên nhờ sự hỗ trợ của giáo viên, mời các cô đến nhà chơi làm bạn với trẻ. Khi đến trường, được gặp những “người bạn” đã quen của mình, trẻ sẽ yên tâm hơn”, trẻ mầm non thường xuất hiện tính bướng bỉnh, ích kỷ, ngang ngạnh, chống đối... khi không được đáp ứng mong muốn cá nhân. Trẻ có thể đột nhiên tự tiện trong hành vi, muốn tự mình làm tất cả mọi việc mà không cần sự giúp đỡ của bố mẹ, thậm chí có thể “nổi loạn” để chống đối lại người lớn trong những tình huống cụ thể. [7]

Nguyên nhân là do độ tuổi bé đã có những nhận biết về cuộc sống xung quanh, thích mô phỏng cuộc sống của người lớn nhưng gặp mâu thuẫn giữa nhu cầu độc lập với khả năng bản thân còn hạn chế. Bởi thế, khi trẻ ở độ tuổi này trẻ rất cần sự quan tâm và hỗ trợ khéo léo lẫn tôn trọng của cả gia đình và nhà trường. Bố mẹ và giáo viên cần nắm được tâm lý của trẻ để giúp trẻ phát triển toàn diện, khỏe mạnh về thể chất lẫn tinh thần, đón nhận sự thay đổi của cuộc sống xung quanh. Lúc này những việc gì trong khả năng của trẻ hãy tạo điều kiện cho trẻ làm, người lớn chỉ hỗ trợ sao cho khéo léo. Nếu can thiệp thô bạo, trẻ sẽ phản ứng lại rất mạnh.

* *Sức khỏe của trẻ* ($\bar{X}=3,83$)

Sức khỏe là một trong những điều cơ bản để trẻ nhận thức thế giới đề trọng xung quanh, nếu những đứa trẻ có cơ thể phát triển bình thường thì càng có nhiều

cơ hội tiếp xúc, khám phá thế giới xung quanh tạo điều kiện tốt để trẻ tham gia vào nhiều hoạt động và trẻ sẽ tích lũy được nhiều kinh nghiệm qua các hoạt động đó, nhờ đó mà vốn kiến thức của trẻ được tăng lên ...

Theo tạp chí Developmental Review năm 2009, những trẻ có thể chất tốt sẽ thực hiện các hoạt động tâm lý, trí tuệ tốt hơn.

Việc nghiên cứu tình trạng ngôn ngữ và giao tiếp của trẻ em với thể trạng của trẻ đã được nhiều nhà khoa học đề cập tới như L.S Vugotsky, A.G Spikin, D.B Elkonin, S.L Rubinstein...đều đã có một nhận xét chung: trẻ em có cơ thể yếu ớt, phát triển không bình thường, không chỉ kém về mặt nhận thức mà thường kéo theo sự khiếm khuyết về khả năng ngôn ngữ, tác giả cho rằng sự khiếm khuyết này đều do: Sự suy yếu các chức năng bên trong vỏ não tới việc hình thành rất chậm mối liên hệ phân biệt có điều kiện trong tất cả các cơ quan phân tích tiếng nói, kèm theo sự rối loạn của hệ thần kinh gây khó khăn cho việc xác lập những định hình năng động trên vỏ não.

Tình trạng kém phát triển ngôn ngữ còn do nguyên nhân những mối liên hệ có điều kiện không bền vững được hình thành chậm ở vùng cơ quan phân tích thính giác. Do những nguyên nhân này mà đứa trẻ không hiểu được những từ mới và cụm từ mới. Chính vì lẽ đó trẻ chỉ lựa chọn được số ít các từ vựng dẫn đến tình trạng nghèo vốn từ – một số từ mà trẻ tích lũy được cũng dần bị lãng quên nếu không được củng cố một cách liên tục. Mặt khác, trẻ còn mắc nhiều lỗi phát âm sai và các tật ngôn ngữ như nói khó, nói ngọng, nói lắp...

Các trẻ do bị tổn thất trung tâm (TW thần kinh) kéo theo sự ảnh hưởng nghiêm trọng đến tri giác nghe, hiện tượng co giật hay bị liệt cứng làm tổn thất đến cơ quan vận động ngôn ngữ sẽ nảy sinh các khuyết tật về ngôn ngữ và giao tiếp (như nói khó, không nói được, nói ngọng, nói lắp...).

4.2.2 Những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến KNGT qua trò chơi ĐVTCD của trẻ của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang.

Bảng 4.7: Những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến KNGT qua trò chơi ĐVTCD của của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang

Các yếu tố cụ thể		ĐTB	DLC	$\bar{X}$
Giáo viên	Sự kiểm chế xúc cảm của giáo viên	3,85	0,722	3,84
	Sự tin tưởng tôn trọng, nhiệt tình hướng dẫn, hỗ trợ của GV với trẻ	3,87	0,641	
	Phương pháp hình thức tổ chức HĐVC của GV	3,85	0,512	
	Sự hiểu biết về đặc điểm tâm lý, lứa tuổi của trẻ ở GV	3,82	0,581	
	Cách giao tiếp ứng xử của GV với trẻ	3,82	0,533	
	Tuổi tác, vị trí công tác của GV	3,82	0,533	
Giáo dục gia đình	Cách ứng xử của bố mẹ đối với trẻ	3,87	0,467	3,85
	Sự quan tâm của gia đình đối với việc học tập của trẻ	3,83	0,566	
	Hoàn cảnh gia đình thuận lợi	3,85	1,041	
	Phong cách giáo dục trẻ của gia đình	3,85	0, 568	
	Mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình	3,85	0,578	
Môi trường giáo dục và bạn bè ở trường MN	Cơ sở vật chất của trường mầm non	3,73	0,604	3,62
	Nội dung giáo dục mầm non	3,68	0,687	
	Mối quan hệ với bạn bè	3,83	0, 675	
	Sự khuyến khích của lãnh đạo trường MN	3,29	0,654	
	Hoạt động của nhà trường	3,33	1,049	
	Đồ chơi cho trẻ	3,85	0, 575	
Hoạt động vui chơi	Hình thức tổ chức hoạt động vui chơi	3,87	0,466	3,87

(Điểm càng cao ảnh hưởng càng nhiều)

Số liệu ở bảng 4.7 cho thấy: Nhóm yếu tố khách quan (bản thân hoạt động vui chơi, giáo viên, giáo dục gia đình, môi trường giáo dục và bạn bè ở trường MN)

với $\bar{X}=3,87$; $\bar{X}=3,84$; $\bar{X}=3,85$; $\bar{X}=3,62$. Có ảnh hưởng nhiều tới KNGT của trẻ 5 – 6 tuổi.

* *Giáo viên mẫu giáo* $\bar{X}=3,84$

Kết quả quan sát cho thấy, cách ứng xử của GV có ảnh hưởng nhiều đến biểu hiện KNGT của trẻ. Có mối tương quan thuận giữa biểu hiện KNGT qua trò chơi ĐVTCD của trẻ với cách ứng xử tích cực của GV với trẻ ($r=0,128$ và $p=0,028$) và sự đồng cảm của giáo viên đối với trẻ ($r=0,121$ và $p=0,028$) (xem bảng 15- phụ lục 8 trang 20). Điều này, có nghĩa là GV có ứng xử tích cực, thân thiện, có thái độ nhiệt tình hướng dẫn, hỗ trợ trẻ sẽ ảnh hưởng tích cực đến biểu hiện KNGT trong HDVC của trẻ. Với trẻ MG, GV là nhân tố quan trọng thỏa mãn về mặt cảm xúc của các em. Thầy cô là "thần tượng" của trẻ nên thiết lập được mối quan hệ tốt đẹp với GV là yếu tố quyết định sự bình yên hay không bình yên về mặt tình cảm của trẻ. Nhiều khi sự đồng ý tán thành hay khen ngợi của GV là đủ để đảm bảo cho HS thỏa mãn về cảm xúc. Nguyên nhân chính là vì GV chính là người đưa ra những quy tắc nhất định của hành vi và ngăn chặn mọi lệch lạc, vi phạm những quy tắc đó. Ngoài ra, GV là người thường xuyên đánh giá mọi công việc của trẻ, nhất là học tập mà những đánh giá này lại là cơ sở quan trọng quyết định vị thế xã hội của trẻ trong nhóm chơi, cũng như vị trí của các em trong hệ thống các mối quan hệ với bạn cùng lớp. Qua dự giờ, chúng tôi nhận thấy cách ứng xử với trẻ, cảm xúc, tâm trạng và phương pháp dạy học của GV đóng vai trò quan trọng đối với KNGT của trẻ. Các GV có mức độ biểu hiện giao tiếp rất khác nhau, thể hiện rõ ở các bài học cùng chủ đề giống nhau, mỗi lớp tùy theo cách dẫn dắt giờ học của GV mà trẻ biểu lộ sự vui thích, tích cực khác nhau.

Việc đổi mới cách dạy theo các phương pháp phát huy tính tích cực, thường tổ chức các góc chơi... của GV giúp trẻ tiếp thu hoạt động chơi nhẹ nhàng và thoải mái hơn. Hơn nữa, ngoài việc hướng dẫn trẻ chơi, GV còn có thái độ vui vẻ, luôn động viên, khuyến khích, sẵn sàng chia sẻ khó khăn của trẻ. Đây là nguyên nhân quan trọng phát triển kỹ năng giao tiếp ở trẻ.

Tuy nhiên, thực tế quan sát cũng cho thấy, một số GV có biểu hiện phản ứng tiêu cực (ánh mắt lạnh lùng, lời nói thô bạo, quát, mắng, phạt, hành vi mang tính áp

đặt ...), gây nên các phản ứng tiêu cực, không tốt về phía trẻ. GV thường có xu hướng phàn nàn về hoàn cảnh gia đình và văn hóa- xã hội là nguyên nhân gây khó khăn học tập cho trẻ của họ.

* *Giáo dục gia đình* $\bar{X}=3,85$

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có mối tương quan giữa điều kiện kinh tế gia đình (với $r=0,248$ và $p=0,000$); cách ứng xử và phong cách của gia đình (với $r=0,281$ và $p=0,000$), với biểu hiện KNGT của trẻ. "Đa số phụ huynh lo kinh tế, gia đình nghèo, ít có thời gian quan tâm đến việc học của các em, phụ huynh chưa nắm được phương pháp dạy con. Gia đình không hoà thuận, bố mẹ li dị, con cái để Ông, bà nuôi, môi trường gia đình phức tạp có ảnh hưởng đến xúc cảm của HS "- (Ý kiến của Cô HTH-Lớp C3- MN HP và Cô MTL- Lớp C2- MN TT) "HS có biểu hiện xúc cảm trong giờ học tiêu cực do không được cô giáo hoặc cha mẹ quan tâm, bị hắt hủi, đánh mắng, dọa dẫm..." (Cô NTKT- Lớp MGA- MNHP) Những HS được cha mẹ quan tâm, tìm hiểu lý do vì sao con có biểu hiện KNGT tốt để hướng dẫn cách ứng xử phù hợp trong những tình huống tương tự có biểu hiện tích cực hơn so với những HS không được gia đình quan tâm, tìm hiểu lý do gây ra biểu hiện KNGT ở trẻ ($\bar{X}=38,35$ so với $\bar{X}=36,99$), sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,00$ (xem bảng 19, phụ lục trang 21). Những phụ huynh này sử dụng cách tâm sự, nói chuyện với con để biết được tình cảm của con cái (69,7%), theo dõi, quan sát nét mặt, hành động, cử chỉ của con (25,4%) hoặc trao đổi với cô giáo chủ nhiệm (3,6%) để hiểu được mong muốn của con. Những HS được gia đình hướng dẫn cách biểu hiện KNGT có biểu hiện KNGT tích cực hơn so với những HS không được gia đình giáo dục về cách biểu hiện KNGT trong những tình huống khác nhau ($\bar{X}=38,19$ so với $\bar{X}=36,30$), sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,03$ (xem bảng 19, phụ lục trang 21). Phần lớn PHHS (79,4%) hướng dẫn con cách ứng xử phù hợp trong những tình huống tương tự là tìm đến Bố/ Mẹ/ Cô giáo để chia sẻ (xem bảng 20, PL 20). Có mối tương quan thuận giữa biểu hiện KNGT của trẻ khi ở nhà và biểu hiện KNGT của trẻ khi ở trường với $r=0,594$ với $p=0,00$ (xem bảng 21, PL 21).

** Môi trường giáo dục và bạn bè ở trường mẫu giáo ($\bar{X}=3,62$)*

Bạn bè, không khí lớp học có một vai trò lớn trong việc phát triển KNGT của trẻ ($\bar{X}=3,83$) (bảng 3.6). Nhất là trong nhóm nhỏ, nếu trẻ tích cực hoạt động cùng nhau, tạo nên bầu không khí tâm lý tích cực, làm nảy sinh niềm vui, cùng chia sẻ ý kiến, cùng tìm tòi sáng tạo... sẽ tạo nên sự kích thích, hào hứng, vui thích trong việc tham gia hoạt động vui chơi. Nếu bạn bè không hòa đồng khi chơi nhóm với nhau dẫn đến suy nghĩ không tích cực với người khác... khi đó trẻ sẽ sinh ra thói quen ngại giao tiếp và dần sẽ khép kín hơn, ít nói hơn. Điều này rất tai hại, nhưng khi trẻ được chơi với bạn, chơi vui vẻ, hòa đồng, trẻ sẽ hứng thú hơn, trẻ sẽ cảm thấy vui hơn. Lớp học cần tổ chức nhiều hoạt động vui chơi bằng trò chơi ĐVTCD khác nhau, tạo ra nhiều các tình huống có vấn đề hằng ngày, các trò chơi cho các trẻ cùng tham gia..., qua đó hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp cho trẻ, người lớn cần động viên khuyến khích kịp thời khi trẻ tham gia chơi cùng nhóm bạn. Trong quá trình tham gia các hoạt động sinh hoạt hằng ngày với các bạn trẻ sẽ phát huy hết được khả năng giao tiếp của mình.

Lớp học là nơi tạo điều kiện cho bé mở mang kiến thức qua các trải nghiệm về thế giới xung quanh. Môi trường này cũng giúp bé rèn luyện các kỹ năng phát triển cần thiết trong những hoạt động khác nhau như tập thể, cá nhân và hoạt động theo mục tiêu ở từng nhóm nhỏ thông qua đó các kỹ năng giao tiếp của trẻ được hình thành và phát triển.

Ở mỗi lớp học cần có sự đa dạng về chủng loại đồ dùng, đồ chơi như: vật thật, tranh, ảnh, mô hình, đồ chơi gỗ, đồ chơi xếp hình, thẻ lô tô.... Bên cạnh đó cần trang bị thêm những vật liệu như ở góc đóng vai, ở đó có kéo, dây đo, vải để trẻ thể hiện ý tưởng qua trò chơi may đo hoặc bút, thước, vở để trẻ thể hiện ý tưởng qua trò chơi cô giáo.

Lớp học cũng cần phải trang bị thêm các đồ dùng, đồ chơi để trẻ chơi các trò chơi xã hội như người đưa thư, lái xe, bác sỹ, y tá, bệnh nhân, nông dân, công nhân... kích thích và khuyến khích trẻ tham gia trò chơi bắt chước, đóng vai. Đó là cơ hội quan trọng để hình thành và phát triển khả năng giao tiếp cho trẻ.

Việc quan sát cách bé tiếp cận với thế giới xung quanh và theo dõi giai đoạn phát triển của bé là điều kiện tiên quyết trong việc xây dựng trò chơi ĐVTCD phù hợp với bé. Bé thể hiện tính tích cực học hỏi qua cách bé tương tác với các vật dụng và dần dần hình thành sự kết nối mang tính phức tạp hơn. Đồng thời kỹ năng tư

duy biểu tượng được mở rộng từ các trò chơi đóng kịch hoặc giả vờ. Ngôn ngữ cũng bắt đầu phát triển vượt bậc khi bé chơi trò đặt tên đồ vật xung quanh. Có thể nói, ngôn ngữ là một công cụ khuyến khích bé đặt câu hỏi và tìm kiếm câu trả lời cho mình. Tạo ra các hoạt động thú vị cho bé khám phá là hình thức hỗ trợ sự phát triển các kỹ năng một cách hiệu quả nhất. Vì các hoạt động này không những kích thích bé tham gia và tiếp xúc với các vật liệu trong quá trình chơi, mà còn khuyến khích sự giao tiếp ngôn ngữ và hình thành trải nghiệm dựa trên từng cột mốc phát triển của bé.

*** Bản thân của hoạt động vui chơi ĐVTCD**

Bản thân trò chơi ĐVTCD có ảnh hưởng rất lớn đến KNGT của trẻ ($\bar{X}=3,87$).

Từ lâu, các nhà khoa học đã quan tâm nghiên cứu giao tiếp của trẻ và vai trò của giao tiếp trong sự phát triển tâm lý. Họ đã chứng minh một cách thực tế ý nghĩa của trò chơi có chủ đề đối với sự hình thành thói quen và các hình thức mới của giao tiếp. E.E.Krasova đã chú ý đến sự cần thiết của trò chơi có luật đối với sự hoàn thiện các quá trình tâm lý và sự phát triển lĩnh vực tình cảm ý chí của học sinh tương lai.

Trò chơi sắm vai theo chủ đề là hoạt động chủ đạo ở tuổi mẫu giáo 5 – 6 tuổi, nơi mà giao tiếp trở thành một phần và là điều kiện của trò chơi. Ở lứa tuổi này, thế giới bên trong của đứa trẻ được hình thành ổn định (nhưng chưa trọn vẹn), tạo nền tảng ban đầu và tạo khả năng tiếp tục phát triển và hoàn thiện nhân cách của đứa trẻ. Thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề, trẻ biết đối xử nhẹ nhàng, yêu thương, che chở các em nhỏ hơn, biết chăm sóc, lo lắng cho người thân khi người thân bị ốm đau, biết cảm thông, chia sẻ, quan tâm, thật thà, dũng cảm, lòng nhân ái,...

Tổng hợp kết quả từ điều tra, phỏng vấn GV, cán bộ quản lý, chúng tôi thấy các yếu tố: thuộc về bản thân trẻ, yếu tố thuộc về giảng viên, yếu tố của hoạt động vui chơi có ảnh hưởng nhiều nhất đến những biểu hiện KNGT của trẻ.

4.2.3. Dự báo ảnh hưởng của các yếu tố với biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD.

Nhằm tìm hiểu rõ hơn sự tồn tại đồng thời hay không đồng thời, biến thiên hay không biến thiên của các cặp biến số giữa các nhóm yếu tố với biểu hiện KNGT của trẻ, chúng tôi phân tích tương quan nhị biến Pearson giữa từng cặp biến số này. Kết quả cho thấy, trong tất cả các cặp biến số của biểu hiện KNGT với các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến biểu hiện KNGT, có mối tương quan thuận giữa hai nhóm

yếu tố liên quan đến bản thân trẻ (gồm các yếu tố như: khí chất, nhu cầu chơi, tính tự lập; ngôn ngữ; ý chí...) và bản thân hoạt động vui chơi (gồm các yếu tố như: vai chơi; hành động chơi..) với biểu hiện KNGT của trẻ (với $r = 0,378$, $r = 0,226$ và $p = 0,004$ (xem bảng 4.6)

Bảng 4.8. Mối tương quan giữa các nhóm yếu tố với biểu hiện KNGT của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD.

Mối tương quan		Giáo viên	Bạn bè và bầu không khí	Trẻ	Gia đình	Hoạt động vui chơi	KNGT
Giáo viên	Hệ số tương quan	1	.409**	.404**	.236**	.202*	.074
	Mức ý nghĩa		.000	.000	.008	.024	.411
Bạn Bè và bầu không khí lớp học	Hệ số tương quan		1	.289**	-.185*	.399**	.014
	Mức ý nghĩa			.001	.038	.000	.877
Trẻ	Hệ số tương quan			1	.137	-.110	.378**
	Mức ý nghĩa				.128	.224	.004
	Số lượng HS						
Gia đình	Hệ số tương quan				1	-.027	.009
	Mức ý nghĩa					.765	.919
Hoạt động vui chơi	Hệ số tương quan					1	.226
	Mức ý nghĩa						.004
KNGT	Hệ số tương quan						1
	Mức ý nghĩa						

Nhóm yếu tố liên quan đến bản thân trẻ có khả năng dự báo cao nhất với 25% độ biến thiên của biểu hiện KNGT của trẻ (xem bảng 22- PL trang 21).

Những biến thiên của mức dự báo khi thay đổi các biến độc lập trong phép hồi quy này cho phép chúng tôi khẳng định rằng: *Bản thân trẻ và hoạt động vui chơi mà trung tâm là trò chơi ĐVTCD có vai trò quan trọng trong việc phát triển*

KNGT cho trẻ mẫu giáo -6 tuổi. Việc trẻ được tham gia những nội dung chơi phù hợp với nhu cầu của trẻ sẽ giúp cho việc phát triển KNGT của trẻ

4.3. Nghiên cứu trường hợp điển hình về kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD.

4.3.1. Cháu P. V. T

4.3.1.1. Thông tin cá nhân

Họ và tên cháu: P. V. T	Giới tính: Nam
Học lớp mẫu giáo: 5 tuổi	Tuổi: 60 tháng tuổi
Nghề của Bố: Công nhân	Trường MN: TT
Kinh tế gia đình: Nghèo, khó khăn	Nghề của Mẹ: Công nhân

4.3.1.2. Mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ.

Trong gia đình, T là con trái đầu lòng. Mẹ T mang thai em lúc 30 tuổi, sau khi kết hôn với ba T được 2 năm. Do mang thai đứa con đầu lòng nên mẹ T chăm sóc thai nhi rất kỹ, thường xuyên đi khám thai định kỳ và xin bác sĩ lời khuyên để chăm sóc thai nhi. Tuy nhiên, đến thời kì sinh, thì mẹ T bị khô nước ối nên phải tiến hành mổ chứ không sinh bình thường được. T ra đời trong sự yêu thương và đùm bọc của cha mẹ. Khi mới chào đời, thể trạng của T khá yếu, em chỉ được 2,8 kg, vì vậy bố mẹ lại càng chăm sóc kỹ cho T hơn. Thời gian đầu, mẹ T mới mổ xong nên em không được bú sữa mẹ như những đứa trẻ khác do sợ thuốc kháng sinh mà mẹ uống ảnh hưởng đến em.

Hai năm đầu tiên em phát triển bình thường. Do công việc của ba mẹ T thường xuyên phải đi làm ca nên chủ yếu em được sự chăm sóc của ông bà. T được bú sữa mẹ kết hợp sữa ngoài suốt trong năm tuổi đầu tiên. Sang năm thứ hai, em bắt đầu được mẹ cho ăn cháo. Trẻ cùng lứa tuổi đã có thể ăn được các loại thức ăn cứng nhưng T khá khó ăn nên tất cả thức ăn đều được xay nhuyễn bé mới chịu ăn. Mẹ T đã đưa T đến bác sĩ một vài lần, được bác sĩ cho biết T bị nấm ở miệng nên em mới khó ăn như vậy và bác sĩ kê cho T một vài loại thuốc để uống và bôi. Thời gian đầu em có vẻ dễ ăn hơn, tuy nhiên theo mẹ thì em vẫn không ăn được nhiều. Qua trao đổi, mẹ T còn cho biết T mọc răng khá chậm, đến tháng thứ 11 em mới bắt đầu mọc răng.

Ngoài những điểm đặc biệt về chế độ dinh dưỡng thì nhìn chung ở những lĩnh

vực khác, T phát triển bình thường, không có gì đặc biệt.

Do tính chất công việc của một công nhân dệt may nên mẹ T phải đi làm ca. Mặc dù thương con nhưng chị vẫn không thể chăm sóc con thường xuyên được. Ngay từ khi bé chào đời, ý thức được giao tiếp đã là một kỹ năng quan trọng giúp bé tồn tại và phát triển, nên mẹ T cũng đã quan sát để ý bé giao tiếp qua ánh mắt, qua các cử động của tay chân và đặc biệt là qua tiếng khóc...và thấy không có gì bất thường. Là người gần gũi con nhất nên chị hiểu khi nào bé khóc vì đói, khi nào bé khóc vì đau, vì sợ và cả vì nhõng nhẽo nữa! Khi bé lên 2, thì bé bắt đầu sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp, tuy công việc bận rộn, nhưng nhờ có bà ngoại trông nom giúp nên 3 tuổi bé mới bắt đầu đi học mẫu giáo tại trường mầm non HP- Huyện CH- Tỉnh Tuyên Quang.

Trong quá trình học tại lớp T thường xuyên tham gia chơi cùng nhóm bạn, tuy nhiên T ít nói, rụt rè, ngại giao tiếp với các bạn. Không chủ động trong nhận vai chơi, các bạn trong nhóm chơi nhận hết còn vai nào thì T nhận vai đó, thậm chí đôi khi các bạn nhận hộ.

Ví dụ: Buổi chơi ngày 18/4/2015 do cô giáo Nguyễn thị Mỹ A phụ trách: "Thấy nhóm chơi "Hiệu may đo"... có 3 làm thợ may nhưng không có "khách", T không biết làm gì, Cô đóng vai "khách" vào may.

Cô: Cho tôi hỏi thăm, hiệu may đo ở đâu các bác nhỉ?

T: Ở đây bác ơi!

Cô: Nhưng tôi không thấy có biển treo.

T: Im lặng

Cô: Ở đằng kia tôi thấy các bác ở góc "Nghệ thuật" có thể giúp làm biển quảng cáo được đấy.

Cô cùng T đến góc "Nghệ thuật" nhờ kẻ giúp biển "Hiệu may đo" – Cô phải giúp T làm.

Cô: Đấy các bác thấy chưa, bây giờ đúng là hiệu may đo rồi! Ai cũng nhìn thấy! Nào các bác may cho tôi một bộ máy để tôi mặc đi nghỉ mát. Bác đừng may ngắn quá nhé.

T: Lúng túng không hiểu “đo” là thế nào bằng cái gì và đo như thế nào (đo người bằng thước dây).

Cô: Gọi ý, hướng dẫn cách đo

T: Làm theo miễn cưỡng

Cô: Thế bác không ghi chép vào sổ à? Làm sao bác nhớ được?

T: Lấy quyển vở và bút giả vờ ghi

Cô: Bao giờ tôi có thể lấy được?

T: Không biết.

Cô: Cho tôi xin phiếu hẹn, các bác ghi tên tôi vào này, ghi ngày lấy này. Không có phiếu hẹn, các bác không cho tôi lấy thì sao.

T (ngơ ngác, không hiểu phiếu hẹn là gì...).

(Trích biên bản quan sát ngày 18-4-2015)

Điểm yếu lớn nhất của T là chưa có kỹ năng dùng từ phù hợp với nội dung, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp. Bên cạnh đó T còn thiếu kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt...). Quan sát tôi thấy, khi bị bạn giật đồ chơi thay vì nói bạn “mất lịch sự” T lại nói bạn “mất vệ sinh”. Bà bảo vệ quét sân bụi bay lên T nói rằng “khói nhiều quá”, mà đáng ra phải nói “bụi nhiều quá”.... T thường không tự nhiên khi giao tiếp (nhất là với người lớn và người lạ), không dám nhìn vào mặt người đối diện khi giao tiếp; khi trò chuyện hay ngoảnh mặt đi nơi khác...

4.3.1.3. Yếu tố tác động đến kỹ năng giao tiếp của trẻ

** Về đặc điểm tâm lý, nhân cách của trẻ*

Rụt rè, ít nói, ngại giao tiếp, không chủ động và thiếu hợp tác trong việc thực hiện các hoạt động ở lớp, hay tự ái, hờn dỗi, trong những tình huống không thỏa mãn nhu cầu của bản thân thường biểu hiện sự thờ ơ, không dám nhìn vào mặt người đối diện khi giao tiếp, thường quay mặt đi nơi khác khi trò chuyện...

** Cách ứng xử của giáo viên với học sinh*

Giáo viên có định kiến với T cho rằng T không hòa đồng, thờ ơ, ích kỉ... Giáo viên thường xuyên quát mắng, dọa, phạt, đánh T (dùng thước vụt vào tay, cốc vào đầu...) hoặc đôi khi bỏ qua khi T không muốn thực hiện nhiệm vụ học tập theo

yêu cầu vì không có nhiều thời gian. Thậm chí giáo viên còn nhại lại cách dùng từ của T để cho các bạn trong nhóm chơi cười nhạo T. Quan sát giờ học cho thấy:

Trong giờ chơi T bị bạn giật mất đồ chơi T nói bạn *“sao cậu lấy đồ chơi của tớ, đồ mất vệ sinh”* sau đó T mách cô lần một cô làm ngơ không can thiệp, sau đó T lại mách cô, cô nhắc bạn lấy đồ chơi của T *“trả đồ chơi cho T, không bạn T lại bảo “mất vệ sinh” bây giờ”* (Biên bản quan sát ngày 16/4/2015).

Các bạn trong nhóm rôm rả, xôn xao nhận vai chơi, T thờ ơ đứng nhìn, cô quát *“không chơi ra chỗ khác cho các bạn chơi!”* (Biên bản quan sát ngày 23/4/2015)....

**Sự quan tâm, giáo dục và giao tiếp ứng xử của gia đình đối với trẻ*

Do tính chất công việc phải đi làm ca nên bố mẹ ít có thời gian quan tâm, chơi cùng con, ít có thời gian trò chuyện giao tiếp với con.

4.3.1.4. Nhận xét và đề xuất một số biện pháp phát triển KNGT thông qua TCDVTCD cho trẻ

Chúng tôi có thể nhận định rằng, trường hợp của T, yếu tố ảnh hưởng đến biểu hiện kỹ năng giao tiếp của T là do bản thân T, do gia đình và giáo viên.

Trước hết, đối với gia đình cần quan tâm, chú ý hơn đến việc giáo dục tính cách, phẩm chất cho trẻ. Gia đình cần rèn luyện cho trẻ kỹ năng hợp tác, biết quan tâm đến mọi người, giúp trẻ cởi mở hơn trong giao tiếp nhất là với người ngoài gia đình. Gia đình kết hợp với giáo viên dạy T biết cách sử dụng ngôn ngữ phù hợp với tình huống trong giao tiếp...

Đối với giáo viên, rèn kỹ năng nghe hiểu các từ ngữ, nghe hiểu các yêu cầu trong quá trình chơi, đặc biệt là khích lệ trẻ tham gia vào các trò chơi đóng vai theo chủ đề như: Trò chơi gia đình; Trò chơi Bác sĩ; Trò chơi nhà ga... qua đó gọi đúng tên của sự vật hiện tượng; Phối hợp với phụ huynh để phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ trong sinh hoạt hằng ngày ; Áp dụng các kỹ thuật phát triển kỹ năng giao tiếp cho T thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề; Thông qua trò chơi ĐVTCD rèn luyện giao tiếp mắt – mắt; Khi giao tiếp với T, GV và phụ huynh thường xuyên luyện giao tiếp mắt để T nhìn vào mắt mọi người khi giao tiếp; Sử dụng hệ thống hệ thống giao tiếp thông qua các vai chơi hỗ trợ để giúp T hình dung được nội dung giao tiếp rõ ràng hơn; Động viên, khuyến khích T: Trong các hoạt động hằng ngày

khi T thực hiện được một nhiệm vụ thì nên động viên, khen ngợi T để con hứng thú trong giao tiếp.

Ví dụ trong giờ chơi, tích cực đàm thoại với trẻ, tạo cơ hội để các bạn giúp trẻ nói, giao tiếp với các bạn trong khi chơi, chẳng hạn, khi trẻ đang tham gia TCDVTCĐ các bạn đến hỏi: T đang làm gì đây? Đây là cái gì? Nhìn tớ làm này!. - Tạo môi trường thân thiện giữa cô giáo và các trẻ khác với T để giúp trẻ giao tiếp và sửa sai cho T. Để tạo được môi trường thân thiện ngay từ hoạt động đón trẻ vào buổi sáng GV giao tiếp trực tiếp với trẻ, yêu cầu trẻ nói chào cô, đặt các câu hỏi với trẻ như: hôm nay ai đưa con đi học? con mặc áo màu gì? Con ăn sáng món gì?... Hằng ngày, GV điều chỉnh mục tiêu và nội dung hoạt động phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ để trẻ tham gia cùng các bạn, giáo viên cho trẻ ngồi cạnh những bạn khá giỏi hoặc ngồi gần phía cô giáo để được trợ giúp nhiều hơn. - Tạo ra các tình huống có vấn đề hằng ngày nhằm kích thích T giao tiếp. Giáo viên luôn tạo ra các tình huống hằng ngày yêu cầu T phải nói, giao tiếp. Ví dụ: bạn T đang làm gì đây? con đang chơi với bạn nào? con hỏi bạn xem bạn đang làm gì?

4.3.2. Cháu Ng. Ph. K:

4.3.2.1. Thông tin cá nhân và gia đình

Họ và tên cháu: Ng. Ph.K

Giới tính: Nam

Học lớp mẫu giáo: 5 tuổi

Tuổi: 62 tháng tuổi

Nghề của Bố: Làm ruộng

Trường MN: TT

Kinh tế gia đình: Khó khăn

Nghề của Mẹ: Làm ruộng

4.3.2.2. Mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ.

K là con thứ hai trong gia đình, trước K có chị gái hơn em 5 tuổi. Mẹ K mang thai em khi 27 tuổi, việc sinh K là hoàn toàn chủ động và theo đúng kế hoạch. Quá trình mang thai K diễn ra bình thường, do mẹ em đã có kinh nghiệm khi sinh con đầu lòng. Vào khoảng tháng thứ 7, mẹ K có một lần bị cảm nhẹ, kéo dài khoảng 5 ngày, nhưng chị không uống thuốc mà để cho bệnh tự khỏi vì chị sợ thuốc sẽ ảnh hưởng đến thai nhi. K được sinh bình thường, đủ tháng, đủ cân. Khi mới sinh K nặng 3,4 kg.

Về dinh dưỡng, 5 tháng đầu tiên K bú sữa mẹ. Do có kinh nghiệm từ lần sinh đầu, nên chị cho K bú mẹ hoàn toàn trong 5 tháng. Chính vì vậy mà những tháng

đầu tiên K tăng đến 1,5 kg mỗi tháng. Tháng thứ 6 trở đi, mẹ K bắt đầu cho em ăn bột ngũ cốc, uống nước cam, và tập ăn mặn. K khá dễ nuôi nên món gì cũng chịu ăn. K đặc biệt thích ăn sữa chua, phô mai vào khoảng tháng thứ 7. Những tháng tiếp theo đó, mẹ K đều bổ sung những loại thức ăn khác vào bữa ăn hàng ngày của K. Nếu K không chịu ăn, mẹ em đều tự tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục. Tháng thứ 8 cũng là thời gian K bắt đầu mọc răng, và nhận biết được những người thân xung quanh. Đến tháng tuổi thứ 9 K bắt đầu tự ngồi được mà không cần có người lớn giúp đỡ. Một kỹ năng mà mẹ K phát hiện được là ở khoảng thời gian này, K đã biết nhận diện một số đồ vật quen thuộc, khi người lớn hỏi một đồ vật nào đó thì K đã biết nhào người đặt tay hoặc chỉ tay vào đồ vật đó. Nhưng K chậm nói hơn 2 tuổi K mới bập bẹ nói những âm đầu tiên. Vì vậy 3 tuổi, K mới được bố mẹ cho đi học ở trường mầm non HP. Thời gian đầu mới đi học, K rất hay khóc vì chưa quen môi trường. Theo lời cô giáo lớp mẫu giáo bé, đa số những đứa trẻ khác ở lớp cũng khóc và chầm dứt sau khoảng vài ngày còn K thì khóc kéo dài đến 2 tuần mới bắt đầu hòa nhập với những trẻ khác. Nguyên nhân K khóc lâu như vậy có thể là do 3 tuổi K mới đến trường học, còn trước đó K ở nhà nên khi bước vào một môi trường xa lạ K sẽ khó hòa nhập hơn những đứa trẻ khác.

Kết quả đánh giá về KNGT: K chậm nói 2 tuổi rưỡi, mới bập bẹ nói, đến 3 tuổi học lớp mẫu giáo bé nhưng K chỉ nói được một số từ đơn. Khi học ở lớp K ít chơi với các bạn, né tránh giao tiếp với các bạn. K chưa có kỹ năng nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến những hành động đơn giản, chưa có kỹ năng sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong quá trình giao tiếp...

Quan sát buổi chơi với trò chơi "xây dựng", T lúng túng không biết chọn vai chơi. Người quan sát giả vờ nhập vai: công nhân xây dựng đang xây vườn bách thú (công viên Thủ Lệ) đứng lên cầm điện thoại gọi điện yêu cầu mang con thú đến. T ngơ ngác, ngại ngùng không nói câu nào.

- Người quan sát: Vườn bách thú khi xây xong cần rất nhiều con vật từ các vùng khác nhau mang đến để khách du lịch tham quan. Đi xa thế mà các con thú lại nhiều, không thể đi bộ được. Cần phải được trở bằng ô tô, tàu hỏa. Có khi lại cả bằng máy bay ấy chứ.

- T và trẻ nhóm "xây dựng": (nhìn, ngơ ngác, dò hỏi).

- Người quan sát: Các bác cần phải tìm đến đội lái xe hay bến tàu để đặt hàng, rồi cử người đi lấy hàng đi cùng để trở về.

- T: Vẫn đứng im một chỗ (trong khi một số bạn trong nhóm xung phong làm người trở hàng).

(Trích biên bản quan sát buổi chơi tổ chức ngày 21-4-2015).

Trong lớp, K thường thụ động, không giơ tay phát biểu ý kiến, thương không hợp tác với các bạn trong khi chơi. Khi được cô giáo hỏi, không trả lời được các câu hỏi của cô hoặc nếu có trả lời, em cũng chỉ nói *“lắp bắp”* hoặc *“nói những nội dung những câu không đúng ngữ cảnh”*

4.3.2.3. Yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của trẻ

** Về đặc điểm tâm lý, nhân cách của trẻ*

Trẻ chậm nói, thụ động, khó tập trung chú ý, ích kỉ, không có nhu cầu kết bạn, chia sẻ, ít để ý đến người khác, nghịch ngợm, thường làm theo ý mình. Thiếu kỹ năng nghe hiểu và thực hiện chỉ dẫn liên quan đến những hành động chơi, thiếu kỹ năng sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ bạn bè trong quá trình giao tiếp...

** Cách ứng xử của giáo viên với học sinh*

Giáo viên có định kiến với trẻ vì cho là trẻ khó bảo, khó hợp tác, không nề nếp, được bố mẹ chiều chuộng không dạy bảo nghiêm khắc... Giáo viên thường phê bình, quát mắng, dọa, phạt, thậm chí đánh (dùng thước vụt vào tay, tay cốc vào đầu, kéo tai...) hoặc đôi lúc thờ ơ, bỏ qua khi trẻ không thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu (không biết nhập vai chơi, không biết khởi xướng chủ đề chơi, nói leo...), phá bình trong khi chơi, đánh bạn cùng chơi, thiếu sáng tạo trong vai chơi... Quan sát giờ chơi cho thấy: K có ý kiến về một bạn thể hiện sai vai chơi, giáo viên nói: *“Không thừa gửi gì cả, chú ý vào đây!”*; K khát nước và xin cô uống nước trong giờ chơi, cô quát: *“Cô đã nói không được uống nước trong giờ học có nghe không!”*; K muốn đi vệ sinh, Cô cau mày, ấn K vào phía nhà vệ sinh và nói: *“Không có giờ giắc gì cả đi đi!”* (Biên bản quan sát ngày 6/5/2015).

K hay nghịch ngợm, bạn đang chơi K đứng đằng sau giật áo bạn hoặc giật đồ chơi trên tay bạn, bạn mách cô, cô lấy thước đánh K và mắng: *“Ra kia đứng vào xó, cấm không ngộ ngộ”*, Giáo viên chia sẻ với người quan sát *“Học sinh này được bố mẹ chiều chuộng nên rất ích kỉ và vô tổ chức em ạ!”* (Biên bản quan sát ngày

7/5/2015).

**Sự quan tâm, giáo dục và giao tiếp ứng xử của gia đình đối với trẻ*

Gia đình khó khăn về kinh tế, bố mẹ bận làm nương, làm rẫy, buôn chải lo kinh tế nên ít quan tâm, gặp gỡ và trao đổi với giáo viên về việc học tập và sinh hoạt và phối hợp với giáo viên trong việc tìm biện pháp khắc phục những mặt hạn chế của K. Do bố mẹ có trình độ học vấn thấp nên chưa biết cách quan tâm, chăm sóc, giáo dục K, chỉ biết chiều theo sở thích của K..

4.3.2.4. Nhận xét và đề xuất một số biện pháp phát triển KNGT thông qua TCDVTCĐ cho trẻ

Chúng tôi có thể nhận định rằng, trường hợp của K, yếu tố ảnh hưởng đầu tiên ảnh hưởng đến biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ là do cách ứng xử của giáo viên và gia đình đối với trẻ.

Trước tiên, đối với gia đình, bố mẹ K do chịu áp lực về kinh tế, tài chính trong gia đình nên ít có thời gian quan tâm, dạy bảo con. Mặt khác do trình độ học vấn có hạn nên không hiểu được các đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ nên có những cư xử cho phù hợp với trẻ.

Đối với giáo viên, do thời gian K ở trường mẫu giáo với cô khá nhiều nên giáo viên phải , quan tâm, tìm hiểu, gần gũi, công bằng không định kiến với trẻ; Phải giúp K biết lắng nghe người khác nói chuyện khi giao tiếp, biết nhìn vào mắt của đối tượng giao tiếp khi giao tiếp, tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp, nhìn vào đồ vật trong một thời gian ngắn, tập trung vào nhiệm vụ và lắng nghe người khác hướng dẫn. Rèn KN nghe hiểu các từ ngữ, nghe hiểu các yêu cầu trong quá trình. Rèn kỹ năng sử dụng ngôn ngữ khi giao tiếp với mọi người xung quanh; Áp dụng các kỹ thuật phát triển KNGT cho K trong đó gồm có kỹ thuật làm mẫu, sử dụng lời nói mẫu, luyện giao tiếp mắt – mắt...; Về kỹ năng nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến những hành động đơn giản và kỹ năng sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong quá trình giao tiếp... là những kỹ năng giao tiếp mà K yếu nhất được chúng tôi xây dựng mục tiêu ưu tiên, tác động sâu hơn bằng trò chơi ĐVTCD, cụ thể: Xây dựng qui trình khoa học với hệ thống các bước phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD (Xác định những kỹ năng giao tiếp cơ bản cần hình thành cho trẻ mẫu giáo lớn; Lựa chọn hoặc tạo dựng

những chủ đề chơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú chơi của trẻ, phù hợp với những kỹ năng giao tiếp cần phát triển ở trẻ; Thiết lập mối quan hệ giữa những kỹ năng giao tiếp cần phát triển ở trẻ với những mối quan hệ giữa các vai chơi trong chủ đề chơi.... Hình thành và phát triển cho trẻ các kỹ năng từ chối yêu cầu đề nghị của người khác: giáo dục các em biết phân biệt đúng sai, biết ủng hộ cái đúng, cái thiện và kiên định với quan điểm của mình, biết từ chối, hay khước từ cái không đúng, hay những lời nói, việc làm thể hiện hành vi lệch chuẩn, có kỹ năng ứng xử phù hợp, kỹ năng lắng nghe: Thông qua hoạt động vui chơi bằng trò chơi ĐVTCD giúp trẻ có kỹ năng lắng nghe hiểu người khác, biết về mình rõ hơn, lắng nghe một cách tích cực, chủ động và cảm thông, chia sẻ, lắng nghe có chủ động để tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin có ích cho bản thân....

4.3.3. Cháu Tr. Th. H

4.3.3.1. Thông tin cá nhân và gia đình

Họ và tên cháu: Tr. Th. H

Giới tính: Nữ

Học lớp mẫu giáo: 5 tuổi

Tuổi: 63 tháng tuổi

Nghề của Bố:

Trường MN: TT

Kinh tế gia đình: Bình thường

Nghề của Mẹ:

4.3.3.2. Mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ.

Mẹ H bán vải ở chợ Trung tâm. Lập gia đình được 2 năm thì mẹ H mang thai. Quá trình mang thai H diễn ra bình thường. Tuy nhiên, do bận công việc buôn bán nên mẹ H không có thời gian để quan tâm nhiều về chế độ dinh dưỡng và cách chăm sóc thai nhi. Chị không uống sữa bột dành cho bà mẹ mang thai mà chỉ uống sữa tự pha chế từ sữa đặc. H được sinh bình thường, lúc mới sinh em nặng 3 kg.

Năm đầu tiên H phát triển bình thường có một vài lần bị cảm nhẹ và đều khỏi sau khi uống thuốc. Bố mẹ H không có nhiều thời gian chăm sóc H mà chủ yếu em được sự chăm sóc của bà ngoại. Bà chăm sóc H chủ yếu theo kinh nghiệm chứ ít khi tham khảo sách báo. Vì vậy, năm tuổi thứ nhất H chủ yếu là bú sữa mẹ, ít được ăn thức ăn bổ sung và cai sữa vào tháng tuổi thứ 14. H mọc răng khá sớm, em mọc răng vào khoảng đầu tháng tuổi thứ 6. H bập bẹ được những tiếng nói đầu tiên cũng sau khoảng thời gian này. Như vậy, so với những đứa trẻ cùng lứa, H có sự phát

triển khá sớm về phát âm.

Do công việc buôn bán bận rộn nên mẹ H không thể thường xuyên chăm sóc con. Vì vậy, H ít gần gũi mẹ và thể hiện sự tự lập khá sớm. Tuy nhiên, tính H khá bướng bỉnh, ít nghe lời người khác, thường chỉ thích chơi một mình ngay cả khi có anh em họ đến chơi, H cũng vẫn chơi một mình mà không chơi cùng ai. Ba tuổi H được gia đình cho đến trường mẫu giáo học.

H là một học sinh bình thường không có gì nổi trội trong lớp, nhưng rất nghịch ngợm, lằng lòi. H hay có những hành động bột phát trong lớp học: nói leo, nói to thậm trí hét lên, nghịch ngợm, thậm chí phá phách, đánh bạn, có lúc cười to một mình không rõ lý do... có thể nhận thấy, H chưa có kỹ năng làm chủ cảm xúc bản thân khi giao tiếp.

Quan sát buổi chơi với trò chơi ĐVTCD cho thấy H hay trề lơ đi không nghe theo cô hoặc làm theo một cách chiếu lệ hoặc thậm chí có lúc H còn phá phách, ném bỏ đồ chơi làm cho trò chơi tan rã, làm các bạn khác trong nhóm trẻ không còn hứng thú để chơi tiếp. Ví dụ trường hợp buổi chơi trò chơi "gia đình" có 4 trẻ chơi (Bố, mẹ và 2 con), một bạn trong nhóm chơi nảy ra ý định về quê thăm ông bà bằng ô tô. "Bố" nhìn quanh, không biết lấy gì làm ô tô. Chợt, trẻ nhìn thấy 2 vòng tròn (một to, một nhỏ) cô dựng ở góc phòng, cháu sung sướng chạy ra lấy, rồi đề nghị "mẹ" và 2 "con" cùng "bố" đứng vào vòng tròn to (ô tô). Còn mình cầm vòng tròn nhỏ (vô lăng) rồi "trở" cả nhà về quê (làm động tác ô tô chạy). Thấy vậy, H giật vòng tròn đó quăng đi. Nhóm chơi đang hào hứng liền bị gián đoạn, mỗi bạn phải chạy sang một nhóm chơi khác. Trò chơi tan rã. (Trích biên bản quan sát ngày 27-4-2015).

Khi bị cô giáo phê bình, H dễ tức giận và thường quay sang “đánh bạn bên cạnh” hoặc có hành động quá khích như là *“giật đồ chơi của bạn vứt xuống đất”*, thỉnh thoảng có biểu hiện phản ứng với giáo viên *“nhìn chằm chằm, chân tay vung vẩy, cãi lại...”* (Biên bản quan sát ngày 16/4/2015)

4.3.3.3. Yếu tố tác ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp

** Về đặc điểm tâm lý, nhân cách của trẻ*

H hay nổi khùng, nói to nhiều khi quát bạn cùng chơi, giận dữ với bạn mặt đỏ hăm hia, tay giơ nắm đấm lao vào bạn... H thường không kiềm chế được cảm xúc bản thân nên trong những tình huống có sự bất đồng thường biểu hiện sự hung

hấn và hành vi gây hấn, ích kỉ, ít để ý đến người người khác, không có nhu cầu kết bạn, chia sẻ, thường làm theo ý của mình, hay nói leo và ngắt lời người khác khi trò chuyện.

**Cách ứng xử của giáo viên với học sinh*

Giáo viên định kiến với H, đôi khi thờ ơ, bỏ mặc H muốn làm gì thì làm vì cho rằng H khó bảo, không hợp tác, nhưng khi H quá hưng phấn: mất trật tự, đánh bạn, quát to... thì giáo viên lại dọa H: *“Im ngay cái mồm, nếu không nhốt ra phòng bảo vệ*, H cãi lại: *“Cô im ngay cái mồm”*, lúc ấy cô lấy tay cốc vào đầu H, và kéo tai H... (*Biên bản quan sát ngày 16/4/2015*).

**Sự quan tâm, giáo dục và giao tiếp ứng xử của gia đình đối với trẻ*

Gia đình khó khăn về kinh tế, bố mẹ buôn bán lo kinh tế nên ít quan tâm đến H, không có thời gian thường xuyên gặp gỡ cô giáo để trao đổi về tình hình của H ở lớp. Qua trao đổi với phụ huynh, chúng tôi được biết, ở nhà H rất sợ mẹ, vì mẹ luôn mắng, thậm chí đánh H vì H nghịch ngợm, khó bảo...

4.3.3.4. Nhận xét và đề xuất một số biện pháp phát triển KNGT thông qua trò chơi DVTCD cho trẻ

Chúng tôi có thể nhận định rằng, trường hợp của H, yếu tố ảnh hưởng đầu tiên ảnh hưởng đến biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ là do bản thân trẻ, sau đó là do cách ứng xử của giáo viên và gia đình đối với trẻ.

Trước tiên, đối với gia đình, bố mẹ H do chịu áp lực về kinh tế, tài chính trong gia đình nên ít có thời gian quan tâm, dạy bảo con, không hiểu căn kẽ các đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ nên có những cư xử cho phù hợp với trẻ (đánh, mắng trẻ thường xuyên)

Đối với giáo viên, phải quan tâm, gần gũi, công bằng không định kiến với trẻ; Xác định những kỹ năng giao tiếp cụ thể nào cần phát triển cho H, lựa chọn hoặc tạo dựng những chủ đề chơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú của H, tư vấn cho trẻ tự tạo dựng chủ đề chơi lành mạnh, phù hợp với nhu cầu, sở thích...của cháu, cô cần xây dựng và chuẩn hóa những khuôn mẫu, hành vi giao tiếp tương ứng với các mối quan hệ và vai chơi trong chủ đề chơi để trẻ có thể học theo và tự điều chỉnh kỹ năng của mình; cô khéo léo tổ chức để trẻ tham gia bàn bạc, lựa chọn chủ đề chơi đúng với dự định của giáo viên, đồng thời giáo viên cũng khéo léo dẫn dắt trẻ thực

hiện được mẫu hành vi- kỹ năng giao tiếp còn thiếu ở trẻ. Ví dụ giáo viên có thể xây dựng một câu chuyện tương ứng với chủ đề chơi, trong đó diễn ra những cuộc đối thoại, những hành vi mà các nhân vật trong câu chuyện thực hiện. Sau đó, giáo viên khéo léo tổ chức để trẻ tái hiện lại những cuộc đối thoại, những mẫu hành vi - kỹ năng đó trong chủ đề chơi...Thông qua đó giúp H biết lắng nghe người khác nói chuyện khi giao tiếp, không được nói leo, ngắt lời người khác khi giao tiếp, tin đứng trước đám đông, biết giới thiệu về mình với người khác, biết chào hỏi lễ phép và tôn trọng người khác, biết chào hỏi lễ phép đối với người trên tuổi, biết nhường nhịn em nhỏ, biết tôn trọng bạn bè, biết nói lời yêu cầu đề nghị của bản thân đối với những người xung quanh, biết bày tỏ thái độ, quan điểm cá nhân của mình trước những vấn đề yêu cầu đề nghị. Cảm ơn khi nhận quà hay sự giúp đỡ của người khác, xin lỗi khi làm người khác không hài lòng hay làm tổn thương đến họ.

4.4. Một số biện pháp tâm lý- sư phạm phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD

Trên cơ sở kế thừa các biện pháp đã được thẩm định của các công trình nghiên cứu đã có, phân tích kết quả các nguyên nhân gây ra những biểu hiện KNGT qua trò chơi ĐVTCD của trẻ, kết quả nghiên cứu thực tiễn về các biện pháp phát triển KNGT cho trẻ do GV đề xuất, đồng thời bám vào đặc điểm phát triển tâm lý – giao tiếp của lứa tuổi mẫu giáo, đề tài đưa ra một số biện pháp phù hợp với đặc điểm của trẻ 5-6 tuổi. Tuy nhiên, việc thử nghiệm, đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp đó không được đặt ra trong khuôn khổ của đề tài này, mà sẽ có thể được tiếp tục ở những nghiên cứu tiếp theo.

4.4.1. Biện pháp 1: Xây dựng qui trình tổ chức trò chơi đóng vai theo chủ đề nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD

a, Mục tiêu của biện pháp: Xây dựng được một qui trình khoa học với hệ thống các bước phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ mẫu giáo lớn qua TCDVTCD.

Bước 1. Xác định những kỹ năng giao tiếp cơ bản cần hình thành cho trẻ mẫu giáo lớn

Bước 2. Xác định những kỹ năng giao tiếp cụ thể cần phát triển ở mỗi nhóm trẻ trong những giai đoạn nhất định dựa trên việc tìm hiểu vốn sống, vốn kỹ năng giao tiếp của trẻ

Bước 3. Lựa chọn hoặc tạo dựng những chủ đề chơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú chơi của trẻ; phù hợp với nội dung những kỹ năng giao tiếp cần phát triển ở trẻ

Bước 4. Thiết lập mối quan hệ giữa những kỹ năng giao tiếp cần phát triển ở trẻ với những mối quan hệ giữa các vai chơi trong chủ đề chơi

Bước 5. Xây dựng kế hoạch tổ chức trò chơi ĐVTCD nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ

Bước 6. Xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua tổ chức trò chơi

Bước 7. Tổ chức trẻ chơi theo kế hoạch đã xây dựng

Bước 8. Đánh giá và rút kinh nghiệm

b, Phương thức thực hiện biện pháp

Phương thức thực hiện biện pháp này được cụ thể hoá trong phương thức thực hiện từng bước:

Bước 1. Xác định những kỹ năng giao tiếp cơ bản cần hình thành cho trẻ 5-6 tuổi.

Cơ sở để xác định những kỹ năng giao tiếp cơ bản cần hình thành cho trẻ mẫu giáo lớn:

- Dựa vào nội hàm khái niệm “kỹ năng giao tiếp”
- Dựa trên Quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi (ban hành kèm theo Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT)
- Dựa vào thực trạng phát triển kỹ năng của trẻ;
- Dựa vào qui luật hình thành và phát triển kỹ năng; Căn cứ vào những cơ sở trên tôi đã xác định những kỹ năng giao tiếp cơ bản cần hình thành cho trẻ mẫu giáo lớn bao gồm:

Kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp thực hiện trò chơi

Kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi

Kỹ năng thực hiện một số quy tắc giao tiếp trong khi chơi

Bước 2. Xác định những kỹ năng giao tiếp cụ thể cần phát triển ở mỗi nhóm trẻ trong những giai đoạn nhất định dựa trên việc tìm hiểu vốn sống, vốn kỹ năng giao tiếp của trẻ.

Đây là bước quan trọng vì mỗi trẻ, mỗi nhóm trẻ có vốn sống, vốn kinh nghiệm khác nhau, có mức độ phát triển những kỹ năng giao tiếp khác nhau.

Do đó nhà giáo dục cần nắm bắt và phân loại trẻ về mặt kỹ năng giao tiếp để có những biện pháp tác động phù hợp. Để thực hiện được công việc này, giáo viên cần thường xuyên quan sát quá trình giao tiếp của trẻ; phỏng vấn trẻ để tìm hiểu nhận thức của trẻ về những hành vi giao tiếp tương ứng với những tình huống giao tiếp cụ thể.

Bước 3. Lựa chọn hoặc tạo dựng những chủ đề chơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú chơi của trẻ; phù hợp với nội dung những kỹ năng giao tiếp cần phát triển ở trẻ.

Thường thì giáo viên gợi ý và trẻ tự chọn chủ đề chơi cụ thể phù hợp với chủ đề chung, song giáo viên (nhà giáo dục) có thể giúp trẻ tạo dựng chủ đề chơi trên cơ sở cho trẻ trải nghiệm những hoạt động, những mối quan hệ xã hội, sau đó tư vấn cho trẻ tạo dựng những chủ đề chơi mới nhằm phát huy tính tích cực của trẻ và giúp trẻ hứng thú hơn.

Bước 4. Thiết lập mối quan hệ giữa những kỹ năng giao tiếp cần phát triển ở trẻ với những mối quan hệ giữa các vai chơi trong chủ đề chơi.

Mỗi chủ đề chơi gồm những vai khác nhau, giữa các vai có mối quan hệ với nhau, khi nhập vai chơi trẻ sẽ phải sử dụng những kỹ năng giao tiếp nhất định phù hợp với mối quan hệ và vai chơi. Để giúp trẻ phát triển kỹ năng giao tiếp trong quá trình chơi, nhà giáo dục cần xây dựng và chuẩn hoá những khuôn mẫu hành vi giao tiếp tương ứng với các mối quan hệ và vai chơi trong chủ đề để trẻ có thể học theo và tự điều chỉnh kỹ năng của mình. Để xây dựng được khuôn mẫu hành vi đó đòi hỏi nhà giáo dục phải nắm vững văn hoá giao tiếp, phải hiểu rõ những mối quan hệ xã hội được thể hiện trong chủ đề chơi. Quan trọng hơn là nhà giáo dục phải thấm thấu được những nguyên tắc, qui tắc của văn hoá giao tiếp và biến những chuẩn kỹ năng giao tiếp đó thành hành vi, kỹ năng của mình.

Bước 5. Xây dựng kế hoạch tổ chức trò chơi ĐVTCD nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch cần chú ý tới kết quả của những bước trên, đồng thời tuân thủ lôgic của một bản kế hoạch giáo dục (Xác định mục tiêu chơi; Chuẩn bị đồ chơi; Thỏa thuận trước khi chơi; hướng dẫn chơi; nhận xét sau khi chơi).

Trong quá trình xây dựng kế hoạch tổ chức trò chơi ĐVTCD cần đảm bảo những yêu cầu tương ứng với những khâu sau:

+ *Khâu xác định mục tiêu*: mục tiêu cần phải được xác định một cách cụ thể - có thể đo được (lượng hoá và đánh giá được); mục tiêu cần phải phù hợp với thực tiễn (phù hợp với khả năng của trẻ, phù hợp với nội dung chủ đề chơi và thời gian chơi,...); cần phải có những mục tiêu chung cho toàn lớp hoặc toàn nhóm trẻ, và có những mục tiêu riêng phù hợp với mỗi trẻ.

Mỗi trẻ có những mức độ phát triển khác nhau về kỹ năng giao tiếp và có những nguyên nhân khác nhau dẫn tới thực trạng phát triển đó. Do vậy, ở những giai đoạn nhất định có thể mục tiêu của giáo viên không phải nhằm vào hình thành hoặc phát triển một kỹ năng mới cho trẻ mà lại có thể cần nhằm vào giải quyết một đặc điểm tâm lý nào đó có ảnh hưởng tới kỹ năng giao tiếp của trẻ, ví dụ như: tính rụt rè nhút nhát ở đứa trẻ này; hoặc tính hấp tấp thiếu kiểm chế ở đứa trẻ khác.v.v...

+ *Khâu xác định nội dung* tổ chức trò chơi ĐVTCD nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ: Về mặt lôgic thì chủ đề chơi thường do cô tổ chức và trẻ bàn bạc để chọn. Tuy nhiên, với vai trò tổ chức của mình giáo viên luôn phải định hướng và chuẩn bị trước về chủ đề chơi, nội dung chơi sau đó khéo léo tổ chức để trẻ bàn bạc và chọn chủ đề chơi đúng với dự định của giáo viên. Trong khâu này, giáo viên phải chú ý tới các bước 1, 2, 3, 4 trong qui trình để xây dựng những nội dung - những mẫu kỹ năng giao tiếp tương ứng với những vai mà trẻ thực hiện trong chủ đề chơi, đồng thời giáo viên cũng phải xác định những nội dung mình cần thực hiện để khéo léo dẫn dắt trẻ thực hiện được mẫu hành vi - kỹ năng giao tiếp đó. Ví dụ giáo viên có thể xây dựng một câu chuyện tương ứng với chủ đề chơi, trong đó diễn ra những cuộc đối thoại, những hành vi mà các nhân vật trong câu chuyện

thực hiện. Sau đó, giáo viên khéo léo tổ chức để trẻ tái hiện lại những cuộc đối thoại, những mẫu hành vi - kỹ năng đó trong chủ đề chơi.

+ *Khâu chuẩn bị đồ chơi*: Đồ chơi cần được chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng: đảm bảo vệ sinh, thẩm mỹ; đủ về số lượng, phong phú về chủng loại và phù hợp với chủ đề chơi; phản ánh chân thực sự vật, hiện tượng trong cuộc sống (đồ chơi cần giống với đồ vật thật).

+ *Khâu thoả thuận trước khi chơi*: Cô tổ chức cho trẻ bàn bạc, thảo luận dưới hình thức cả lớp. Nội dung bàn bạc gồm: chủ đề chơi, phân vai, cách thức tổ chức chơi,... bằng cách đưa ra câu hỏi thăm dò hứng thú, nguyện vọng của trẻ. Cô gợi ý thiết lập mối quan hệ giữa các vai chơi, các nhóm chơi để phục vụ cho chủ đề chơi chung; Cô tổ chức để trẻ tự tìm bạn chơi và tìm một góc chơi thích hợp. Trong khâu này giáo viên cần khéo léo tổ chức để trẻ chọn chủ đề chơi, vai chơi phù hợp với ý hướng sơ phạm của bản thân nhằm thực hiện được mục tiêu đặt ra vì có thể mục tiêu hình thành một kỹ năng hay một đặc điểm giao tiếp nào đó ở một đứa trẻ cụ thể chỉ có thể được thực hiện thông qua những vai chơi nhất định trong chủ đề chơi. Ví dụ: để rèn tính kiên nhẫn và kỹ năng biểu cảm giao tiếp cho một trẻ nào đó qua chủ đề gia đình thì sẽ tốt hơn nếu đứa trẻ đó được đóng vai “người mẹ” chăm sóc một “đứa con ốm”.

+ *Khâu hướng dẫn chơi*: Vai trò của giáo viên trong việc tổ chức trò chơi ĐVTCD nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ được tập trung ở khâu hướng dẫn chơi. Tuy nhiên chủ yếu được thực hiện trước khi trẻ chơi vì trong quá trình trẻ chơi thì nhiệm vụ của giáo viên là quan sát các trẻ thực hiện trò chơi, giúp đỡ trẻ khi cần thiết; giáo viên không nên áp đặt khi can thiệp mà phải tôn trọng nhiều nhất với ý kiến của trẻ; giáo viên chỉ hướng dẫn trẻ ở những trò chơi mới lạ, khi trẻ chơi quen cô rút lui để trẻ tự tổ chức, điều khiển trò chơi; giáo viên theo dõi quá trình chơi của trẻ và để phát huy vai trò giáo dục của trò chơi, hoặc để đổi vai chơi cho trẻ.

Vì vậy, nếu chỉ dừng lại ở vai trò hướng dẫn trong quá trình trẻ chơi thì khó thực hiện được mục tiêu phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD. Do đó, ngay sau khâu thoả thuận chơi, giáo viên phải hướng dẫn trẻ chơi theo định hướng phát triển kỹ năng giao tiếp. Cụ thể là:

- Giáo viên khéo léo gây ảnh hưởng để trẻ chọn những mẫu hành vi - những kỹ năng giao tiếp theo dụng ý sư phạm;

- Bằng những biện pháp sư phạm giáo viên giúp trẻ nhớ để có thể tái hiện những mẫu kỹ năng giao tiếp đó trong quá trình chơi;

- Tuy nhiên, giáo viên không nên áp đặt mà cần làm cho trẻ học theo – “bắt chước” một cách tự nhiên.

+ *Khâu nhận xét sau khi chơi*: Mặc dù mục tiêu tổ chức trò chơi ĐVTCD của giáo viên là nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ, tuy nhiên trong khâu nhận xét sau khi chơi, giáo viên không nên hướng trẻ vào việc nhận xét kỹ năng giao tiếp mà chỉ hướng vào những giá trị đạo đức và tinh thần tham gia trò chơi của trẻ. Do đó, giáo viên cần chú ý những vấn đề sau:

- Giáo viên gợi ý cho trẻ nhận xét lẫn nhau dưới hình thức tập thể, hướng trẻ vào việc sử dụng những tiêu chuẩn đạo đức của vai chơi để nhận xét.

- Giáo viên hướng dẫn trẻ nhận xét buổi chơi, tránh để trẻ chỉ trích nhau, làm mất hứng thú chơi của trẻ, khuyến khích nhận xét những mặt tích cực.

- Giáo viên hướng dẫn trẻ cất đồ chơi đúng nơi qui định và chuyển hoạt động bằng trò chơi chuyển tiếp.

- Kết thúc trò chơi một cách nhẹ nhàng.

Bước 6. Xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua tổ chức trò chơi.

Các tiêu chí đánh giá hiệu quả phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ cần phản ánh được mức độ thay đổi trong mối tương quan giữa những chỉ số đầu vào (trước khi chơi) so với những chỉ số phát triển kỹ năng giao tiếp ở đầu ra (sau khi chơi). Tuy nhiên cần chú ý, phát triển kỹ năng giao tiếp là một quá trình lâu dài, nên không thể nóng vội mong đạt được những chuyển biến rõ rệt về kỹ năng của trẻ sau mỗi chủ đề chơi. Việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD phải là một quá trình liên tục, tiếp nối hết chủ đề chơi này đến chủ đề chơi khác trong một khoảng thời gian nhất định đủ để trẻ được trải nghiệm và hình thành các kỹ năng một cách bền vững.

Bước 7. Tổ chức trẻ chơi theo kế hoạch đã xây dựng.

Trong quá trình tổ chức trò chơi ĐVTCD nhà giáo dục cần chú ý một số vấn đề sau:

Một là, không nên cho trẻ biết dụng ý sư phạm của nhà giáo dục. Qua trò chơi ĐVTCD nhà giáo dục phát triển cho trẻ những kỹ năng cần thiết trong giao tiếp, song nếu nói cho trẻ biết mục đích này, hoặc bị trẻ phát hiện ra, trẻ sẽ không còn hứng thú chơi nữa. Cần phải để cho trẻ cảm nhận được rằng đây chỉ là một trò chơi, chỉ là để chơi thôi. Khi chơi với trẻ, người lớn cần chăm chú và nghiêm túc, coi mình là trẻ và chơi một cách say sưa, trong quá trình này không nên thuyết giáo điều gì, càng không nên trách mắng trẻ nếu chúng chưa thực hiện đúng những yêu cầu trong quá trình chơi – giao tiếp.

Hai là, tránh để trẻ cảm thấy ngại ngùng. Trong quá trình chơi, có thể trẻ chưa hiểu rõ các mối quan hệ trong khi chơi do vậy có thể có hành vi hoặc ngôn từ không phù hợp thì nhà giáo dục không được tỏ ra ngạc nhiên hay thắc mắc vì làm như vậy có thể sẽ khiến trẻ luống cuống hoặc ngại ngùng, sẽ làm giảm hứng thú chơi. Trẻ sẽ không chơi tự nhiên, không hào hứng và sẽ rất khó hình thành kỹ năng. Người lớn không được lấy kinh nghiệm sống của mình để can thiệp vào tư duy của trẻ, mặc dù hoạt động vui chơi của trẻ mô phỏng các mối quan hệ của người lớn nhưng trẻ có quyền sáng tạo và sống bằng thế giới riêng – “thế giới trẻ thơ” của mình. Ví dụ trẻ có thể “bán” một mớ rau 5 đồng, xong có thể bán một cân thịt chỉ với giá 2 đồng. Điều quan trọng là để cho trẻ được trải nghiệm những kỹ năng (như mua hàng thì phải trả tiền, trả tiền cho người lớn thì phải đưa bằng hai tay và biết nói lời cảm ơn khi được mua hàng, được giúp đỡ,...).

Ba là, không để các kỹ năng giao tiếp làm khó trẻ. Một điều mà các nhà giáo dục cần chú ý là, mặc dù nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ, song đây là trò chơi chứ không phải là “một giờ học” kỹ năng giao tiếp của người lớn. Nhà giáo dục có thể qua trò chơi ĐVTCD để phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ, nhưng không nên vội vàng. Trong quá trình chơi phải đặt niềm vui của trẻ lên hàng đầu, việc rèn kỹ năng ở vị trí thứ hai. Độ khó của các kỹ năng giao tiếp có thể nâng cao dần dần, nhưng không nên để các kỹ năng giao tiếp mà trẻ chưa hình thành được làm ảnh hưởng đến niềm vui trong quá trình chơi của trẻ. Nếu trong

quá trình chơi mà người lớn liên tục uốn nắn các kỹ năng giao tiếp của trẻ thì trẻ sẽ nản chí và mất hứng thú chơi.

Bốn là, không nên ép buộc trẻ chơi. Không nên vì mục đích rèn kỹ năng giao tiếp cho trẻ mà thường xuyên bắt trẻ chơi một trò chơi. Cũng có những lúc, vừa chơi chưa được bao lâu nhưng vì một lý do nào đó mà trẻ đột nhiên không muốn chơi nữa, lúc này nhà giáo dục cũng không nên bắt ép, chỉ cần trẻ thể hiện ra là không muốn chơi nữa, thì nên dừng lại ngay, để tránh làm cho trẻ cụt hứng với trò chơi. Nếu nhà giáo dục tỏ ra quá tích cực qua trò chơi, dễ khiến trẻ phát hiện ra dụng ý sư phạm.

Năm là, cố gắng dùng đồ chơi thật. Đối với một trường mầm non, một lớp mẫu giáo với số lượng trẻ đông và những chủ đề chơi phong phú thì đây là một công việc khó. Tuy nhiên trong khả năng có thể thì nhà giáo dục cần cố gắng sử dụng đồ chơi thật, thậm chí là tiền thật. Làm được như vậy thì trẻ sẽ hứng thú hơn và sẽ để lại ấn tượng sâu đậm hơn. Dùng vật thật có thể giúp trẻ chơi một cách say mê hơn, chơi xong chú ý rửa tay là được.

Sáu là, cố gắng thay đổi cách chơi, cố gắng để cho mỗi lần chơi khác nhau. Sau vài lần chơi, để trò chơi luôn giữ được sự mới mẻ, có thể đổi vai chơi – vai diễn cho trẻ. Khi trẻ được đóng các vai khác nhau, hình thành nên các tổ hợp kỹ năng khác nhau. Các đối tượng khác nhau có các sự việc và nhu cầu khác nhau, như thế sẽ có rất nhiều câu chuyện xảy ra. Ngoài việc thay đổi vai chơi cần đổi mới các chủ đề chơi để trẻ được tham gia vào những mối quan hệ xã hội khác nhau, được rèn nhiều kỹ năng hơn.

Trên đây là một số lưu ý chung khi thiết kế trò chơi ĐVTCD nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ. Ngoài ra, đối với mỗi chủ đề chơi lại cần có cần thêm những yêu cầu khác phù hợp với các mối quan hệ trong chủ đề đó. Chẳng hạn như chủ đề “làm cô giáo”, cần lưu ý những vấn đề như: Khi thiết kế những hoạt động này nhà giáo dục cần “trao quyền” để trẻ được “nắm quyền”; cần chọn những nội dung tương đối cụ thể, chính xác, có đáp án rõ ràng để trẻ giảng; phương thức đưa ra yêu cầu của nhà giáo dục cần tự nhiên; không nên vạch ra những lỗi mà trẻ mắc phải trong quá trình giảng, càng không thể cười vào những sai sót của trẻ; khi nhà

giáo dục đóng vai là học sinh của trẻ thì cần phải nghiêm túc lắng nghe trẻ giảng bài,...

Bước 8. Đánh giá và rút kinh nghiệm. Sau khi trẻ kết thúc mỗi chủ đề chơi, giáo viên thường nhận xét, song những nhận xét đó chỉ mang tính biểu dương, khích lệ trẻ lần sau chơi vui hơn, hữu ích hơn, còn đánh giá rút kinh nghiệm là công việc nghiêm túc của giáo viên nhằm rút ra những bài học nhất định. Đánh giá và rút kinh nghiệm không phải là việc đánh giá trẻ trong quá trình chơi. Để việc đánh giá và rút kinh nghiệm của giáo viên có nhiều ý nghĩa thì giáo viên cần chú ý những vấn đề sau:

- + Phải đánh giá toàn diện: đánh giá hoạt động của bản thân; đánh giá hoạt động chơi của trẻ; đánh giá hiệu quả giáo dục; đánh giá tất cả các khâu, các bộ phận tổ chức trò chơi; đánh giá trên nhiều phương diện, nhiều mặt.v.v...

- + Phải có tiêu chí đánh giá rõ ràng;

- + Việc đánh giá phải có giá trị đối với việc tổ chức TCĐVTCĐ nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ ở thời gian sau đó. Như vậy, phải phân tích rõ thực trạng, chỉ ra được nguyên nhân của những thành công và hạn chế.

- + Việc đánh giá rút kinh nghiệm được tiến hành càng sớm càng tốt sau khi thực hiện kế hoạch hoạt động.

c, Điều kiện thực hiện biện pháp

- + Giáo viên phải thường xuyên nghiên cứu lý luận về việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ mẫu giáo lớn;

- + Giáo viên phải thường xuyên quan sát để nắm bắt kịp thời thực trạng và những diễn biến phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ;

- + Giáo viên phải nắm vững các bước trong qui trình và vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ.

4.4.2. Biện pháp 2: Nâng cao năng lực của giáo viên và cha mẹ trẻ trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ 5-6 tuổi.

a, Mục tiêu của biện pháp

- + Bồi dưỡng cho giáo viên và các bậc cha mẹ những hiểu biết chung về giáo dục và giáo dục mầm non; về đặc điểm tâm – sinh lý của trẻ lứa tuổi mẫu giáo lớn;

+ Trang bị cho giáo viên và các bậc cha mẹ những tri thức lý luận về giao tiếp, về tổ chức trò chơi ĐVTCD nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ mẫu giáo lớn;

+ Hình thành cho giáo viên và các bậc cha mẹ những kỹ năng cơ bản để tổ chức trò chơi ĐVTCD nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ.

** Nội dung biện pháp*

Trước hết, để nâng cao năng lực phát kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD thì giáo viên và cha mẹ trẻ cần phải nhận thức được đúng đắn tầm quan trọng của giao tiếp và kỹ năng giao tiếp đối với sự phát triển nhân cách của trẻ. Sau đó là nhận thức được những yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển giao tiếp, kỹ năng giao tiếp của trẻ. Trên cơ sở hiểu biết đó không ngừng rèn luyện hành vi và kỹ năng giao tiếp của bản thân để góp phần tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ.

Để nâng cao năng lực giáo dục của mình, giáo viên và cha mẹ trẻ cũng cần nhận được sự giúp đỡ từ môi trường bên ngoài - cần được bồi dưỡng với những nội dung cụ thể là:

+ Những vấn đề lý luận để tổ chức quá trình giáo dục: Để tổ chức trò chơi ĐVTCD nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ thì giáo viên và các bậc cha mẹ không những cần nắm vững những tri thức về giao tiếp và trò chơi ĐVTCD mà còn cần phải có một nền tảng kiến thức chung về quá trình giáo dục. Cụ thể là họ cần phải nắm vững bản chất và đặc điểm của quá trình giáo dục; những nguyên tắc, phương pháp và hình thức giáo dục – đó là một trong những cơ sở để hình thành và phát triển năng lực sư phạm.

+ Những tri thức lý thuyết về đặc điểm tâm – sinh lý của trẻ lứa tuổi mẫu giáo lớn: để tổ chức một quá trình giáo dục nói chung cũng như việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD thì giáo viên và các bậc cha mẹ của trẻ phải nắm vững đặc điểm tâm – sinh lý chung của lứa tuổi mẫu giáo lớn và những đặc điểm riêng của từng trẻ. Giáo viên và cha mẹ của trẻ phải nhận thức được vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo; tư duy trực quan bằng hình ảnh chiếm ưu thế trong quá trình nhận thức của trẻ;

+ Họ cần được bồi dưỡng: (Lý luận chung về văn hoá giao tiếp; Những vấn đề lý luận về kỹ năng giao tiếp và phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ mẫu giáo lớn; Những vấn đề lý luận về tổ chức trò chơi ĐVTCD cho trẻ nói chung và tổ chức trò chơi ĐVTCD cho trẻ để phát triển kỹ năng giao tiếp nói riêng).

+ Họ cần được hỗ trợ các điều kiện về vật chất và tinh thần (được tư vấn; được chia sẻ; được tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ về tài chính;...)

b, Phương thức thực hiện biện pháp

** Đối với giáo viên*

+ Tổ chức những lớp bồi dưỡng giáo viên thường xuyên những vấn đề lý luận để phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD và thực hiện những nhiệm vụ giáo dục khác. Giáo viên cần phải được trang bị những kiến thức lý luận sâu rộng để phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD. Ở những vùng nông thôn nói chung, ở trường MN Hòa Phú và trường MN Tân Trào nói riêng, còn nhiều giáo viên có trình độ sơ và trung cấp, họ được trang bị rất ít những kiến thức về giao tiếp trong một khoảng thời gian rất ngắn nên chưa đủ làm thay đổi những kỹ năng và hành vi giao tiếp của họ vốn đã được hình thành từ sớm trong một môi trường đậm chất nông nghiệp, những kỹ năng và hành vi giao tiếp của họ có thể còn chưa phù hợp với văn hoá giao tiếp ở những khía cạnh nhất định. Vì vậy, khi họ tiến hành việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD cũng gặp những khó khăn nhất định, khó khăn hơn khi họ hướng dẫn các bậc cha mẹ trong công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình, và đặc biệt có thể xảy ra mâu thuẫn giữa những điều họ giáo dục trẻ với hành vi giao tiếp thường nhật của họ. Chính vì vậy, để nâng cao chất lượng và hiệu quả phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ, giáo viên cũng cần phải được bồi dưỡng về mặt lý luận và kỹ năng giao tiếp.

+ Xây dựng cơ chế động viên giáo viên chia sẻ kinh nghiệm giáo dục và không ngừng học tập rèn luyện kiến thức, kỹ năng giao tiếp để làm điểm tựa vững chắc cho việc phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ. Một trong những qui luật của việc hình thành kỹ năng là phải được tập luyện một cách thường xuyên và lặp đi lặp lại nhiều lần. Vì vậy, chỉ khi giáo viên ý thức được một cách sâu sắc và được động viên kịp thời việc không ngừng học tập nâng cao trình độ và chia sẻ kinh nghiệm

giáo dục thì mới ngày càng làm tốt hơn việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ và những nhiệm vụ giáo dục khác.

+ Hướng dẫn giáo viên thường xuyên tổng kết kinh nghiệm và viết sáng kiến giáo dục nói chung, phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ nói riêng. Phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ mẫu giáo lớn qua trò chơi ĐVTCD là một hoạt động đòi hỏi tính sáng tạo cao, giáo viên không thể ngày một ngày hai dễ dàng phát triển kỹ năng giao tiếp cho mỗi trẻ mà cần phải có nhiệt huyết, có tính kiên trì và không ngừng sáng tạo, tích lũy kinh nghiệm. Kinh nghiệm của mỗi giáo viên nếu không được ghi chép lại, không được soi rọi bằng lý luận, không được kiểm nghiệm lại bằng thực tiễn, đặc biệt không được phát triển – sáng tạo thì sẽ mai một. Tuy nhiên, còn có những giáo viên chưa ý thức được điều đó hoặc thiếu kiến thức về tổng kết kinh nghiệm. Chính vì vậy, họ phải được hướng dẫn, được thi đua và được động viên.

** Đối với cha mẹ trẻ*

+ Động viên cha mẹ trẻ tìm hiểu những vấn đề lý luận liên quan đến việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD (cung cấp cho họ tài liệu bồi dưỡng).

+ Nâng cao ý thức trách nhiệm của cha mẹ trẻ trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ (qua các buổi họp phụ huynh; qua gặp riêng và tư vấn, chia sẻ).

c, Điều kiện thực hiện biện pháp

Cần phải nắm bắt nhu cầu về nội dung và phương thức được bồi dưỡng của giáo viên và cha mẹ trẻ;

Cần tìm kiếm các nguồn lực thực hiện biện pháp (sự hỗ trợ về vật chất của các tổ chức, đoàn thể, và cá nhân ở địa phương);

Thiết lập mối liên kết với các chuyên gia, các nhà giáo dục và các trường sư phạm; và các trường mầm non khác đóng trên địa bàn.

4.4.3. Biện pháp 3: Tăng cường cơ sở vật chất để phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD.

a, Mục tiêu của biện pháp

Nhằm tạo ra một môi trường thuận lợi với đầy đủ các điều kiện phương tiện và đồ chơi phù hợp với các chủ đề chơi và “học tập” của trẻ; tạo ra một môi trường

xã hội thu nhỏ trong nhà trường để trẻ trải nghiệm và phát triển những kỹ năng giao tiếp phù hợp với yêu cầu của xã hội.

b, Nội dung biện pháp

Tăng cường cơ sở vật chất để phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD cần tập trung vào các mặt sau:

Thứ nhất là tạo ra sự phát triển ổn định và bền vững về mặt cơ sở vật chất của nhà trường. Đây là yếu tố quan trọng góp phần làm cho mọi hoạt động trong nhà trường đều được chú ý phát triển và phát triển trong sự ổn định, bền vững.

Thứ hai là cần tập trung tạo dựng đủ những điều kiện cần thiết về vật chất cho việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD. Mặc dù các chủ đề chơi qua trò chơi ĐVTCD gần gũi với trẻ, song không phải đứa trẻ nào cũng đã được trải nghiệm (nhìn thầy hoặc tham gia) đầy đủ các mối quan hệ đó. Do vậy, nếu không đủ cơ sở vật chất thì việc tổ chức phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Chẳng hạn như khi trẻ chưa biết về một mối quan hệ nào đó, chưa biết những đồ vật cần có khi thực hiện hoạt động đó mà giáo viên chỉ nói rất nhanh, rất khái quát trong phần đầu - phần tạo hứng thú chơi cho trẻ thì trẻ sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình chơi, ở đây giáo viên cần mô phỏng lại hoạt động đó, song việc mô phỏng phải trực quan – khi đó nếu có vật thật, có hình ảnh sống động (video về hoạt động thực) thì trẻ sẽ được trải nghiệm và sẽ tiến hành chơi và rèn kỹ năng thuận lợi.

b, Phương thức thực hiện biện pháp

Thiết lập một cơ cấu tổ chức phụ trách việc tăng cường cơ sở vật chất cho công tác giáo dục; Thiết lập một cơ chế động viên gia đình và toàn xã hội chung tay xây dựng cơ sở vật chất trường lớp; Phát huy mọi nguồn lực sẵn có tại địa phương nơi trường đóng; Sử dụng hợp lý và có hiệu quả mọi nguồn lực của nhà trường; Khuyến khích giáo viên thiết kế phương tiện, đồ dùng dạy học – giáo dục. Trong đó, việc thiết kế đồ chơi phù hợp với các chủ đề phân vai được ưu tiên hàng đầu.

c, Điều kiện thực hiện biện pháp

Cần có một cơ chế ràng buộc trách nhiệm giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất cho công tác giáo dục trẻ nói chung, phát triển kỹ năng giao tiếp nói riêng; Đánh giá đúng tiềm năng xây dựng cơ sở vật

chất của nhà trường; Xác định được những khó khăn trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường nói chung, trong việc xây dựng cơ sở vật chất cho việc tổ chức trò chơi ĐVTCD nói riêng.

4.4.4. Biện pháp 4: Phối hợp giữa trường mầm non và gia đình trẻ để phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ mẫu giáo lớn qua trò chơi ĐVTCD

a, Mục tiêu của biện pháp

- Tạo ra sự thống nhất từ nhận thức tới hành động giữa giáo viên và cha mẹ trẻ trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ.

- Khai thác được những tiềm năng của gia đình trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD.

- Tạo ra một môi trường thuận lợi cho sự phát triển kỹ năng giao tiếp ở trẻ.

b, Nội dung biện pháp

Phối hợp với gia đình trẻ trong những nội dung sau:

- Tư vấn cho các bậc cha mẹ kiến thức, kỹ năng tổ chức trò chơi ĐVTCD ở gia đình nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ. Trò chơi đóng vai theo chủ đề có rất nhiều ưu thế trong việc phát triển nhân cách của trẻ nói chung, phát triển kỹ năng giao tiếp nói riêng. Tuy nhiên, nếu các bậc cha mẹ không nắm được cách thức tổ chức trò chơi ĐVTCD cho trẻ thì sẽ không phát huy được những ưu thế đó. Phần lớn các gia đình ở nông thôn, trong thời gian rảnh rỗi thường chơi đùa với con trẻ, họ dành cho con nhiều thời gian hơn các gia đình công chức ở thành phố, song họ thường không tính tới việc giáo dục trẻ qua vui chơi trong thời gian đó. Do vậy, việc tư vấn cho các bậc cha mẹ những kiến thức và kỹ năng để tổ chức trò chơi ĐVTCD ở gia đình nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ là một nội dung thiết thực. Tổ chức trò chơi ĐVTCD không khó với các bậc cha mẹ, song họ cần được hướng dẫn để việc tổ chức trò chơi mang tính sư phạm cao và phù hợp với đặc điểm tâm – sinh lý của trẻ. Khi tham gia trò chơi ĐVTCD, trẻ mẫu giáo lớn không chỉ có cơ hội phát triển kỹ năng giao tiếp mà còn có cơ hội phát triển nhiều mặt khác nhau về thể chất, trí tuệ, đạo đức,... Một số gia đình cũng nắm được những ưu thế đó, họ tổ chức cho con trẻ chơi mỗi ngày, ngay cả khi trẻ không thích chơi thì vẫn bị “dụ” hoặc “ép” chơi; một số gia đình khác thì quá chú ý đến hiệu quả giáo dục qua trò

chơi nên vô tình đã biến hoạt động vui chơi của trẻ thành hoạt động học tập khô cứng, nhàm chán.

- Phối hợp với gia đình trẻ nhằm nắm bắt những đặc điểm về giao tiếp của trẻ, những yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển giao tiếp của trẻ. Để quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ đạt được hiệu quả cao, nhà giáo dục cần phải nắm bắt được tỉ mỉ những đặc điểm nhân cách của trẻ nói chung, đặc điểm về giao tiếp của trẻ nói riêng, từ đó xây dựng được những kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp phù hợp với đặc điểm tâm lí, giao tiếp của trẻ. Mỗi đứa trẻ có những đặc điểm tâm – sinh lý riêng; có sự khác nhau về đặc điểm giao tiếp và mức độ phát triển kỹ năng giao tiếp. Do đó, mỗi đứa trẻ cần được chú ý điều chỉnh và phát triển những kỹ năng hoặc đặc điểm nhất định trong quá trình giao tiếp: có trẻ cần được giúp đỡ để tự tin hơn trong quá trình giao tiếp; có trẻ lại cần được điều chỉnh để biết lắng nghe, biết kiềm chế trong quá trình giao tiếp; có trẻ lại cần được sửa tật nói ngọng.v.v... Những đặc điểm đó có thể bị ảnh hưởng từ phía gia đình hoặc môi trường ở địa phương. Chính vì vậy nhà trường và gia đình cần phối hợp chặt chẽ với nhau để tìm hiểu những nguyên nhân của thực trạng và đề xuất những giải pháp thiết thực trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ.

- Phối hợp với gia đình trẻ trong việc xây dựng cơ sở vật chất, tạo môi trường tổ chức trò chơi ĐVTCD cho trẻ mẫu giáo. Cơ sở vật chất để tổ chức trò chơi ĐVTCD không quá tốn kém, không cầu kì, có thể dễ tìm hoặc tạo ra từ những vật dụng nào đó trong gia đình, trong môi trường xung quanh. Để đồ chơi của trẻ được phong phú tạo tính hấp dẫn, mới mẻ trong quá trình chơi; để đồ chơi của trẻ an toàn và mang tính sư phạm thì cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường. Trong quá trình phối hợp, giáo viên có thể giúp các bậc cha mẹ hiểu và biết cách làm cho những đồ chơi của con trẻ mang những ý nghĩa sư phạm sâu sắc, ngược lại các bậc cha mẹ có thể giúp giáo viên có thêm nguyên liệu để thiết kế đồ chơi cho trẻ từ những vật liệu sẵn có hoặc “hết giá trị sử dụng” trong gia đình. Nhiều gia đình có tiềm lực mạnh về kinh tế hoặc nhân lực hoặc một khía cạnh nào đó, họ sẵn sàng giúp nhà trường ở một phương diện nào đó nếu họ được “trọng dụng”, được nghi nhận. Vì vậy nếu tất cả giáo viên trong nhà trường đều đặt sự phát

triển toàn diện của trẻ lên hàng đầu, nhất nhất mọi hoạt động của họ đều vì trẻ, vì sự nghiệp giáo dục thì họ chỉ cần “lên tiếng” các gia đình cũng sẽ đồng hành cùng họ.

- Phối hợp với gia đình để khắc phục những yếu tố ảnh hưởng không thuận lợi tới sự phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ. Chẳng hạn như sự vi phạm các nguyên tắc giao tiếp, chuẩn mực ứng xử của người lớn trong đời sống thường ngày đã ảnh hưởng một cách tự phát, tiêu cực tới sự phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ.

- Phối hợp với gia đình để giúp trẻ có những trải nghiệm thực về trò chơi ĐVTCĐ, để trẻ có cơ hội vận dụng và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp đã được học về mối quan hệ đó qua trò chơi ĐVTCĐ. Trong vấn đề này, phối hợp với gia đình mang lại cho trẻ những giá trị thiết thực từ việc rèn kỹ năng (chơi mà học), biến quá trình “học” của trẻ ở trường thành quá trình “tự học” một cách tự nhiên.

c, Cách thức thực hiện biện pháp

Phương hướng chung:

Về phía giáo viên, cần chủ động trước trong quá trình phối hợp bằng cách làm cho các bậc cha mẹ nhận thức rõ tầm quan trọng của giao tiếp và việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCĐ; làm cho họ nắm rõ mục tiêu, nội dung và cách thức phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCĐ; tạo ra một môi trường thân thiện để chia sẻ thông tin và phối hợp toàn diện giữa gia đình và nhà trường.

Về phía gia đình, cần tích cực tìm hiểu để nắm vững mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường; chủ động chia sẻ với giáo viên những thông tin về con em mình, đồng thời chia sẻ với giáo viên những kinh nghiệm, những vướng mắc trong quá trình giáo dục trẻ ở gia đình; hỗ trợ nhà trường những điều kiện về vật chất và tinh thần để làm tốt hơn công tác giáo dục trẻ.

Cách thức cụ thể:

+ Về phía nhà trường

- Thường xuyên trao đổi thông tin giáo dục với cha mẹ trẻ: Khác với những bậc học phổ thông, ở bậc mầm non, giáo viên có điều kiện thuận lợi để phối hợp với gia đình đó là thường xuyên được gặp gỡ cha mẹ của trẻ trong thời gian đón và trả trẻ; các bậc cha mẹ cũng thường quan tâm sát sao tới con trẻ hơn những lứa tuổi khác. Vì vậy, giáo viên cần nắm bắt ưu thế này để thường xuyên trao đổi với cha

mẹ của trẻ để nắm được những thông tin về đặc điểm về giao tiếp cũng như những đặc điểm tâm – sinh lý khác của trẻ khi ở gia đình, đồng thời cũng chia sẻ với gia đình những thông tin về trẻ khi ở trường. Qua việc tiếp xúc thường xuyên với cha mẹ trẻ như vậy, giáo viên cũng có thể nắm bắt được những yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng giao tiếp của trẻ từ phía gia đình như văn hoá giao tiếp của cha mẹ trẻ, nếp sống, thói quen sinh hoạt,... Từ đó có thể tư vấn cho các bậc cha mẹ những vấn đề thiết thực trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ. Những vấn đề đó tùy theo mỗi gia đình mà có thể là: cần khuyến khích trẻ tích cực tham gia các hoạt động phong phú hơn; giúp trẻ mở rộng mối quan hệ giao tiếp; thay đổi những hành vi giao tiếp lệch chuẩn của người lớn.v.v...

- Tổ chức định kỳ và thường xuyên những cuộc tiếp xúc với cha mẹ trẻ: Ngoài những cuộc họp phụ huynh hoặc những cuộc tiếp xúc với cha mẹ trẻ được tổ chức định kỳ để thông báo những vấn đề chung trong kế hoạch giáo dục trẻ, giáo viên có thể tổ chức những cuộc tiếp xúc thường xuyên với cha mẹ trẻ trong khoảng thời gian ngắn nhưng mang tính kế hoạch cao (Gợi ý: có thể tổ chức những cuộc tiếp xúc gần thời gian đón hoặc trả trẻ; trao đổi một chủ đề ngắn gọn hoặc thông tin cho phụ huynh biết mục tiêu, nội dung, biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ,...) nhằm tạo ra sự thống nhất giữa nhà trường và gia đình trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ; đồng thời có thể khai thác được những tiềm năng của gia đình trong sự nghiệp chung - sự nghiệp giáo dục trẻ.

- Thường xuyên thăm gia đình trẻ: Ở những vùng nông thôn, thông thường các gia đình gửi trẻ ở những trường mầm non gần nhà. Đây cũng là một thuận lợi để giáo viên có thể thăm gia đình trẻ nhằm tạo mối quan hệ gắn bó, thân thiện giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên với cha mẹ trẻ và thiết lập tình yêu thương giữa cô và trẻ. Hơn nữa, qua việc thăm gia đình trẻ, giáo viên có thể nắm bắt được những thông tin thiết thực cho quá trình giáo dục trẻ. (Gợi ý: mỗi ngày một gia đình, khi phụ huynh đưa trẻ tới trường, giáo viên có thể đề nghị với họ sẽ giúp giao trả trẻ trong ngày hôm đó).

- Mời phụ huynh tham gia học cùng giáo viên các chuyên đề về giao tiếp và giáo dục kỹ năng giao tiếp cho trẻ. Một trong những yếu tố ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp tới kỹ năng giao tiếp của trẻ đó là hành vi giao tiếp của những người

trong gia đình, đặc biệt là cha mẹ. Trong những gia đình nông thôn, phần lớn các bậc cha mẹ không được trang bị những kiến thức về giao tiếp và giáo dục nên trong quá trình sống có rất nhiều hành vi tự phát của họ ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ, thậm chí làm tổn thương tâm hồn của trẻ. Vì vậy, việc mời phụ huynh tham gia các khoá học cùng giáo viên có một ý nghĩa rất to lớn và bền vững. Khi tham gia các khoá học cùng giáo viên họ sẽ thấy được trách nhiệm giáo viên, tâm huyết của giáo viên, một tinh thần không ngừng học hỏi của giáo viên, từ đó họ sẽ ý thức hơn về trách nhiệm giáo dục con trẻ của một người làm cha, làm mẹ.

- Tạo một môi trường thân thiện để chia sẻ thông tin giáo dục giữa nhà trường với gia đình: Trong trường cần có nơi đón tiếp cha mẹ của trẻ một cách thân thiện và thường xuyên nhằm xoa dịu tâm lý rụt rè, e ngại tới trường và gặp giáo viên của các bậc cha mẹ; tạo ra một bầu không khí tâm lý thoải mái, thân thiện giữa giáo viên và cha mẹ trẻ.

+ *Về phía gia đình*

- Tích cực trao đổi với giáo viên những thông tin về quá trình học tập, vui chơi và sinh hoạt của con mình ở trường và chia sẻ với giáo viên những thông tin về đặc điểm tâm – sinh lý của trẻ trong các hoạt động sinh hoạt và vui chơi giải trí ở gia đình mỗi khi đưa đón trẻ. Ở các vùng nông thôn, nhiều bậc cha mẹ thường rất thờ ơ với những thông tin giáo dục ở trường của con em mình, họ thường phó mặc việc giáo dục trẻ trong khoảng thời gian ở trường cho giáo viên, và xem việc giáo dục ở trường và ở nhà là biệt lập; thậm chí nhiều giáo viên còn xem việc gửi con tới trường như là nhờ một người trông giúp trẻ trong khoảng thời gian mình đi làm và hôm nào rảnh ở nhà thì cho con nghỉ học, họ chưa ý thức được sâu sắc tầm quan trọng của bậc giáo dục mầm non.

- Tích cực nắm bắt mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục trẻ; những qui định về chuẩn giáo dục mầm non và kế hoạch giáo dục của nhà trường để kịp thời phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ. Ngày nay, với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, các bậc cha mẹ có thể dễ dàng tìm, khai thác và nắm bắt được những thông tin giáo dục con em mình.

- Tích cực tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn của nhà trường và giáo viên trong quá trình giáo dục con em mình. Trên cơ sở đó biết huy động các nguồn lực của các gia đình nhằm trợ giúp cho nhà trường làm tốt hơn việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD, cũng như việc thực hiện kế hoạch giáo dục toàn diện cho trẻ.

c, Điều kiện thực hiện biện pháp

- Phải thành lập một ban chỉ đạo việc phối hợp giữa nhà trường với gia đình nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho trẻ. Trên cơ sở đó chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch phối hợp với gia đình giáo dục toàn diện cho trẻ nói chung và xây dựng kế hoạch phối hợp với gia đình phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ nói riêng.

- Việc phối hợp giữa nhà trường với gia đình trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD phải được xây dựng thành một chương trình có mục tiêu, nội dung, và phương thức phối hợp rõ ràng; đồng thời, phải xây dựng được những tiêu chí đánh giá việc thực hiện kế hoạch phối hợp.

- Phải xây dựng được một cơ chế điều tiết việc phối hợp giữa nhà trường với gia đình nhằm xác định rõ trách nhiệm và quyền lợi của giáo viên cũng như các bậc cha mẹ trong quá trình phối hợp.

- Biên soạn những tài liệu hướng dẫn giáo viên và cha mẹ trẻ trong quá trình phối hợp thực hiện những mục tiêu và nội dung cụ thể; biên soạn tài liệu phát tay cho các bậc cha mẹ để hướng dẫn họ cách thức tổ chức trò chơi ĐVTCD đảm bảo tính sư phạm.

- Ngoài những điều kiện trên, giáo viên phải là người có kỹ năng giao tiếp tốt, có hiểu biết sâu sắc về việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua trò chơi ĐVTCD, có tâm huyết giáo dục và có kỹ năng phối hợp với gia đình; Các bậc cha mẹ phải có ý thức thường trực về trách nhiệm giáo dục của mình và trách nhiệm phối hợp với nhà trường phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ.

Tiểu kết Chương 4

Trên cơ sở điều tra thực trạng biểu hiện KNGT qua trò chơi ĐVTCD của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi cho thấy:

- Biểu hiện KNGT của trẻ ở mức trung bình $\bar{X}=2,27$. Biểu hiện của tất cả các nhóm kỹ năng thành phần như: kỹ năng nghe hiểu lời nói trong giao tiếp, kỹ năng

sử dụng lời nói trong giao tiếp, kỹ năng thực hiện một số qui tắc thông thường trong giao tiếp cũng ở mức trung bình ($\bar{X}=3,15$). Tuy nhiên giữa 3 nhóm KNGT thì nhóm kỹ năng nghe hiểu lời nói trong giao tiếp có điểm số trung bình cao hơn cả, nhóm kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp có điểm số trung bình thấp nhất ($\bar{X}=2,38$). Chỉ có 3 kỹ năng cụ thể có biểu hiện sắp xỉ mức khá như là: Kỹ năng nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến hành động đơn giản ($\bar{X}=3,40$); Kỹ năng hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gán gũ qua thực hiện trò chơi ĐVTCD ($\bar{X}=3,35$); Kỹ năng điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp ($\bar{X}=3,42$). Đáng chú ý là kỹ năng sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân khi giao tiếp là ở mức cao hơn cả ($\bar{X}=1,89$).

- So sánh giữa các trường, giới tính, dân tộc thấy có sự khác biệt về KNGT trong các nhóm nghiên cứu. Trẻ ở trường Tân Trào có KNGT cao hơn trẻ ở trường Hòa Phú, trẻ nữ có biểu hiện KNGT cao hơn trẻ nam, trẻ dân tộc kinh có kỹ năng có KNGT cao hơn các dân tộc khác.

- KNGT của trẻ chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố khác nhau, gồm các yếu tố: thuộc về bản thân trẻ, thuộc về hoạt động vui chơi, thuộc về gia đình, thuộc về bạn bè và không khí lớp học, thuộc về giáo viên. Trong đó yếu thuộc về bản thân trẻ và yếu tố hoạt động vui chơi có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến biểu hiện KNGT của trẻ trong mẫu nghiên cứu. Để nâng cao KNGT cho trẻ trường mẫu giáo cần có biện pháp để giáo viên tổ chức tốt các hoạt động vui chơi của trẻ nói chung, trò chơi ĐVTCD nói riêng.

- Đề tài đã đề xuất được bốn biện pháp nâng cao KNGT cho trẻ 5 – 6 tuổi qua việc tổ chức trò chơi ĐVTCD.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn về biểu hiện KNGT của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD, chúng tôi rút ra một số kết luận sau đây:

1.1. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích lý luận về KNGT của trẻ 5-6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua TCĐVTCD, đề tài đưa ra khái niệm: *Kỹ năng giao tiếp của trẻ 5 – 6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề là sự vận dụng các tri thức, kinh nghiệm của trẻ để thực hiện có hiệu quả quá trình tiếp xúc tâm lý trong việc thực hiện trò chơi đóng vai theo chủ đề và được thể hiện qua ba nhóm kỹ năng như: kỹ năng hiểu lời nói, kỹ năng sử dụng lời nói và kỹ năng thực hiện một số qui tắc thông thường qua trò chơi*, làm khái niệm công cụ cho đề tài luận án.

Theo chúng tôi kỹ năng giao tiếp cơ bản của trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD được biểu hiện qua 3 nhóm kỹ năng đó là: Kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi; Kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi; Kỹ năng thực hiện một số qui tắc giao tiếp qua trò chơi.

- KNGT của trẻ chịu ảnh hưởng của rất nhiều các yếu tố khác nhau, gồm các yếu tố: thuộc về bản thân trẻ, thuộc về hoạt động vui chơi, thuộc về gia đình, thuộc về bạn bè và không khí lớp học, thuộc về giáo viên. Trong đó yếu tố thuộc về bản thân trẻ và yếu tố trò chơi có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến biểu hiện KNGT của trẻ trong mẫu nghiên cứu... KNGT là một trong số những kỹ năng quan trọng cần được hình thành và phát triển cho trẻ mẫu giáo. Vì vậy, rất cần có những nghiên cứu chuyên sâu về KNGT cho trẻ mẫu giáo.

1.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng

- Biểu hiện KNGT của trẻ 5 – 6 tuổi tỉnh Tuyên Quang qua trò chơi ĐVTCD ở mức trung bình. Biểu hiện của ba nhóm kỹ năng thành phần cũng ở mức trung bình. Tuy nhiên giữa ba nhóm kỹ năng thì nhóm kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện trò chơi có điểm trung bình cao hơn cả.

- Giữa các trường, giới tính, dân tộc có sự khác biệt về KNGT. Trẻ ở trường Tân Trào có KNGT cao hơn trẻ ở trường Hòa Phú, trẻ nữ có biểu hiện KNGT cao hơn trẻ nam, trẻ dân tộc Kinh có KNGT cao hơn trẻ em các dân tộc khác.

- KNGT của trẻ chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau. Trong các yếu tố được nghiên cứu, yếu thuộc về bản thân trẻ và yếu tố hoạt động vui chơi có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến biểu hiện KNGT của trẻ trong mẫu nghiên cứu.

- Kết quả phân tích 3 trường hợp điển hình đã làm rõ hơn thực trạng biểu hiện KNGT của trẻ mẫu giáo và có thêm thông tin thực tiễn để khẳng định kết quả nghiên cứu.

- Kết quả nghiên cứu thực trạng KNGT của trẻ 5 – 6 tuổi tỉnh Tuyên Quang là cơ sở thực tiễn quan trọng để luận án xây dựng 4 biện pháp tâm lý – sư phạm nhằm phát triển KNGT cho trẻ 5-6 tuổi qua trò chơi ĐVTCD.

2. Kiến nghị:

2.1. Đối với giáo viên

- Hiểu được đặc điểm tâm lý của cá nhân trẻ, nhận dạng các biểu hiện KNGT trong trò chơi ĐVTCD của trẻ, từ đó có ứng xử phù hợp và những hỗ trợ phát triển KNGT của trẻ.

- Giảm bớt những yếu tố gây căng thẳng cho học sinh trong hoạt động nhập vai của trẻ ở giờ học trên lớp, tăng cường hình thức chơi trò chơi, đánh giá đúng, công bằng, trên cơ sở tiến bộ của cá nhân mỗi học sinh...) tạo cảm giác thoải mái và an toàn cho học sinh.

- Giáo viên tự rèn luyện nâng cao kiến thức nghiệp vụ sư phạm thông qua việc tham gia các khóa học, tập huấn, tự bồi dưỡng lẫn nhau trong các giờ sinh hoạt chuyên môn và tự học.

2.2. Đối với cha mẹ học sinh

- Tạo điều kiện, thường xuyên động viên, khích lệ và giúp đỡ con trong quá trình học tập, quan tâm đến tinh thần, xúc cảm tình cảm của con hơn.

- Phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục trẻ (họp phụ huynh, tham gia các hoạt động do nhà trường tổ chức...). Đồng thời chia sẻ với những khó khăn và thường xuyên phối hợp hỗ trợ giáo viên trong việc giáo dục trẻ.

- Tự học hoặc tham gia các khóa lớp (qua chương trình ti vi, lớp kỹ năng sống...) bồi dưỡng kiến thức về đặc điểm tâm lý – giao tiếp của trẻ.

2.3. Đối với nhà trường

- Ban giám hiệu cần hiểu rõ những đặc điểm tâm lý – giao tiếp của học sinh nói chung và những khó khăn của trẻ vùng sâu vùng xa, con em dân tộc thiểu số nói riêng để có sự khuyến khích ủng hộ trẻ, hỗ trợ trẻ một cách tương ứng.

- Sắp xếp thời khóa biểu, tổ chức hoạt động học tập, vui chơi hợp lý;

- Lựa chọn, phân công và quan tâm hơn đối với giáo viên dạy lớp 5-6 tuổi

- Tổ chức và duy trì các hoạt động sinh hoạt chuyên môn và hoạt động ngoại khóa (mời chuyên gia nói chuyện, tổ chức cuộc thi, giao lưu,...) thu hút học sinh, giáo viên, phụ huynh học sinh tham gia với các chủ đề chơi, thiết lập mối quan hệ thân thiện, tích cực giúp phát triển KNGT ở trẻ.

- Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đáp ứng với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đặc biệt là kiến thức về tâm lý học sư phạm và tâm lý học lứa tuổi; Kiến thức về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh và kỹ năng tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp; kỹ năng thiết lập các mối quan hệ qua lại tích cực giữa giáo viên với học sinh; kỹ năng đánh giá học sinh; kỹ năng xử lý một số tình huống sư phạm thường gặp...

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN
ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. *"Một số vấn đề cơ bản về kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo lớn thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề"*. Tạp chí Giáo dục, số 375 (Kỳ 1 - 2/2016)
2. *"Thực trạng kỹ năng giao tiếp của trẻ 5 – 6 tuổi thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề"*. Tạp chí Tâm lý học Xã hội, số 3 (3/2016)
3. *Những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi*. Tạp chí Tâm lý học Xã hội, số 4 (4/2016)

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Anh, (2009), *Hoạt động – Giao tiếp - Nhân cách*, NXB ĐHSP
2. Hoàng Anh, Vũ Kim Thanh (1997), *Giao tiếp Sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Hoàng Anh (chủ biên), Nguyễn Thanh Bình; Vũ Kim Thanh, *Giáo trình tâm lý học giao tiếp*, NXB Đại học sư phạm, 2004.
4. Hoàng Anh (chủ biên), Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc (2007), *Hoạt động giao tiếp nhân cách*, NXB Đại học Sư phạm.
5. Nguyễn Thanh Bình (2009), *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và đào tạo, (2010), *Thông tư ban hành quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi số 23/2010/TT – BGDDT*
7. Trần Bá Cừ, (2000), *Nhận biết người qua hành vi ứng xử*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
8. Vũ Dũng (chủ biên), (2000), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Văn Đồng (2009), *Tâm lý học giao tiếp*, NXB Chính trị - Hành chính.
10. Chu Văn Đức (2005), *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp dành cho các trường THCN*, NXB Hà Nội.
11. Trần Văn Đức (chủ biên), (2005), *giao tiếp với trẻ em*, NXB giáo dục.
12. Trần Thị Minh Đức, (1994), *Giáo trình Tâm lý học Xã hội*, NXB Hà Nội.
13. Phạm Minh Hạc, (1996), *Tuyển tập tâm lý học J.Piaget*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
14. Phùng Thị Hằng (2006), *Một số đặc điểm giao tiếp của học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực Đông Bắc Việt Nam*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, mã số B2005-03-69.
15. Nguyễn Ngọc Hiến (chủ biên), (2006), *Kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong hành chính*, Tài liệu bồi dưỡng, Học viện Hành chính Quốc gia.
16. Ngô Công Hoàn (2001), *Giao tiếp ứng xử của cô giáo với trẻ em*, Trường Đại học sư phạm Hà Nội I.

17. Ngô Công Hoàn (1992), *Một số vấn đề về tâm lý học về giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
18. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành (1998), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm* (1995), Tài liệu dùng cho các trường Đại học Sư phạm và Cao đẳng Sư phạm, Hà Nội.
19. Lê Xuân Hồng (1996), *Đặc điểm giao tiếp của trẻ mẫu giáo không cùng độ tuổi*, Nghiên cứu giáo dục, (6).
20. Lê Xuân Hồng (1995), "*Hình thành khả năng nhập vai qua trò chơi đóng vai theo chủ đề cho trẻ mẫu giáo bé thông qua nhóm chơi ba độ tuổi*", Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, (8).
21. Lê Thu Hương (chủ biên) và các đồng sự, (2010), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục Trong trường mầm non theo chủ đề (trẻ 5-6 tuổi)*, NXB Giáo dục Việt Nam.
22. Nguyễn Sinh Huy, Trần Trọng Thủy, (2006), *Nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Giáo dục.
23. Lê Khanh (2009), *Những quy tắc để con có cuộc sống hạnh phúc* - NXB Lao Động Xã Hội.
24. Nguu Lê – Lý Chính Mai - Phạm Thuý Anh, (2000), *Phương pháp nuôi dạy con (từ 4 đến 6 tuổi)*, NXB Phụ Nữ.
25. Lê Thị Luận (2010), *mức độ thể hiện cảm xúc bản thân của trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề*, tạp chí Tâm lý học số 3; 3 – 2010.
26. Nguyễn Văn Lũy, Trần Thị Tuyết Hoa (2006), *Giáo trình Giao tiếp với trẻ em*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
27. Phan Trọng Ngọ (2004), *Các lý thuyết phát triển Tâm lý người*, NXB Đại học Sư phạm.
28. Nguyễn Bá Minh (2008), *Giáo trình nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
29. Bùi Thị Oanh (2003), "*Nội dung giao tiếp của học sinh cuối bậc tiểu học*", Tạp chí Tâm lý học, 3), tr. 33-37.

30. Hoàng Thị Oanh (2002), "*Một số gợi ý về Một số gợi ý về cách tổ chức và hướng dẫn trẻ chơi*", Tạp chí Giáo dục Mầm non, (4).
31. Hoàng Thị Oanh (1999), "*Chương trình "Tuổi thơ"*", Kỷ yếu hội thảo khoa học: *Đổi mới chương trình giáo dục mầm non ở nước ngoài và các bài học kinh nghiệm*, Trường CĐSPNT - MGTW1, Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng phương pháp giáo dục trẻ Hà Nội.
32. Hoàng Thị Oanh (2000), "*Hứng thú đối với trò chơi đóng vai có chủ đề của trẻ 5 tuổi*", Nghiên cứu giáo dục, (4).
33. Hoàng Thị Oanh (2000), "*Rèn luyện kỹ năng quan sát nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hướng dẫn trẻ cho trò chơi đóng vai có chủ đề*", Nghiên cứu giáo dục, (6).
34. Hoàng Thị Oanh, (2000), "*Một số vấn đề về kỹ năng tổ chức trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ mẫu giáo*", Kỷ yếu hội thảo khoa học: *Đổi mới dạy học, nghiên cứu và ứng dụng Tâm lý học, Giáo dục học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, tập 1, Kỷ niệm 35 năm thành lập khoa Tâm lý - Giáo dục, Đại học Sư phạm Hà Nội).
35. Hoàng Thị Oanh, (12/2000), "*Về chương trình môn "Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh"*", Hội nghị khoa học: *Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo giáo viên mầm non trong tập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI*, Trường CĐSPNT MT Trung ương 1, Hà Nội.
36. Hoàng Thị Oanh, (2002), "*Một số gợi ý về cách tổ chức và hướng dẫn trẻ chơi*", Giáo dục Mầm non, (4).
37. Nguyễn Thị Oanh, (1993), *Tâm lý học truyền thống và giao tiếp*, Đại học Mở - bán công thành phố Hồ Chí Minh.
38. Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.
39. Văn Tân (1994), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
40. Lê Thị Tuyết, Phạm Mai Chi và các đồng sự, (1999-2000), *Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi*, Vụ Giáo dục mầm non, Trung tâm Nghiên cứu giáo dục mầm non, Hà Nội.

41. Nguyễn ánh Tuyết, Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Vang, (1996), *Tổ chức hướng dẫn trẻ mẫu giáo chơi*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
42. Nguyễn Ánh Tuyết, (1988), *"Giáo dục mầm non trước tiên là tổ chức cho trẻ cuộc sống thực gần với cuộc sống gia đình"*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục (12).
43. Nguyễn Ánh Tuyết, (2004), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
44. Nguyễn Ánh Tuyết (2006), *Giáo dục mầm non – những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm.
45. Nguyễn Thạc, (2003), *"Sự thích ứng với hoạt động học tập của sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ Mẫu giáo Trung ương I"*, Tạp chí Tâm lý học.
46. Trần Quốc Thành, (1992), *Kỹ năng tổ chức trò chơi của chi đội trưởng chi đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh*, Tóm tắt luận án PTS, Hà Nội
47. Đinh Thị Kim Thoa, (1992), *"Mấy nguyên nhân xung đột trong hoạt động vui chơi của trẻ mẫu giáo"*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục (6).
48. Nguyễn Xuân Thúc, (1997), *Nghiên cứu tính tích cực giao tiếp của trẻ em mẫu giáo 5-6 tuổi trong hoạt động vui chơi*, Tóm tắt luận án PTS khoa học sư phạm - tâm lý, Hà Nội.
49. Nguyễn Xuân Thúc, (2014), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
50. Trần Trọng Thủy, (2002), *Bài tập thực hành tâm lý học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
51. Trần Trọng Thủy, Nguyễn Sinh Huy, (1996), *Nhập môn khoa học giao tiếp*, Bộ GD&ĐT, Chương trình giáo trình đại học, Hà Nội.
52. Trần Trọng Thủy, (1978), *Tâm lý học lao động*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
53. Trần Trọng Thủy (chủ biên), (2006), *Các chỉ số cơ bản về sinh lý và tâm lý học sinh phổ thông hiện nay*, NXB Giáo dục.
54. Nguyễn Xuân Thúc, (1997), *Tính tích cực giao tiếp của trẻ em mẫu giáo 5-6 tuổi trong hoạt động vui chơi*, Nxb Đại học sư phạm.
55. Nguyễn Quang Uẩn, (2001), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

56. Nguyễn Quang Uẩn (2005), *Tâm lý học đại cương*, Nxb ĐHQGHN
57. Côvaliôv A. G, (1971), *Tâm lý học cá nhân*, Tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.
58. Enconin Đ.B, (1978), *Tâm lý học trò chơi*, NXB Sư phạm.
59. Ghescxen A.I, 1956, "*Bút ký khoa học của trường đại học sư phạm quốc gia Leningrát mang tên .*"
60. Invanốp- X môlenxki A.G (1951), *Về việc nghiên cứu những hoạt động tương ứng của hệ thống tín hiệu thứ nhất và hệ thống tín hiệu thứ 2*. "Tập chí hoạt động thần kinh cấp cao" T1. Quyển 1.
61. V.I. Iadeskô (1996), *sự phát triển ngôn ngữ của trẻ từ 3 đến 6 tuổi*, NXB Giáo dục.
62. Kak – Hai - Nodich (1990). *Dạy trẻ học nói như thế nào*, Nxb giáo dục Hà Nội
63. Karimôva R.S (1955), *Về vấn đề ý nghĩa của việc lĩnh hội của cấu trúc ngữ pháp tiếng nói đối với sự phát triển tư duy của trẻ*." Bút ký khoa học của trường ĐHSP quốc gia Leningrat mang tên A.I Ghecxen" T112.
64. Kraxnôgorxki N.I (1952), *Về sinh lý về việc hình thành ngôn ngữ của trẻ* .M. "Tập chí hoạt động thần kinh cấp cao" TII. Quyển 4.
65. Krutexki A.V, *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
66. Krupxkaia N.K (1986), *Tuyển tập sư phạm*, Tập 3, NXB giáo dục Mascova.
67. Leonchev A.N (1979), *Sự phát triển tâm lý trẻ em*, dịch từ tiếng Nga, Trường Cao đẳng Sư phạm Mẫu giáo Trung ương 3, thành phố Hồ Chí Minh.
68. Levitôv N.Đ (1963), *Tâm lý học lao động*, Matxcova.
69. Linda Maget (2009), *Nâng cao khả năng giao tiếp cho trẻ*, NXB Hồng Đức
70. Luiblinxkaia A.A (1977), *Tâm lý học trẻ em*, NXB Giáo dục Thành Phố Hồ Chí Minh.
71. Liublinxkaia A.A, (1978), *Tâm lý học trẻ em*, Tập I, NXB Giáo dục Mascova.
72. Mác – Anghen "*Tuyển tập*" – Nhà xuất bản sự thật Hà Nội, 1971
73. Mukhina V.X (1981), *Tâm lý học mẫu giáo*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
74. Macarencô A.X. (1960), *Cuốn sách của những người làm cha mẹ Tập 2*, NXB Giáo dục.
75. Nhiều tác giả, *Tâm lý học Liên Xô*, (1978), NXB Tiến Bộ.

76. Piaget J, Barbel, Inhelder, Vĩnh Bang (2000), *Tâm lý học trẻ em và ứng dụng tâm lý học Piaget vào trong trường học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
77. Paul Hersey, Ken Blanc Hard, (1995), *Quản lý nguồn nhân lực*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Platonôv K.K, (1963), *Về tri thức, kỹ xảo và kỹ năng* (bản tiếng Nga), trong tạp chí “Khoa học Xô Viết” số 11.
79. Petrovski A. V, (1992), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục.
80. Petrovski A.V (1982), *Tâm lý học trẻ em và tâm lý học sư phạm*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
81. Rimbuôcgo. L.A (1956), “*Bút ký khoa học của trường đại học sư phạm quốc gia Leningrát mang tên A.I.Ghescxen*”
82. Smuch V.P (1996), *Nghề của tôi - giáo viên mầm non*, Trường Cao đẳng Sư phạm Mẫu giáo Trung ương 3.
83. Mullie Almy (1987), *Looking at Children's Play. Abriage beetwen Theory and Practic*, Teachers College Press, Columbia University New York and London.
84. Bailey, D. B (2002), *Are critical periods critical for early childhood education? The role of timing in early childhood pedagogy*, Early Childhood Research Quarterly, 17, 281-294.
85. Brooker, L., & Woodhead, M. (Eds.) (2008), *Developing positive identities. Milton Keynes: The Open University*.
86. Den Brok P, Fisher D, & Scott R (2005), *The importance of teacher interpersonal behaviour for student in Brunei primary science classes*, International Journal of Science Education, 27, 765-779.
87. Hudenko W.J (2004), *A Comparative Study of Laung Acoustics in children with without Autism*, Vanderbilt University, U.S.A.
88. Colin Dyer (1995), *Beginning Research in Psychology*, A. Practical Guide to Research Methods and Statistics Blankwell Publisher.
89. Eisenberg N, Zhou Q, Spinrad T.L, Valiente C., Fabes R.A, and Liew J, (2005), *Relations: A three- wave longitudinal study*, Child Development, 76 (5), 1055-1071.

90. Grieshaber S (2008), *Interrupting stereotypes: Teaching and the education of young children*. Early Education and Development, 19(3).
91. Hargreaves A (2000), *Mixed emotions: Teacher's perceptions of their interactions with students*. Teaching and Teacher Education, 16, 811-826.
92. Mc Cain, Becky., (2002), *This story delivers the important message that bystanders can make a difference*, Florida: Magnetix Corporation.
93. Meyer, D.K, Turner, J.C (2006), *Re-conceptualizing emotion and motivation to learn in classroom contexts*, Educational Psychology Review, 18(4), pp. 377-390.
94. Milton Keynes: *The Open University Flear,M, & Raban, B (2005). Literacy and numeracy that counts from birth to five years: A review of the literature*.
95. Mac Naughton G (2003), *Shaping early childhood: Learners, curriculum and contexts*. Maidenhead: Open University Press.
96. Randall McCutcheon, James Schaffer, Joseph R. Wycoff (1994), *Communication Matters*, West Publishing Company, USA. 119.
97. Rosemary Perry (1998), *Play-based Prieschool Curriculum*, Queensland University of technology, Brisbane.
98. Sutton, R.E, & Wheatley, K.F. (2003), *Teachers' emotions and teaching: A review of the litterature and directions for future research*, Educational Psychology Review, 15, 327-358.
99. Steven Gutstein.Ph.D (2009), *Activities for young children*, Connect 4130 Bellaire Blvd, Suite 210, Houston, Texas 77025, USA. 106. Temple Grandin (1995), *Thinking in the picture*, and other.
100. Thomas J. A, Montgomery P (1998), *On becoming a good teacher: Reflective practce with regard to children's voices*, Journal of Teacher Education, 49, 372-380.
101. The Psychology of Self-Deception Paperback - March 29, 2014. *Lies We Tell Ourselves*.

DANH MỤC BÀI BÁO KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. *"Một số vấn đề cơ bản về kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo lớn thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề"*. Tạp chí Giáo dục, số 375 (Kỳ 1 - 2/2016)
2. *"Thực trạng kỹ năng giao tiếp của trẻ 5 – 6 tuổi thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề"*. Tạp chí Tâm lý học Xã hội, số 3 (3/2016)
3. *Những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi*. Tạp chí Tâm lý học Xã hội, số 4 (4/2016)

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA TRẺ MẪU GIÁO LỚN

(Quan sát và đánh giá qua TCĐVTCD)

Để tìm hiểu những biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề, xin Cô quan sát và đánh giá khách quan nhất những điều quan sát được theo thang bậc 5 mức độ:

Thấp nhất
Yếu nhất

1	2	3	4	5
---	---	---	---	---

Cao nhất
Tốt nhất

Mức 1 là Thấp nhất/ Yếu nhất (biểu hiện không đúng, không có khả năng, không thực hiện, chưa làm, ...)

Mức 5 là Cao nhất/Tốt nhất (biểu hiện đúng, có khả năng biểu hiện đúng, thực hiện tốt, biểu hiện nhiều, thành thạo ...)

stt	Kỹ năng	Mức độ đạt được				
		1	2	3	4	5
Kỹ năng nghe hiểu lời nói trong giao tiếp						
1	Kỹ năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi;					
2	Kỹ năng nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến những hành động đơn giản;					
3	Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi;					
4	Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho các trò chơi có liên quan đến nội dung này;					
Kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp						
5	Kỹ năng dùng từ phù hợp với nội dung và hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp;					

6	Kỹ năng sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân khi giao tiếp;					
7	Kỹ năng sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong quá trình giao tiếp;					
8	Kỹ năng khởi xướng chủ đề giao tiếp;					
Kỹ năng thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp						
9	Kỹ năng điều chỉnh giọng nói phù hợp với các tình huống và nhu cầu giao tiếp					
10	Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn từ (cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...)					
11	Kỹ năng làm chủ bản thân khi giao tiếp (làm chủ xúc cảm, hành động- không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện...)					
12	Kỹ năng hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;					

Xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của Cô!

PHỤ LỤC 2

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

Để tìm hiểu thực trạng biểu hiện kỹ năng giao tiếp của Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi; qua đó tìm ra biện pháp phù hợp nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi. Xin Quý thầy cô vui lòng cho biết một số thông tin sau: (đánh dấu x vào những ý phù hợp, ghi ý kiến vào phần được để trống)

1. Theo Cô những yếu tố sau đây ảnh hưởng như thế nào đến kỹ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi

T T	Yếu tố	Mức độ ảnh hưởng				
		Không ảnh hưởng	Rất ít khi ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng rất nhiều
1	Sự kiềm chế xúc cảm của giáo viên					
2	Sự tin tưởng tôn trọng, nhiệt tình hướng dẫn, hỗ trợ của GV với trẻ					
3	Phương pháp hình thức tổ chức HĐVC					
4	Sự hiểu biết về đặc điểm tâm lý, lứa tuổi HS của GV					
5	Tuổi tác, vị trí công tác của GV					
6	Cách giao tiếp ứng xử của giáo viên với trẻ					
7	Cách ứng xử của bố mẹ đối với trẻ					
8	Sự quan tâm của gia đình đối với việc học tập của trẻ					
9	Hoàn cảnh gia đình thuận lợi					
10	Phong cách giáo dục trẻ của gia đình					
11	Mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình					
12	Hoạt động của nhà trường					
13	Cơ sở vật chất của trường mầm non					
14	Nội dung giáo dục mầm non					
15	Đồ chơi cho trẻ					
16	Mối quan hệ với bạn bè					
17	Sự khuyến khích của lãnh đạo trường MN					
18	Sức khỏe của trẻ					
19	Khí chất của trẻ					
20	Hành động ý chí của trẻ					
21	Ngôn ngữ của trẻ					
22	Tính tự lập của trẻ					
23	Nhu cầu chơi của trẻ					

Xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của Cô!

PHỤ LỤC 3:

DÀN Ý PHỎNG VẤN SÂU (Dành cho giáo viên)

Để có cơ sở thực tiễn đề xuất biện pháp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp qua trò chơi đóng vai theo chủ đề, qua đó nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường, xin Cô cho ý kiến về một số nội dung sau đây càng cụ thể, càng chi tiết càng tốt.

Cảm ơn Cô vì sự cộng tác!

Câu 1: Theo Cô, trò chơi đóng vai theo chủ đề đóng vai trò gì đối với kỹ năng giao tiếp của trẻ?

.....

.....

.....

Câu 2: Học sinh của Cô thường có sắc thái biểu cảm gì khi tham gia trò chơi đóng vai theo chủ đề?

.....

.....

.....

Câu 3: Kỹ năng giao tiếp khi tham gia trò chơi đóng vai theo chủ đề của trẻ do Cô phụ trách có biểu hiện như thế nào?

- Kỹ năng nghe hiểu lời nói trong giao

tiếp:.....

.....

.....

.....

- Kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp:

.....

.....

.....

- Kỹ năng thực hiện một số qui tắc thông thường trong giao tiếp:

.....

.....

.....

.....

Câu 4: Theo Cô học sinh có những kỹ năng giao tiếp như vậy là do những nguyên nhân gì?

.....

.....

.....

.....

Câu 5: Theo Cô, những yếu tố nào ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của trẻ

.....

.....

.....

Câu 6: Theo Cô, giáo viên có ảnh hưởng gì đến phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ thông qua trò chơi đóng vai theo chủ đề?

.....

.....

.....

Câu 7: Cách thức Cô đã sử dụng để phát triển kỹ năng giao tiếp trong trò chơi đóng vai theo chủ đề của học sinh ở lớp mình phụ trách?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8: Theo Cô, cần phải có những biện pháp gì phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh 5-6 tuổi?

.....

.....

.....

.....

Xin cảm ơn Thầy/Cô!

**ĐỘ TIN CẬY VÀ ĐỘ GIÁ TRỊ CỦA
THANG ĐO BIỂU HIỆN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA THÔNG QUA TRÒ CHƠI
ĐÓNG VAI THEO CHỦ ĐỀ CỦA TRẺ
MẪU GIÁO 5-6 TUỔI**

Giáo viên:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
,753	,721	10

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C1	29,97	22,219	,047	,752
C2	33,24	23,976	,400	,752
C3	32,72	21,214	,395	,752
C4	31,43	20,819	,541	,752
C5	30,37	22,418	,443	,752
C6	30,56	22,899	,437	,752
C7	30,06	21,818	,278	,721
C8	30,42	22,487	,254	,721
C9	29,27	21,320	,468	,753
C10	30,66	21,552	,606	,721

Factor Analysis

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,753
Bartlett's Test of	Approx. Chi-Square	570,856
Sphericity	df	154
	Sig.	,000

Component Matrix^a

	Component										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
C1	,428			,118	,272	,034					,043
C2	,588			,231	,318			,041			,107
C3	,678			,012	,295	,092					,151
C4	,542			,158	,310	,174	,103				
C5	,677			,181	,309	,068	,148				,056
C6	,440			,214	,218		,152	,110			,047
C7	,530		,042	,253	,240		,020	,227	,275		
C8	,631	,224			,404			,313	,269	,003	,087
C9	,408	,005		,099	,386			,194	,030	,347	
C10	,574				,029	,021	,031	,036	,408	,239	,435

Extraction Method: Principal Component Analysis.

a. 11 components extracted.

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
36,09	7,771	2,556	10

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
,747	,723	10

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C1	32,87	6,215	,056	,733
C2	33,54	6,976	,100	,711
C3	32,76	7,217	,005	,718
C4	33,23	6,813	,041	,722
C5	31,47	6,414	,103	,742
C6	33,66	6,845	,122	,732
C7	32,36	6,867	,035	,763
C8	33,52	7,467	,164	,725
C9	32,37	6,460	,208	,743
C10	32,56	6,682	,062	,741

Factor Analysis

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,733
Bartlett's Test of	Approx. Chi-Square	1735,549
Sphericity	df	153
	Sig.	,000

Component Matrix^a

	Component										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
C1	,433			,134	,356	,064					,054
C2	,584			,221	,375			,061			,109
C3	,693			,028	,267	,072					,167
C4	,529			,168	,365	,194	,107				
C5	,720			,171	,319	,088	,135				,086
C6	,514			,244	,234		,162	,118			,057
C7	,459		,442	,233	,278		,070	,257	,175		
C8	,489	,464			,355			,319	,243	,002	,067
C9	,655	,471		,077	,376			,184	,060	,447	
C10	,505				,039	,045	,061	,066	,507	,367	,445

Extraction Method: Principal Component Analysis.

a. 11 components extracted.

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
35,68	7,762	2,756	10

Học sinh:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
,721	,718	10

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C1	52,58	32,845	,271	,713
C2	51,26	26,900	,492	,698
C3	51,55	31,438	,458	,703
C4	51,62	29,935	,534	,719
C5	52,60	34,080	,228	,687
C6	51,67	28,055	,439	,701
C7	51,07	34,403	,357	,719
C8	51,74	30,986	,318	,712
C9	51,61	33,443	,352	,707
C10	51,42	32,873	,326	,715

Factor Analysis

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,780
Bartlett's Test of	Approx. Chi-Square	2508,368
Sphericity	df	153
	Sig.	,000

Component Matrix^a

	Component										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
C1	,599			,497		,502					,423
C2	,692		,637					,424	,424		
C3	,722					,418		,452	,432		
C4	,719	,442		,442	,454	,508	,508	,307	,409		,432
C5	,458		,706			,489	,407	,498	,543		
C6	,602			,508			,412	,628			,446
C7	,528				,508	,628	509				
C8	,478		,721		,552			,541	,533	,456	
C9	,459					,433				,458	,473
C10	,527					,459	,543	,431			,462

Extraction Method: Principal Component Analysis.

a. 11 components extracted.

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
55,71	37,164	5,932	10

Bảng 1: So sánh biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ theo trường

Các biểu hiện	Trường				t
	MN Hòa Phú (N= 144)		MN Tân Trào (N= 144)		
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
Nhóm kỹ năng nghe hiểu lời nói trong giao tiếp	3,04	0,803	3,26	0,653	0,59
Nhóm kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp	2,17	0,674	2,59	0,780	4,87 *
Nhóm kỹ năng thực hiện một số qui tắc thông thường trong giao tiếp	2,65	0,764	2,93	0,837	3,00 *
Biểu hiện chung	2,62	0,763	2,92	0,854	3,18 *

* Sự khác nhau là có ý nghĩa: Alpha = 0,01

Bảng 2: So sánh biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ theo giới

Biểu hiện KNGT	Nam (N=150)		Nữ (N=138)		t
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
Nhóm kỹ năng nghe hiểu lời nói trong giao tiếp	3,03	0,68	3,28	0,60	3,30 *
Nhóm kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp	2,21	0,74	2,56	0,47	4,78 *
Nhóm kỹ năng thực hiện một số qui tắc thông thường trong giao tiếp	2,59	0,87	3,00	0,85	4,03 *
Biểu hiện chung	2,61	0,76	2,95	0,83	3,96 *

* Sự khác nhau là có ý nghĩa: Alpha = 0,01

Bảng 3: So sánh biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ theo dân tộc

Biểu hiện KNGT	Dân tộc kinh (N=120)		Dân tộc khác (N=168)		t
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
Nhóm kỹ năng nghe hiểu lời nói trong giao tiếp	3,67	0,68	2,77	0,75	10,59 *
Nhóm kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp	3,38	0,76	1,67	0,88	17,43 *
Nhóm kỹ năng thực hiện một số qui tắc thông thường trong giao tiếp	4,26	0,81	2,25	0,86	12,96 *
$\bar{X}$	3,60	0,75	2,18	0,83	15,02 *

* Sự khác nhau là có ý nghĩa: Alpha = 0,01

Bảng 13: Dự báo kỹ năng thành phần chi phối kỹ năng giao tiếp của trẻ

Model Summary

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate
1	,907 ^a	,822	,819	,28954

a. Predictors: (Constant), KY NANG NGHE HIEU LOI NOI TRONG GIAO TIEP, KY NANG SU DUNG LOI NOI TRONG GIAO TIEP, KY NANG THUC HIEN MOT SO QUI TAC THONG THUONG TRONG GIAO TIEP

ANOVA^a

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	111,367	5	22,273	265,693	,000 ^b
	Residual	24,143	288	,084		
	Total	135,510	293			

a. Dependent Variable: KNGT

b. Predictors: (Constant), KY NANG NGHE HIEU LOI NOI TRONG GIAO TIEP, KY NANG SU DUNG LOI NOI TRONG GIAO TIEP, KY NANG THUC HIEN MOT SO QUI TAC THONG THUONG TRONG GIAO TIEP

Coefficients^a

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
		B	Std. Error	Beta		
1	(Constant)	-,437	,099		-4,422	,000
	KY NANG NGHE HIEU LOI NOI TRONG GIAO TIEP	,346	,046	,319	7,551	,000
	KY NANG SU DUNG LOI NOI TRONG GIAO TIEP	,265	,039	,254	6,,776	,000
	KY NANG THUC HIEN MOT SO QUI TAC THONG THUONG TRONG GIAO TIEP	,148	,030	,160	4,941	,000

a. Dependent Variable: KNGT

Coefficients^a

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
		B	Std. Error	Beta		
1	(Constant)					
	KY NANG NGHE HIEU LOI NOI TRONG GIAO TIEP	,203	,032	,198	6,338	,000

KY NANG SU DUNG LOI NOI TRONG GIAO TIEP	,265	,039	,254	6,776	,000
KY NANG THUC HIEN MOT SO QUI TAC THONG THUONG TRONG GIAO TIEP NC	,148	,030	,160	4,941	,000

. Dependent Variable: KNGT

Bảng 14. Nhóm yếu tố ảnh hưởng đến biểu hiện KNGT của trẻ (N=622)

Nhóm yếu tố	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Bản thân trẻ	3,91	0,581	1
Giáo viên	3,84	0,459	3
Gia đình	3,82	0,591	4
Bạn bè và không khí lớp học	3,62	0,617	5
Hoạt động vui chơi	3,87	0,673	2

(Điểm càng cao ảnh hưởng càng nhiều)

Bảng 15: Mối tương quan giữa các yếu tố liên quan đến GV với biểu hiện KNGT của trẻ

Mối tương quan		Cách ứng xử của GV với trẻ	Su dung cam của GV đối với trẻ	KNGT
Cách ứng xử của GV với trẻ	Pearson Correlation	1	,097	,128*
	Sig. (2-tailed)		,076	,019
	N	334	334	334
Su dung cam của GV đối với trẻ	Pearson Correlation	,080	1	,121*
	Sig. (2-tailed)	,145		,028
	N	334	334	334
KNGT	Pearson Correlation	,128*	,121*	1
	Sig. (2-tailed)	,019	,028	
	N	334	334	334

*. Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

Bảng 19: Sự khác biệt về KNGT của trẻ được phụ huynh hướng dẫn về cách biểu hiện KNGT

PH hướng dẫn con cách biểu hiện KNGT	N	Mean	Std. Deviation	Sig. (2-tailed)
KNGT Không	20	38,19	5,040	,003
Có	268	36,30	4,210	

Bảng 21: Biểu hiện KNGT khi ở nhà của trẻ theo ý kiến của phụ huynh học sinh (N=288)

KNGT ở trường		KNGT ở trường	KNGT ở nhà
	Pearson Correlation	1	,594*
	Sig. (2-tailed)		,000
	N	288	288

KNGT ở nhà	Pearson Correlation	.594*	1
	Sig. (2-tailed)	.000	
	N	288	28

Bảng 22: Dự báo yếu tố ảnh hưởng đến biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ

ANOVA^b

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Model Summary						
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate		
1	.292 ^a	.085	.070	.16852		
a. Predictors: (Constant), Bản thân trẻ, hoạt động vui chơi						
1	Regression	.322	2	.161	5.666	.004 ^a
	Residual	3.465	122	.028		
	Total	3.787	124			

a. Predictors: (Constant), bản thân trẻ, hoạt động vui chơi

b. Dependent Variable: KNGT

Coefficients^a

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
	B	Std. Error	Beta		
1 (Constant)	2.118	.053		40.075	.000
Bản thân trẻ	.010	.004	.250	2.639	.009
Hoạt động vui chơi.	.003	.003	.081	.852	.396

a. Dependent Variable: KNGT

BẢNG QUAN SÁT BIỂU HIỆN KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CỦA HỌC SINH

Họ và tên học sinh:Lớp:..... Trường:.....

Ngày quan sát:.....

Giờ học bắt đầu h Kết thúch.....,

Chủ đề chơi:.....

BIỂU HIỆN	Thời gian																													
Kỹ năng nghe hiểu lời nói trong giao tiếp	Vòng 1 (HS -Nhóm 1)					Vòng 2 (HS- Nhóm 2)					Vòng 3 (HS-Nhóm 3)					Vòng 4 (HS- Nhóm 1)					Vòng 5 (HS- Nhóm 2)					Vòng 6 (HS- Nhóm 3)				
	1’	2’	3’	4’	5’	1’	2’	3’	4’	5’	1’	2’	3’	4’	5’	1’	2’	3’	4’	5’	1’	2’	3’	4’	5’	1’	2’	3’	4’	5’
Kỹ năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi																														
Kỹ năng nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến những hành động đơn giản;																														
Kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp																														
Kỹ năng dùng từ phù hợp với nội dung, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp																														
Kỹ năng sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân khi giao tiếp																														
Kỹ năng sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong quá trình giao tiếp																														
Kỹ năng khởi xướng chủ đề giao tiếp																														

BIỂU HIỆN	Thời gian																													
Kỹ năng thực hiện một số qui tắc thông thường trong giao tiếp	Vòng 1 (HS -Nhóm 1)					Vòng 2 (HS- Nhóm 2)					Vòng 3 (HS-Nhóm 3)					Vòng 4 (HS- Nhóm 1)					Vòng 5 (HS- Nhóm 2)					Vòng 6 (HS- Nhóm 3)				
	1'	2'	3'	4'	5'	1'	2'	3'	4'	5'	1'	2'	3'	4'	5'	1'	2'	3'	4'	5'	1'	2'	3'	4'	5'	1'	2'	3'	4'	5'
	Kỹ năng điều chỉnh giọng nói phù hợp																													

